

500 | VAN-HÓA NGUYỆT-SAN XII (1963). 3

The words in the following list were eliminated from the list of cognates because of their Chinese origin.

M phá	VN phá	'destroy'
M phí	VN phí	'to waste'
M phong	VN phong	'bestow'
M phóng	VN phóng	'throw'
M phở	VN phở	'noodles'
M phù	VN phù	'to help'
M phục	VN phục	'admire'
M phường	VN phường	'a group'
M ma	VN ma	'ghost'
M mạch	VN mạch	'to beat (pulse),
M màn	VN màn	'scene'
M mạng	VN mạng	'life'
M mực	VN mực	'ink'
M mẫu	VN mẫu	'3600 square meters'
M miếu	VN miếu	'temple'
M mỗi	VN mỗi	'each'
M môn	VN môn	'a subject'
M mưu	VN mưu	'strategy'
M vạn	VN vạn	'ten thousand'
M bận	VN bận	'fate'
M vây	VN vây	'surround'
M vì	VN vì	'because'
M vong	VN vong	'soul of dead person'
M bà	VN bà	'woman'
M bàn	VN bàn	'table'
M hàng	VN hàng	'neighbor'
M bát	VN bát	'bowl'
M bày	VN bày	'to display'
M bức	VN bức	'classifier for walls, etc.'
M pác	VN pác	'oppress'



VĂN-HOÁ

NGUYỆT-SAN
CƠ QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

文化

Tập XII, Quyển 4

Số 80 (tháng 4, 1963)

NHA VĂN-HOÁ
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

VĂN-HOÁ

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG

Loại mới — Tập XII — Quyển 4

Số 80 (Tháng 4 năm 1963)



NHA VĂN-HOÁ
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

NHA VĂN-HÓA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

Loại mới — Tập XII — Quyển 4

Số 80 (Tháng 4, năm 1963)

Mục-lục

Hiệu-triệu của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa nhân ngày 17-4-63 kỷ-niệm đệ nhất chu-niên Quốc-Sách Ấp-Chiến-Lược.
Huấn-từ của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa gửi học-sinh toàn-quốc, nhân dịp phát phần thưởng cuối niên-khóa 1962-1963.
Diễn-văn của Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục đọc ngày 11-4-63, nhân dịp phát phần thưởng cuối niên 1962-1963 cho học-sinh các trường Trung-Học Sài-gòn, Gia-định.

I. Văn-hóa Việt-Nam

Đài nhà Chu đã có xe Chi-nam chưa ? . . .	NGUYỄN-KHẮC-KHAM	501
Lịch-sử Hà-Tiên và một bài sấm-truyền . . .	ĐÔNG-HỒ	513
Gia-đình Bách-Việt trên lịch-sử Việt-Nam . . .	PHẠM-VĂN-SƠN	523
Thiên-Nam ngữ-lục (tiếp theo) . . .	PHẠM VĂN ĐIỀU	535
Lược-sử và văn-chương Mạc-Đĩnh-Chi . . .	CÔI-HOÀNG-NHÂN	551
Góp ý-kiến về việc quy-định văn thơ tiếng Việt . . .	TRẦN-VĂN-THUỘC	563
Nguyễn-Thần-Hiến, một chí-sĩ miền Nam (t. theo) . . .	MINH-TRẦN	569
Thi-ca của ĐÔNG-A-THỊ, AN-ĐÌNH, TRƯƠNG-ANH-MẪN, TUYẾT-NGA, ĐÔNG-VIÊN PHẠM-HUY-TOẠI, HẢI-ÂU-TỬ, KÍNH-CHÍ PHAN-VĂN-HY, THANH-LIÊN, HÙNG-VIỆT, ĐÔNG-XUYỀN, ĐẠN-QUẾ PHÙNG-ĐÌNH-LIÊN, THƯỜNG-TIÊN, HỒNG-THIÊN, BẠCH-LĂNG... . . .		575

II. Văn-hóa Thế-giới

Văn-hóa Nhật-Bản ở thời cận-đại và hiện-đại (tiếp theo) . . .	ĐOÀN-VĂN-AN	585
--	-------------	-----

Tác-dụng hồ-tương giữa vật-chất và bức-xạ : laser	NGUYỄN-CHUNG-TÚ và ĐẶNG-HỒNG-TIỆM	591
Thám-hiềm không-gian có ích-lợi gì ? (tiếp theo)	THANH-TÂM	603
Đệ-nhất danh-họa Trung-Quốc : Ngô-Đạo-Tử	TRƯƠNG-CAM-VINH	615

III. Tin-tức Văn-Hóa

Tin trong nước		627
Tin ngoài nước		663
Tin sách, báo		667

IV. Tranh-ảnh

Lữ-Động-Tần (được coi là của Đổng-Sương-Cát, thế-kỷ IX).
Các vị Bồ-Tát (thời Đường) tranh của một động ở Bazaklik (Trung-Á).
Sơn-thủy được coi là của Ngô-Đạo-Tử (thời Đường).
Không-Tử in bằng lối thạch-bản theo Ngô-Đạo-Tử (thời Đường).

CULTURE

MONTHLY REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS
 DEPARTMENT OF NATIONAL EDUCATION

Vol. XII, No. 4
 April 1963 (Fasc. 80)

Contents

Message of President Ngo-Dinh-Diem on First Anniversary of Strategic Hamlets (April 17, 1963).
 President Ngo-Dinh-Diem's Message to Students on Prize-giving Day, School year 1962-1963.
 Speech by Education Secretary Nguyen-Quang-Trinh on Prize-giving Day for Saigon - Giadinh High School Students (April 11, 1963).

I. Vietnamese Culture

Did the "Compass Chariot" exist in the Ch'ou dynasty ?	NGUYỄN-THẮC-KHAM	501
History of Hatien Province and A Poem Thereon	ĐÔNG-HỒ	513
The Hundred Viets in Vietnamese History	PHẠM-VĂN-SƠN	523
The Odyssey of Thien-Nam (continued)	PHẠM VĂN ĐIỀU	535
Mac-Dinh-Chi's talented life	CÔI-HOÀNG-NHÂN	551
On Vietnamese Prosody	TRẦN-VĂN-THƯỢC	563
Nguyen-Thân-Hien, a patriot from the South (continued)	MINH-TRẦN	569
Poems by ĐÔNG-A-THỊ, AN-ĐÌNH, TRƯƠNG-ANH-MẪN, TUYẾT-NGA, ĐÔNG-VIÊN, PHẠM-HUY-TOẠI, HẢI-ÂU-TỬ, KÍNH-CHỈ PHAN-VĂN-HY, THANH-LIÊN, HÙNG-VIỆT, ĐÔNG-XUYỀN, ĐẶN-QUẾ-PHÙNG-ĐÌNH-LIÊN, THƯỜNG-TIÊN, HỒNG-THIÊN, BẠCH-LĂNG...		575

II. World Culture

Japanese Culture (continued)	ĐOÀN-VĂN-AN	585
--	-------------	-----

Interaction between matter and radiation: laser	NGUYỄN-CHUNG-TÚ	591
On Space Travel (continued)	ĐẶNG-HỒNG-TIỆM	603
A great Chinese painter: Wu-Tao-Tzu	THANH-TÂM	615
	TRƯƠNG-CAM-VINH	

III. Cultural News

Vietnam News	627
World News	663
Publications Received	667

IV. Figures and Illustrations

- Lu Tong Pin (T'êng Ch'ang Chi, Ninth century).
- Bodhisattvas (Tang dynasty).
- Landscape (Wu Tao-Tzu, Tang dynasty).
- Confucius (Wu Tao-Tzu, Tang dynasty).

CULTURE

REVUE MENSUELLE D'ÉTUDE ET DE VULGARISATION

PUBLIÉE PAR LA DIRECTION DES AFFAIRES CULTURELLES

SECRETARIAT D'ÉTAT À L'ÉDUCATION NATIONALE

Nlle Série — Vol. XII, No. 4

Avril 1963 (Fasc. 80)

Table des Matières

- Message du Président de la République du Viêt-Nam à l'occasion du 1er anniversaire de la politique nationale des Hameaux Stratégiques (17-4-1963).
- Message du Président de la République aux écoliers et aux étudiants à l'occasion de la Distribution Solennelle des Prix (Année scolaire 1962-1963).
- Discours du Prof. Nguyễn-Quang-Trình, Secrétaire d'Etat à l'Education Nationale, à l'occasion de la Distribution des Prix aux élèves des Lycées et Collèges de Saigon et de Gia-đinh, le 11-4-1963.

I. Culture vietnamienne

La "Voiture Indicatrice du Sud" a-t-elle vraiment existé dès l'époque des Tchou ?	NGUYỄN-KHẮC-KHAM	501
Histoire de Ha-Tiên et un Poème prophétique	ĐÔNG-HỒ	513
Les "Cent Viêt" dans l'Histoire du Viêt-Nam	PHẠM-VĂN-SƠN	523
L'Odysée de Thiên-Nam (suite)	PHẠM VĂN ĐIỀU	535
Vie et génie littéraire de Mạc-Đĩnh-Chi	CÔI-HOÀNG-NHÂN	551
Quelques remarques sur la versification vietnamienne	TRẦN-VĂN-THƯỚC	563
Nguyễn-Thân-Hiến, un patriote du Sud-Viêt-nam (suite)	MINH-TRẦN	569
Poèmes de ĐÔNG-A-THỊ, AN-ĐÌNH, TRƯƠNG-ANH-MẪN, TUYẾT-NGA, ĐÔNG-VIỆN PHẠM-HUY-TOẠI, HẢI-LẬU-TỬ, KÍNH-CHÍ PHAN-VĂN-HY, THANH-LIÊN, HÙNG-VIỆT, ĐÔNG-XUYỀN, ĐẶN-QUẾ PHÙNG-ĐÌNH-LIÊN, THƯỜNG-TIÊN, HỒNG-THIÊN, BẠCH-LĂNG...		575

II. Culture internationale

Culture japonaise (suite)	ĐOÀN-VĂN-AN	585
-------------------------------------	-------------	-----

Interaction de la matière avec le rayonnement :	NGUYỄN-CHUNG-TÚ	591
le laser	ĐẶNG-HỒNG-TIỆM	
Utilité des recherches spatiales (suite)	THANH-TÂM	603
Un grand peintre de Chine : Wou-Tao-Tseu	TRƯƠNG-CAM-VINH	615

III. Nouvelles culturelles

Nouvelles du Việt-Nam		627
Nouvelles du monde		663
Livres et Périodiques		667

IV. Planches et Gravures

- Lu-Tong-Pin* attribué à T'eng Tchang Yeou (IX^e siècle).
Bodhisattvas (Epoque Tang) peinture d'une grotte de Bazaklik (Asie centrale).
Paysage attribué à Wou-Tao-Tseu (Epoque Tang).
Confucius (estampage) d'après Wou-Tao-Tseu (Epoque Tang).



HIỆU - TRIỆU

của TÔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
 nhân ngày 17-4-68 kỷ-niệm đệ-nhất chu-niên
 Quốc-Sách Ấp Chiến-Lược

Đồng-bào thân mến,

Ngày này năm ngoái, sau khi Ấp Chiến-lược được xây-dựng ở vài địa-phương và đã tỏ rõ có hiệu-năng quyết-định, Quốc-Hội đã biểu-quyết với đa-số tuyệt-đối, nâng chánh-sách Ấp Chiến-lược lên hàng Quốc-sách. Trước kia, đề đối-phó với loại chiến-tranh xâm-lăng xảo quyết tàn-ác của cộng-sản, dư-luận thường đưa ra nhiều kế-hoạch, nhưng chưa ai nghĩ tới một sách-lược khả-dĩ giải-quyết toàn-bộ tình-trạng chậm tiến, vừa xây-dựng một xã-hội mới, phồn-thịnh và tiến-bộ, vừa bảo-đảm được công-bằng, bác-ái và tự-do.

Nhưng người thường không tính đến óc sáng-tạo của dân-tộc Việt, không tính đến khả-năng ứng-biến của một dân-tộc mà đã nhiều lần, hoàn-cảnh địa-lý và lịch-sử bắt buộc phải đấu-tranh dẻo-dai, bền-bì đề tồn-tại. Quốc-sách Ấp Chiến-lược là kết-tinh của tất cả đức tính và truyền-thống của giống nòi và, như tôi đã nói trong dịp Tết Nguyên-Đán, là lẽ sống của dân-tộc ta.

Thật vậy, mới trong vòng một năm, cao-trào Ấp Chiến-lược đã vượt quá tầm chiến-thuật sơ-khởi, vùng lên mạnh-mẽ, phá vỡ các âm-mưu, lay chuyển tận cội rễ các cơ-sở của những kẻ thù của dân-tộc.

Vòng đai an-ninh ngày càng mở rộng, cơ-sở cách-mạng nhân-vị ở nông-thôn thêm củng-cố khiến ta càng tin-tưởng ở sự thắng-lợi của Chính-ngĩa. Nhưng, quan hệ hơn cả, là Ấp Chiến-lược đã tạo nên một chuyển-biến tiến-bộ về tư-tưởng, về tổ-chức và kỹ-thuật tại nông-thôn, đem lại nhiều khám-phá mới về phương-diện quân-sự, chánh-trị, xã-hội, kinh-tế và văn-hóa.

Kỷ-niệm đệ-nhất chu-niên Quốc-sách Ấp Chiến-lược giữa khi cuộc cách-mạng dân-chủ nhân-vị đang lên, chúng ta một mặt sẽ kêu gọi những người lầm đường trở về Chính-ngĩa, một mặt đẩy mạnh Ấp Chiến-lược sang thế công.

Tôi mong các cấp cán-bộ Quân Dân Chính nhân dịp này sẽ tỏ rõ mỗi quyết-tâm đấu-tranh của mình, và nhớ lại rằng, cách-mạng bản-thân của cán-bộ là điều-kiện tối-yếu, là động-cơ của cuộc cách-mạng quốc-gia.

Tôi kêu gọi các giới đồng-bào đã hy-sinh gian-khò trong thời-gian qua sẽ nỗ-lực cố-gắng hơn nữa. Trồng cây, gặt tới ngày ăn quả, nếu xao-lãng và vội tự-mãn, thì ổng phí biết bao công-lao từ trước tới nay.

Không một cuộc chiến-thắng vinh-quang nào không đòi hỏi một cuộc đấu-tranh dưng-cảm và liên-tục. Toàn-thê đồng-bào hãy phát-triển những thắng-lợi đã thu-u-đạt, tiến tới những thắng-lợi mới, nâng cao ý-thức trách-nhiệm và tinh-thần liên-đới, tự-túc, tự-cường để làm tròn nhiệm-vụ lịch-sử của thế-hệ chúng ta.



HUẤN - TỪ

của TÒNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
gửi học-sinh toàn-quốc nhân dịp phát phần thưởng
cuối niên-khóa 1962-1963

Các cháu thân mến,

Buổi lễ phát phần thưởng hôm nay đánh dấu thêm một bước tiến-triển của các cháu trên đường học-vấn và kiến-thức.

Nước nhà hiện đang trải qua một cuộc thử-thách gian-lao, khắc-khò. Mặc dầu tình-thế cam-go, các cháu vẫn được yên-đàn học-tập, một phần lớn là nhờ ở cố-gắng học-tập của các cấp Quân Dân Chính và ngay của các thầy của mấy cháu nữa, đề nẵm cho được thực tại của địch cũng như của ta, đề chiến-thắng địch, đề xây-dựng đời sống mới cho các cháu, đề bảo-vệ yên vui cho các cháu, mong rằng các cháu cũng vừa học-tập vừa đấu-tranh trong phạm-vi các cháu nối tiếp với cuộc kháng-chiến của toàn-dân.

Từ thành-thị tới thôn quê, các cháu thường được trông thấy anh chị của các cháu trong những đoàn Thanh-niên nam nữ, hằng say luyện võ, tập võ, xung-phong trong cao trào xây-dựng Ấp Khóan chiến-lược, đề đấu-tranh diệt địch và an dân hầu sáng-tạo điều-kiện căn-bản cho một xã-hội mới có công-bằng, tự-do và bác-ái. Trong các điều-kiện căn-bản đó, cố cố-gắng học tập của phần các cháu. Phần đó lớn hay bé, quan-trọng hay không quan-trọng, cũng do tinh-thần đấu-tranh của các cháu.

Vậy các cháu phải biết ơn các bậc phụ-huynh và ý-thức nhiệm-vụ lịch-sử của thế-hệ các cháu mà quyết-chí lập-thân, lập-quốc, luôn luôn tự mình học hỏi sát với thực-tế của nước nhà đề tự-lập, tự-cường, đồng-thời gây ra trong giới các cháu phong-trào đấu-tranh cho chính-nghĩa quốc-gia, hầu thanh-thiếu-niên học-đường cũng hãnh-diên tiến kịp đà của thanh-thiếu-niên các giới khác.

Trong tinh-thần đó, các cháu hãy thành-tâm nghiêng mình tưởng-niệm đến các anh chị em thanh-thiếu-niên và các thầy của các cháu đã anh-hùng đổ máu đào ra vì Dân, vì Nước và cho tương-lai của các cháu.

Tôi thân-ái chúc các cháu một vụ nghi hè vui mạnh, bổ-ích và tôi gửi lời thăm gia-đình các cháu.



DIỄN - VĂN

của **ÔNG BỘ-TRƯỞNG QUỐC-GIA GIÁO-DỤC**
đọc ngày **11-4-1963**, nhân dịp phát phần thưởng cuối niên-khóa
1962-63 cho học-sinh các trường Trung-Học Sài-gòn — Gia-định

Các cháu học-sinh thân mến,

Sau 9 tháng học-tập, buổi lễ hôm nay đánh dấu một giai-đoạn trên đường sửa-soạn làm người của các cháu.

Tôi thông-cảm niềm vui sướng của các cháu, người thì sắp sửa nhận lãnh những phần thưởng xứng đáng với công khó nhọc chuyên-cần, kẻ thì sắp sửa về đoàn-tụ với gia-đình vui hưởng những ngày thành-thời.

Đây là một chặng nghỉ trong công cuộc 'học làm người' và chính cũng là lúc các cháu nên nhìn lại quãng đường đã qua để có thể mạnh tiến trên quãng đường sắp tới. Các cháu cần kiểm-điểm những ưu, khuyết-điểm của mình, tự xét xem có xứng đáng hay không xứng đáng với sự tin yêu của cha mẹ, với công dạy bảo của các thầy, các cháu cần phân-tích những gì đã làm trở-ngại sự học-hành của mình để trong mấy tháng hè, các cháu hồi tâm giác ngộ, bồi-bổ khuyết-điểm, khắc-phục trở-lực trong niên-học tới, ngõ hầu trở nên người thanh-niên ý-thức được sứ-mạng và trách-nhiệm đối với vận-mạng của chính mình và vận-mạng của đất nước.

Tôi đặc-biệt lưu-ý các cháu về điểm này, vì tôi nhận thấy trong các học-sinh còn có kẻ tỏ vẻ thờ-ơ hay chưa thấu-đáo. Các cháu phải tỏ ra là những người đi học không phải chỉ cầu mong thâu-lượm ít nhiều kiến-thức, giành-giật được mảnh bằng rồi sống một đời sống ích-kỷ, vật-chất, có khi sa-đọa, không mấy may biết đến bổn-phận trong gia-đình, giữa xã-hội, trong cộng-đồng thế-giới. Các cháu phải tỏ ra là những chàng trai Việt-tuấn-tú biết sống đề-phụng-sự cho một lý-tưởng, luôn luôn nhớ mình là tương-lai của đất nước, luôn luôn biết nối tiếp truyền-thống đấu-tranh để bảo-vệ Tự-Do của dân-tộc, một dân-tộc bất khuất đã sản-xuất ra nhiều bậc quân-tử, nhiều vị anh-hùng, nhiều trang liệt-nữ.

Trong năm vừa qua, Chánh-Phủ đã lưu-tâm thực-hiện nhiều sự canh-tân trên địa-hạt giáo-dục. Một số các cháu đã nhận-thức hiềm-họa Cộng-sản, đã hăng-hái đứng vào hàng ngũ Thanh-niên Học-đường trong lực-lượng Thanh Niên Cộng-Hòa, tích-cực tập luyện bán-quân-sự để sửa soạn phục-vụ quốc-gia khi lâm-sự. Nhưng trước sự đòi hỏi của thời-cuộc, chúng ta còn phải nỗ-lực cố gắng hơn nữa.

Sinh trong thời khói lửa đang thử-thách nội-giống Việt, các cháu được dịp mục-kích sự tái-diễn nhiều võ-công oai-hùng, tiếp-tục sự-nghiệp hiên-hách của tổ-tiên.

Ngay từ ghế nhà trường, các cháu cần phải luôn luôn nung chí đấu-tranh để sau này thành những chiến-sĩ tiên-phong khắc phục mọi trở ngại do các lực-lượng phá-hoại cũng như do thiên-nhiên gây ra. Tùy theo phương-tiện, các cháu sẽ chọn lấy chiến-trường để tranh-đấu, trong nhiều địa-hạt, nhiều khung-cảnh khác nhau nhưng cùng nhằm mục-đích là kiến-tạo một nước Việt-Nam Tự-Do, Thống-nhất và Hùng-cường.

Ba tháng nghỉ hè sắp tới không những là thời-gian kiếm-điềm, suy-ngẫm mà còn là dịp tốt để các cháu thực-tập những điều đã học hỏi. Sống bên gia-đình, giữa những người thân-yêu, các cháu có những cơ-hội để phụ-lực cha, anh, tham-gia những công-tác hữu-ích như truyền-bá vệ-sinh, chống nạn mù chữ, phát-triển cộng-đồng, xây-dựng Ấp chiến-lược trong thôn xóm. Đó là những điều-kiện thuận-lợi để các cháu thực-hành những điều đã học và chứng-tỏ lòng yêu nước của mình.

Tôi thành-thực và thân-ái chúc các cháu một vụ hè vui tươi và hữu-ích.

NGUYỄN-KHẮC-KHAM

đời nhà Chu đã có xe chỉ nam chưa ?

Trong cuốn *Đại-Nam Quốc-Sử Diễn-Ca* của Lê-Ngô-Cát và Phạm-Đình-Toái; bản dịch của Hoàng-Xuân-Hãn do nhà xuất-bản Sông Nhị ấn-hành năm 1949, chép về nhà Hồng-Bàng, có mấy câu thơ về Vua nhà Chu ban xe chỉ Nam cho sứ của Hùng-Vương như sau :

- « *Vừa đời ngang với Chu-Thành,*
- « *Bồn phương biển lặng, trời thanh một mầu.*
- « *Thử thăm Trung-Quốc thế nào ?*
- « *Lại đem bạch-trí dâng vào Chu-Vương.*
- « *Ba trùng dịch-lộ chưa tòng,*
- « *Ban xe tý ngọc chỉ đường Nam qui.*

Hai câu thơ chót được dịch-giả giải-nghĩa như sau :

« *Đời nhà Chu bên Tàu năm 1109¹ trước Công-Nguyên, Hùng-Vương sai người đem dâng chim bạch-trí, lúc về, nhà Chu cho xe có kim chỉ Nam để biết đường về nước. »*

Vậy điều chép trong *Đại-Nam Quốc-Sử Diễn Ca* về thời-đại sáng chế xe chỉ Nam có xác thực không ?

Theo như suy cứu ở sử sách Tàu, thời đời Chu tuy đã có danh-từ Chỉ-Nam-xa nhưng mãi tới đời Đông-Hán mới có xe chỉ Nam.

Bài lược-khảo này sẽ lần lượt đề-cập tới những vấn-đề sau :

— Thực-tại của xe chỉ Nam trước đời Tần-Hán.

— Nguyên-nhân tại sao xe chỉ Nam dưới bút sử-gia Trung-Hoa cổ thời thường lẫn với tư-Nam.

¹ Năm 1110 theo *Hoàng-Việt Giáp-Tý Niên-Biểu*

- Xe chỉ Nam được phát-minh vào thời nào ?
- Xe chỉ Nam qua sử-sách Trung-Hoa lịch-triều.

Thực-tại của xe chỉ Nam trước đời Tần-Hán

Thời xưa, sử-gia Trung-Hoa thường nói tới xe chỉ Nam và đồng-thời nói tới Chỉ-Nam-châm. Xem như sách *Thông-Giám Tiển-Biên* do Kim-Lý-Tường đời Tống soạn có chép: «Xa thượng dụng tý ngọc bàn đi định tứ phương đã».

Trương-Thái-Viêm tiên-sinh trong cuốn *Chỉ-Nam-châm khảo* cũng nói:

«Về thời cận-đại khoa-học dùng từ-thạch chế La-bàn chỉ tý-ngọc đặt tên là Chỉ-Nam-châm, rất có công-dụng về hàng-hải. Người Tây-Phương cũng cho là Chỉ-Nam-châm do Trung-Quốc sáng-chế đầu tiên. Vào thời-kỳ chưa sáng-chế La-bàn, đã thấy có nói tới Chỉ-Nam-xa. Theo Quý-Cốc-Tử thuật lại, thời «Túc-Thận-Thị hiển bạch-tri cho vua Văn-Vương, lúc về sự lạc đường, Chu-quan mới chế ra Chỉ-Nam-xa để tiến đưa».

«Đời Chiến-quốc, Quý-Cốc-Tử cho rằng đời Chu đã nói tới Chỉ-Nam-xa và suy-luận rằng đã có tên xe tất nhiên đã phải có xe trước. Tuy nhiên, cũng công nhận rằng Chỉ-Nam-xa chế ra vào đời Chu-mạt chưa được tinh-xảo cho lắm theo lẽ Chu-Lễ được soạn-tác vào đời Chu-Công² mà *Khảo-Công-Ký* về sau vào đời Đông-Chu mới được biên-soạn».

Nhưng thuyết của Quý-Cốc-Tử, xét ra, vô căn-cứ, vì lẽ vào khoảng Chu-Tần, chư-tử có nói nhiều tới đặc-tính của từ-thạch hút sắt mà không hề đề-cập tới đặc-tính chỉ Nam của từ-thạch. Xem đó, đủ biết thời ấy, thảng hoặc có người biết tới đặc-tính chỉ Nam của từ-thạch, nhưng chưa có ai biết đem ra ứng-dụng vào cơ-giới.

Kể đến, đời Tam-Quốc, Mã-Quân mới bắt đầu chế ra Chỉ-Nam-xa. Sau đó 100 năm lại có Giải-Phi chế lại. Vậy thuyết về đặc-tính chỉ Nam của từ-thạch đã được truyền ra cho thế-nhân vào đời Mã-Quân, Giải-Phi. Vì chế xe có điều bất tiện nên mới làm ra la-bàn. Tóm lại, cứ ở tên gọi xe chỉ Nam thời đã có tên xe tự đời Quý-Cốc-Tử, mà cứ ở sự xe đã hoàn-thành thời phải kể từ Mã-Quân.

Theo sự suy cứu của nhà khảo-cổ Giles trong một bài khảo-cứu về sự tích xe chỉ Nam đăng tải trong tạp-chí *Adversaria sinica* (1906) thời Tống-Sử có chép về bánh xe chỉ Nam. Vậy đến đời Tống mới có xe chỉ Nam. Còn về cổ-đại, nói tới Chỉ-Nam-xa, cổ-nhân thường lẫn Chỉ-Nam-xa với Chỉ-Nam-châm. Sau Ông Giles, lại có một học-già người Nhật, Sơn-Hạ Bác-Sỹ (Yamashita) chú-trương rằng: «Chỉ-Nam-xa là một sản-phẩm cơ-giới, về phương-diện cấu-tạo,

2 Theo Bì Tích-Thụy, trong *Tam-Lễ Thông-Luận*, thì sách *Chu-Lễ* không phải do Chu-Công soạn ra, sách này xuất-hiện sau đời Khổng-Tử và Mạnh-Tử.

«không có chi liên-quan được với Chỉ-Nam-châm; đồng thời Bác-sỹ chủ-trương «rằng trước đời Nam-Tống không biết tới đặc-tính chỉ Nam của từ-thạch.»

«Điểm thứ nhất của chủ-trương này đã được sử chứng từ đời Tấn cho tới đời Tống xác-nhận rất rõ-ràng. Nhưng điểm thứ hai nói rằng trước đời Nam-Tống chưa biết tới đặc-tính chỉ Nam của từ-thạch thời thật sai lầm.

«Sơn-Hạ Bác-sỹ lại nói thêm: «Chỉ-Nam-xa đã do Trương-Hành đời Tam-Quốc sáng tạo. Trước đó, người Tàu, duy chỉ biết tới năng-lực hút sắt của từ-thạch, làm sao ứng-dụng được chỉ-cực-tính để tạo Chỉ-Nam-xa? Vì phỏng đã biết ứng-dụng chỉ-cực-tính vào những thời Hậu-Hán, Tam-Quốc, Lương-Tấn, Nam-Bắc Triều, Tùy, Đường, thời trong sách ghi chép về việc đó không những phải nói tới đặc-trưng hút sắt nhưng còn phải nói tới chỉ-cực-tính nữa và tại sao mãi tới thời Tống mới thấy có sách bàn về chỉ-cực-tính (tham-khảo *Mộng-Khê bút-đam*) lại bàn về ứng-dụng của chỉ-cực-tính (tham khảo *Bình-Châu Khê-đam*). Vậy, trước thời Tống chưa thể biết tới chỉ-cực-tính của từ-thạch được».

Luận-cứ của Bác-sỹ Sơn-Hạ xét ra không xác đáng. Chỉ-cực-tính của từ-thạch thực ra không đợi tới đời Tống mới được biết tới nhưng trễ lắm vào sơ-diệp đời Hậu-Hán đã được ghi chép rõ ràng. Thiên Ứng-biên sách *Luận-Hành* của Vương-Sung có chép: «cái thước chế bằng tư Nam, ném xuống đất thời đáy nó chỉ về hướng Nam, những con giòi do thịt cá sinh ra tụ tập dưới đất bò về phía bắc» (Tư nam chỉ thực, đầu chi địa, kỳ đề chỉ nam, ngư nhục chi trùng, tập địa bắc hành).

Sách *Thuyết-Văn* nói: «Thước tức là cái cán dẫu vậy». Sách *Thuyết-Văn* đoạn chú nói cán gáo vậy. Xét về cách cấu-tạo và tác-dụng chính như Chỉ-Nam-châm ngày nay. Vì khi-cụ đó như một cái gáo múc nước, ném xuống đất, cán gáo không chạm đất cho nên có thể xoay tít chỉ hướng nó xu tới.

Căn-cứ vào điều ghi chép mịch-xác đó và căn-cứ vào niên-đại thành-thư của cuốn *Luận-Hành*, có thể suy-luận gáo chỉ Nam (Chỉ-Nam-thước) đã ra đời vào trước đời Hậu-Hán.

Theo như chép trong sách *Luận-Hành* về gáo tư Nam và về đặc-tính *bội dương hi âm*, của giống giòi thời không còn nghi-ngờ gì nữa về việc gáo tư Nam là một phát-minh tối-tân thời Vương-Sung. Những sách ký-tái đời Tiên-Tần cũng thường đề-cập tới tư Nam.

Hàn-Phi-Tử: «Tiên-Vương chế ra tư Nam đo sáng chiều để khỏi lầm lẫn».

Quý-Cốc-Tử thuật rằng: «Người nước Trịnh đi mò ngọc, tất đợi tư Nam để khỏi lầm lẫn».

Chép như vậy về tư Nam, là nói tới chỉ-cực-tính của tư Nam hay nói tới việc lợi-dụng tư Nam để chế khi-cụ. Xét về văn-lý, thời không còn ngờ được nữa là nói tới chỉ-cực-tính của tư Nam. Có bốn lý-do để có thể tin được điều đó :

(1) xét về phương-diện văn-pháp câu của Quý-Cốc-Tử, tư Nam là một vật đội trên đầu. Nếu là một cái xe thời sao đội được trên đầu. Và lại trong câu đó, không có chữ nào nói tới cái xe cả.

(2) vào năm cuối đời Chiến-Quốc, thời-nhân hay nói tới đặc-tính hút sắt của tư Nam (tham khảo *Lã-Thị Xuân-Thu* và sách của Quý-Cốc-Tử). Vậy từ-thạch đương thời là một vật thông-dụng, và đã được người ta biết tới chỉ-cực-tính cùng hiệu khả-năng của nó.

(3) trước hồi sơ-diệp đời Đông-Hán, tuy thấy có tên của tư Nam, lại đã biết chỉ-cực-tính của từ-thạch nhưng chắc chưa biết lợi-dụng tư Nam để chế-tạo máy móc như Chi-Nam-xa, vì lẽ không thấy có tên Chi-Nam-xa.

Nhà Bác-học đời Lương, Thâm-Uớc theo thiên *Lễ-Chỉ* sách *Tông-Thư* đã nói : « Chí vụ Tần Hán kỳ (Chi-Nam-xa) chế vô văn hỹ » nghĩa là « cho tới thời Tần-Hán, xe đó (tức xe chỉ Nam) không nghe nói đã sáng chế ra ».

(4) Chi-Nam-xa chế-tạo theo chỉ-cực-tính của tư Nam mà chỉ-cực-tính của tư Nam là một đặc-tính thiên-nhiên của tư Nam chứ không phải do nhân-công làm nên được. Xe chỉ Nam căn-cứ vào chỉ-cực-tính của tư Nam, nên mới có tên là Chi-Nam-xa. Vậy, trễ nhất, vào cuối đời Chiến-Quốc, người ta đã biết lợi-dụng đặc-tính thiên-nhiên của tư Nam, nhưng tất-nhiên sau thời Chiến-Quốc mới biết dùng tư Nam chế ra máy móc.

Nguyên-nhân tại sao Tư Nam và Chi-Nam-xa hay bị lẫn-lộn với nhau trong sử sách Trung-Hoa

Hàn-Phi-Tử chép về tư Nam có nói công-dụng của tư Nam là để đo đúng sáng chiều (đi đoan chiều tịch). Sách *Chu-Lễ Khảo Công Ký* cũng có chép đại khái như sau :

« Người thợ khi xây dựng, để nước xuống đất đánh thẳng bằng, dùng dây vào cọc, lấy cái cảnh làm mực thước, ngắm bóng mặt trời lúc chiếu ra ngoài cái cảnh và lúc chiếu vào cái cảnh » ban ngày xem thêm tình hình của thước cảnh ban đêm xem sao Bắc-Cực để định rõ sớm chiều ».

Dụng-cụ để định rõ sớm chiều, Khảo-Công-Ký gọi là cái « cảnh », xét ra có công-dụng như cái thước tròn tên là Quy lại theo lời nói của Hàn-Phi-Tử về công-dụng của tư Nam thời chính cũng như vậy. Vậy 'Cảnh' đây là một dụng-cụ đo

lượng bóng mặt trời chế riêng bằng tư-Nam đại-khái như dụng-cụ ngày nay gọi là Nhật-Quy-Nghi dùng để đo bóng mặt trời mà định rõ thời khắc.

Lại nữa như Quý-Cốc-Tử đã chép thời tư-Nam là một vật đem theo để định rõ phương hướng, cách dùng vật đó không có qui-tắc nhất-định. Bởi vậy trong sách vở đời Tiên-Tần không nghe thấy có cái tên Chi-Nam-xa.

Sự thực là thế, vậy sao người đời lại phụ-hội thành ra Chi-Nam-xa được? Xét kỹ, nguyên-nhân việc đó rất giản-dị.

Khảo về Chi-Nam-xa do Mã-Quân chế ra, thời vào đời Hán-mạt đã thấy có ở lô-bộ của Thiên-Tử. Từ đời Tấn trở đi, các học-giả không truy thuật được người đã phát-minh ra Chi-Nam-xa, lại nữa, sách sử đời Lương Hán không thấy ghi chép mà thời-nhân thấy trong điển-tích đời Tiên-Tần thường nói tới tư-Nam, cho nên chủ-trương rằng đời cổ tất nhiên đã có Chi-Nam-xa. Kể chép sử không chịu giải thích nhiều lời, phụ-hội thành thuyết, truyền lại đời sau một cách vô-ý-thức. Xem như Thiên Lễ-Chỉ trong *Tông-Thư* dẫn lời Quý-Cốc-Tử chỉ dùng hai chữ *tư Nam* mà *Kim-bản* sách của Quý-Cốc-Tử, thấy bên dưới hai chữ tư Nam phụ thêm hai chữ *Chi Xa*. Vậy sử-gia đời trước đã ức tạo ra xe Chi-Nam, rồi sử-gia đời sau lại thêm thắt vào ức thuyết đó, mỗi đời tư Nam và Chi-Nam-xa hai vật khác nhau lại thêm lẫn-lộn hơn nữa.

Xe Chi-Nam được phát-minh vào thời nào?

Các học-giả từ đời Tấn tới nay đều suy công cho Hoàng-Đế. Truyền-thuyết Hoàng-Đế sáng-chế ra xe Chi-Nam, ngày nay đã được chứng-minh là hoang-đường vô-căn-cứ. Về sự phát-minh xe ở nước Tàu, *Mặc-Tử* trong thiên Phi-Nho, *Tuân-Tử* trong thiên Giải-Tế, *Lã-Thị Xuân-Thu* trong thiên Quân-Thứ, *Hoài-Nam-Tử* trong thiên Tu-Vụ đều chép việc Hề-Trọng chế xe.

Kể đó, sách *Dịch-Phồn Tử-Truyện* mới bắt đầu lập dị, xưng tụng Hoàng-Đế, Nghiêu-Thuấn có công phục ngu thừa mã để làm lợi cho thiên-hạ. Tuy nhiên, vẫn chưa hề nói tới việc Hoàng-Đế chế ra xe Chi-Nam. Sách đầu tiên xướng ra cái thuyết Hoàng-Đế chế xe Chi-Nam là sách *Cổ-Kim-Chú* của Thôi-Bảo. Sách đó chép rằng : « Xe Chi-Nam bắt đầu có tự đời vua Hoàng-Đế. Vua Hoàng-Đế cùng Xuy-Vưu đánh nhau ở cánh đồng Trác-Lộ. Xuy-Vưu làm ra một trận sương mù tối-tăm, quân-sĩ mê cả đường lối, bị giữ mới làm ra xe Chi-Nam để trở phương-hướng rồi bắt được Xuy-Vưu ».

Căn-cứ vào những điều chép trong *Dịch-Đại-Truyện* thời có thể quyết-định rằng sau khi Hoàng-Đế, Nghiêu-Thuấn dạy người ta biết phục ngu thừa mã, vào thời Hoàng-Đế chưa có thể sáng-chế ra xe Chi-Nam. Túng sử có chế ra được vào thời đó thời sao lại có thể tinh-xảo đến thế được?

Đồng - thời *Cổ-Kim-Chủ* lại cũng chép việc Chu - Công chế ra xe Chi-Nam để tiến đưa viên-sứ. Truyền-thuyết này khởi tự sách *Phục-Sinh Thượng-Thư Đại Truyện* của Qui-Hòa đời Tây-Hán, trong đó có chép đời Chu-Công thiên-hạ thái-bình, họ Việt-Thường nhờ ba quan Tượng nhiều lần dịch tiếng mà tới hiền bạch-trị.

Kể đó, năm đầu niên-hiệu Nguyên-thủy đời Bình-Đế (thế kỷ I) Vương-Mãng thoán-vị, có ý phục cổ nên khuyến-kích trùng diễn giai-thoại lịch-sử trên và thường ví việc giống Man-Di vùng biên-giới Ích-Châu thần-phục mình với tích Việt-Thường-Thị đi sứ nhà Chu.

Sách *Hán-Thư* chép về chuyện Vương-Mãng như sau :

« Thái-Hậu bèn hạ chiếu rằng : Đại-Tư-Mã Tân-Đô-Hầu là Vương-Mãng, « ba đời làm chức Tam-Công, giữ chức như ông Chu-Công, dựng ra kế sách « muôn đời, công đức là trung-thần, tôn-hóa khắp bốn biển, người xa đều mộ nghĩa, « họ Việt-Thường phải dịch mấy lần tiếng để dâng con bạch-trị. Vậy đem hai huyện « Thiệu-Lãng và Tân-Tức 28.000 nóc nhà phong thêm cho Mãng, cho phục lại con « cháu và tăng thêm tước ấp ».

Mãng lại tâu rằng : « Thái-Hậu cầm quyền, thống-trị trong mấy năm ân « trạch đầy rẫy, hào-khí khắp nơi, nước xa tục lạ, không đâu không mển. Họ Việt- « Thường dịch mấy lần tiếng đến dâng bạch-trị, nước Hoàng-Kỳ từ ngoài ba vạn « dặm đem cống con tê, vua Đông-Di vượt biển cả để tiến của báu trong nước, « rợ Hung-Nô và Thuần-Vu đều theo chế-độ hủy bỏ cả tên hai nước. Hiện nay « các nước Tây-Vực Lương-Nguyên đều dâng đất xin làm thần thiếp ».

Xem đó sách của Quy-Hòa cùng sách *Hán-Thư* đều không hề nói Chu-Công đem xe chỉ Nam ban cho sứ viên-phương tới triều cống, do đó khiến chuyện chép trong *Cổ-Kim-Chủ* không thể tin được.

Dưới đây đề tiện việc phê-phán, xin lần lượt trích-dẫn những đoạn cốt yếu trong những sách *Sứ-ký*, *Cổ-kim-chủ*, *Kim-bản cổ Kim-chủ*, *Chi-lâm*, *Hoàng-đề Nội-truyện*, chép về việc Hoàng-Đế tạo xe chỉ Nam và trong những sách *Thượng-thư Đại-Truyện*, *Cổ-Kim-Chủ*, *Kim-Bản Cổ-Kim-Chủ*, *Ngự-Giám dẫn Quy-Cốc-Tử* chép về việc Chu-Công làm ra xe chỉ Nam.

...« Xuy-Vưu nổi loạn không tuân đế-mệnh. Vua Hoàng-Đế mới triệu-tập « chư-hầu cùng Xuy-Vưu giao chiến ở nội Trác-Lộc rồi bắt giết được Xuy-Vưu. « Chư-hầu đều tôn Hiền-Viên làm Thiên-Tử thay Thần-Nông-Thị.

...« Xe chỉ Nam có tự đời Hoàng-Đế giao-chiến cùng Xuy-Vưu ở nội « Trác-Lộc, Xuy-Vưu làm ra srong-mù, quân-sĩ đều mê cả đường đi, cho nên « Hoàng-Đế mới tạo ra xe chỉ Nam (*Cổ-Kim-Chủ*).

...« Xe chỉ Nam, khởi sáng tự đời Hoàng-Đế cùng Xuy-Vưu giao chiến ở « nội Trác-Lộc. Xuy-Vưu làm ra srong-mù, binh-sĩ đều mê cả đường đi, Hoàng- « Đế mới chế ra xe chỉ Nam để chỉ bốn phương. Sau bắt được Xuy-Vưu và lên « đế-vị cho nên về sau thường làm xe ấy » (*Kim-Bản Cổ-Kim-Chủ*).

...« Hoàng-Đế giao chiến với Xuy-Vưu ở nội Trác-Lộc, Xuy-Vưu làm ra « srong mù trong suốt ba ngày, mọi người đều lạc đường. Vua Hoàng-Đế truyền « Phong-Hậu theo phép đầu cơ chế ra xe chỉ Nam để phân biệt tứ phương » (*Chi-Lâm*).

...« Huyền-nữ vì Vua làm ra xe từ Nam trước và làm ra xe Ký-Lý-Cổ sau » (*Hoàng-Đề Nội Truyện*).

...« Phía Nam Giao-Chi, có nước Việt-Thường. Đời Chu-Công năm thứ « sáu, chế lễ tác nhạc, thiên-hạ thái-bình, Việt-Thường nhờ ba quan Tượng dịch « chín lần tiếng hiền bạch-trị mà rằng : « Đường xá xa-xôi, quan sơn cách trở, e « rằng việc sứ không thông, cho nên nhờ dịch chín lần tiếng mà vào triều cống. « Thành-Vương cho đem dâng Chu-Công. Chu-Công nói : Đức trach không thắm « tới, người quân-tử không hưởng những của đem dâng, cho nên chính lệnh không « thi hành tới thời người quân tử không bắt người đó làm tôi. Ta đây có gì mà « nhận được những tặng vật đó? Sứ-giả lại xin rằng : Tôi vàng mệnh ông già ở « nước tôi đã lâu rồi thấy trời không có gió dữ mưa dầm, có lẽ là Trung-Quốc có « Thánh-nhân chăng? có thời sao không vào ngay mà triều-kiến? » Chu-Công nghe « nói bèn cho đưa trả về Thành-Vương và xưng tụng thần-đức của Tiên-Vương « rồi dâng lên tôn-miếu » (*Thượng-Thư Đại Truyện*).

...« Tương-truyền từ lâu xe chỉ Nam là do Chu-Công chế ra. Đời Chu- « Công thiên-hạ thái-bình, họ Việt-Thường nhờ dịch nhiều lần tiếng tới cống hiến. « Sứ-giả quên đường về, Chu-Công ban cho năm cỗ biên-xa đều chế bằng tư Nam » (*Cổ Kim-Chủ*).

...« Tương-truyền từ lâu xe chỉ Nam do Chu-Công chế ra. Đời Chu-Công « trị-vì, thiên-hạ thái-bình, họ Việt-Thường nhờ dịch tiếng nhiều lần tới hiền « bạch-trị một con, hắc-trị hai con, ngựa voi một chiếc. Sứ-giả quên mất đường về, « Chu-Công bèn ban cho bông hoa hai tấm, biên-xa năm cỗ đều chế bằng tư Nam. « Khiến Sứ-giả cỡi xe đi về phương Nam. Núi theo miền bề Phù-Nam, Lâm-Áp, « đứng một năm mới tới nước đó, sai quan Đại-Phu đưa về. Lại cỡi xe tư Nam « đi ngược lại hưởng do xe chỉ, đây một năm mới tới nước Chu. Trục xe và đầu « trục xe đều chế bằng sắt, khi về tới nước Chu, sắt đều mòn cả... » (*Kim-Bản Cổ-Kim-Chủ*).

...» Quý-Cốc-Tử nói: Túc-thận-thị hiến bạch-tri cho vua Văn-Vương. Lúc «trò về sở lạc đường, Chu-Công bèn chế ra xe chỉ Nam để tiễn đưa» (Ngự-Giám Dân Quý-Cốc-Tử).

Những điều ghi ở các sách dẫn thượng về thực tại của xe chỉ Nam trước đời Hán đều căn cứ vào một truyền-thuyết hoang-đường. Duy, những sách tự đời Hán trở đi chép về xe chỉ Nam mới có thể coi là xác thực được.

Đời Ngụy-Minh-Đế, đình-thần Cao-Đường-Long và Tần-Lãng thường tranh-biện về vấn-đề xe chỉ Nam cùng Mã-Quân, Cao-Tần hai người cho rằng không thể làm được xe chỉ Nam. Mã-Quân bèn minh chứng có thể chế ra được xe ấy. Thâm-Uớc đời Lương thuật rằng Trương-Hành đời Hậu-Hán thường tạo ra xe chỉ Nam. Sách Tấn thư, thiên *Dư-Phục-Chí* nhận thấy xe chỉ Nam ở lô-bộ Thiên-Tử. Trong bài phú Ngô-Đô của Tả-Tư cũng nói rằng: «Ngựa du ruid đường, chỉ Nam coi phương, xe ra xam-xập, dây đeo xoang-xoang».

Vậy đời Hán-mạt tất nhiên đã có xe chỉ Nam. Xem như đời Hán công-trình cơ-giới rất phát đạt, có thể biết xe chỉ Nam đã thông-hành vào cuối đời Đông-Hán.

Xe chỉ Nam qua sử sách Trung-Hoa Lịch-Triều

Theo như đã suy cứu được thời có thể tin vào lời của Mã-Quân về việc xe chỉ Nam đã có vào đời Tam-Quốc. Sách *Ngụy-Thư* có chép: «Vua Ngụy-Minh-Đế truyền cho Mã-Quân chế tạo xe chỉ Nam, theo đúng kiểu Tây Kinh nhà Hán, có nước xoay chuyển trăm trò, đầu đặt con thú lớn, lại có cá rồng liên tiếp, và người đương phóng ngựa».

Ngụy-Thư lại chép thêm: «Tiên-sinh làm chức Cấp-Sự-Trung, cùng với «quan Thường-Sứ Cao-Đường-Long và Kiêu-Ky Tướng-quân Tần-Lãng tranh-luận ở trong triều. Khi nói tới xe chỉ Nam, hai người kia nói: «Đời xưa không có xe chỉ Nam. Sách chép chẳng qua là điều không thực.» Tiên-sinh nói: «Ngày trước vẫn có, ta chưa nghĩ tới mà thôi». Hai người kia cười mà đáp: «Tiên-sinh tên là Quán, tự là Đức-Hành, Quân nghĩa là một thứ đo đồ vật, mà Hành tức là một thứ cân xem đồ vật nặng nhẹ; nay như thế là nặng nhẹ không có chuẩn đích mà cũng không có mực thước nào nữa». Tiên-sinh liền đáp: «Nói suông vô ích, bắt nhược thử làm ngay còn hơn». Hai người kia bèn đem tâu vua. Vua bèn hạ chiếu cho tiên-sinh chế ra xe đó, quả được thành hiệu. Từ đó thiên-hạ đều «phục tài khéo của tiên-sinh».

Từ ngày Mã-Quân thành tựu việc chế tạo xe chỉ Nam, thời nhà Tấn thường dùng làm một nghi-trượng trong lô-bộ. Từ đời Tấn trở xuống Liêu, Kim, các sách đều thấy có chép về xe chỉ Nam.

Sách *Tân-Thư (Dư-Phục-Chí)*: «Xe tư Nam, một tên gọi là xe chỉ Nam có đóng bốn ngựa, dưới chế như cái lâu tam cấp, bốn góc trên đầu dát vàng trở cây,

«kết lông, khắc gỗ làm người tiên mặc áo lông đứng trên xe. Xe dù xoay chuyển nhưng tay vẫn trở về hướng Nam. Khi vua xuất-hành, dùng xe đó đi trước mở đường». Sách *Nam-Tê Thư (Dư-Phục-Chí)*: «Xe chỉ Nam bốn bên thùng đều có «nóc, người chỉ Nam mặc áo ngắn sặc-sỡ đứng giữa trên nóc, bốn góc chạm rồng, xung quanh có các giống chim cò tạp sắc, có cẳng màn căng vải, bánh xe về «son có trâu kéo».

Sách *Ngụy-Thư (Lễ-Chí)*: «Năm thứ hai niên-hiệu Thiên-Hưng, đời vua Thái-Tổ sai Lễ-Quan góp nhặt sự tích cổ, chế ra ba xe Lô-Bộ một là đại-giá «ngàn cổ muôn ngựa, có hình cá hình nhạn, phía trước viền da, sau cùng có «đuôi báo».

Sách *Tùy-Thư (Lễ-Nghi-Chí)*: «Xe chỉ Nam khi đại-giá xuất hành dùng «đề đi trước mở đường».

Sách *Đường-Thư (Nghi-Vệ-Chí)*: «Chỉ-Nam-xa, Ký-lý-cổ-xa (xe đi mỗi dặm «đường lại điềm tiếng trống đề ghi đường xa hay gần) và Bạch-lộ-xa đều đóng «bốn ngựa, có một người coi đường cho đúng, mười bốn người dắt xe, đều đội «mũ phẳng mặc quần áo rộng ống, màu sắc sặc-sỡ».

Sách *Tống-Sử (Dư-Phục-Chí)*: Xe chỉ Nam cũng gọi là xe tư Nam, sắc đỏ, «hai mái vẽ rồng xanh, hổ trắng, bốn mặt vẽ hoa, chim, lâu đài, bốn góc treo túi «hương, trên có người tiên, xe tuy xoay chuyển mà tay vẫn trở về hướng Nam. «Có một cái cẳng đầu phương, đóng bốn ngựa. Trước đây, có mười tám người «giả-sĩ, đến năm thứ tư niên-hiệu Ung-Hy đời Thái-Tôn tăng lên ba người. Đời «vua Nhân-Tôn niên-hiệu Thiên-Thánh năm thứ năm, công-bộ Lang-Trung là Yến-Túc mới bắt đầu chế ra xe chỉ Nam. Túc tâu vua rằng: Vua Hoàng-Đế giao-chiến «cùng Xuy-Vưu ở nội Trác-Lộc, Xuy-Vưu gây sương mù, quân-sĩ không biết «hướng về phía nào mà tiến, vua Hoàng-Đế bèn chế xe chỉ Nam. Thời Chu-Thành-Vương, họ Việt-Thường nhờ dịch tiếng nhiều lần tới cổng hiến, sứ-giả quân «mất đường về, Chu-Công bèn ban cho biển-xa đề chỉ phía Nam. Về sau, phép «chế xe thất-truyền, Trương-Hành Mã-Quân đời Hán phỏng theo chế ra xe ấy «nhưng thời thế loạn-ly, xe ấy không còn nữa. Vua Tống-Vũ-Đế thường làm xe «đó nhưng phép chế không được tinh-xảo. Tô-Sung-Chi mới chế lại. Vua Thái-Vũ-Đế đời Hậu-Ngụy sai Quách-Thiện-Minh đóng xe trong bao năm mà không «thành tựu, bèn lại cho Phù-Phong và Mã-Nhạc chế-tạo mới thành. Sau khi «Thiện-Minh qua đời, phép chế trở nên thất-truyền».

«Giữa niên-hiệu Nguyên-Hòa đời nhà Đường, quan Điền-Tác là Kim-Công-Lập đem xe đó cùng xe Ký-lý-cổ dâng lên vua Hiến-Tôn ngự duyệt ở điện «Lân-Đức để hoàn-bị phép cỡi».

«Trải năm đời cho tới quốc-triều thời không được nghe biết cách chế-tạo «nửa nay lấy ý sáng-chế chế ra như sau: Theo phương-pháp dùng xe một cang «xung-quanh phía ngoài thùng xe có hai tầng, làm người tiên bằng gỗ đứng bên «trên, giơ tay trở về phía Nam. Xe dùng chín bánh, vừa lớn, vừa nhỏ, cộng «một trăm hai mươi rặng. Hai bánh ở chân cao sáu thước, tròn một trượng «tám thước, chân phụ lập hai bánh con, đường kính một thước bốn tấc, tròn «bảy thước hai tấc, mỗi cái hai mươi bốn cái răng, mỗi răng cách nhau ba «tấc. Dưới gỗ ngang nơi chót cang xe lập hai bánh nhỏ, đường kính ba tấc, «dùng trục sắt đi suốt. Phía tả một bánh nhỏ vừa, đường kính một thước hai «tấc có mười hai răng; phía hữu một bánh nhỏ vừa, đường kính một thước hai «tấc cũng mười hai răng. Trung-tâm một bánh to vừa, đường kính bốn thước «tám tấc, tròn một trượng bốn thước bốn tấc, có bốn mươi tám răng, mỗi «răng cách nhau ba tấc. Phía giữa dựng một trục quán tâm, cao tám thước, đường «kính ba tấc. Phía trên khắc gỗ làm một người tiên. Khi xe đi thời người «tiên đó trở tay về hướng Nam. Nếu xe rẽ sang phía đông thời đẩy cang về phía «hữu phụ bánh xe nhỏ bên chân hữu, thuận chuyền mười hai răng, buộc một vòng «vào bánh xe nhỏ vừa bên hữu, đẩy bánh xe to vừa ở trung-tâm sang tả một phần «tư, chuyền mười hai răng, thời xe đi sang đông; nhưng người gỗ vẫn trở sang «phía Nam. Nếu xe cần đi sang phía Tây, thời đẩy cang xe sang bên tả phụ bánh «xe nhỏ bên chân tả, theo bánh thuận chuyền mười hai răng quấn vào bánh xe «nhỏ vừa bên hữu một phần, cho chuyền mười hai răng thời xe đi sang phía tây. «Khi xe đi sang phía Tây, người tiên cũng vẫn trở tay về phía Nam. Nếu muốn «đi về phía bắc, hoặc đông, hoặc tây, cũng đều làm như thế cả. Nhà vua xuống «chiếu dùng phương-pháp ấy cho quan coi việc xe chế tạo. Năm đầu niên-hiệu «Đại-Quan, Ngô-Đức-Nhân lại dâng Chi-Nam-xa và Ký-Lý-Cồ-xa...»

Sách *Tuyên-Hòa Lễ-Bộ-Ký* chép rằng: «Đời Đường-Sơ, xe chỉ Nam chỉ còn có tên mà xe thời đã bị phá mất. Đại-Tướng Dương-Vụ-Liêm phụng mệnh cải chế, nhưng không thành, Tới niên-hiệu Nguyên-Hòa có một người thợ khéo là Kim-Trung-Nghĩa (Công-Lập) mới làm được xe chỉ Nam và xe Ký-Lý-Cồ dâng vua Hiến-Tông duyệt lãm ở điện Lân-Đức.

Kim-Sử (Nghị-Vệ-Chi) cũng chép tới xe chỉ Nam và xe Ký-Lý-Cồ mỗi xe đều có mười ba người.

Ngoài các sách *Ký-Lục* trên tại có lưu-truyền một bài phú của Trương-Ngạn-Chấn đời Đường ca-tụng xe chỉ Nam (tham khảo *Lịch-Đại Phú-Vịnh*, quyển 89 bản in đời Khang-Hi).

Tóm lại, xem như đã ghi chép trong sử sách, thời xe chỉ Nam hiển nhiên được sáng chế tự đời Tam-Quốc, lưu hành trong lễ-bộ lịch-triều tới đời Tống

lại được Yến-Túc truyền lại chế-pháp và tự đời Liêu, đời Kim trở xuống thời không nghe thấy nói tới nữa. Lịch-trình chế-tạo xe chỉ Nam có thể ôn lại như sau:

Tây-Lịch	Niên-Đại	Người chế-tạo	Bi chú
	Thái-Cồ Tây-Chu Đông-Hán	Hoàng-Đế Chu-Công Trương-Hành	truyền-thuyết hoang-dân - nt - có chép nhưng thiếu chứng cứ.
235 333-349 417 424-452	Tam-Quốc Hậu-Triệu Hậu-Tần Hậu-Ngụy Hậu-Ngụy	Mã-Quân Ngụy-Mãnh, Giải Phi Lệnh-Cô-Sinh Quách-Thiện-Minh Mã-Nhạc	thành-tựu thành-tựu thành-tựu chưa thành-tựu sắp thành-tựu thời Thiện-Minh chết, bỏ dở.
477-478	Lưu-Tống Lưu-Tống	Tô-Sung-Chi Sách-Ngự-Lân	thành-tựu chưa thành-tựu
616-647	Đường	Dương-Vụ-Liêm	- nt -
806-820	Đường	Kim-Công-Lập	thành-tựu
1027	Tống	Yến-Túc	- nt -
1107	Tống	Ngô-Đức-Nhân	- nt -

“VĂN-HÓA TÙNG-THU”

do Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản

Những tập Văn-Hóa Tùng-Thư

đã xuất-bản :

SỬ-LIỆU VIỆT-NAM (V.H.T.T. số 1) (246 trang) <i>Tuấn-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng</i> biên soạn	25\$
CỔ-ĐỒ HUỆ (V.H.T.T. số 7 và 8 hợp nhất) (Lịch-sử, Cổ-tích, Thắng-cảnh và Thi-ca) dày 487 trang, gồm 53 tranh ảnh và bản-đồ) <i>Thái-Văn-Kiểm</i> biên soạn	70\$
ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: LỤC TỈNH NAM-VIỆT <i>Tu-Trai Nguyễn-Tạo</i> phiên-dịch Tập thượng (152 trang) (V.H.T.T. số 2).	20\$
Tập hạ (132 trang) (V.H.T.T. số 3).	15\$
ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: TỈNH THANH-HÓA <i>A-Nam Trần-Tuần-Khải</i> phiên-dịch Tập thượng (122 trang) — (V.H.T.T. số 4).	15\$
Tập hạ (174 trang) — (V.H.T.T. số 5).	15\$
ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN <i>Tu-Trai Nguyễn-Tạo</i> phiên-dịch: <i>Kinh-sư</i> (96 trang) — (V.H.T.T. số 6).	15\$
<i>Quảng-Trị và Quảng-Bình</i> (208 trang) (V.H.T.T. số 9)	20\$
<i>Thừa-Thiên-Phủ</i> , Tập thượng (144 trang) — (V.H.T.T. số 10).	15\$
Tập trung (152 trang) — (V.H.T.T. số 11).	15\$
Tập hạ (134 trang) — (V.H.T.T. số 12).	15\$

Có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô, các tỉnh, nhà Tổng-phát-hành Thống-Nhật (329, Đường Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn) và tại Nha Văn-Hóa (266, Đường Công-Lý, Sài-gòn).

ĐÔNG-HỒ

**lịch-sử Hà-tiên
và một bài sám truyền**

Tiết Thanh-minh năm nay nhằm ngày 12 tháng ba âm-lịch. Hễ nói đến Thanh-minh là tôi nhớ đến tháng ba.

*Thanh-minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo-mộ hội là đạp-thanh.*

Hễ nói đến Thanh-minh là tôi nhớ đến tảo-mộ, là tôi nhớ đến Hà-tiên của tôi. Hà-tiên chỗ đã gởi-gắm bảy đời mồ-mả tổ-tiên của tôi ở đó.

Toàn thể đất Hà-tiên là đồi núi cho nên mồ-mả đều ở trên các sườn đồi sườn núi. Mồ-mả phần nhiều là những ngôi cổ mộ xây lồi Tàu, kiểu ngư-miên, kiểu mã-lạp, phôi hợp đúng ý với màu non sắc nước. Mồ-mả nhờ thế núi thê non mà thêm nét thiên-nhiên hùng-vi. núi non cũng nhờ nằm mồ nằm mã mà điếm-nhiệm thêm nét nhân-tạo thân yêu.

Nhân Thanh-minh mà nhớ quê-hương, nhớ mồ-mả, tôi dờ sách *Nàng Ái-co* đọc lại. Thiển sử ký-sự «Nàng Ái-co trong chạu úp» này là của Mộng-Tuyệt Thất tiêu-muội. Tác-giả đã xây dựng truyện này trên di-tích các lăng mộ của họ Mạc, ở Hà-tiên. Vì thế, tôi tìm đọc lại cho đỡ nhớ nhà. Đọc đến chương thứ mười là chương Mạc-Mi-cô, tôi chợt nhớ đến việc khai quật một ngôi mộ cổ, ở Hà-tiên, cách nay, đã năm mươi năm. Chuyện có liên-quan nhiều đến lịch-sử, đến cổ-tích, tôi phải kể cho có đầu đuôi.

Chuyện này xảy ra hồi tôi mới năm sáu tuổi. Tôi có nghe biết, cũng biết mang-máng mà thôi. Về sau, cứ mỗi năm, đến mùa Thanh-minh thì được nghe người lớn kể lại một lần. Mỗi năm đều mỗi nghe; cho nên, tuy chuyện kể mà như là chuyện học ôn. Chẳng những một mình tôi biết mà phàm người sinh-trưởng ở Hà-tiên ai cũng đều biết rõ lắm.

[Tập XII, Quyền 4 (Tháng 4, 1963)]

Là chuyện viên chủ-tỉnh người Pháp đã cho khai-quật ngôi mộ của bà Nguyễn Phu-nhân, chính-thất của Tổng-đức-hầu Mạc Thiên-Tích, Tổng-binh Đốc-độc của Trần Hà-tiên, hai thế-kỷ trước.

Tới bây giờ, tôi cũng không thực biết rõ lý-do khai quật ngôi mộ này, vì tôi không đủ phương-tiện khảo-cứu các tài-liệu công-văn hành-chánh.

Nhân hồi đó, cần mở-mang thành-phố Hà-tiên, chánh-quyển địa-phương cho lấy đất lấy đá ở núi Bình-san đem lấp các rừng sác. Họ phạm đến các lăng tẩm họ Mạc. Mượn cơ cần cho việc kiên-thiết, chỉnh-trang thành phố, họ khai-quật ngôi mộ bà Phu-nhân chính-thất của Mạc Thiên-Tích.

Đời với lịch-sử, đời với văn-hóa, đời với cổ-tích, hành-vi đó quả là không chánh-đáng chút nào. Không có lẽ vì chuyện lấy ít đất, ít đá, mà đến phá hủy một ngôi mộ qui, rất cần bảo-tồn. Huống chi, quanh Hà-tiên, hãy còn biết bao nhiêu núi khác nhiều đá, nhiều đất hơn; can chi mà phải lấy đất, lấy đá ở núi Lăng để mà phải phá hủy mộ-mả.

Tôi thì nghi khác. Viên chủ-tỉnh Tây, khi đó, làm việc này có dụng ý. Tôi chắc-chắn là trước khi hành-động, ông ta đã khảo-cứu, đã đọc nhiều về lịch-sử họ Mạc. Thấy rằng Nguyễn Phu-nhân là người có công-lao rất lớn trong việc gây dựng bá-nghiệp cho họ Mạc ở Hà-tiên; Phu-nhân được Chúa Nguyễn sắc phong đến nhất phẩm phu-nhân.

Một người đàn-bà có quyền thế, có chức tước to lớn như vậy mà mất đi trong lúc sự nghiệp thịnh thời, thì khi nằm xuống không lẽ nào mà nằm xuống như một người thường cho được.

Nhìn khu-vũ ngôi mộ mà cũng đoán được phần quan-hệ. Chính tay vị tiều-vương họ Mạc đã xây ngôi mộ cho bà vợ như đã từng xây lăng cho cha là Mạc Cửu.

Mộ Phu-nhân đã bị phá. Nhưng lăng của vị Khai-trần Mạc-Cửu hãy còn. Người sau cứ nhìn ngôi mộ này hãy còn mà so sánh cũng đoán được qui-mô kiến-trúc của ngôi mộ kia đã mất.

Vậy thì, việc lấy đá là một cơ che đậy hành-vi mờ ám của người dụng ý khai quật mộ phần.

Họ muốn tìm trong đó một kho-tàng.

Ngoài những điều bí-ẩn, mà đến nay, chúng ta chưa khám phá được, thì mọi người đều biết chuyện khai quật ngôi mộ bà Phu-nhân như thế này:

Mùa Thanh-minh năm tân-hợi (1911), đoàn tù-nhân bị lưu đày ở Hà-tiên, chuyên công-tác phá núi Lăng lấy đá, đã phạm đến chung quanh một mộ cổ.

Tầm mộ-bi bằng đá xanh chạm rõ danh vị người nằm dưới mả:

皇越孝肅太夫人鄭府阮妣之塋 壬坤仲春穀旦
HOÀNG-VIỆT HIẾU TỨC THÁI PHU-NHÂN MẠC PHŨ, NGUYỄN TÍ CHI HUYNH
Nhâm-thân trọng xuân (1758) cức đán

Vậy ngôi mộ này chắc-chắn là mộ của Phu-nhân họ Nguyễn, chánh-thất của Mạc Thiên-Tích. Phu nhân là một bậc cân-quắc anh-hùng đã có công lớn giúp họ Mạc trong việc mở mang bờ cõi, đánh dẹp miền Nam. Chuyện đã có chép rõ trong các sử thư, điều mà ai cũng đã biết.

Phần đất phần đá, chung quanh mộ đã phá hết rồi, còn lại tro vơ một nắm phong vôi. Nếu cứ để nguyên như vậy như một cái gò giả sơn, thiết tưởng cũng không có gì trở ngại, vì mộ ở trên sườn núi, sau đến thờ họ Mạc, cũng chẳng ở gần đường gần xóm nào hết.

Nhưng mà viên chủ-tỉnh người Pháp nhất quyết truyền khai quật hết cả ngôi mộ lên, cốt dời đi nơi khác.

Đoàn tù-nhân khổ sai, nỗ lực đập phá lớp vỏ tam-hạp, đã hơn tuần lễ rồi, mà chưa thấu đến trong lòng mộ. Đến ngày thứ mười thì chỗ bệ thờ trước mộ-bi mới bị phá vỡ. Nạy tấm bia đá, thì bày ra một phần trước hăm mộ, tức là chỗ đặt áo-quan. Miệng hăm mở ra đủ vài người chui vào lọt. Soi đèn đã nhìn thấy màu vàng son sơn thếp chiếc áo quan.

Công-tác đến đây thì ngưng lại để truyền cho hương-chức địa-phương và con cháu họ Mạc đến chứng kiến lễ bốc mộ. Chiều hôm sau, một nghi lễ tạm đặt trước mộ. Hương án, đàn nhạc, kèn trống, cúng vái, một chấp thì khởi sự. Bây giờ, bóng trời chiều của tiết Thanh-minh đã ngã sau núi Bình-san. Dòm vào hăm mộ, mờ mờ không rõ lắm.

Ít người chui xuống hăm, đẩy nắp áo-quan.

Dở ít lớp khăn liệm bằng gấm rồi thì đến bộ xương. Ông Mạc Từ-Khâm, cháu bảy đời của giòng họ Mạc, cầm đèn soi vào áo-quan, nhất từng mảnh xương vụn của người nằm dưới mộ, đưa dần lên. Vừa đưa lên, ông vừa xưng: Đây là xương ông chân bên mặt... đây là xương ông chân bên trái... đây là xương vai mặt... đây là mày đốt xương bàn tay trái v.v... Cho đến: đây là xương sọ, và còn đây nữa: mày cái răng. Trước mộ, hương-chức đã đặt sẵn bốn nước nâu bằng các thứ lá thơm và một cái quách mới đóng. Ông hương-hội họ Hồ, phụ-trách việc nhận các xương đã nhặt, rửa qua ở bốn nước thơm, rồi sắp xếp theo thứ-tự trở lại trong cái quách mới.

Cuộc lễ xong, cái quách đựng bộ xương được đem về quán tại đền thờ họ Mạc, đợi ngày làm lễ cải táng. Mộ của Phu-nhân sau cải-táng dưới chân lăng Mạc-Cửu, cũng ở núi Bình-san. Mộ-bì cũng được dựng lại, hiện hãy còn.

Việc nhật bộ xương khô, giữa thanh-thiên bạch-nhật, đại khái nghe kể lại là như vậy.

Còn kho-tàng bảo-vật của người nằm đó thì như sao?

Đây là cả cả một nghi-vấn mà đền nay chưa ai nói rõ được.

Nếu mà viên quan Tây bây giờ có dụng tâm tìm kho-tàng của họ Mạc, thì tự-nhiên phải có thủ-đoạn khéo khôn che đậy. Cũng có thể là vô-tình, cũng có thể là cố-ý. Chúng ta chỉ nên ngờ mà không nên quyết-đoán, trong khi chúng ta chưa nắm được bằng-cớ chắc-chắn.

Sau cuộc khai quật đó thì có nhiều tiếng đồn-đai lắm:

Rằng ai đó đã lượm được một hột nút vàng; rằng ai đó đã lượm được bộ nút bằng mã-não hãy còn đồ tươi; rằng ai đó đã lượm được mảnh găm cổ-tự đem về làm chiếc khăn êm tà-ma cho con nít ngủ khỏi giật mình; rằng ai đó đã lấy được mảnh gỗ áo-quan về thờ; rằng ai đó đã lấy được mấy cái chén mấy cái đĩa sứ; rằng ai đó đã lượm được một chuỗi tiền kẽm đã dính cứng với nhau vân vân... Có vài ba món đồ sành sứ, lượm được trong lúc đó, hiện còn tàng-trữ tại Bảo-tàng-viện Sài-gòn.

Duy có một điều biết chắc là ông Mạc Tử-Khâm, được viên chủ-tính Hà-tiên chia phần cho một chiếc trâm bằng vàng có gắn kim-cương. Lại cũng theo như lời chánh-thức thì chỉ có chiếc trâm cài tóc đó là đáng giá. Ngoài ra không có kho-tàng bảo-vật nào khác hơn nữa.

Chiếc trâm vàng gắn kim-cương này, sau ông Mạc Tử-Khâm, đang lúc túng, đã đem bán cho một người Pháp tên là Chapuis, cai quản ngọn hải-đăng ở Mũi Nai, địa-điểm cách chợ Hà-tiên 4 cây số. Người Tây này có vợ người Việt. Phải bán cho người Tây, vì người mình không ai dám giữ của linh-thịêng đó.

Người ta đồn-đai rằng, gia-đình Chapuis khi mua được chiếc trâm kim-cương đó rồi, về sau đã gặp nhiều tai nạn lắm.

Tôi không biết rõ, cũng không dám tin bằng lời. Và hiện nay, môn trang-sức cổ-ngoạn của bà Phu-nhân họ Mạc nằm vào đâu, tôi cũng không biết tung-tích. Giá có người tìm biết được cũng là một điều hay.

Việc khai-quật phần-mộ bà phu-nhân ở Hà-tiên từ đó đến nay vẫn còn là một nghi-vấn cho mọi người lưu ý đến kho-tàng họ Mạc. Mọi người nghĩ rằng một họ có thể-lực có uy-quyền, là chúa-tể một giang-san tiêu-quốc như vậy mà lẽ nào không có một kho-tàng vàng ngọc giàu ở một nơi bí-ẩn. Trước

nhất là nghi-đền các lăng-tăm nào chôn cất trong thời - kỳ Hà - tiên còn hưng-thịnh.

Nhưng mà lại cũng có lời đồn-đai khác rằng kẻ nào tham-lam phạm đến các lăng-tăm đó đều bị bạo-bệnh chết bất-đắc kỳ-tử hết. Và đã có một hai người bị chết rồi. Nhờ thế mà, ngoài việc-viên chủ-tính người Pháp chánh-thức cho khai quật mộ bà Phu-nhân, còn hơn bốn mươi ngôi mộ khác vẫn được an-toàn cho đến ngày nay. Việc dân-gian nghĩ rằng họ Mạc phải có một kho-tàng chôn giấu, tất cũng có một nguyên-nhân một duyên cớ nào mới được. Chờ không được, ai đồn-đai mà chi.

Trong tiểu-thuyết *Nàng Ai-cơ trong chậu úp* tôi vừa đọc lại, thấy có một đoạn thề này:

«... Chuyện Phu-nhân có một điều gì bí-ẩn lạ-lùng lắm. Hình như « trong Mạc-phủ cảm tiết-lộ việc này. Mà càng cảm tiết-lộ càng sinh lắm « lời đồn-đai phân-vấn, câu chuyện càng thất thiệt hoang đường.
« Ít lâu sau, nhân lời nói hờ của một ả thị-nữ trong khi về thăm nhà,
« và nhân một tờ giấy tình cờ bắt được trong mình người thợ đá, chết
« vì bạo-bệnh, thì câu chuyện được kể đại khái...»

Sau đoạn này, thì tác-giả kể lại cho chúng ta nghe một bài sâm truyền. Bài đó thề này:

*Khả thủy sơn nhơn
Nước xanh đờn đờn
Núi xanh đờn đờn*

*Nhị thập viết đại
Áp trồng cây trái
Quả ngọt hoa thơm
Tay vịn tay hái*

*Hoa nhỏ tí tí
Quả nhỏ tí tí
Tám chín xuân thu
Hoa nào phong nhị*

*Phi vương phi bá
Xưng cổ xưng quai
Trời có con trai
Một cột bảy lá*

Bờ tre xanh xanh
 Hái lá nâu canh
 Canh ăn hết canh
 Vị cay thanh thanh
 Trời tây bóng ngả chênh chênh
 Soi vào hang đá long-lanh ngọc vàng
 Vàng trong lòng đá
 Vàng chói sáng lò
 Vọng lên lầu các nguy-nga
 Ao sen nở trắng trước tòa khói hương.

Đọc xong bài sấm ai mà không nghĩ đây là một bài thần-chú chỉ dẫn để tìm đền kho-tàng bí-mật:

Soi vào hang đá long-lanh ngọc vàng
 Vàng trong lòng đá
 Vàng chói sáng lò...

Vậy « tờ giấy bắt được trong mình người thợ đá chết vì bạo bệnh » tất là tờ giấy chép bài sấm trên đó. (Nàng Ai-Cơ trong chậu úp, trang 122). Thử đem các đầu mỗi đút khúc của câu chuyện chấp nối lại, chúng ta đoán như thế này:

Bà Phu-nhân họ Nguyễn có giàu một kho-tàng ở đâu đó, có thể là ở trong một hầm mộ, có thể là ở trong một hang đá nào. Hà-tiên thì thiêu gì hang động khuất-khúc. Chỗ cửa vào kho tàng có một tấm đá chạm khắc bài chỉ-dẫn cho người sau tìm đền mà nhận của. Người thợ đá lãnh việc chạm bài chỉ-dẫn này phải tuyệt đối giữ bí-mật công-tác của mình. Nếu vì tham-lam, manh tâm chết ngay lập tức. Người thợ đá đã chết vì bạo bệnh, mà bài chỉ-dẫn đã biến thành bài sấm thiêng-liêng do miệng tiểu-thư Mạc-Mi-cô đọc lên, là để đánh lạc sự theo dõi của người muốn tìm đầu kho-tàng.

Đoạn tiểu-thuyết đó có thể là như vậy. Nhưng có lẽ tác-giả là người Hà-tiên, ám-ảnh bởi thành-kiến sự chạm phải bóng via thiêng-liêng mà không dám viết rõ hết ra, để cho câu chuyện giữ y màu mè huyền-bí. Nhờ đó mà chuyện kể càng thêm hương khói hấp dẫn say mê.

Đọc lại đoạn tiểu-thuyết đó, tôi mới khám phá được một điều rất thú-vị. Gạt bỏ ra hết những điều bí-mật chôn ngọc giàu vàng, gạt bỏ ra hết những chuyện năng tiểu-thư huyền-bí, tôi thấy bài đó quả là một bài tiên đoán sự-nghiệp của họ Mạc ở Hà-tiên từ khi khai sáng cho đến lúc tàn mạt.

Mỗi câu chữ đều đúng như y, phân-minh từng chi tiết. Thiết là lạ lùng! Chúng ta thử phân-tích từng câu một mà xem:

Khả thủy sơn nhơn
 可 水 山 人

Khả thủy là chiết tự chữ Hà, bộ thủy kèm chữ khả: 河
 Sơn nhơn là chiết tự chữ Tiên, bộ nhơn kèm chữ sơn: 仙

Nước xanh dờn dờn
 Núi xanh dờn dờn

Hai câu kể tả đưa đẩy cho đẹp lời, chữ nước, chữ núi cũng để nhắc lại chữ thủy chữ sơn ở câu đầu.

Nhị thập viêt đại
 二 十 日 大

Là chiết tự chữ Mạc, bộ hai mươi đầu, chữ viết ở giữa và chữ đại ở dưới chun: 莫

Ấp trồng cây trái

Là chữ Mạc có bộ ập: 莫 Tức là chữ Mạc họ đặc-biệt ở Hà-tiên do chúa Nguyễn ban tứ, để khác với họ Mạc Đãng-Dung đã tiếm họ Lê. Câu này còn có nghĩa là họ Mạc khai-thôn lập-ấp, mở-mang việc canh tác trồng trọt. Thừa ý này thêm hai câu:

Quả ngọt hoa thơm
 Tay vin tai hái

Để tả cảnh vật phồn thịnh, mùa màng phong túc của trấn Hà-tiên mà họ Mạc được hưởng thụ kết quả.

Hoa nhỏ tí tí
 Quả nhỏ tí tí
 Tám chín xuân thu
 Hoa nào phong nhị

Chúng ta để ý đến hai tiếng tí tí lặp lại hai lần. Tí trên là ứng về năm mậu-tí (1708) là năm Mạc Cửu sai sứ vào triều-kiến Quốc-chúa Tộ-Quốc-Công Nguyễn-Phúc-Chu, và dâng đất Hà-tiên, cho sáp-nhập vào lãnh-thổ Việt-nam. Năm mậu-tí này (1708) kể là năm khai sáng sự-nghiệp của họ Mạc. Tí dưới là ứng vào năm canh-tý (1780), là năm Mạc Thiên-Tích tuần-tiết ở nước Xiêm. Cũng năm này kể là năm suy tàn của họ Mạc.

Tám chín xuân thu

Là từ mậu-tí (1708) cho đến canh-tý (1780) vừa đúng 72 năm. Tám lần chín là 72. Bảy mươi hai xuân thu vận-số của họ Mạc.

Hoa nào phong nhị

Là sự-nghiệp gây dựng đào-tạo trong 72 năm, đèn đậy tan-tành rơi rụng hết!

*Phi vương phi bá
Xưng cổ xưng quâ*

Là nói về Họ Mạc tuy không phải là tước vương tước bá mà vẫn xưng cổ xưng quâ trong một nước tự-chủ, địa-vị như một tiêu-vương tự-nhiệm ở biên thùy.

*Trời có con trai
Một cội bảy lá*

Hai câu này ứng vào nhiều sử-liệu lắm.

Nguyên họ Mạc ở Hà-tiên có một thê-thức để đặt danh-hiệu: Dùng 7 chữ: *Thiên, tử, công, hầu, bá, tử, và nam* để làm chữ đệm tên. Bắt đầu từ Mạc Thiên-Tích lót chữ *thiên*. Rồi kể tiếp: con Thiên-Tích lót chữ *tử*; như Mạc Tử-Hoàng, Mạc Tử-Dung, Con Tử-Hoàng lót chữ *công*; như: Mạc Công-Du, Mạc Công-Tài. Con Công-Du lót chữ *hầu*; như Mạc Hầu-Hy, Mạc Hầu-Diệu. Con Hầu-Hy lót chữ *bá*; như: Mạc Bá-Bình, Mạc Bá-Thành. Con Bá-Bình lót trở lại chữ *tử* nữa; là: Mạc Tử-Khâm. Mạc Tử-Khâm không có con trai. Đèn đậy tuyệt-tự.

Trời có con trai

Chữ *trời* ở đầu là ứng về chữ *Thiên*. Chữ *con trai* ở cuối là ứng về chữ *Tử*. Cũng có nghĩa là giòng họ Mạc có con trai nối dõi đèn chữ *Tử* thì hết.

Một cội bảy lá

Bảy chữ lót: *Thiên* 天, *tử* 子, *công* 公, *hầu* 侯, *bá* 伯, *tử* 子, *nam* 男, trong sử gọi là *thất điệp phiên hân*. 七葉藩翰. Có câu:

*Nhất môn trung-nghĩa gia thanh trọng
Thất điệp phiên hân quốc sủng vinh
一門忠義家聲重
七葉藩翰國寵榮*

Bảy lá là nghĩa chữ *thất điệp*, ứng về tông-chi (một cội) họ Mạc, từ Mạc Cửu truyền đến Mạc Tử-Khâm, vừa đúng 7 đời thì dứt.

*Bờ tre xanh xanh
Hái lá nẫu canh
Canh ăn hết canh
Vị cay thanh thanh*

Bốn câu này ứng về việc ngôi mộ bà Phu-nhân bị khai-quật, câu chuyện mà tôi đã kể ở trên.

Bờ tre xanh xanh

Là dãy Trúc-băng-thành, bao bọc quanh núi Bình-san.

Hái lá nẫu canh

Là thành-quách đèn thời-kỳ tàn-tạ, bị phá hủy,

Canh ăn hết canh

Là vừa hết năm canh-tuất (1910)

Vị cay thanh thanh

Là sang năm tận-hội (1911) tiết Thanh-minh. *Tân* có nghĩa là *cay*. Thanh thanh là tiết thanh-minh. Ứng về việc khai-quật mộ bà Phu-nhân trong tiết Thanh - minh năm tận-hội.

Trời tây ngả bóng chênh chênh

Soi vào hang đá long-lanh ngọc vàng

Ứng về việc trong lúc mở được cửa mộ thì trời đã chiều, phải soi đèn vào mới tìm được chiếc trâm vàng cần ngọc trong đó. Hai tiếng *Trời tây* còn ứng về việc khai quật này là do người Tây, hành-động không chánh đáng (ngả bóng chênh-chênh là không ngay thẳng) do lòng tham, muốn soi phá ngôi mộ đã để tìm kho tàng vàng ngọc.

Vàng trong lòng đá

Vàng chói sáng lò

Nhân việc đào mà tìm vàng mà nói luôn đến một việc khác có liên-quan đến vàng. Chúng ta để ý, tiếng *vàng* ở câu trên thì nói là «vàng trong hang đá» còn ở câu dưới thì nói là «vàng trong lòng đá». Hai chuyện vàng này khác nhau. Hai câu sau là ứng về việc Mạc Thiên-Tích tuân-tiết ở nước Xiêm bằng cách nuốt vàng lá cho bí cường phổi, ngạt thở, chết. Chuyện này sử chép là *thôn-kim* 吞金. Đã có câu:

*Địa tịch hùng phiên tăng Việt bán
Kim thôn anh khí diệu Xiêm thành
地間雄藩增越版
金吞英氣耀暹城*

Nghĩa là nuốt vàng vào lòng, khí anh-linh hầy còn chói-lọi ở Xiêm thành (tức là Bangkok). *Lòng đá* ở đây là lòng trung-liệt sắt đá, không cùng nghĩa với *hang đá* nghĩa đen ở trên.

Vọng lên lầu các nguy-nga

Ao sen nở trắng trước tòa khói hương

Trong câu lục, có chữ *vọng* và chữ *các* ghép lại thành *Vọng-các*, ứng về việc Mạc Thiên-Tịch tuân-tiết ở thành Vọng-các, kinh-đô nước Xiêm-la.

Cả hai câu lại ứng về việc giòng họ Mạc vẫn còn được hậu-thê cảm đức nhớ ơn, dựng đền đài, xuân thu khói hương sùng bái. Trước đến thờ, có một ao sen tươi đẹp, để điểm cho cảnh miếu điện viên lãng thêm phần sinh sắc. Cảnh trí hiện hãy còn thây.

Giải-thích chứng-minh như thế rồi, thây rằng bài này không có gì huyền-bí cả. Lại được vấn điệu lưu-loát, đọc lên có một khí-vị hay hay. Hưởng nữa, nó còn chứa đựng một ý nghĩa một tài-liệu kể như là một bài thơ sử ký-sự, đáng truyền.

THẺ-LỆ MUA VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

(kể từ năm 1963)

Mỗi số (Tư-nhân) :	12\$	1 năm	(12 số) :	120\$
		nửa năm	(6 số) :	60\$
Mỗi số (Công-sở) :	24\$	1 năm	(12 số) :	240\$
		nửa năm	(6 số) :	120\$

Gửi bảo-dảm, mỗi số tính thêm 7\$00
Ở ngoại-quốc, xin gửi thêm cước-phí

Mua dài hạn V.H.N.S., xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về
Ô. GIÁM-ĐỐC NHÀ VĂN-HÓA (số 266, Đường Công-lý, Sài-gòn).

gia đình Bách-Việt trên lịch-sử Việt-nam¹

Từ đầu thế-kỷ của chúng ta nhiều nhà nhân-chủng-học, nhân-loại-học và khảo-cổ-học Tây-Phương đã dày công nghiên-cứu về gốc-tích và dòng-giống của người Việt-Nam ta. Mặc dầu, đôi khi giữa các nhà bác-học đó có những điểm dị đồng, nhưng nếu chúng ta tập-trung mọi khám phá, mọi lý-thuyết hay ức-thuyết của họ, ta vẫn thây họ gần như đồng ý với nhau để kết-ràng rằng người Việt-Nam là một chi-phái Anh-đô-nê xuất-phát từ miền Bắc Ấn-Độ hay miền núi Tây-Tạng. Về vấn-đề này, người ta đã phải khai-quật cả một nền nhân-chủng học và xem xét nhiều thư-tịch cùng sử-sách của Trung-quốc để tìm-tòi, so-sánh những đặc-điểm nhân-chủng và vị-trí của người Việt-Nam trong các dân-tộc Á-châu. Có nên nói rằng sự ghi chép của sử-sách Trung-quốc rất là quan-trọng, vì hai dân-tộc Hoa-Việt đã từng có nhiều liên-hệ với nhau qua những giai-đoạn hòa-bình cũng như chiến-tranh, lại nữa, hai dân-tộc là hàng xóm láng giềng với nhau nên đôi bên hiểu nhau hơn mọi dân-tộc nào khác. Ngoài ra các đồ đồng, đồ gốm, các nhạc-khí, các sọ người, các bộ xương cũng thường được coi là những tiêu-chuẩn hay chứng-cớ quan-trọng để giúp ta có vài ý-niệm về cơ-cấu chủng-tộc và hình-thái văn-hóa của người Việt chúng ta. Dân-tộc Anh-đô-nê ngoài người Việt còn gồm các đồng-bào Mán, Thổ ở Thượng-du Bắc-Việt và Văn-Nam, người Dayak, ở Bornéo, người Battak ở Sumatra, thổ-dân đảo Célèbes và Moluques và các quần-đảo khác trên Thái-bình-dương từ Mã-lai ngược tới Nhật-Bản. Nhưng như họ đã ngẫu-nhiên chia thành hai đoàn, một xuất-phát từ Miền-Điện đến Nhật-Bản²

¹ Đề-thương-xác cùng ông Trần-Vinh-Anh về vấn-đề: *Về một dự-định của vua Quang-Trung đời Lương-Quảng.*

² Chúng tôi đồng ý với giáo-sư Nghiêm-Thâm về điểm này qua bài thuyết-trình của ông về nguồn-gốc dân-tộc V.N. ngày 26-9-1962 tại rạp Thống-Nhất (Sài-gòn). Hai nhà bác-học Leroy và Courhan cũng đã nêu ra ý-kiến này.

qua các xứ Thái-Lan, Ai-Lao, Cam-Bốt, Việt-Nam, Đài-Loan và một đi xuống Mã-đảo và quần-đảo Nam-Dương. Theo hai nhà bác-học Leroy và Gourhan, dân người kể trên mà ta thấy hiện nay phân-tán khắp Đông-nam Á-Châu có hai giông: Tạng Miên (Tibéto-birman) và Anh-đô-nê. Hai giông này gần như không có gì khác-biệt hoặc có sự khác-biệt thì sự khác-biệt này cũng rất mong-manh, có lẽ vì có sự pha trộn tức là lai giông hoặc hai đám dân-tộc này đã sống gần gũi nhau hay thoát thai cùng một gốc.

Về phần các nhà tiến-sử-học và ngôn-ngữ-học thì có sự nhận xét rằng tại miền Bắc-Ân, Nam-bộ Trung-quốc xuống tới Nam-dương quần-đảo có một thứ văn-hóa hiện nay còn di-tích trong các dân-tộc Anh-đô-nê.

Trong đám Anh-đô-nê, người Việt là một chi-phái và là một chi-phái có lẽ đặc-biệt hơn các chi-phái khác vì có nhiều sự riêng biệt rõ-rệt về mặt ngôn-ngữ và sinh-lý (nhất là về tư-chất). Từ miền núi Tây-Tạng hay từ vùng Assam là hai khu-vực kề cận nhau, người Việt thời thái-cổ đã di-cư qua Nam-bộ Trung-quốc, chia ra nhiều nhóm sinh-tụ tại lưu-vực sông Dương-Tử cách Hoa-tộc bởi dải Ngũ-linh.

Về Hoa-tộc cũng như các rợ Nhung, rợ Hồ mà sử Tàu gọi là Bắc-địch và Man-di (bên kia Vạn-lý trường-thành), chúng ta có cảm-trưởng vào thời thái-cổ, vùng đất mà họ đang cư-ngụ ngày nay cũng chưa hẳn là trú-xứ nguyên-thủy. Riêng về Hoa-tộc chúng tôi muốn nói rằng địa-bản thời cổ của họ không xa ngoài lưu-vực sông Hoàng-hà. Như vậy con sông Dương-tử và dải Ngũ-linh là phân-giới về mặt địa-lý giữa Hoa-tộc và Việt-tộc, còn về mặt nhân-văn thì có nước Sở và rợ Tam-miêu ở chen vào giữa. Kể từ đời Tam-Đại Đông-Chu, vị-trí địa-đư và lịch-sử giữa Hoa-tộc và Việt-tộc bắt đầu rõ-rệt. Khi Tam-Hoàng, Ngũ-Đê trị-vị Hoa-tộc thì bên này Ngũ-linh họ Hồng-Bàng cũng đã thành lập một quốc-gia bán-khai giữa hai vùng hồ Phiên-Dương và Động-Đình.

Theo *Kinh-Thư*, vào thời thái-cổ từ Nghiêu, Thuần, Hạ, Thương, Hoa-tộc còn ở quanh quần lưu-vực sông Hoàng-Hà, vùng Hà-Nam, Thiểm-Tây, Nam-Trực-lệ, một phần tỉnh Sơn-Dông ngày nay và tiến dần qua lưu-vực sông Vị-thủy; dải Tấn-Linh và những dãy núi nối tiếp về phía Đông là giới-hạn địa-bản Hoa-tộc về phía Nam, còn về phía Bắc, Hoa-tộc ở gần như lẫn-lộn với các rợ Nhung. Sự-trạng này kéo dài tới đời Chu. Trong lúc này tại lưu-vực sông Dương-tử, sông Hán và sông Hoài, có những giông người văn-hóa khác hẳn văn-hóa Hán-tộc và đã bị Hoa-tộc coi là giông Man-di. (Quan-niệm Trung-Hoa ngoại-di của người Tàu đã có ngay từ thuở đó).

Rồi từ *Kinh-Thư* (Thiên Vũ-Công) đến *Sử-ký*, *Hậu-Hán-Thư*, *Hoài-nam-tử*, *Giao-châu ngoại-vực ký*, *Từ-Quảng*, *Thủy-kinh-chủ* v.v... đã đưa ra liên tiếp những tài-liệu khác về Việt-tộc như sau:

Nhóm Man-di đó là người Giao-chi sống qui-tụ bên các bờ sông, bờ biển, đầm hồ, khe núi và trong các rừng hoang. Nhà cửa của họ là nhà sàn như nhà của các đồng-bào Thượng ngày nay. Sinh-hoạt của họ là nghề chài lưới, săn bắn. Họ có hai ngôn chần cái giao nhau nên người Tàu mới gọi là Giao-chi (Đầu thê-kỳ của chúng ta, người ta còn thấy giông người này ở vài nơi trên đất V.N.). Họ có tập tục cắt tóc ngắn và xăm mình theo hình-trạng giao-long (Người ta giải-thích rằng người Giao-chi xăm mình theo hình-trạng giao-long là vì hàng ngày sinh sống ở nơi sông, hồ có giông giao-long tức là cá sấu thường-luống (chớ không phải là rồng) hay làm hại, người Giao-chi phải vẽ mình để giao-long tưởng họ là đồng chủng mà không sát hại). Đem đổi-chiều những điều thư-tịch thì Giao-chi ở vào miền Hồ-Nam ngày nay gần hồ Động-đình và núi Nam linh. Những vua chúa linh-đạo giông người Giao-chi là họ Hồng-Bàng và Lộc-Tục là ông vua đầu tiên của phương Nam (2879 trước Tây-lịch) hẳn có liên-lạc về thị-tộc nên có sự thần-phục phương Bắc cho tới sau này vào đời Chu, mỗi bang-giao với phương Bắc vẫn gìn-giữ được tốt đẹp, tuy cũng có thời Hoa-Việt xung-đột với nhau, nên sử Tàu đã có phen ghi rằng người Giao-chi có tinh-thần bất-khuất, khinh bạc và hiếu-chiến.³

Sau Giao-chi, chúng ta thấy nói đến Việt-Thường mà sử Tàu ước-đoán đã ra đời từ đầu đời nhà Chu trên địa-bản cũ của giông Tam-Miêu cũng ở giữa khoảng hồ Phiên-Dương và Động-Đình. Khi nước Sở thành lập ở Hồ-Nam, Hồ-Bắc thì Việt-Thường bắt đầu suy và bị Sở lấn đất về phía tây. Đến đời vua Sở Hùng-Cử, Việt-Thường chỉ còn vang bóng ở miền hồ Phiên-Dương. Xét về lẽ lẽ sinh-hoạt, tập-tục thì Việt-Thường và Giao-chi gần như không có điểm nào khác-biệt và cũng sống theo chế-độ thị-tộc.

Theo thuyết của Léonard Arousseau do những biến-thiên của Lịch-sử vào thời Xuân-thu (333 trước T.L.), Việt mất vào tay Sở, đất đai bị thôn tính đến tận-ngạn sông Chiết tức sông Hằng-Châu ngày nay, người Việt chạy xuống phương Nam và tập-trung vào 4 nhóm là: Đông-Việt hay Việt-Đông-Âu, Nam-

³ Theo truyền thuyết: Lộc-Tục làm vua phương Nam, lấy hiệu là Kinh-dương-vương. Chữ *Kinh* và chữ *Dương* có thể cho ta ý nghĩ: Kinh tức là châu Kinh và Dương là hồ Phiên-Dương hay châu Dương là một trong 9 châu do vua Vũ lập ra Châu này thuộc địa-bản của Việt-tộc. Vào năm mậu-thân thứ 5 đời vua Đế-Nghiêu sử-gia Việt-lịch đã sang cống một con rùa lớn, năm tân-mão (1109 trước Tây-lịch) đời Chu thành-vương, sử Việt-Thường lại tiến một con bạch-tri, (hai thứ này đều là quý vật của châu Dương và châu Kinh).

Bờ cõi của Kinh-dương-vương (nước Xích-Quỳ) về phía Bắc là hồ Động-đình, phía Tây là xứ Ba-Thục (Tứ-xuyên) phía Đông là Nam-hải và phía Nam là Hồ-Tôn (Chiêm-Thành). Các điều trên đây tuy có phần hoang-đường hay thuộc thần-thoại, nhưng cũng có một vài điểm đáng chú ý.

Việt, Mân-Việt và Tây-Âu-Lạc tức Lạc-Việt trú đóng từ Chiết-Giang xuống Quảng-Đông, Quảng-Tây ngày nay.

Năm 214 trước Tây-lịch, nhà Tần phái tướng Đồ-Thư kéo năm đạo quân xuống phương Nam đánh lấy đất Bách-Việt. Quân Tần diệt được Đông-Việt, Mân-Việt và Nam-Việt⁴ và đồng-hóa họ. Tới giai-đoạn sau này nhà Tần đổ, Triệu-Đà xưng đế và biệt-lập ở vùng Quảng-Đông và Quảng-Tây lập ra ba quận Nam-Hải (Quảng-Đông), Quê-Lâm (Quảng-Tây) và Tượng-quận (Bắc-kỳ) là mảnh đất cuối cùng của gia-đình Bách-Việt còn sót lại ở tay người Âu-Lạc. Quốc-chủ của dân Lạc-Việt bây giờ là An-dương-vương.

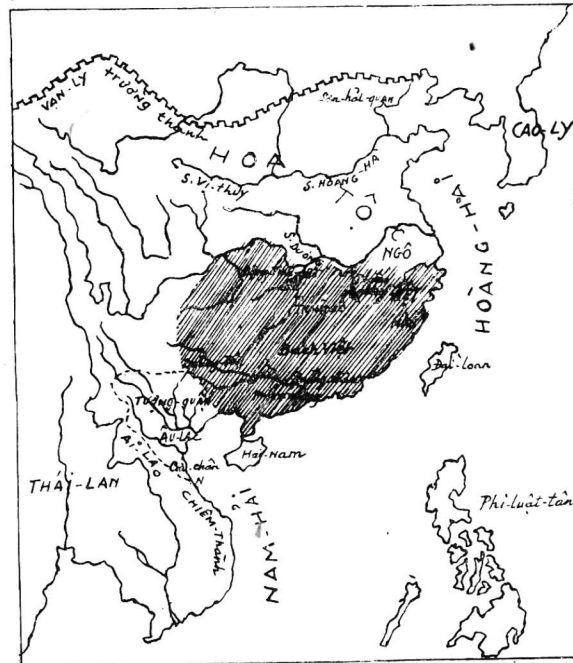
Sau đó ngót một trăm năm, Nam-Việt mất về Hán do sự bắt tài, bắt lực của con cháu Triệu-Vũ-Đề. Theo tác-giả *Nguồn-gốc dân-tộc Việt-Nam*, ông Đào-duy-Anh, tổ tiên trực-tiếp của dân-tộc Việt-Nam là nhóm Lạc-Việt bây giờ đã có mặt ở Bắc-Việt và miền Bắc Trung-Việt. Nhưng nói rằng người Lạc-Việt di-cư đến đây từ bao giờ thì chúng ta chưa có câu trả lời thỏa đáng, nhưng ta có thể tin rằng người Lạc-Việt đã đến Bắc-kỳ trước đời Tần, Hán và đã tổ-chức thành quốc-gia tuy còn ở trong trình-trạng bán khai và ngự-trị quốc-gia Lạc-Việt từ cổ-đại là con cháu họ Hồng-Bàng.

Căn-cứ vào Từ-Quảng (do Sĩ-Ký án dẫn) người Mân-Việt (Việt Phúc-Kiên) đều họ Lạc và người Việt ở Việt-Nam bây giờ có mối liên-hệ với nhau. Trong bài "Le Tonkin ancien" (B.E.F.E.O. XXXVII), nhà nhân-loại-học Cl. Madrolle đã phát-biểu ý-kiến này và ước-đoán rằng một số người Việt Phúc-Kiên làm nghề chài lưới và hàng hải đã hàng năm theo dọc bờ biển miền xuôi phương Nam, có nhóm ghé vào Trung-châu sông Mã, sông Nhị, có nhóm đi cả xuống Nam-Dương rồi theo tiết gió nồm trở về căn-cứ. Có thể một số đã ở lại Bắc-Việt để sống vì thấy ở đây đồng bãi phi-nhiều cho tới khi dân Việt ở Đông-Nam Trung-quốc bị Sở diệt rú nhau kéo cả bộ-lạc xuống.

Ngoài ra nhóm Lạc-Việt ở đây lấy tên là Lạc-Việt có thể do người Lạc-Việt sánh mình giống chim hậu-điều⁵ cứ đến mùa gió bắc lạnh lẽo rời bờ biển Giang-Nam để tiến xuống miền Nam, khi mùa nóng đến thì chim và người lại tìm về chỗ cũ. Dần dần trong tâm-lý của nhóm người ấy đã phát-sinh ra quan-niệm Tô-Tem nghĩa là họ nhận giống chim Lạc làm vật-tổ rồi lấy tên của giống chim này đặt cho thị-tộc của mình. Ngày nay trên mặt cái trồng đồng Ngọc-Lũ (chiếc trồng này khai-quật được ở làng Ngọc-Lũ, tỉnh Hà-Nam, Bắc-Việt) có chạm hình người ngự-phủ mình trần mang lông chim Lạc trên đầu và ở quanh sườn... Với những sự trình bày trên đây, căn-cứ vào thư-tịch của Tàu (Kinh Thư, Sĩ-Ký, Hậu Hán-Thư, Quảng-Châu ngoại-vực-ký v.v...), chúng tôi muốn

4 Nam-Việt này đã có trước khi Triệu-Đà lập ra nước Nam-Việt và đặt đô ở Phiên-ngung
5 Hậu điều đây có thể là giống chim thuộc về loài ngỗng trời.

nói rằng khoảng bốn năm ngàn năm trước, Hoa-tộc đến chiếm-cứ lưu-vực sông Hoàng-hà là miền Bắc lục-địa Trung-quốc ngày nay thì một dân-tộc khác có thể cũng từ một xuất-xứ xa-xôi đến cư-ngụ tại lưu-vực sông Dương-tử. Dân-tộc này là dân-tộc Việt thuộc một trình-độ văn-hóa kém hơn người phương Bắc. Trải qua nhiều biến-thiên lịch-sử, họ đã có khi pha trộn với Hoa-tộc nhất là dưới đời Tần, họ đã phải chịu một sự đồng-hóa rõ-rệt và chính-thức dưới áp-lực của các bộ-đội viễn-xâm trong có hàng ngàn phụ-nữ (mười lăm ngàn đàn-bà nói là để giúp việc và may cho binh-sĩ) đó là không kể khi Triệu-Đà lập ra nước Nam-Việt để công-nhiên thực-hiện cuộc tình duyên Việt-Hán.



TRUNG-QUỐC

228. Công-Nguyên

Ngày nay căn-cứ vào thuyết của Léonard Arousseau, người ta gần như quyết-định rằng người Việt-Nam bây giờ tức là người Lạc-Việt thừa xưa sinh-tụ ở Nam-bộ Trung-quốc sau này trôi dạt xuống lưu-vực sông Nhị, sông Mã. Việc các nhà khảo-cổ gán đây đảo sâu các tầng đất Bắc-việt thấy hài cốt người Anh-đô-nê, Mê-la-nê ở dưới, còn hài cốt người Lạc-Việt ở trên càng như tăng cường cho lý-thuyết của các vị học-giả kể trên. Do đây, ta có thể nói rằng người Việt đến lập cơ-sở ở Bắc-Việt chưa lâu lắm và chúng ta là những người đến Bắc-Việt sau hết. Lại xét về đồ gốm đảo được ở Đông-sơn trên hữu-ngạn sông Mã thuộc tương-tự với các đồ đảo được ở Chiết-Giang. Người ta cho rằng các đồ này do người Lạc-Việt đem đến vì người Anh-đô-nê chưa tới một trình-độ kỹ-thuật cao như vậy. Ngoài ra, ta còn thấy các đồ đồng phần-nhiều là binh khí như búa, rìu, mũi thương, mũi mác, dao găm, mũi tên, lưỡi qua giống hệt các thứ đã khai quật được miền Giang-hoài và Chiết-Giang của người Việt-tộc.

Thêm một tiêu-chuẩn về việc người Việt hợp-chúng một phần với người Hoa-tộc sau này lại có tái-ngộ với giồng Anh-đô-nê huynh-đệ, nữ-sĩ Colani đã giới-thiệu chúng ta một cái đầu lâu tìm được trong một hầm mộ ở làng Cườm (Bắc-Sơn). Cái đầu này gồm cả tính-chất Mông-gô-lích và Anh-đô-Nê và truy theo đặc-tính sinh-lý ở nơi chúng ta, người ta cho rằng khi còn ở Phúc-kiền đã có sự pha máu giữa ta với người Hán thuộc giồng Mông-gô-lích từ lâu, căn-cứ vào tằm vóc người Việt-Nam cao độ 1 th 58, chân tay khẳng-khieu, cái sọ tròn (chỉ xuất 82,8), môi hơi dày, miệng hơi vầu, mắt dẹt và hơi tròn có mí và hơi xèch, gò má cao, râu thưa và cứng, da ngăm-ngăm. Trước sự-kiện này, ta không thể không xác-nhận đây là những xác-vết chính của con người Mông-gô-lích (dĩ nhiên sau này vì các biến-chuyển lịch-sử và do thời-tiết cùng thổ-ngôi, con người Việt-Nam xuống Bắc-Việt còn thay đổi ít nhiều nữa). Nhưng giản-dị hơn nữa, nếu ngày nay ta so sánh người Tàu và các giồng người Anh-đô-nê với người Việt-nam ta ngày nay ở Đông-Nam Á-Châu, đầu người có sắc da trắng hay đen, già hay trẻ, trai hay gái, người Việt ngày nay vẫn có hình-thái giồng người Tàu hơn người Anh-đô-Nê. Tuy nhiên mặc dầu có sự pha trộn khá sâu đậm với Hoa-tộc từ năm bảy thế-kỷ trước Công-lịch cho tới sau này trên 1000 năm chung đung với con cháu Hoàng-Đề, người Việt-Nam ta vẫn giữ được trọn vẹn tinh-thần quốc-gia, nghĩa là người Việt không bao giờ chịu để mình chìm đắm trong làn sóng đồng-hóa dữ-dội của Hoa-tộc như nhiều giồng dân khác trên và ngoài lục-địa Trung-quốc. Gặp khi bại trận mất nước, người Việt ta luôn luôn lo quật khởi và đánh đuổi quân-xâm-lãng nên còn tồn tại đến ngày nay để góp mặt với năm châu.

Trên đây chúng tôi đã nêu ra những điều nhận-xét và khám-phá của các sử-gia Tàu và của các nhà nhân-chủng-học, nhân-loại-học, thấy đều cho rằng người Việt-Nam ngày nay thuộc thị-tộc Việt xưa kia sống rải-rác tại lưu-vực sông Dương-Từ rồi di dấn xuống Đông-Nam Á-Châu. Thị-tộc Việt đã chia ra nhiều nhóm do tình trạng bộ-lạc, sau này vì áp-lực của Hoa-tộc đã tập trung vào 4 nhóm lớn (Đông-Việt, Mân-Việt, Nam-Việt, Tây-Âu-Lạc) và nơi định-cư cuối cùng là miền Bắc và miền Trung của bán-đảo Hoa-Ấn. Hai mươi lăm thế-kỷ sau này sử-sách của Hoa-tộc càng ghi chép được khá nhiều về Việt-tộc do nhiều cuộc xúc-tiếp bằng chiến-tranh hay ngoại-giao nên ta không thể phủ-nhận giá-trị các thư-tịch của người Tàu nhất là về đời Hán gần đây. Thiết tưởng cũng cần ghi chép thêm một vài tài-liệu về đời Hán để độc-giả hiểu rõ người Giao-Chỉ hay Lạc-Việt với người Việt ta ngày nay chỉ là một giồng! Và khi ta đồng-ý với nhau về điểm này ta khỏi phải mất thì giờ tìm kiếm đâu là trú-xứ của người Việt xưa kia là vùng Hồ-Nam Hồ-Bắc, Quảng-Đông và Quảng-Tây thuộc Trung-Quốc ngày nay.

Quảng-châu-ký chép về Giao-chỉ (lúc này Giao-chỉ đã lui xuống Bắc-Việt và thuộc Hán): vua là Lạc-vương, dân là Lạc-dân, ruộng là Lạc-diên và Lạc-dân đã biết dùng nước thủy-triều lên xuống để làm ruộng...

Hậu-Hán-thư chép: khi Lạc-Việt đã thuộc nhà Hán mà dân Lạc-Việt ở Cửu-chân vẫn chưa biết cày bừa bằng trâu bò (có lẽ sự tiền-hóa của dân Lạc-Việt mới chỉ phát-triển ở vùng sông Nhị chăng?)...

Theo số tàu của Tiệt-Tôn làm quan ở Giao-châu dưới đời Tam-quốc, người Lạc-Việt búi tóc, đi chân không, có tục xâm minh, có tục chôn người chết, bỏ đồ binh-khí bằng đá và bằng đồng vào quan-tài trước khi hạ huyết... tôn-giáo của người Việt có tính-cách nông-nghiệp v.v...

Hậu-Hán-thư quyển 116 chép về văn-hóa của người Lạc-Việt: người Giao-chỉ không phân biệt trường-âu, không biết lễ giá-thú, không có tổ-chức gia-tộc theo chế-độ phụ-hệ, chế-độ tôn pháp như Trung-quốc... (Sau Nhậm-Diên và Tích-Quang đã sửa đổi phong-tục của người Giao-chỉ và dạy dân Giao-chỉ theo văn-hóa Bắc-phương).

Tóm lại các giấy tờ và sử-sách của người Tàu đều luôn luôn nhắc đến người Giao-chỉ với một luận-điệu như trên khiến ta phải nghĩ rằng Giao-chỉ với các nhóm Việt trong Bách-Việt không thể nào không có liên-hệ mật-thiết về chủng-tộc. Đáng lưu ý ở đây một điều: các tên Giao-chỉ là tên của người Tàu đặt cho chúng ta, còn cái tên Việt là của chúng ta đặt lấy rồi sau này người Tàu coi chữ Việt là chính-thức để gọi giồng người chúng ta. Nếu ta với các

nhóm Mân-Việt, Đông-Việt, Nam-Việt... chẳng có dính líu họ-hàng với nhau sao lại có chuyện đồng tính như vậy? Đền Đỉnh, Lê, Lý, Trần tiếp tục giữ chữ Việt có đâu phải là một sự ngẫu-nhiên⁶. Và sau này Hán, Đường đặt xứ ta là Giao-châu cũng vẫn có ý nhắc đền giếng Giao-chỉ ta.

(1) Riêng về vấn-đề lãnh-thổ của người Giao-chỉ xưa và nay, của gia-đình Bách-Việt là vùng Hồ-Nam, Quảng-Đông, Quảng-Tây, người Tàu trước sau đã phân định rõ-rệt. Họ coi từ bên này dải Ngũ-linh và phương Nam là đất Bách-Việt, do đó nhà Tần sau khi góm thâu 6 nước đã cho Đồ-Thư mang 50 vạn quân tiến về phương Nam chiếm đất Bách-Việt.

Đền đời Cao-hậu nhà Hán, phần vi kỳ-thị chủng-tộc do quan-niệm Trung-hoa ngoại-dị, phần Hán-triều bấy giờ giặc Triệu-Đà biệt-lập ở Nam phương không chịu thần-phục, đã nghiêm cấm lái buôn người Hán đem đồ vàng bạc, đồ sắt, các điện-khi và các trâu, bò, ngựa, dê giồng cái trao đổi với người Nam-Việt, vì thế Triệu-Đà đã có lần mang quân đánh vào quận Trảng-sa (Hà-nam bấy giờ) của Hán cho hả giận.

(2) Vua Hán Văn-Đê vừa lên cầm quyền đã sai Lục-giá mang thư sang mở cuộc hòa hiếu không hề có sự nhắc đến việc đòi đất của Triệu-Đà mà lại có sự công nhận nước Nam-Việt là của Triệu-Đà (... và lại được đất của nhà vua cũng không lấy làm to, được của nhà vua cũng không đủ làm giầu. Vậy từ phía Nam núi Lĩnh thì mặc nhà vua tự trị lấy⁷...).

(3) Trong bức thư trả lời, Triệu-Đà đã tự xưng là Nam-di đại-trưởng lão-phụ... không khỏi đã gián-tiếp nhắc Hán-triều rằng vùng đất mình chiếm chẳng phải là của nhà Hán, nhất là miền Nam-Việt đã lọt vào tay mình trước khi nhà Hán khởi nghiệp và đất này của bọn "Man" xưa kia.

Gần đây, với tất cả sự ngạc nhiên, tôi được thầy trên hai số báo Bách-Khoa số 146 và 147 ra ngày 1-2 và 15-2-1963 dưới đầu đề « Về một dự-định của vua Quang-trung: việc đòi đất Lương-Quảng » ông Trần-Vinh-Anh đã bác bỏ hết thấy các sử-liệu liên-hệ giữa chúng ta người Việt-Nam ngày nay với người Giao-chỉ và gia-đình Bách-Việt; đất Lương-Quảng theo ông là đất Tàu; vì sự khẳng-định hết sức táo-bạo kể trên, chúng tôi thấy cần phải duyệt lại vấn-đề để tìm hiểu những sự sai lầm nghiêm-trọng. Ông Trần-Vinh-Anh đã viết:

« Nhâm-Ngao chết, Triệu-Đà thực hiện lời mách bảo của Nhâm-Ngao lập nên một nước gồm cả đất quận Nam-Hải tức là đất dưới quyền Nhâm-Ngao cai-trị xưa, nhưng Triệu-Đà đổi Nam-Hải thành

6 Đền Đỉnh gọi nước ta là Đại-cổ-Việt. Đời Lý sửa ra Đại-Việt.
7 Việt-Nam sử-lược, trang 39.

Nam-Việt. Về chữ 'Việt' này, như chúng tôi đã có lần nói, chỉ là trở vào các dân sống ở miền Nam sông Dương-tử và chúng ta biết có rất nhiều thứ 'Việt' đền nổi người Tàu đã dùng tiếng Bách-Việt để gọi. Trong Bách-Việt có cả Lạc-Việt — dân sống trên đất Cổ-Việt ngày trước. Nhưng chúng ta phải phân biệt chữ Việt ở đây với Đại-Việt cũng như với Việt-Nam... chúng tôi vẫn chưa biết tại sao các sử-gia xưa của chúng ta mở rộng biên giới Đại-Việt sang tận Lương-Quảng... Tuy nhiên lịch-sử đã trả lời rằng đất ấy tuy của người Việt — nhiều loại Việt — nhưng không phải là người Việt-Nam và Triệu-Đà là một người Tàu đã làm cho đất ấy thành của Tàu từ lâu rồi ».

Trước những điều đã trình-bày kể trên, chúng tôi lấy làm lạ rằng người Tàu trước sau vẫn nhận miền Nam-linh là của "Man-di" hay "Nam-di", hay của giếng Bách-Việt, trái lại ông Trần-Vinh-Anh lại chính-thức-hóa luôn mảnh đất này cho người Tàu nói rằng đất này không còn của Việt nữa vì Triệu-Đà đã chiếm hữu và người Giao-chỉ hay Lạc-Việt mà sử-sách, thư-tịch của người Tàu nói đến chẳng dính gì đến người Việt-Nam. Các sự khám phá của các nhà nhân-chủng và khảo-cổ-học Tây-phương như thế cũng không có giá-trị nào cả. Như vậy về phần ông, ít nhất ông cũng phải cho biết ông căn-cứ vào đâu mà đá-phá các công-trình biên-khảo của các người đi trước ông trên con đường sử-học. Tỉ-dụ: ông căn cho các bạn đọc cũng như chúng tôi biết các sử-sách Tàu ghi chép sai lầm ở đâu, các nhà nhân-chủng-học và bác-học đã nói gì không đúng, các việc khám phá của họ ở Chiết-giang và Đông-Son ra sao, người Việt-nam ta ngày nay ở đâu mà đến, nếu chẳng thuộc nhóm Giao-chỉ hay Bách-Việt... .

Thêm vào mục này chúng tôi nghi rằng đất-đai của các dân-tộc trên thế-giới ngày nay, mạnh ai người ấy chiếm, chiếm được, giữ được là của mình. Ngay vùng Hoàng-hà triều năm trước có phải của người Tàu đâu! Từ những thuở xa-xôi của lịch-sử, đất-đai dưới vòm trời này đã bao lần thay đổi chủ-nhân, rồi kể ở lại sau cùng cũng chỉ có thể coi mình là người chủ cuối cùng mà thôi, vì... mai kia đã chắc gì! Tỉ như người Mỹ ngày nay lần được người da đỏ, da đen để chiếm hữu đất của họ, giờ đây ai đừng bảo họ là chủ vùng đất họ đang ở ?

Như vậy chẳng cần bàn vùng Hoa-nam hay Lương-Quảng của ai, riêng do việc Hoa-tộc xưa nay từng thi-hành chính-sách thực-dân, đề-quốc trên đất ta thì nay vua Quang-Trung có thể mạnh định xua quân qua Tàu đủ hợp-lý lắm rồi. Cái thù truyền kiếp mất đất về Bắc-phương, cái hận ngàn năm làm tôi tớ người ngoài, các anh-hùng hào-khiet Việt-Nam ta có bao giờ quên? Chỉ trừ khi nào nước còn nghèo túng, dân còn bạc nhược ta mới chịu thúc thủ.

Còn những khi có vua thánh tối thân, dân hùng, của đủ, ông cha chúng ta vẫn nhớ đến; nên từ Đinh, Lê, Lý, Trần... đời nào cũng có vấn-đề đối phó với Bắc-phương cũng như Nam-phương.

Lý-Thường-Kiệt và Tôn-Đản đem quân vào Ung-châu (đất Tàu dưới đời Tống) trong khi Tề-tướng Vương-an-Thạch đang xây-dựng kế-hoạch Nam-tiền để lập biên-công có phải là một cuồng-vọng chăng? Sau này Hoa-quân nhập Việt rồi lại phải lui binh giảng hòa càng tỏ rõ các nhà đương-đạo đời bấy giờ chẳng vụng tính. Nhà Trần ba phen đuổi giặc Nguyên đã đem lại cho ta thêm nhiều kinh-nghiệm về Bắc-phương. Ngoài ra, ta lại còn rút nhiều kinh-nghiệm ở các dân-tộc khác cũng là « ngoại-di » như ta đã từng nắm đầu vua chúa xứ con Trời bỏ cũi mang về. Vua Tống-huy-Tông bị rợ Liêu cầm tù cho tới khi chết ở cũi ngoài, triều Tống vẫn phải hàng năm nộp cống, đời Hán cũng chịu cái nhục tiên người đẹp (Chiêu-quân) và xưng thần với rợ Hồ, Mông-Cổ vào làm vua Trung-quốc, người Mãn vào thông-trị Hoa-tộc lập ra nhà Thanh. Nếu so-sánh, các rợ Hung-nô từ Tây-Bắc qua Đông-Bắc nước Tàu đã hơn gì Việt-Nam chăng? Hán vua Quang-Trung đã xét kỹ việc này nên mới có dự-định Bắc-tiền. Nếu nghĩ như ông Trần-vinh-Anh rằng: « Một quân-đội « dùng để chống ngoại-xâm thì khác, mà để đi viễn-chinh lại khác... Tướng Tàu « không chỉ có Tôn-sĩ-Nghị, quân Tàu không chỉ có 20 vạn, trái lại còn hàng « trăm triệu người khác nữa; rất có thể họ ghét nhà Thanh, rất có thể họ chống « việc nhà Thanh cho quân đi xâm-lãng nước ngoài, nhưng khi chúng ta đụng « đến Tộc-quốc họ thì có gì chứng được rằng họ sẽ không đứng lên cùng Thanh- « triều bảo-vệ đất nước họ » thì người Việt chỉ nên khoanh tay cúi đầu ngồi yên trên mảnh đất nhỏ hẹp của mình chờ các thượng-quốc mang quân « điều phạt » chăng?... Ở đây tôi xin hỏi ông Trần-vinh-Anh: Ngay khi người Hán ngự-trị người Hán (dưới đời Hán, Đường, Tống, Minh), và đang lúc họ đang sống trong những thịnh thời, nhiều ngoại-tộc vào xâm-lãng Trung-quốc người Hán vẫn bại trận là bởi lẽ gì? Huống hồ dưới đời Thanh, Hoa-tộc và Mãn-tộc là một mối thù bất cộng đới-thiên, tại sao ta không lợi-dụng?...

Tóm lại, nếu chẳng vì cái thù truyền-kiếp với Bắc-phương, nếu chẳng có việc đòi lại đất cũ để mở rộng cương-thổ mà vì cần bành-trướng thực-lực, nêu cao uy-danh của nòi Việt để đứng vững ở Đông-nam-Á, dự-định hay việc đòi Lương-Quảng của Quang-Trung Nguyễn-Huệ vẫn chẳng là một cuồng-vọng. Dân Phù-tang đã là cái gương trước mắt chúng ta hôm qua cũng như hôm nay: nếu Thiên-Hoàng Minh-trị và dân-chúng Nhật không biết sớm thi-hành chính-sách duy-tân, tự-cường và phát-triển thế-lực vào lục-địa thì nước Nhật ngày nay có khỏi còn là một nhược-tiểu dân-tộc quần-quại dưới gót giày thực dân da trắng cuối thế-kỷ vừa qua chăng? Hán có người cho rằng đây là một

ý-tưởng thực-dân, đề-quốc thì chúng tôi nghĩ rằng trước những tàn bi-kịch mạnh được yếu thua, khôn sòng mông chét, thà mang tiếng là thực-dân đề-quốc còn hơn là làm con giun, con dề trước sự khinh-khi của thiên-hạ. Thực ra khi mình mạnh, ai cấm mình nhân nghĩa và hào-hiệp? Và chỉ khi mình mạnh mới nên nói đến nhân-nghĩa, đạo-đức, chính-nghĩa, tà nguy. Dưới triều Tự-Đức, trong khi binh-đội của Rigault de Génouilly đánh ào-ạt vào cửa Cán-giờ, Đà-nẵng, các nho-thần đã thường bàn nhau ta có chính-nghĩa, kẻ kia (thực-dân Pháp) là phường mọi rợ, quân xâm-lãng, thì quân ta tạt thẳng Hậu-bán thế-kỷ XIX, cũng môn lý-thuyết chánh nguy ấy cũng từng được nêu ra giữa triều Thanh khi Liệt-cường da trắng mang súng đồng, tàu chiến vào chia sẻ nước Tàu. Kết-quả là Tàu phải chịu cái nạn trăm giao xâu-xé mà Việt-Nam ta cũng phải gat nước mắt ký các hòa-tước táng quyền nhục quốc. Đạo-đức chưa đủ là sức mạnh để cứu dân yêu nước, nội-trị ngoại-an còn đòi hỏi nhiều sách lược khác nữa thiết-thực hơn.

Ngoài ra lúc này chúng ta còn phải nhắc lại câu *ưu thắng cạnh tồn* thì thật là đáng buồn và người viết sử cũng như nhà làm chính-trị đã đành rằng phải biết nhìn vào sự thực, nhưng nếu có đầu óc thoái-bại hay tự-ti mặc-cảm thì thật nguy-hiêm vô cùng.*

* Trong bài của ó. Trần-vinh-Anh có câu: « Có thể những người chép sử vì là đối-lập với vua Quang-Trung nên muốn đặt cho nhà vua cái ý bất-chính... » Như vậy, ông T.V.A. đã nghĩ rằng việc đòi đất hay sự đơm ngó Lương-Quảng là điều bất chính, chúng tôi không đồng-ý nên đã bàn đến vấn-đề này vào phần cuối của bài này.

**NHỮNG TÁC-PHẨM DO SỞ TU-THƯ
DỊCH-THUẬT VÀ ẮN-LOÁT XUẤT-BẢN**

Cây cỏ miền Nam Việt-Nam. G. S. Phạm-Hoàng-Hộ	150\$
Lịch-sử Triết-học đông phương, Tập IV. G. S. Nguyễn-Đăng-Thục	120\$
Lão-tử Đạo-đức-kinh. G. S. Nghiêm Toản phiên-giải	70\$
Lê-Triều Lịch-khoa Tiến-sĩ đề danh bí ký. Võ-Oanh	85\$
Quyển I	75\$
Quyển II	đang in
Quyển III	đang in
Công-dư Tiếp-ký. Nguyễn-Đình-Diệm	50\$
Quyển I	40\$
Quyển II	50\$
Quyển III	80\$
Quốc-triều đặng-khoa lục. Lê-Mạnh-Liêu	đang in
Tang-thương ngẫu lục. Đạm-Nguyên	32\$
Tiếng cười (Le rire của Bergson). Phạm-Xuân-Độ	75\$
Đạo-đức-học (Ethique de Nicomede của Aristote). Đức-Hình	32\$
Xã-Uớc (Du Contrat social của J. J. Rousseau). Nguyễn-Hữu-Khang	30\$
Vạn-pháp tinh lý (L'Esprit des lois của Montesquieu). Trịnh-Xuân-Ngạn	60\$
Khảo về linh-hồn theo thể luân-lý (Phédon ou de l'Âme : genre moral của Platon). Trịnh-Xuân-Ngạn	48\$
Khống-biên-luận về tu-từ pháp (Gorgias của Platon). Trịnh-Xuân-Ngạn	28\$
Cung-oán ngâm khúc (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dùng	40\$
Chính-phụ-ngâm (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dùng	35\$
Thượng-chỉ Văn-tập (toàn bộ 5 quyển của Phạm Quỳnh)	25\$
Từ quyển I đến quyển IV mỗi quyển giá	25\$
Quyển V giá	đang in
Anh-Ngữ Đệ Thập (High School English Series, Book One). G. S. Nguyễn-Đình-Hòa	40\$
Speak Vietnamese, Book One (Revised Edition, 1963) G. S. Nguyễn-Đình-Hòa	100\$

Những sách này có bán tại tất cả các hiệu sách ở Thủ-đô, các tỉnh và tại Sở Tu-Thư, Dịch-Thuật và ẮN-Loát, số 89 đường Lê-văn-Duyệt, Sài-gòn.

PHẠM VĂN ĐIỀU
Giảng-sư
Đại-học Văn-khoa Đà-lạt

Thiên-nam ngữ-lục

(tiếp theo V.H.N.S. số 79)

III. «Thiên-nam ngữ-lục», tập sử ca chép sự việc dưới hình-thức kể truyện, có đáng-dáp một tập truyện nô-m bằng thơ phát-triển những truyện lịch-sử từ thời cổ-đại đến nhà Hậu-Trần theo hướng truyền-thuyết và dã-sử, rất giàu giá-trị văn-học, có sắc-thái sử-thi.

Thiên-nam ngữ-lục là một áng thơ dài hơn tám nghìn câu diễn lại một quãng tuổi miên-trường của dân-tộc ta với biết bao họ vua hưng-phê đấp-đôi nhau, thuật lại cả một cuộc sống dào-dạt to rộng hàng hai mươi thế-kỷ với những sự-việc, biến-cò phức-tạp kế-tục nhau mà sách thường cho đó là «đạo trời hay quay trở lại». Điều ấy làm cho ta có cái cảm-tưởng chúng như giồng nhau, nhưng thực ra mỗi sự-việc một khác, với vẻ quyền-rũ riêng. Những câu truyện lịch-sử xa xưa được kể lại với bao nhiêu chi-tiết phức-tạp chen-pha cài lồng vào nhau, chuyện trước mờ đầu cho chuyện sau, chuyện sau thoát thai từ chuyện trước, làm thành một chiếc vòng xích bắt tặn. Các triều-đại khi thăng khi trầm, trong đó có biết bao nhân-vật lịch-sử tác-dụng qua lại với nhau rất phiến-toái, người trung kẻ gian giằng-co đối chọi nhau, cái thiện vật lộn với cái ác, cái xấu-xa chen cọt bên cái đẹp, chuyện đại-sự của vua của nước cài lồng trong sự-tình riêng tư của cá-nhân, cuộc sống đốn-dập, hỗn-độn, tràn-trề như một dòng sông dữ linh-lung đủ màu đủ sắc. Bọn nhiều truyện phong-phú đến mức bề-bộn phức-tạp nói trên kế tiếp nhau hiện lên rất rõ trong một trình-tự hợp-lý và minh-bạch, ấy là trình-tự thời-gian.

Để nhận-dịnh đúng-đắn giá-trị đặc-biệt của *Thiên-nam ngữ-lục*, ta hãy lần-lượt phân-tích đi sâu vào một số truyện, theo thứ-tự niên-đại.

Cũng như những sử-thần đời trước, tác-giả *Thiên-nam ngữ-lục* đã trình-bày nguồn gốc nước Việt và do-lai của người Việt theo thần-thoại, truyền-thuyết

cổ. Trong những thần-thoại và truyền-thuyết ấy, ta thử riêng đối theo một sự-tích Thánh Gióng để xem tác-giả đã tự-sự và miêu-tả như thế nào. Trước hết, tác-giả chú-ý diễn-bày lai-lịch của Thần-vương một cách cặn-kẽ, cho biết đó là một người nhà trời, sửa-soạn cho cả một sự diễn-biến của bao nhiêu tình-tiết kỳ-lạ, về sau. Ngòi bút của tác-giả rất ân-cần, và không bỏ sót một chi-tiết nhỏ nào để sự mô-tả được đầy-đủ và sinh-động. Đây này là hình-ảnh vào đời của Thần-vương :

*Lạ thay ở huyện Tiên-du,
Đất thiêng Phù-đồng sinh sơ một người.
Dung-nhan điện-mạo tốt vời,
Có tài trợ quốc, có tài cứu dân.
Tuy còn niên-thiếu thất tuần,
Thánh-nhân đã khác, phàm-nhân khôn bì.
Mẹ cha dưỡng dụ bù trì,
Tang bồng treo cửa, hổ bì lột chân.*

Thần-vương tuy là người trời, nhưng một khi giáng sinh xuống cõi người phàm, ông mang cốt-cách con dân nước Việt, sống trong sự nuôi-nấng của bà mẹ góa-bụa chịu thương chịu khó tảo-tân nuôi con, cơ-hàn không đổi thay được lòng sắt-son nhân-nghĩa, hình-ảnh mà ta thường thấy ở chôn nông-thôn trước đây mấy mươi năm. Sức gọi-cảm của lời văn do đó càng thâm-thía hơn :

*Dãi-dầu mặc tuyết cùng sương,
Nguyệt thường dòm cửa, gió thường khua chân.
Mưa xâm hoa mộc chiều xuân,
Con ong hiu-hắt thiếu ăn vì môi.
Một mình con mọn dưỡng nuôi,
Vui lòng tích đức chẳng lời nhớ to...*

Thần-vương ra đời với dị-tài, và lại có cái dị-tướng «đã điều vương phước lại tày dọc ngang», kỳ-lạ nhất là «đề sao còn vậy», «chẳng ngồi, chẳng nói, chẳng ăn hòa nằm», làm cho có người cho đó là yêu-quái, khuyên bà mẹ hãy đem chôn vùi đi. Giữa khi ấy thì vận trời xuôi bắt lợi cho nước Văn-lang, bồng đầu giặc Ân tràn ủa vào cõi, khi-thê dưng-mãnh như nước vỡ bờ cuốn phăng tất cả trên đường đi qua không còn để lại một mông nào :

*Đạp bằng đất Việt sơn-xuyên,
Có chẳng cho mọc, đường nên tuyết người...
Biết bao binh-mã rần-rần,
Gươm mài nguyệt núi, bước chân lờ đường.*

Tất-nhiên, trước cái sức «đạp bằng» ấy, quân ta ngoài biên-cảnh thua, thư cáo cấp về triều. Vua tôi Hùng-vương «lo-lắng đêm ngày», chiêu rao khắp thiên-hạ kén người tài ra cứu nước, hứa sẽ thưởng công và muốn đời ghi ân, lời lời khẩn-cầu thiết-tha :

*Đẹp yên Ân tặc ấy rồi,
Tạc bia muốn kiếp, chúa tôi một nhà.
Hẹn cùng non Thái, sông Hà,
Chầy chày hưởng lộc, xa xa hưởng cùng.
Cháu con dữ quốc hưu đồng,
Còn trời còn đất, còn công-nghiệp này.*

Khi sứ-giã đến huyện Tiên-du, làng Kê Đổng, thì Thần-vương bây giờ đang nằm giữa ở chông tre, nghe thầy lời rao, liền bật lên tiếng nói, linh-dị làm sao :

*Báo mẹ gọi sứ-giã vào,
Lão-thần thầy sự lạ sao, hãi-hùng :
«Mẹ sinh từ thuở ầu-trùng,
Ba năm chẳng thấy hòa thông bđ lời.
Ngờ là phản kiếp luân-hồi,
Oan-gia tặc-trái hại người sinh ra.
Bồng sao nói sự sai ngoa,
Chẳng hay gọi sứ vào nhà cứ nao?»*

Bà mẹ kinh-ngạc, còn đương iru-trừ thì Thần-vương bèn nói thực với mẹ hay rằng mình là thiên-trưởng còn mẹ cũng là thiên-tiên, và lòng trời sai mình giáng trần chỉ vì :

*Trời thầy Ân quốc tham lòng,
Tình thôn, sắm cướp họ Hùng về tay...
Trừ Ân, trợ nước Việt-thường,
Cho yên trăm họ, kéo thương trẻ già.*

Mẹ bèn gọi sứ vào, thết đãi cơm nước. Thần-vương bảo sứ về tàu lên vua xin đúc cho một con ngựa sắt, một cái búa sắt đem lại thì sẽ quét tan lũ giặc thiên-kiêu. Sứ cả mừng trở về, vua liền sai ba trăm lò rèn đúc một tuần thì xong «ngựa sắt ngàn cân» và «việt sắt mười phần cá cao» đúng như lời Thần-vương căn-dẫn, đoạn sai quân đưa đến huyện Tiên-du. Tức thì, Thần-vương lớn mạnh phi-thường, hình-ảnh sáng chói hào-quang, thực là kỳ-vi rộng lớn và bao-quát khắp :

*Thần-vương nghe biết khúc-nhối,
Tức thì vươn dài dư mưới trượng cao.
Con mắt sáng như vẻ sao,
Lưu-tinh chớp-chớp tốt vào đầu-tinh.
Ấm-ấm đường tiêng lối-minh...*

Nhưng con người thần này vẫn thăm-thiết làm sao với những lời dặn-dò sứ-giả về tâu vua đừng theo làm chi, và nên nghĩ tới cái công người trừ giặc đã khuất khi đất nước tìm lại được cảnh thái-bình. Lời nói là lời của con người đời nặng tình nhân-nghĩa, nên hình-ảnh Thần-vương có cái gì gần-gũi chúng ta, không cách-biệt hẳn với cuộc sống thông-tục. Khi nói xong, liến từ-giã mẹ và họ-hàng. Hình-ảnh Thần-vương ra đi đẹp giặc khí-thê càng dưng-mãnh hơn, lớn rộng phi-thường, nguy-nga :

*Uy trời gió quét một cơn,
Đường trần khói tắt, cây ngàn lá lay...
Uy ra vấy cát âm-âm,
Mình trên cột ngựa tay cầm kim-tiên.
Lạ thay ngựa sắt tự-nhiên,
Giậm lên động đất, hét lên dậy trời!
Cắm con thiết-bồng múa chơi,
Cán đời đầu-bình, đuôi đời nam-minh.
Tiếng ran quý khốc thần kinh,
Thu vàng lá rụng, xuân xanh hoa tàn.*

Con người phi-thường siêu-nhiên như thế kia, tất nhiên đi đến đâu là chân-động đập bằng đến đó, sức thần-thông vô cùng quảng-đại :

*Dây từ Phù-đổng xung càn,
Đền Lạng-giang phủ, huyện ngàn Vũ-ninh.
Hễ nay lời ngựa khởi-trình,
Lò non là phá, cạn doanh sông thu.
Ao-ào cơn gió thổi đưa,
Nổi mây thần-nữ niệm mưa Ngân-hà.
Chín trời tâu thạch phi sa,
Còn-trùng tuyết tích, người ta lắc đầu.*

Những hình-tượng xây-dựng trong thơ quả là kỳ-vi. Thần-vương là người nhà trời, khí-thê lớn rộng như trời đất, gậy múa tung-hoành bao trùm cả vũ-trụ, một đầu đưng chuỗi sao Bắc-đẩu, một đầu khua động cả bề Nam, hình-ảnh vòi vòi

dàng-dàng. Kịch-thước phải đo bằng kích-thước của trời đất, thì khí-thê dưng-mãnh siêu-trần cũng phải do bằng sự tan vỡ của núi sông, gió chuyển mưa đưa, cát bay, đá chạy. Giặc Ân gặp phải sức thần, khủng-khiếp quá, và không thể nào đương được, bọn chúng tất phải tan nát ra như bèo, như nước :

*Thần uy như gió, ngựa bay,
Vào trong Ân trận xem tay như không.
Một mình tá đột hữu xung,
Muôn quân chẳng sợ ngàn vòng chẳng lo.
Ngày bằng trường-dạ mịt-mù,
Tung-hoành ngựa sắt thê như trường-xà.
Quần Ân phải lòi ngựa pha,
Nát ra như nước, tan ra như bèo.*

Cuộc chiến-dấu có một tính-chất kỳ-diệu đặc-biệt. Trong cuộc đời của loài người có sự tham-gia của thần-linh, của Trời, và không phải là cuộc chiến-dấu tầm-thường giữa con người với nhau nữa. Lũ giặc cướp nước kiêu-dũng kia đã lâm vào cái cảnh tiêu-diệt thảm-khốc «ngày bằng trường-dạ mịt-mù», và tất cả mọi trở-ngại dường như bị xóa-nhòa đi, người ta chỉ còn thấy có mỗi một hình-ảnh của Thần-vương và khí-thê của vị thiên-tướng đó bao trùm lên tất cả, không-chê tất cả «tung-hoành ngựa sắt thê như trường-xà». Những hình-tượng kỳ-vi rộng lớn như vậy rất thích-hợp, và đã nâng câu chuyện lên mức-độ một thiên anh-hùng-ca, một thiên sử-thi mỹ-lệ. Những hình-tượng ấy còn vươn cao và tiếp-tục trong đoạn sau, khi viện-bình sang lại cũng bị Thần-vương phá cho tan-tành :

*Thần-vương ngựa sắt lại dong,
Xua ruồi hợp mõ, phá ong tụ càn.
Nào đâu là chẳng tan-tành,
Sấm vang dậy trận, gió thanh quét trần...
Nào non chẳng lở, nào thần chẳng run.*

Người ta đã biết rằng lũ giặc Ân được mô-tả từ đầu như một bọn thiên-kiêu hùng-dũng, khí-thê không sao ngăn cản được, làm cho vua tôi Hùng-vương «lo-lắng đêm ngày» tựu-trung chỉ là một ngón bút-pháp để tăng-cường hình-ảnh của Thần-vương ở đây. Vì bậc thiên-tướng này so với giặc Ân đã từng «đập bằng đất Việt», đã từng tiêu-diệt mọi thứ trên đường đi của chúng «cò chẳng cho mọc đường nên tuyết người» chẳng qua chỉ là bọt nước, là đám bèo, hay như đàn ruồi báy ong. Sự tương-phản giữa các hình-tượng còn được tiếp-tục ở đoạn sau :

Tặc Ân sợ băng con gả,
 Con diều ngáp hồng nào còn dám kêu.
 Bên đường đứng cản có reo,
 Xin để ít nhiều động về gia-hương.
 Muôn ngàn ân đức Thần-vương,
 Kiếp kiếp lòng thường buộc chỉ có tay.

Bọn giặc dữ dưng-mãnh như kia mà đôi sánh với Thần-vương rõ không ăn thua gì, hai bên huyền-cách nhau như trời với bể, thì tức-khắc hình-ảnh kỳ-diệu và vi-đại của Thần-vương đủ biết là đền như thế nào rồi! Ngòi bút của tác-giả mỗi đoạn tả một hoàn-cảnh, một hành-động khác, và luôn luôn chú-ý làm nổi bật nhiều mặt của hành-động, của tâm-hồn nhân-vật, trong đó vẫn toát lên cái ý-nghĩa chung là hình-ảnh kỳ-vi của người trời giáng-sinh. Từ đoạn này qua đoạn khác, lời văn mỗi lúc mỗi vươn lên mạnh-mẽ, theo dõi ân-cán sự trở-tài anh-đứng của thần-vương và chứa-chan hào-hứng của người viết. Trí tưởng-tượng của ta khởi-phát, như được chấp đôi cánh để bay cao.

Đền câu chuyện thâm-tình My-Châu và Trọng-Thủy, ta lại có thể tìm thấy thêm rõ những dụng-ý khác về bút-pháp của tác-giả Thiên-nam ngữ-lục. Trong đoạn chuyện tình này, ta hãy chú-trọng đối theo con người và tâm-lý của My-Châu cùng Trọng-Thủy. Tác-giả bắt đầu kể cái lúc Triệu Đà đến thời-cơ dựng nghiệp lớn muốn đánh An-dương-vương nhưng còn ngại nó vượt rùa thiêng, để giới-thiệu vai chủ-động của câu chuyện là Trọng-Thủy, đưa con yêu của y:

Chước chi đôi được báu trời,
 Sẽ toan cử sự kéo tai đến mình.
 Con là Trọng-Thủy có danh,
 Cơ thần ứng biến lấu tình ngoan-ngũy.

Sự lấu-linh, xảo-quyệt của chàng trai này đã thể-hiện rõ-rệt khi biết được ý cha, chàng liền hiền kẻ và tự-nguyện đi thi-hành quỹ-kê:

"Nghe rằng Thục có nữ-nhi,
 My-Châu tên Ốc Dương thì thiếu đôi.
 Tuổi xanh đôi tám đời-dời,
 Quê hoa ven-ven chưa ai bé cảnh.
 Dưỡng nuôi ăn ở cung xanh,
 Rập-đề á Nguyệt, rập-rình khách Vu.
 Chọn người mỗi chước đong-đưa,
 Cầu hôn họ Thục thuyết thừa tâu bày.

Tình-cờ nguyệt-lão xe dây,
 Tào đoàn phu-phụ ngẫu rày gặp duyên.
 Tôi vào làm chỉ kết duyên,
 Tuyệt ngờ mà lại được nên nghiệp nhà".

Triệu-Đà y theo kể ấy, sai người sang Thục cầu hôn, An-dương-vương tưởng tình thực bên ưng-thuận. Từ đó hai nhà hòa-thân, phong cương việc binh nghi. My-Châu bây giờ vui theo duyên mới, trọn đạo tam tông, sau trước nét-na. Bên cạnh người vợ ngay thực hết lòng thờ chồng ấy, Trọng-Thủy chỉ là gã gian-hùng, nhưng bề ngoài lại rất khéo tỏ tình yêu vợ, hết sức chiều-chuộng để lấy lòng My-Châu, làm cho nàng yên trí duyên may gặp một người chồng tốt:

Duyên này tơ nguyệt khéo vương,
 Nước non khôn đổi đá vàng khôn phai.
 Nguyễn nhau ân-ái lâu đời,
 Còn trời còn đất, còn người còn duyên.

Năm sau, My-Châu sinh ra được một con trai. Yêu con, An-dương-vương thành-thử cũng rất quý yêu cháu, định sau này truyền nghiệp lớn lại cho cháu. Lòng tin con do đó càng vững chắc hơn, nhà vua còn đưa luôn cả nỗ thần cho My-Châu gìn-giữ. Tâm-lý ông già thương con, yêu cháu, quý rẻ được vẽ rất rõ, đúng là tâm-lý thường-tình của con người, nên đoạn văn càng sinh-động rung-cảm hơn:

Nàng-nia xem băng ngọc vàng,
 Yêu con đầu mẹ chẳng phương chút rời.
 Chẳng con trai đã cháu trai,
 Thôi thời ông cháu để ai mó vào.
 An-dương mừng rỡ xiết bao,
 Nghi lòng đã chắc lẽ nào có lo.
 Phó nàng giữ nỗ thần-cơ,
 Hương khói phụng thờ xem sóc hôm mai.

Bao nhiêu công-phu sửa-soạn cho cây tốt đâm hoa, đã đến ngày hái quả. Đây là màn Trọng-Thủy liền sâu đánh một ván quyết-định. Chàng bèn làm sẵn cái lầy giả để bên mình, chờ đến một hôm kia nhân chuyện yên-oanh, thông-thả nhủ lời véo-von mừng cho vợ chồng sum-hợp và có con trai, cho đó là nỗi thỏa-nguyện lớn hơn hết cả trong đời làm chàng không còn màng chi nữa. Lời nói vào để rào đón, nhưng rất khéo để đánh lạc hướng không cho vợ thấy dụng-ý của mình:

«Anh mừng nàng đã có con,
 Như thể cây mơn mà mọc rễ ra.
 Lẽ nào mà chẳng nở hoa,
 Lẽ nào mà chẳng rườm-rà trước sau.
 Mừng lòng anh chẳng lo-âu,
 Vợ hiền con có nào cầu lấy chi».

Tứ thơ đó còn tiếp-tục ở đoạn sau, mạnh-mẽ hơn, cụ-thể hơn, nhưng cũng gán-bó tình-tử hơn : nào là hạnh-phúc lứa đôi êm-đếm, nào là mừng con trai lớn sẽ lên cầm quyền thay ông, nào là phải giữ nò thần kỹ-lưỡng, nào là của vợ cũng như của chồng, nên để cho chồng cùng chung trông nom. Thực là những lời xảo-diệu vẽ đúng tâm-lý của một tay gian-hùng lừa gạt tình-ái :

Thầy rằng : «Kính dâm điều chi,
 Cam lòng mà phải ngộ-nghê cùng nàng.
 Đã nên sở nghĩa tao-khang,
 Trông thanh mặc tổ, sưng vàng mặc xam.
 Nò vua mừng vợ được cảm,
 Con ta lớn dạy ai nhằm được ta.
 Vua dẫu sau tuổi-tác già,
 Chúng ta giữ lấy con ta trị-vì.
 Cờ ai nảy phát lệ chi,
 Thời ông thời cháu hầu đi đảng nào.
 Tin ai chớ khiến ra vào,
 Giữ khi đầu bực kéo ta thua người.
 Nàng tua hóm sớm giữ coi,
 Thê-gian đóng mặt mày ai đóng lòng !
 Cửa vợ cũng là cửa chồng,
 Cho anh coi-sóc giữ hồng cho con.
 Đợi-chờ cho nó cả khôn,
 Vãng như chèo chịt nào còn lo chi !»

Trước những lời nói ngon nói ngọt ấy, My-Châu ngay thực xiêu lòng tin chồng, đưa nò cho Trọng-Thủy xem. Người trai man-trá ấy nắm ngay cơ-hội sửa-soạn lâu nay, liền đòi lấy lấy thiêng, đòi xong lại còn khéo giả-đò tình thực khuyên vợ phải gói cát nò lại cẩn-thận. Kể đó, Trọng-Thủy bèn đem giả nỏ mộng thầy côi Phiên-Ngu có nạn đao binh. Chàng lại sai thủ-hạ đón tin có người ở nước quê thông-báo rằng vua cha mình bị Tán tiên đánh, cần Trọng-

Thủy về để cùng cự địch. My-Châu bây giờ vẫn một mực tin lời chồng, và thành-thực cảm-động lo lắng cho tình-cảnh người yêu bỗng dưng gặp chuyện không may :

Nàng nghe cảm nghĩa xiết bao,
 Cha chồng chẳng có khác nào cha sinh.
 Chàng về Đông-vị một mình,
 Kiếp chày tin lại dữ lành thiếp hay.

Trọng-Thủy còn tàn-nhẫn hơn nữa khi khéo mồm khéo mép mà tỏ tình lưu-luyến trong việc bắt đứt đứa con mang theo về nước cũ :

Thầy rằng : «Về nước chày ngày,
 Dấu sau cách trở, chớ khuấy vợ-chồng.
 Anh đem vương-diệt về cùng,
 Thầy con cho tá thừa lòng nhớ em...»

Từ-biệt vợ, rồi từ-biệt nhạc gia, Trọng-Thủy được vua An-dương-vương tiền đưa bạc vàng rất nóng-hậu. Nhưng đối với con người quý-quyết phụ-bạc ấy, lần đầu tiên thần thiêng lại xuất-hiện trên muông dặm dài về nước để báo-hiệu một sự vay trả đích-đáng đúng với tri tưởng-trọng dân-gian và lòng con người nhân-nghĩa : của trời, trời lấy lại...

Dư ngàn đường thác lạ-lùng,
 Đêm hòa năm đở cửa sông Đại-bàng.
 Hiu-hiu trận gió thổi ngang,
 Vuốt rùa đã xuống Thủy-hương bao giờ !

Trọng-Thủy về rồi, Triệu Đà bèn đem mười vạn quân thẳng đến Cổ-loa, thư cấp báo đến An-dương-vương. Bây giờ, Trọng-Thủy lại sai người tâm-phúc gan-dạ lên vào dinh vua Thục nói dối với nàng My-Châu rằng Triệu Đà nghe lời súc-siêm đem quân phạt Thục, lại e-ngại nổi con trai thương vợ mà trốn theo Thục nên đã cho giam chàng khiến chàng khôn xiết sầu thương ; rồi lại dặn My-Châu về sau này hễ chạy đến đâu thì rắc lông ngan làm dấu để khi chàng trốn ra có thể theo tìm được. Tâm-lý và nhân-cách gian-ngoan của Trọng-Thủy một lần nữa được vẽ ra trong một trường-hợp khác, qua những câu thưa gọi «lời nhân, đường nghĩa» của người nữ-sứ mà chàng đã giao-phó cho cái trọng-trách lừa hại cha con vua Thục :

... «Chàng từ vào ở lao-tù,
 Nhớ nàng nước mắt bằng mưa đêm ngày...
 Sau dẫu nước thầy đao thương,
 Đền đầu thời chừa rắc đường lông nga.

*Phòng chàng trốn khỏi tù ra,
Đầu tìm ngõ được một nhà gặp nhau.*

Quả nhiên, nghe xong My-Châu hết sức thương-cảm và trả lời xin chàng sau cứ theo dấu lông ngan mà tìm. Bóng dáng của nàng được gọi ra một cách đáng thương trong tình-thê khản-cấp ấy :

*... Thiệt nỗi thăm-sầu nhớ đèn chông con.
Loạn-ly lại cách nước non,
Nọ nao bóng nguyệt lại tròn như xưa.*

Quán Triệu áp đèn, lúc đương trận vua Thục đem nõ thần ra bắn, nhưng nõ đã mất linh, phải cùng con kíp lên ngựa chạy trốn. Ngoài trông lại điện-đài cung-các, nhà vua bùi-ngùi thương-cảm, tâm-sự trăm mối ngồn-ngang :

*Năm mươi năm ngự ngại rỗng,
Một đời chẳng trọn tiếc công ngài-người!
Trông về cung-các lâu-đài,
Xa trông thế-giới tuyệt ngoài Nam-hoa!*

Tâm-sự My-Châu lúc này thực là ngang-trái thăm-thương, cũng được về ra một cách linh-hoạt, nên rất rung-cảm :

*Nạn này vì bởi nết ngay,
Nghe chông cho phải thác nay vì chông!
Đôi hàng nước mắt dòng-dòng,
Khôn thuở thầy chông, khôn thuở thầy con.
Theo cha vũ-vũ lên yên,
Nhớ chông lại rắc lông nga giữa đường...*

Cái cảnh thê-thảm của cha con vua Thục chẳng khác nào có giạt bên bờ đường "Thục-binh có giạt ai đương", lơ-thơ chỉ còn vài kẻ "từ nghĩa lòng thương đi cùng" mà thôi! Cái cảnh ấy đã được cực-tả trong sự đối sánh với thế đứng-mãnh đảng-đàng của Triệu quán đang dõi theo vết lông nga rơi rắc giữa đường :

*Triệu binh thế vững mây rỗng,
Che trời bóng rợp, mặt sông sóng bão.
Cờ bay tập-tới, đường sao,
Cạn qua trắng dã, đồng dao biếc lè.*

Cho đến khi chạy đến bờ bể, thần Kim-qui hiện lên mách rằng chính con gái vua đã làm hại cha, My-Châu kêu khóc, nhà vua đành phải giết con yêu :

*An-dương giận sự thua cơ,
Con bèn chẳng đoái, gươm hòa giết tươi.
Bé Nam lai-láng máu trời,
Hồn phiêu cung nguyệt, phách rơi giang-hồ.*

Hình-ảnh My-Châu, người vợ ngay thực thủy-chung bị thua cơ thất trí trước người chồng đa-trá gian-manh, đã hiện lên rất đẹp khi Trọng-Thủy áp thủy vợ đưa về táng ở Cồ-loa. Nhưng lạ thay, My-Châu tuy chết mà da thịt nàng vẫn mãi tươi thơm như cái tâm lộng trung-hậu của nàng buổi sống :

*Đưa về táng Cồ-loa làng,
Kẻ thảng đã trường, nhan-sắc còn tươi.
Phân yên chưa chút quyen trời,
Nghỉ còn mới giấc long-đài khi xưa.
Hương ngưng thoang-thoang mùi đưa,
Trăng rằm vành-vạnh chút chưa khuyết vắng.*

Trọng-Thủy tình thực về sau cũng tiếc thương vợ. Nhưng trời nào dung con người vô đạo nên bỗng xui chàng ta trăm mình chết ở giếng. Sau này mà hạt châu rửa nước giếng có trong ra thì chẳng qua cũng chỉ vì chút duyên vợ chồng xưa cũ mà thôi. Lời giải-thích tích hạt châu nước giếng ở đây tinh-tê và thú-vị, đã vẽ rõ được cái eo-le trong mối thăm-tình My-Châu Trọng-Thủy, rất gần với cuộc sống, lại vừa thỏa-mãn trí tưởng-tượng dân-tộc một cách thăm-thía :

*Hạt châu nay có cuồng đi,
Rửa trong giếng ấy lại thì thành trong.
Vì chưng duyên cũ vợ chồng...*

Tóm lại, tâm-lý My-Châu Trọng-Thủy đã được miêu-tả một cách tỷ-mỷ, tần-thâm-kịch giữa một người con gái trung-hậu hiền-lành và cái anh chàng gian-hùng xảo-trá đã được diễn ra với những lớp những màn khác nhau. Kể hòa-thần của cha con Triệu Đà là điều mà lịch-sử xưa chú-ý ghi chép lại, nhưng ở đây chung quanh mưu-kẻ ấy, tác-giả Thiên-nam ngữ-lục đã chú-trọng theo dõi mối thăm-tình My-Châu, những tinh-tiết xoay quanh mưu-kẻ nấy, tính-cách tâm-lý, những phản-ứng và hành-động các nhân-vật trước nỗi éo-le và sự thay đổi của cuộc đời. Đèn như nhân-vật phụ là vua An-dương đã yêu con thương cháu, đã đau xót như thế nào khi nước mắt nhà tan cũng được gọi lên một cách đầy-đu, sinh-động như cuộc sông vậy. Đặc-biệt là My-Châu ở đây chính là nàng My-Châu rất hiền lành và thủy-chung trong trí-tưởng, trong tin-ngưỡng dân-gian. Tác-giả Thiên-nam ngữ-lục đã trở về với nghệ-thuật thần-thoại và dã-sử mà tiểu-thuyết-hóa câu chuyện lịch-sử, và ngòi bút của tác-giả ở đây quả là sâu-sắc, ăn-cấn và tinh-tê.

Theo cái khuynh-hướng tiểu-thuyết-hóa, dùng bút-pháp miêu-tả như trên, tác-giả cũng đã tiểu-thuyết-hóa sự-tích Trưng-vương. Trước hết, tác-giả đã-cao mỗi tình giữa hai họ Thi và Trưng. Thi Sách qua ngòi bút tác-giả là một người anh-hùng thời-đại lúc bấy giờ không muốn khuất thân dưới ách tên thái-thú tàn-bạo là Tô Định :

*Bắc-biên ngoài cõi Chu-diên,
Vũ-giang huyện ấy sinh nên một người.
Tên là Thi Sách có tài,
Đông-đôi nhà đời con cháu Hùng-vương.
Trọn thời lễ nghĩa cương-thường,
Chúng muốn suy phục mở-mang nghề nhà.*

Người anh-hùng ấy nghe tiếng trong nước có hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị dung-nhan kiêu-diễm, văn-vũ giỏi tài, lại có chí lớn hơn đời, và rất lấy làm căm giận Tô Định tham-tàn, ngấm nuôi mộng đại-cuộc, cùng một lòng cùng một chí như mình :

*Đồn rằng trên quận Mê-linh,
Họ Trưng đông-đôi trở sinh đôi nàng.
Phong-tư khác thái tâm-thường,
Tóc mây, lưng tuyết, hơi hương, da ngà.
Bướm ong chưa dám gần hoa,
Trắc là chị cả, Nhị là em hai.
Kiếm no văn vũ mọi tài,
Bể trong thao-lược, bể ngoài cung tên...
Tơ-hồng còn lẽ chưa xe.
Còn trăng gác núi, còn huê bên cảnh.
Giận thẳng Tô Định gian manh,
Khởi rừng, hùm đầu cây mình mạnh chi !
Ngâm hồn phải phận nữ-nhi,
Rủ-rẻ ai kẻ khắng vì nghe theo... .*

Thi Sách bèn cho người đến cầu hôn và tỏ bày rằng cuộc tình-duyên giữa hai người sẽ mang một ý-nghĩa lớn-lao ràng-buộc nên tình ấy có cái gì rất trang-nghiêm thâm-thiết :

*Sách cho môi ước đến trình,
Dẫn dòng Hùng-tướng bày tình ông cha.
Rắp mong gây-dựng nghiệp nhà,
Hiếm trong chủ quỳ chưa hòa có ai.*

Đòi với cuộc cầu hôn này, Trưng Trắc không đâu được nổi vui sướng lãng-lẽ sâu xa, và tìm thấy ở đó một lý-tưởng, một tương-lai dần hiện tốt đẹp về-vang mà mình bấy lâu hằng ôm-ấp mong chờ :

*Trúc-vương nghe biết than rằng :
«Nước Nam ngõ những ở sông như ta.
Chẳng ngờ có kẻ lo xa,
Trong cơ-hội ấy có ta càng máu.
Vòn ta ý rắp đã lâu,
Được người hào-kiệt cùng nhau vẫy vùng!»*

Thi Sách và Trưng Trắc lấy nhau rồi, hai bên tâm đồng ý hợp, cùng nhau thể-hiện một cuộc tình duyên hết sức đẹp-đẽ như tranh vẽ :

*Tự thông hòa hiếu Bắc Nam,
Một nhà phu phụ ngàn năm kết nguyên.
Vợ chồng mừng thắm nhân-duyên,
Toan đường mở nước dựng nên nghiệp nhà.*

Từ đó, vợ chồng mưu đại-sự, lần-lữa bỏ cả phiến hầu không thèm đến Tô Định. Tô Định bèn đem quân hỏi tội. Đòi bên đánh nhau rất hăng, không may Thi Sách thua phải lui vào thành cố thủ, và khuyên Hai Bà Trưng hãy trở về Hát-môn cứu hiem. Thoạt đầu, Trưng Trắc không chịu nghe, muốn ở lại cùng chồng chống giặc. Sau nhân nghe lời Thi Sách bàn thảo lý, Bà đương đêm kéo binh về Hát-giang tính chuyện cầm cự lâu dài :

*Sách quân sợ dạ bấp-bững,
Đào qua ai nấy tìm đường về doanh.
Rao nhau gìn giữ tứ thành,
Bảo nàng Trắc Nhị mọi tình cho hay :
«Bình Tô thế nó mạnh thay,
Nàng ra đường tắt về rày Hát-môn.
Mai anh ra trận một cơn,
Thề được thời đón, thề thua thời lui».
Nàng rằng : «Rắp chi phù đời,
Chưa chi đã rời doanh lấy làm sao ?
Thiếp xin cùng chàng trợ nhau,
Mười cáo để hầu thua một hăm ru ?»
Chàng rằng : «Trong việc binh-cơ,
Chồn này bình-địa giữ chưa được lành.*

Hát-môn có thể dụng binh,
Sóng sâu làm cứ, rừng xanh làm nhà.
Đề anh dẫu nhần thề sa,
Ta về cứ đây đề mà giữ ngôi."

Sau khi hai bà thuận tình đi rồi, Thi Sách thế cô lực cùng chồng nhau với Tô Định không nổi bị tử trận, doanh trại thiêu cháy tan tành. Được tin ấy, Trưng Trắc rất đỗi xót thương người tình mệnh bạc, bèn quyết kế đánh Tô Định, truyền hịch khắp nơi, thế cùng ba quân trả thù cho nước cho nhà, và quyết thành-công :

Đôi hàng châu lệ dầm-dắm,
Đã thương thời tiếc, lại cảm mà hờn.
Thù này chắt vừng núi non,
Vàng phai chẳng phụ, đá mòn chẳng quên.
Thương vì duyên chửa phi nguyên,
Anh-hàng trác-trở, thuyền-quyên lữ-làng.
Vợ chồng là nghĩa tao-khang,
Tóc-tơ chưa chứt, thịt xương đã nguyên...
Nhấn dẫu muôn kiếp há quên,
Sông làm tiết-ngĩa, chết lên phúc-thần.
Chị em truyền hịch xa gần,
Lâm trai ai chỉ vì dân trợ đời...
Cùng nhau hợp cửa Hát-môn,
Cắt tay lấy máu lên đàn thề nhau.
Thời nay lại đợi thời nào...

Hình-ảnh Hai Bà Trưng từ đây được nâng nổi hẳn lên theo kiểu các nhà sáng-tạo ra thần-thoại và truyền-thuyết. Trước hết, tác-giả Thiên-nam ngữ-lục cực-tả viên thái-thứ Tô Định như một tên hung-thần ở cõi Giao-chi, ngông-ngãnhnng tự-đắc, coi thường nghĩa-quân của Hai Bà như cỏ rác, đề tăng-cường sự vũ-dũng của Hai Bà về sau này :

Định từ nghe biết phong thanh,
Nực cười con trẻ bọc quanh tổ hãm.
Chồng nó xưa đã mưu làm,
Lanh-chanh cho phải nhớ gươm tao rày.
Còn nó sông sót về đây,
Ngờ biết từ rày phần lại làm tối.
Thời tao dùng thứ dưỡng nuôi,
Chấp chỉ gái hóa mà hoài gươm thiêng.
Hàng đồng ra dạ giọng chiêng,

Kinh kinh nghe trông toan riêng lấy phần.
Nêu mà chẳng chấp phụ-nhân,
Đề lâu sấm-sở quen thần lảng-loàn...
Manh-bạo nó đã mấy mươi,
Mây nổi giữa trời trận gió thổi bay.

Tô Định hay tin Hai Bà khởi nghĩa, cắt quân đến đánh, khi ra trận giáp mặt Hai Bà lại đâm ra mê-mẩn tâm-thần vì nữ-sắc mê hồn của Hai Bà. Người nữ anh-hùng ở đây đã dụng-ý dùng cái sắc đẹp của mình để mê-hoặc tên thái-thứ vốn có tiếng dâm-bôn và dụng ý tri-hoãn việc đề tang chống cật khỏi làm giảm nhuệ-khí ba quân, sự dụng-ý mà chính bà sẽ xác-nhận sau này khi đại-sự đã thành. Ngòi bút tác-giả đã tỏ ra rất tinh-tế và nóng-thấm lúc mô-tả dung-mạo Hai Bà vừa mỹ-lệ, vừa đầy vẻ tự-tin của người chiến-thắng :

Định bèn ra đứng quân trung,
Thấy hai tướng gái đã xông đèn gán.
Dung-nhan điện-mạo phương-phi,
Tốt vời lãng-uyển, khác gì Hằng-nga.
Miệng cười hơn-hơn nở hoa,
Da tựa trứng gà, má tựa phần yên.
Chiên-bào Thục găm về in,
Lưng đeo đai ngọc, chắn xuyên hoa hải.
Trên đầu búi tóc vén mai,
Hoa cài tả hữu, thoa cài trước sau...

Giữa trận tiền, Hai Bà ra sức tung-hoành anh-dũng, ngòi bút của tác-giả như càng thêm hào-hưng :

Định giận dục ngựa xông ra,
Nàng dăm hoàng-việt, bình hòa rẽ đôi.
Một mình Tô Định chịu hai,
Xông Nam đột Bắc thế coi anh-hùng.
Ấm-ấm tá đột hữu xung,
Chém Tô trong trận như rồng cuốn mây.
Quần Ngộ mắt vừa chạy ngay,
Định bèn mắt vừa mình rày tháo ra.

Sự thực lịch-sử cho biết rằng khi Hai Bà dấy nghĩa thì Tô Định binh bại phải bỏ chạy về Nam-hải. Ngòi bút của tác-giả Thiên-nam ngữ-lục không chép theo sử, trái lại đã phát-triển câu chuyện theo dã-sử, thần-tích và tâm-lý chung mà tả Hai Bà khi-thế đứng-mãnh, tài-ba phi-thường, chẳng những đã đánh tan quân-đội Trung-quốc mà còn chém rụng đầu Tô Định nữa :

Nàng đương con giận cỡ liễu,
 Khu thẳng Tô Định như bèo gió đưa.
 Đốt tan lũy ái, dinh kỳ,
 Ngó binh thê túng như cờ mắt xe.
 Bèn cùng nàng giáp can qua,
 Nàng gươm hoàng-việt chém pha một hồi.
 Thê bằng hùm đói tranh mồi,
 Chưa ăn đã hết, nào ai lập nhìn.
 Cầm đầu Tô Định gươm lên,
 Ngó binh nhìn thấy bỗng liến đảo qua.
 Đường hươu mở lưới chạy pha,
 Minh còn ở Việt hôn đà về Ngô.

(còn một kỳ nữa)



CÔI-HOÀNG-NHÂN
 sao-thuật

lược-sử và văn-chương Mạc-Đình-Chi

Ông Mạc-Đình-Chi là người ở làng Lũng-Động thuộc huyện Chí-Linh, tỉnh Hải-Dương (Bắc-Phán). Ông tổ Mạc-Đình-Chi tên là Mạc-Hiển-Tích, thi đỗ Thái-Học-sinh khoảng niên-hiệu Quang-Hựu đời nhà Lý trước. Tục truyền, nhà ông ở gần khu rừng. Một hôm bà mẹ ông đi hái củi trong rừng, không may bị con khỉ đực vồ và hãm hiếp. Bà về mách với ông chồng, tức là người cha Mạc-Đình-Chi. Ông chồng nổi cơn tức giận, liến mặc giả dạng đàn-bà, đợi hôm sau đi lại khu rừng ấy, quả nhiên lại gặp con khỉ lần đến. Ông cụ sẵn con dao củ ở trong mình, rút ra đâm chết ngay con khỉ rồi bỏ đó đi về. Cách vài ngày sau, ông ra qua chỗ đó thì thấy môi dùn lập mắt con khỉ, thành ra một ngôi mộ khá to. Từ đó bà cụ lần lần có nghén và ngót một năm sau thì đàn sinh Mạc-Đình-Chi. Rồi không bao lâu thì ông cụ thân-sinh bị đau rất nặng. Trước khi ông cụ lâm chung, có dặn bà vợ sau khi ông mất sẽ đem ông táng lên trên cái mộ của con khỉ trước. Và sau đó khi ông Mạc-Đình-Chi mắt cũng lại táng luôn ở ngay liến đó.

Khi Đình-Chi sinh ra, tướng người thấp bé xâu-xí, dền nổi ai trông cũng phải chán. Nhưng tư-chất thì rất thông-minh lanh-lẹn, học đâu biết đó, khắp vùng đều thán phục tài ông. Năm giáp-thìn là năm thứ 12 niên-hiệu Hưng-Long đời vua Anh-Tông nhà Trần (1304), có mở khoa thi để kén chọn nhân tài, ông Mạc-Đình-Chi được trúng thứ nhất, gọi là Trạng-nguyên, dưới ông là ông Bùi-Mộ đỗ Bảng-nhơn, ông Trương-Phóng đỗ Thám-hoa-lang, ông Nguyễn-Trung-Ngạn đỗ Hoàng-giáp và 40 người nữa được đỗ Thái-học-sinh.

Trong lúc Mạc-Đình-Chi vào thi trước sân vua, nhà vua thấy tướng mạo ông quá xâu, trong bụng không ưa, không muốn cho đỗ đầu khoa. Ngay lúc đó,

Ông có làm bài phú Ngọc-Tinh-Liên (sen trong giếng ngọc) đề dâng lên vua. Bài phú có những câu như sau :

架	水	晶	兮	為	宮
鑿	琉	璃	兮	為	戶
碎	玻	瓊	兮	為	泥
洒	明	珠	兮	為	露
豈	護	落	兮	無	容
嘆	輝	媚	兮	多	誤
苟	予	柄	之	不	阿
果	何	傷	兮	風	雨
恐	芳	紅	兮	搖	落
美	人	來	兮	歲	暮

Phiên âm

Giác thủy tinh hề vi cung,
Tạc lưu-li hề vi hộ;
Tối pha-lê hề vi nê,
Sái minh châu hề vi lộ.
Khởi hộ lạc hề vô dụng?
Thán thủy-quỳn hề đa ngộ!
Cầu dư bính chi bất a,
Quá hà thương hề phong vũ?
Khủng phương hồng hề dao lạc,
Mỹ nhân lai hề tuê mộ!!!

Lược dịch

(Đây là một thứ hoa)
Giác thủy-tinh để làm cung thất,
Đập ngọc lưu-li để làm cửa ngõ;
Nghiến tan pha-lê để làm bùn vun bón dưới gốc,
Rưới những hạt minh châu để làm mưa móc tưới tắm ở trên.
Như thế há rằng những hạng giữ gìn bông hoa lại không dung tới?
Vậy đáng than rằng con người đẹp kia thực còn nhiều điều lắm lẫn!
Vi bằng cái chuỗi dài của ta nó không cong queo uốn éo,
Thì phòng có hại gì đến những cơn mưa gió ngoài kia.
Chỉ sợ rằng đến khi hương thơm về đẹp đã rơi rụng đi rồi,

Khi đó mỹ-nhân có muốn tới nơi thưởng-thức thì năm đã tàn mà hoa không còn nữa.

Vua Anh-Tông đọc bài phú đó trong lòng bồng hờn và phê ngay tên Mạc-Đình-Chi đứng lên trạng-nguyên bậc nhất. Cách đó không bao, Mạc-Đình-Chi vắng mạng sang sứ bên nước Nguyên. Khi đi tới tỉnh Lạng-Son, nhân thầy non nước hữu tình, ông có vịnh một bài thơ quốc-ngữ, trong đó có câu :

Đầu non lác đác vài đôi yền,
Mặt nước thung thẳng mấy chiếc thuyền...

Đi tới cửa Nam-quan, vì đường đi mưa gió chậm trễ, không đúng kỳ hạn, nên người coi cửa quan đóng cửa lại và đọc một câu đề cho đôi được rồi sẽ mở cửa. Câu đối như sau :

到關遊，關官閉，願過客過關

Đáo quan trì, quan quan bế, nguyện quá-khách quá quan.

(Tới cửa quan chậm, quan coi cửa đóng. vậy quá khách tìm cách mà qua).

Mạc-Đình-Chi ứng khẩu đối ngay :

出對易，對對難，請先生先對。

Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên-sinh tiên đối.

(Ra câu đối thì dễ, đối câu đối thì khó, vậy xin mời nhà thầy đối trước cho).

Người Nguyên nghe câu đối liền mở cửa để cho đi qua, tiền đường vào thẳng Yên-kinh là kinh-đô nhà Nguyên. Khi tới nơi, người Nguyên để cho ở riêng một nơi công-quán và có một hôm mời đến phủ Thừa-tướng nói truyện. Trong phủ thừa-tướng có một bức trướng thêu con chim sẻ đậu trên cành trúc, nét thêu tinh-thần hoạt-động chẳng khác một con chim sống vậy. Mạc-Đình-Chi thoạt trông ngỡ là chim thực, đứng dậy chạy tới toan bắt con chim. Bọn quân lính đứng quanh thấy thế cười ó lên, có ý khinh là quê mùa không hiểu. Mạc-Đình-Chi liền cảm ngay chính con chim thêu đó xé bức trướng ra lập tức, và nói lên rằng :

— « Trúc là hạng quân-tử, chim sẻ là loài tiểu-nhân. Tôi thấy người ta thêu cây mai chim sẻ chứ chưa thấy chim sẻ đậu trên cây trúc bao giờ. Và chẳng đem chim sẻ cho đậu trên cây trúc, tức là đặt tiểu-nhân lên trên quân-tử, tôi e như thế thì cái đạo quân-tử ngày bị sút kém mà kẻ tiểu-nhân ngày thêm đắc chí. Vì vậy xin vì thánh-triều trừ bỏ nó đi. » Bọn người Nguyên đều lấy làm phục.

Một bữa kia, có cả viên sứ-thần Cao-Ly cùng vào triều vua nhà Nguyên. Chợt có một vị sứ-thần nước khác đem dâng vua Nguyên một cây quạ. Vua

Nguyên bèn bảo các sứ-thần mỗi người làm một bài minh để để vào quạt. Sứ Cao-Ly vâng lời liền cầm giấy bút viết ngay mấy câu:

蕪 隆 蕪 蕪, 伊 尹, 周 公。
雨 雪 淒 淒, 伯 夷, 叔 齊。

«Uân long trùng trùng, Y-Doãn Chu-Công;
Vũ tuyết thê thê, Bá-Di, Thúc-Tế!»

(Khi trời nóng bức gớm ghê, thì giá-trị như ông Y-Doãn và ông Chu-Công (Hai ông này đều gặp thời hiền đạt).

Khi mưa tuyết lạnh lẽo thì giá-trị cũng như ông Bá-Di và ông Thúc-Tế (hai ông cùng ẩn ở núi Thù - Dương rồi) chết đói ở núi không ai nhìn tới).

Mạc-Đình-Chi ngay lúc đó còn nghi vấn-vơ chưa đặt được câu, nhưng khi trông theo cán bút của sứ Cao-Ly thì chợt đoán ngay ra và cũng cầm bút viết liền:

流 金 燦 石, 天 地 為 墟, 汝 於 斯 時 兮, 伊 周 巨 儒。
朔 風 其 淒, 雨 雪 載 塗, 汝 於 斯 時 兮, 夷 齊 餓 夫。
噫! 用 之 則 行, 舍 之 則 藏, 惟 我 與 爾 有 是 夫。

«Lưu kim thược thạch, thiên địa vi lô, như ư ty thời hế, Y Chu cự nhô;
«Sóc phong kỳ thê, vũ tuyết tải đồ, như ư ty thời hế, Di Tế ngã phu.
«Y! Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng; duy ngã dữ nhi hữu thị phù.

(Trời vàng chói đá, trời đất như lò; nhà người lúc đó khác nào ông Y-Doãn và ông Chu-Công là những tay cự nhô;

Gió bắc lạnh-lùng, mưa tuyết đầy đường; nhà người lúc đó khác nào ông Bá-Di và ông Thúc-Tế chịu nằm chết đói ở núi Thù-Dương.

Ồi! Khi đời dùng thì ta làm việc, khi đời không dùng thì ta lại xếp kín một nơi, điều đó riêng ta với nhà người là được như thế đó).

Vua nhà Nguyên xem bài của các sứ, trong bụng riêng thích bài của Mạc-Đình-Chi liền phê cho Đình-Chi thứ nhất và sứ Cao-Ly đứng hạng thứ nhì. Sứ Cao-Ly vì thế tức giận tự vẫn mà chết.

Trong thời gian Mạc-Đình-Chi sứ công ở nước Nguyên, hết thấy nhà vua cũng mọi người đều phục cái tài ứng-đời của Mạc-Đình-Chi, vì mỗi khi ra câu gì ông cũng tìm ngay được chữ đối lại mà ngụ được ý tự tự cao hơn cả mọi người. Những câu đối đáp rất nhiều, tiếc rằng không thể biên ra hết được. Đây chỉ xin chép mấy câu đại-khái để đọc-giả thưởng-thức và cũng là hiểu biết cái biệt tài của một bậc văn-nhân nước ta khi trước:

Có một lần ông cưới con lừa đi dong chơi, gặp một người Trung-Quốc cưới ngựa cùng đi tới đó, không ngờ con lừa của ông đi chạm vào con ngựa của người kia. Người kia liền đọc ngay một câu:

觸我騎馬, 東夷之人也, 西夷之人也。
«Xúc ngã kị mã, đông-di chi nhân dã, tây-di chi nhân dã.»

(Húc vào con ngựa của ta, là người mọi dợ phương-đông hay người mọi dợ phương tây?) Câu này họ dùng hai đoạn chữ «đông-di chi-nhân, tây-di chi-nhân» ở trong sách cổ và có ý bảo mình là bọn man-di chi đó. Tức thời ông Mạc đọc ngay câu đối lại:

過予乘驢, 南方之強獸, 北方之強獸?
«Át dư thừa lư, nam phương chi cường dư, bắc phương chi cường dư?»

(Cần đường ta cưới lừa đây, là quân cường-bạo ở phương nam chăng, hay quân cường bạo ở phương bắc chăng?)

Câu này Mạc-Công cũng dùng hai đoạn «nam phương chi cường dư, bắc phương chi cường dư» là chữ liền trong sách cổ để đáp lại và cũng tỏ ý chê họ là hạng cường bạo, không được nho nhã lịch-sự như mình.

Lại một buổi có một người đèn thờ tài ông, ra cho một câu đối rất là oái-oăm như sau:

杞 已 木 樞 否 木, 如 何 以 杞 為 樞。
«Kỳ dĩ mộc, bôi phủ mộc; như hà dĩ kỳ vi bôi?»

Cây kỳ là gỗ, cái chén (ly) không phải là gỗ, làm sao lại dùng cây kỳ để làm cái ly?)

Câu này, theo lời chiết tự mà ta: chữ 'Kỳ' 杞 là cây gỗ kỳ, do chữ 'dĩ' 已 là đã và chữ 'Mộc' 木 là cây chấp lại và chữ 'Bôi' 樞 là cái ly thì do chữ 'Phủ' 否 là không và chữ 'Mộc' 木 là cây chấp lại, đó là đoạn trên. Đèn đoạn dưới họ lại dùng hai chữ đó mà hỏi sang nghĩa khác, tức là thử xem trạng họ Mạc có đối được giống như thế, hay không? Nhưng tức thì ông trạng họ Mạc nghe xong là đọc liền ngay câu đối:

僧 曾 人, 佛 非 人, 云 何 以 僧 事 佛。
«Tăng tăng nhân, phật phật nhân; vân hà dĩ tăng sự phật?»

(Thầy tăng là thêm người, ông Phật không phải là người; vậy sao thầy tăng thờ cúng ông Phật?)

Câu đối này cũng lại theo lời chiết-tự mà ra: Nửa trên dùng chữ 'Tăng' 僧 là thầy chầu, do chữ 'tăng' 曾 là thêm và chữ 'nhân' 人 là người chấp lại, còn chữ 'Phật' là ông Phật thì do chữ 'phật' 弗 là không phải và chữ

'nhân' 人 là người chấp lại; và đoạn dưới cũng lại lấy hai chữ trên để làm câu hỏi đúng là đối chọi với trên.

Lại còn một điều rất đáng chú-ý là người Trung-Quốc từ xưa đòi với người mình vẫn tỏ lòng khinh-mạn, có khi họ cho người Việt chúng ta là quý hay là man, cho nên trong lúc giao thiệp với trạng họ Mạc, thỉnh-thoảng họ lại dùng những câu thử thách, để xem khẩu khí ra sao.

Đại-khái như câu:

魃 魅 魍 魎 四 小 鬼。

«Lị mi vọng lượng tứ tiểu quỷ».

(Lị, mi, vọng, lượng, bốn đứa quỷ nhỏ).

Trong câu này, cái nghĩa của 4 chữ ở trên không có gì sâu sắc, song họ cốt tìm 4 chữ đều có chữ 'quỷ' 鬼 ở một bên ghép vào đó, một là khiến cho người đòi rất khó kiếm được chữ mà đòi lại; và hai là để ngụ cái ý khinh bỉ ở trong để xem có hiểu hay không?

Nhưng quan trạng nhà ta cũng không chịu kém, người đã tìm ngay được những chữ để đòi chọi lại mà lại có vẻ lên mặt hơn nhiều.

琴 瑟 琵琶 八大王。

«Cầm sắt tỳ bà, bát đại-vương».

(Cầm, sắt, tỳ, bà, tám ông vua lớn).

Theo ý người đòi thì 4 chữ trên trong câu này cũng không có dụng ý gì, cũng tương tự như 4 chữ về trên của câu đã xuất ra trước mà thôi. Nhưng cái cốt tử là chú-trọng ở mỗi chữ này đều có 2 chữ 'vương' 王 ở trên đầu, vì thế mới thành ra được tám đại-vương để chọi với bốn tiểu quỷ trên kia, tức là họ cho mình là quý, nhưng mình lại tự nhận là đại-vương, một bậc phi thường hơn họ.

Lại như câu:

鳩 叶 枝 頭 談 魯 論: 知 為 知, 不 知 為 不 知, 是 知。

«Quyech khiêu chi đầu đàm Lỗ-Luận: tri vi tri, bất tri vi bất tri, thị tri».

(Chim quých ở trên đầu cành đọc sách Luận-Ngữ nước Lỗ, (đền câu) biết cho là biết, không biết nhận là không biết, thế là biết).

Cứ theo nghĩa đen câu này thì không có gì là đáng kể. Song theo ý bóng thì tỏ ra họ coi mình là bọn «Nam-man quých thiết» (mọi rợ phương Nam, lười lười-lo như chim quých), và cũng học đòi sách vở nên đọc những câu trong sách Luận-Ngữ mà những câu đó có giọng chẳng khác giọng lười con chim. Cũng vì thế nên ông trạng của ta đã không ngần-ngại kiếm ngay

một câu để trả miếng lại và cũng tỏ ý khinh bỉ tiêng nói của bọn họ chẳng khác gì giọng con ếch ở chôn đáy giếng kia vậy:

蛙 鳴 井 底, 讀 郵 書: 獨 樂 樂, 與 眾 樂 樂, 熟 樂。

«Oa minh tỉnh để độc Trâu thư: độc lạc nhạc, dữ chúng lạc nhạc, thực lạc?»

Trong câu đòi này chính nghĩa đen thì cũng không có gì đáng kể. Song nghĩa bóng của nó là trở báo bọn họ chẳng khác con ếch cũng đọc sách Mạnh-Tử, và có những giọng ồm-ồm không được thanh-tao.

Lại có một lần, người Nguyễn muốn thử khí-phách của trạng ta, họ liền ra một câu:

日 火 雲 烟, 白 旦 燒 殘 玉 兔。

«Nhật hỏa, vân yên; bạch đán thiêu tàn ngọc-thỏ».

(Mặt trời là lửa, đám mây là khói, khi sáng sớm ra đốt trụi mặt trăng).

Đại-ý câu này, họ chò họ như là mặt trời mà ta đây là mặt trăng và mặt trời kia sẽ có lửa có khói để đốt cháy mặt trăng đi được. Liền đó trạng ta cũng không chịu lép vế, nên người đã đòi ngay:

月 弓 星 彈, 黃 昏 射 落 金 烏。

«Nguyệt cung, tinh đạn; hoàng hôn xạ lạc kim-ô».

(Mặt trăng là cung, ngôi sao là đạn; đợi lúc xế chiều thì bắn chệt con quạ vàng tức là mặt trời).

Trong câu này, không những trạng ta đã đòi đáp rất chính, mà hơn nữa lại tỏ ý có thể một ngày kia sẽ bắn chệt được mặt trời chứ không chịu kém. Vì thế nên người Trung-Quốc lúc đó có phê vào câu đòi rằng: «Đền sau này con cháu trạng Mạc, tất sẽ có người tranh cướp ngôi vua».

Nhân đó họ lại ra luôn một câu nữa để xem hậu vận của trạng ra sao:

安 夫 女 以 豕 為 家

«An, khữ nữ, dĩ thỉ vi gia».

(Chữ 'An' 安 là yên, bỏ chữ 'Nữ' 女 là con gái, để cho chữ 'Thỉ' 豕 là con heo vào thì thành chữ 'Gia' 家 là cái nhà).

Trạng Mạc liền đòi ngay:

因 出 人 入 王 成 國

«Tù, xuất nhân, nhập vương thành quốc».

(Chữ 'Tù' 囚 là kẻ tù, bỏ chữ 'Nhân' 人 là người ra, cho chữ 'Vương' 王 là vua điển vào thì thành chữ 'Quốc' 國 là nước).

Do đó người Nguyễn đoán ngay là con cháu của trạng sau này tất sẽ tiếm đoạt được ngôi vua, song vì chữ Quốc 國 là chữ viết đơn, không được

đầy đủ như chữ Quốc 國 kếp, nên dù có tiệm đoạt, cũng không hưởng được bao lâu.

Được ít lâu, bỗng vua Nguyên có vị công-chúa tạ thê, các quan trong triều làm lễ tề điều, họ cô nài trạng ta vào đọc văn-tê. Mạc-Đĩnh-Chi vâng lời vào quỳ trước hương án mở văn ra đọc, thì thầy trong bản văn trừ những câu tiêu đầu không kể, ngoài ra trong lòng đạo văn thì chỉ thấy có 4 chữ 'Nhất' — viết cách quãng không liền với nhau, còn tịnh không có một chữ gì khác. Trạng ta cũng ung-dung đọc luôn đến chỗ 4 chữ Nhất thì tiếp thêm rằng:

天上一朵雲
紅爐一點雪
上苑一枝花
長安一片月
噫! 雲散雲消
花殘月缺

«Thiên thượng nhất đoá vân,
Hồng lô nhất điểm tuyết,
Thượng uyển nhất chi hoa,
Trường-an nhất phiến nguyệt,
Y! Vân tán, tuyết tiêu,
Hoa tàn, nguyệt khuyết!»

(Trên trời một đoá mây; lò hồng một giọt tuyết; vườn vua một cành hoa; kinh-dô một mảnh trăng. Ôi! Mây tán, tuyết tan; hoa tàn, trăng khuyết!)

Theo đoạn này ý-nghĩa 4 câu ở trên là tả cái phong tư giá-trị của nàng Công-chúa, và 8 chữ về dưới là tỏ ý than tiếc công-chúa đã xa lánh cõi trần, không còn bao giờ thấy mặt. Bọn tướng thần nhà Nguyên thầy tài học như vậy lại càng quý trọng trạng Mạc và lưu-luyện không nỡ rời tay.

Duy có một điều người Nguyên lấy làm quái lạ là, trông ngoài tướng-mạo của trạng ta, tuyệt nhiên không có một vẻ gì là xuất-chúng mà sao lại có tài học thông-minh đến mực hơn người như thê. Nhân vậy họ đê ý bảo các thầy tướng cổ sức tìm kiếm xem có dị-tướng gì không. Mãi sau một hôm trạng ta đi ra cầu tiêu về, người thầy tướng vội ra tận chuồng cầu đê xem thì thầy những phân đi tiêu đó toàn là khuôn vuông cả. Do đó họ mới đoán là trạng ta chỉ có cái tướng hậu-môn vuông, cho nên mới được khác người như vậy.

Trạng ta được người Nguyên trọng đãi và lưu ở lâu ngày, trong lòng dần-dần nghĩ nhớ nước nhà quê-quán, liền nói với các tướng-thần nhà Nguyên xin trở về nước. Người Nguyên cũng không thể giữ lại mãi được, bèn bầy

truyện ra một câu đời, nói rằng đời được hay chọi thì sẽ để trạng ra về. Câu đời như sau:

十口心思: 思國思家思父母.

«Thập khẩu tâm tư: tư quốc, tư gia, tư phụ mẫu.»

(Mười lời nói tỏ trong lòng nhớ: nhớ nước, nhớ nhà, nhớ cha mẹ).

Trong về ra này, đại ý người Nguyên muốn nhắc lại những lời của trạng ta đã nói là nhờ nước nhà mà xin ra về, cho nên họ dùng chữ 'Tu' 思 là nhớ để làm thần đê trong câu. Nhưng chữ 'Tu' đây họ lại dùng lối chiết tự mà tả, vì chữ 'Tu' thì gồm cả 3 chữ 'Thập' 十, 'Khẩu' 口 và 'Tâm' 心 mà thành ra, nên họ cô gò như thê để cho kẻ đời cũng khó lòng mà tìm chữ được giống như thê để mà đời lại. Nhưng thực là tài tình, trạng ta cũng không phải suy-nghi, ứng, khẩu đời liền:

寸身言謝: 謝天謝地謝君王.

«Thôn thân ngôn tạ: tạ thiên, tạ địa, tạ quân vương.»

(Tấc thân này xin nói tạ ơn: tạ trời, tạ đất và tạ đức vua).

Về đời này thực là tuyệt diệu. Đàng kia họ kể cái ơn vì thầy trạng nói là nhớ nhà mà họ sẽ chấp-thuận cho về, thì đàng này trạng ta cũng lấy lời thành-thực cảm tạ ơn họ. Và hơn nữa là chiết tự chữ 'Tạ' 謝 là tạ ơn ra thì cũng gồm những chữ 'Thôn' 寸, 'Thân' 身 'Ngôn' 言 ở trong đó, so ra không kém gì chữ 'Tu' của về ra kia, cũng gồm 3 chữ chấp lại mà thành.

Người Nguyên nghe tới câu này lại càng thần phục thiên tài của trạng họ Mạc, liền hạ chiếu ưng chuẩn cho về. Nhưng họ Mạc trở về, vua Nguyên lại sai quan cùng đi sang nước ta, trước là quan-sát phong-hóa, sau là có ý nghiệm xem phần-mộ của trạng Mạc hoặc có cục cách phát tích chi chăng.

Khi về tới nước, họ Mạc có dân sứ Nguyên cùng các người tùy tùng đi coi những phần-mộ của nhà. Do đó người Nguyên nhận ra là nhà Mạc đã được ngôi đất phát tích cho nên mới sinh ra bậc thiên-tài thông-minh như vậy. Duy hiếm về một nỗi, ngôi đất đó không có con thủy lưu lại cho nên suốt đời ông tuy phát-đạt làm to mà sau trước vẫn là nghèo túng. Vì thê, sau này ông Thoát-Hiên có làm bài thơ vịnh trạng nguyên Mạc-Đĩnh-Chi như sau:

第壹魁元早致身
居官不改舊清貧
扇銘增重燕京譽
使節方知國有人

Đệ nhất khôi nguyên tảo trí thân,
Cư quan bất cải cựu thanh bần.

*Phiên minh tăng trọng Yên-kinh dự,
Sứ tiết phương tri quốc hữu nhân...*

Bài thơ đại-ý nói: Ông là người đỗ đầu khoa thi, mà tuổi còn trẻ. Trong khi làm quan ông vẫn giữ mực thanh bản, không hề thay đổi. Khi ông để bài minh trên cái quạt của vua Nguyễn đã làm nổi bật danh-dự ở chôn Yên-Kinh là kinh-đô của nhà Nguyễn; Và cứ coi khi-tiết trong khi sang sứ nhà Nguyễn, mới tỏ ra rằng nước ta cũng có nhân-tài chẳng kém gì nước khác.

Khi Mạc-Đình-Chi mất rồi, con cháu ông cũng nổi đời hiền đạt hơn người. Vào khoảng bắt đầu đời Lê-Thái-Tổ vì qua cơn loạn lạc do quân Minh quấy rối, nên con cháu phải rời sang ở làng Cỗ-Trai thuộc huyện Nghi-Dương, cùng trong tỉnh ấy. Và Mạc-Đăng-Dung sau đó tức là người cháu đời thứ 7 của Mạc-Đình-Chi vậy.

Phụ thêm câu truyện tục-truyện

Theo lời trong nước truyện thuyết thì bà vợ ông Mạc-Đình-Chi cùng người đầy tớ gái tên là Thị-Đàm bị mất trước ông đã lâu. Khi ông sang sứ bên Trung-Quốc, một hôm đi chơi qua chợ Hoài-Dương, chợt thấy Thị-Đàm chạy theo khóc-lóc, nói với ông rằng:

— « Bà nhà ta hiện ở trong ngục rất khổ, ông nên đi tới thăm qua ».

Nói đoạn, đưa áo cho ông mặc và dẫn ông đi tới một nơi âm-phủ kia thì thấy bọn quỷ-sứ đương nài một vạc dầu sôi lên sùng-sục. Mạc-Đình-Chi hỏi nài để làm gì thì bọn chúng trả lời là sẽ bắt vợ Mạc-Đình-Chi để cho vào đó. Đình-Mạc-Chi liền hỏi vì tội tình gì, thì bọn họ nói là vì tờ-phụ bà này trước đây đem tượng đồng thờ Phật về nhà để làm đó đúng trong nhà, cho nên nay phải chịu tội như thế.

Đình-Chi lại hỏi có cách gì khả dĩ gỡ được tội ấy thì chúng nói:

— « Duy có xây được cái tháp 9 tầng, bắc được cây cầu 9 dịp, làm nổi ngôi chùa 100 gian và thiết đàn trai-tiêu rất to, thì mới có thể vô sự được ngay. »

Đình-Chi ghi nhớ lời đó, khi trở về nước bèn tâu với nhà vua xin cấp cho tiền của, làm đủ các thứ như trên để cầu siêu thoát cho vợ.

Về sau, khoảng niên-hiệu Cảnh-Thịnh đời Tây-Sơn, trong xứ Thanh-Hoa có ngôi đền thờ vua nhà Trần, nhân khi người làng đó có việc ra đến cầu cúng, bỗng thấy người nhà đến bốc đồng lên, tự xưng là hồn của quan trạng Mạc-Đình-Chi hiện về. Người làng thấy vậy, xúm lại xin cho một bài văn để tề đức thánh Không. Thì thanh đồng đó đọc ngay mấy câu như sau:

自天縱之

惟聖乙己

正心修身齊家治國平天下，完事業于一身，
刪詩定書贊易正樂修春秋，垂道學于萬世。

「 Tự thiên tằng chi ;

Duy thánh ất dĩ.

*Chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc bình thiên hạ, hoàn sự nghiệp vu nhất thân
San Thi, định Thư, tán Dịch, chính Nhạc, tu Xuân-Thu, thụ đạo học vu
vạn thế . . .*

Mấy câu ấy đại ý nói: Đức Không là bậc trời đã phú cho, mà là bậc thánh ở trên đời. Ngài làm những mục đích chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, để hoàn tất sự nghiệp cho một đời người. Hơn nữa, ngài lại san kinh Thi, định kinh Thư, tán kinh Dịch, chính kinh Nhạc, sửa kinh Xuân-Thu, đủ để truyền đạo-học cho suốt muôn đời.

Cái linh-sáng văn-chương, trải mấy trăm năm, từ đời nhà Trần cho mãi tới đời Tây-Sơn mà còn như thế, thực là một việc đáng để lưu-truyền làm một giai-thoại về sau. Vậy nhân phụ chép vào đây, để khách văn-chương thường lãm trong khi từ hậu trả dư, thiết tưởng cũng không phải là câu truyện hoàn toàn vô ích.

« CULTURE LIBRARY »

published by the Directorate of Cultural Affairs
Department of National Education

Already Published :

- SỬ-LIỆU VIỆT-NAM** (Documents on Vietnamese History)
by *Tuấn-Lý Huỳnh-khắc-Dùng*.
(Culture Library No 1, 246 pages) 25\$
- CỔ-ĐỒ HUẾ** (Huế, the Ancient Capital)
(History, Monuments, Sites and Anthology) by *Thái-Văn-Kiểm*
(Culture Library Nos 7-8, 487 pages, 53 illustrations and maps). 70\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT**
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
The 6 provinces of South Vietnam)
translated by *Tu-Traï Nguyễn-Tạo*.
Part I (Culture Library No 2, 152 pages). 20\$
Part II (Culture Library No 3, 132 pages). 15\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TỈNH THANH-HÓA**
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
Province of Thanh-Hoa)
translated by *A-Nam Trần-Tuân-Khôi*.
Part I (Culture Library No 4, 122 pages). 15\$
Part II (Culture Library No 5, 174 pages). 15\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
Central Vietnam)
translated by *Tu-Traï Nguyễn-Tạo*.
a) *The Capital* (Culture Library No 6, 96 pages). 15\$
b) *Provinces of Quảng-Trị and Quảng-Bình*
(Culture Library No 9, 208 pages) 20\$
c) *Province of Thừa-Thiên*, Part I (Culture Library No 10, 144 pages) 15\$
Part II (Culture Library No 11, 152 pages) 15\$
Part III (Culture Library No 12, in press) 15\$
- On sale in all bookshops of the Capital and the provinces, in **THÔNG-NHẤT** (329 Bd Trần-Hưng-Đạo, Saigon) and at the Directorate of Cultural Affairs (266 Công-Lý Street, Saigon).

TẶNG-CHII
TRẦN-VĂN-THUỢC

*góp ý-kiến về việc
quy-định văn thơ tiếng Việt*

1. Tài « bắt vần » của người Việt-Nam

Không nên tăng-bớt một ai, cả đến dân-tộc mình, mình cũng không nên ngợi khen quá đáng. Song le trường có thể nói — mà không sợ mang tiếng là nói ngông-cuồng — rằng người Việt-Nam ta rất thích « bắt vần » và « bắt vần » nhanh nhẹn lắm. Này nhé :

*Tay bắt mặt mừng,
Riềp đại cái non,
Trẻ mười cả, già mười đưa,
Ăn đã vậy, mùa gậy làm sao ?
Mồm chép, mếp mề ;
Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trẻ ,
Thiều đất trồng dưa, thừa đất trồng cau . .*

Đây, người bình-dân, bắt luận làm nghề-nghiệp gì, chú thợ cày, cô em bán cá bán tôm, bà chủ phụ . . . thường thốt ra những câu nói có vần. Mà, có lẽ tài « bắt vần » là một cái tài đặc-biệt Hóa-công phú dữ cho dân-tộc ta. Ngoài Bắc, trong thời thịnh-trị xưa kia, nhân khi ngày rộng tháng dài, mùa xuân thì có những cuộc thi đua hát-quan-họ ở vùng Kinh-Bắc (Bắc-Ninh, Bắc-Giang), hát-dám tại miền Hải-Yên (Hải-Dương, Hải-Phòng, Kiên-An, Quán-Yên), mùa thu, và cả trong các ngày khánh-tiết, tại miệt Sơn-Nam-Thượng, hạ trần, thường có những đám hát-trồng-quần. Trong các cuộc ganh đua xướng hát ấy, hai bên đối phương (nam có, nữ có) đều phải

[Tập XII, Quyển 4 (Tháng 4, 1963)]

ứng-khẩu hát những lời vắn nhau để giải-đáp những câu đố, câu hỏi — có câu dài hàng chục vắn — nhiều khi rất hóc-búa, bên này sách (thách) bên kia họa, trả lời rồi lại hỏi vắn lại, cứ luân-chuyên như thế, có khi cuộc hát đầu kéo dài đến ba bốn tiếng đồng hồ, có khi thâu đêm suốt sáng, cực kỳ hào-hứng. Tại Trung-Phán, vùng Nghệ-Tĩnh nổi tiếng về điệu « hát-phường-vải » và các điệu hò là món sở-trường và cũng là điểm hành-diện của đồng-bào Trung và Nam-Bộ.

Có thể nói rằng các cuộc thi đua « bắt vắn » ấy là những cuộc chơi phong-nhã, ít có trong hoàn-vũ.

2. Giá-trị của vắn thơ

Khi đàm-thoại, lúc hành văn, bao giờ tứ cũng trọng hơn từ; song lẽ, nếu lời không có vắn-về thì ảnh-hưởng không được sâu-xa. Ai mà chẳng nhận thấy rằng những câu có âm-tiết êm-hòa, dấu ý-tứ không đối-đào lảm, cũng được nhiều người ngấm tưng. Người ngoại-quốc tập Việt-văn đã lấy làm vui thích nói rằng: những câu thành-ngữ, ca-dao, tục-ngữ... bằng Việt-ngữ, học dễ nhớ và nhớ được lâu là vì hầu hết câu nào cũng có « vắn ». Gia-di chính nhờ ở vắn mà người ta có thể nhớ lại một cách dễ-dàng những câu bị quên, bị sót. Vắn thơ lại còn giúp ích rất nhiều khiến cho câu thơ, khi được ngâm nga, làm cho người người ta « khoái chá vô cùng ». Đây, vắn thơ có nhiều thành quả tốt đẹp như thế cho nên người làm thơ — cả bình-dân lẫn bác-học — rất chú trọng đến sự gieo vắn. Vắn gieo phải sát, phải danh..., nếu lạc vắn hay là xuất vắn thì không được; cả đến vắn cưỡng ép cũng làm cho thi tứ kém giá-trị đi nhiều. Song lẽ, nếu chấp nệ quá về thanh vắn đến mức tình tứ không phụ-diễn được một cách đầy đủ rõ-ràng, thì lại biến thành một tặt xấu, phải tránh cho xa. Nhân đó, luật-lệ đã rộng cho dùng cả vắn chánh và vắn thông.

3. Cách gieo vắn của tiền-nhân ta

Vì nước ta bắt hạnh bị Bắc-thuộc ngay từ trước Công-nguyên (tác-giả tính từ khi nước Văn-Lang bị Thục-Phán chiếm-tính) và lại phải chịu cái ách Tàu lâu quá cho nên, về văn-nghệ cũng như về các môn khác, đã bắt chước người Trung-Hoa một cách quá nô-lệ.

Trong các khoa thi do các nhà đương-cuộc tổ-chức để tuyển-dụng nhân tài, bài thi nào cũng phải làm bằng chữ Hán. Từ khi Hàn-Thuyên gây nên phong-trào làm thơ quốc-ngữ, thi-phẩm bằng tiếng nước nhà cũng chẳng được bao nhiêu, mà phần thơ chữ Hán vẫn nhiều hơn.

Làm thơ chữ Hán, tất nhiên các cụ phải theo đúng các tiêu-chuẩn ấn-định trong « Thi vận tập thành ». Nhân đó, khi làm thơ quốc-ngữ, tiền nhân ta lại áp-dụng hầu hết tất cả các âm-vận đã dùng trong khi làm thơ Hán-tự.

4. Các trở ngại trong sự gieo vắn

Sở dĩ chúng tôi phải dùng trạng-tự « hầu hết » là vì nhiều khi, cùng một chữ Hán mà tuy cùng là người Trung-Hoa mà người tỉnh này phát-âm khác hẳn người tỉnh kia. Chính do cái hiện-tượng kỳ-quái ấy mà:

(1) Chữ Đông là phương Đông 東 thuộc vận Nhật Đông mà chữ Đông là mùa Đông 冬 lại thuộc vận Nhị Đông.

(2) Vi (là làm), Kỳ (là thừa), Cư, Cơ (cũng đọc là ky), Trì, Sư, Quý... thuộc vận Tứ Chi và Vi (là nhỏ), Ky (thạch ky), Kỳ (cầu đảo)... lại thuộc vận Ngũ Vi.

(3) Tư, Từ (là lời hoặc từ khúc) cùng vắn với chữ 'Vi' là làm chứ không cùng vắn với chữ 'Ngu' là cá?

(4) Bang, Song, Phùng... thuộc vắn Tam Giang (Thượng Bình), mà Trang, Hoàng, Quang... lại thuộc vắn Thất Dương (Hạ Bình).

Lại còn nhiều cái rắc-rối khác mà thuật-giả không kể ra đây để tránh nổi phồn-toái thái quá.

Như trên đã nói, đó là do sự phát-âm bất đồng của những người Trung-Hoa ở khác miền. Mà người Việt-Nam chúng ta phát-âm chữ Hán lại khác hẳn người Tàu. Thế cho nên nếu khi làm thơ quốc-ngữ mà cứ gieo vắn như khi làm thơ Hán-tự thì, ngoài những điểm trái tai như đã nói trên đây, lại còn thấy những « vắn » mà ai cũng phải cho là « lạc vắn », « xuất vắn », như:

- (1) Du với Lầu hoặc với Vưu,
- (2) Ngu với Ngô, Vô với Lư,
- (3) Thân, Tân, Xuân... Đón đi với Chân (Thập nhật Chân),
- (4) Vắn, Phấn, Quán, Huân... đi với Vắn (Thập nhị Vắn),
- (5) Phan, Ngồn, Oan, Hồn, Tôn... đi với Nguyên (Thập tam Nguyên)...

Tại sao lại có những cái lạ-lùng như thế? Ấy là vì một chữ Hán có thể có đến 2, 3 âm.

Dưới đây, lại xin kê ra một số chữ Hán mà người Việt-Nam ở khác miền phát-âm sai biệt nhau:

Huỳnh	hay là	Hoàng ?	Long	hay là	Luông ?
Thụy	»	Thoại ?	Hán	»	Hôn ?
Mệnh	»	Mạng ?	Phụng	»	Phượng ?
Tánh	»	Tính ?	Thịnh	»	Thạnh ?
Nghĩa	»	Ngãi ?	Khi	»	Khởi ?
Ơn	»	Ăn ?	Vinh	»	Vang ?
Uyển	»	Oan ?	Uy	»	Oai ?

Lại có một số người không chú-ý phân biệt, nên các từ-ngữ như: 'Kim-lang' là chàng họ Kim (tận cùng bằng g) và 'Kim-lan' là bạn quý (không tận cùng bằng g) bị phát-âm giống hệt nhau: 'bàn-hoàn' với 'bàng-hoàng', 'bàn-quan' với 'bàng-quang'.

Chúng tôi thiên-nghi rằng sự phát-âm sai biệt ấy phát sanh bởi cái thói quen hay kị húy và bởi cái tính câu-thả, cái tính không thích câu toàn trách bị.

Điều hệ-trọng nhất để phân biệt văn vần với văn xuôi là phải gieo vần cho sát, cho khéo để câu thơ có, hay là thêm nhạc-diệu. Thẻ thì tất nhiên phải trừ-khử hết mọi cái sai lầm, lộn-xộn như đã kê ra ở trên này, chúng có thể gây nổi bất mãn cho chính người đồng-bang ta, và gây niềm khinh-thị cho người ngoại-quốc học, xem văn-vấn tiếng Việt.

Nhiều người hân-hoan nhận thấy rằng, gần đây, trong giới thanh-niên tân-tiền, cũng có nhiều nhóm đua nhau ngâm vịnh, thỉnh-thoảng những cuộc "thi thơ" cũng được tổ-chức. Trong các cuộc chằm thơ dự thi cũng như trong những buổi hội-ngâm, văn thơ đã gây ra nhiều trở ngại cho sự cân nhắc phẩm-giá của bài thơ ứng dự.

5. Phải sớm qui-định văn thơ

Vậy, trong công cuộc xây đài văn-học của nước nhà, nếu trước-thuật bộ 'Việt-Nam Tinh-Nghĩa từ-diễn' và bộ 'Việt-Nam Văn-Pháp' (trước thường gọi là văn-phạm), là việc quan-trọng, cần-cấp tột bậc, thì sự qui-định văn thơ cũng là một công-trình trọng-đại cần phải thể-hiện càng sớm càng hay. Việc qui-định văn thơ cũng đòi hỏi sự đồng-lao cộng-tác của nhiều nhà văn học cao tài mà

lại thiện-chí. Bởi vậy, vì nhiệt-thành cho nên tuy ý-kiến thiên-sơ, chúng tôi cũng đánh bạo đem trình-bày với lòng thiết-tha hy-vọng rằng sẽ có nhiều bậc cao minh cũng sốt-sắng cho biết ý-kiến riêng của từng vị, đem bàn đi bàn lại cho thực xác-lý nhiên hậu sẽ thỉnh cầu Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục căn-cứ vào các quyết-nghị sau cùng của một hoặc hai khoáng-đại hội-nghị mà ấn-định hẳn những thang mực, chuẩn đích cho việc sử-dụng văn thơ.

Tại sao phải thế? Vì đó là một công cuộc khó-khăn và phức-tạp, đòi hỏi sự cộng-tác, sự công-nhận của nhiều nhà học-thức và sự chuẩn-y của Chính-quyền. Tại nước Trung-Hoa, sự nghiên-cứu về âm-vận mãi cho đến đời Hậu-Hán vẫn hầy còn ở thời-kỳ ấu-trì (tham-khảo bộ *Thuyết-Văn* của Hứa-Thận). Dưới đời Ngụy (của Tào-Tháo), Lý-Đặng tựa vào ngũ thanh của âm-nhạc là Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ làm thành bộ *Thanh-loại* 10 quyền. Khoảng đời Tề, Lương lại phát khởi ra thuyết đem tứ thanh là Bình (thượng Bình hạ Bình), Thương, Khứ và Nhập thay cho Ngũ Thanh của âm-nhạc: nhà Tề có bộ *Tứ Thanh thiết-vận* của Châu-Ngu, nhà Lương có bộ *Tứ-Thanh phổ* của Thẩm-Uớc. Dưới Tùy, có 5 quyền *Thiết-vận* của Lục-Pháp-Ngôn sửa chữa các sự sai lộn của tiền-nhân mà tập thành. Niên-hiệu Thiên-Bảo đời Đường, có 5 quyền *Đường-vận*. Dưới Tống, Trần-Bành-Niên và Khâu-Ung sửa lại bộ *Đường-vận* và đổi tên là *Quảng vận*. Tông-Đề sau lại sắc cho Quốc-Tử-Giám sửa đi duyệt lại các sách vận trước để dựng thành 5 quyền *Lễ-Bộ-Vận lược* dùng làm tiêu-chuẩn cho việc làm thơ phú trong các khoa thi. Thẻ mà về sau, đời Nguyên, đời Minh, đời Thanh vẫn còn gia công đính-chỉnh và tăng bổ.

Các bộ sách về từ-ngữ, âm-vận phải sửa phải thêm theo đà biến-thiên, tiền-triển như thẻ là lẽ đương-nhiên. Thẻ mà, ở nước ta, gần đây mới có người đặc-biệt lưu-ý đến vấn đề văn thơ tiếng Việt, chẳng qua cũng là vì thời-thê xui nên.

Đông-Viên Phạm-Huy-Toại tiên-sinh, tác-giả tập thơ "*Một Mồi Tinh*" và quyển "*Đường-Luật Chi-Nam*" đã nhiều lần cùng với một số thi-hữu thảo-luận kỹ về sự xếp đặt ngành phú vận thơ tiếng Việt. Trong các buổi bàn cãi, tuy chưa tới được cái thẻ mọi người đồng-ý nhưng, kết cuộc, đa-số đã thuận dùng cái bảng *Tập Thành Thi-Vận tiếng Việt* của Đông-Viên tiên-sinh làm cốt và ủy chúng tôi đính theo bài tựa trên đây, gửi đăng báo để chấn chỉnh các vị lưu-tâm đến thi-học nước nhà, còn các điểm tiêu-dị sẽ đem trình-bày trong các cuộc họp bàn mong ước.

Thứ xếp thành Thi-Vận (vần bằng) đề làm thơ Đường luật tiếng Việt

Số	Chữ vần					Tập-chú
1	a	oa				
2	e	ê	oe	uê		
3	i	uy				
4	o	ô	u ¹			¹ Hoặc tách u thành riêng 1 vần
5	ư					
6	ơ	uơ	ura			
7	ai	oai				
8	ôi	ôi	uôi	ui ²		² Hoặc tách ui thành riêng 1 vần
9	oi	trơi				
10	ay	ây	oay	uây		
11	ao	oao				
12	au	âu				
13	eo	êu	iêu	uêu	o eo	
14	iu					
15	tru	trou				
16	ia	uya				
17	ua					
18	am	oam				
19	ăm	âm	oăm	uăm		
20	em	êm	iêm			
21	im					
22	om	ôm	uôm	um ³		³ Hoặc tách um thành riêng 1 vần
23	ơm	trơm				
24	an	oan				
25	ăn	ân	oăn	uân		
26	en	oen	ên	iên	u y ê n	u ê n
27	in					
28	on	ôn	uôn	un ⁴		⁴ Hoặc tách un thành riêng 1 vần
29	ưn					
30	ơn	trou				
31	ang	oang	ương			
32	ăng	oăng	âng	uâng		
33	eng	êng	iêng	oeng		
34	ong	ông	uông	ung ⁵		⁵ Hoặc tách ung thành riêng 1 vần
35	ưng					
36	oong					
37	anh	oanh	inh	uynh	ênh ⁶ uênh ⁶	⁶ Hoặc tách ênh, uênh thành riêng 1 vần

MINH-TRẦN

Nguyễn-thần-Hiền một chí-sĩ miền Nam

(tiếp theo V.H.N.S. số 79)

Mùa hạ năm đinh-dậu (1897), Hội Lạc-Thiện, Xã Mỹ-Đức, tỉnh Hà-Tiên muốn quyền tiến xây cất miếu «Mạc-Linh-Công», nhờ ông viết bài kêu gọi sự đóng góp của mọi người.

Phiên âm

Mộ kiến bốn từ tiểu dẫn.

«Cái văn: đức trạch nhập nhân chi tâm, tuy Cam-đường chi thọ, Nghiễn sơn chi bi, do năng sử nhân quá nhi cảm chi. Huông ư ngô quận Mạc-Linh-Công «Trung-nghĩa-tử» giả tai. Miền tích, Công phụ Lôi-Châu phủ nhân dã. Trị Đại-Minh ộc xã, Bang gia Nam đấu, khai thác Hà-Tiên, chính tón khoan tuật, tứ phương thương lữ hàng hải như lai. Kỳ Việt tỉnh phủ nhân, độc ư tang từ chi nghị, dĩ cò tương suất nhi qui giả vi tội đa. Hậu qui mạng vu Triều, thọ thông-binh-hầu. Chí Công nhi quang đại yên. Công tiết khí trung đồng, học văn uẩn tạ, thi cò văn từ, các trần diệu cảnh. Hội đại lộ Nam thú, Công đình thân thị tất, trừ biên ứng địch, lữ hợp cơ nghi. Cập Công nhược tứ giai li vu nạn. Dân tư nhi tự chi, phi tử thanh linh, hương hóa tương chúc ư đạo. Thiệu-Trị lục niên, tỉnh thần tâu thỉnh thiên kỳ miếu ly thành tây cận sở vô chi ngoại. Tư tác phong chàng vũ hám, ngổ phá lương đối. Thiêm hội chúng nhân đảng, tiền thổ thực mao, thương tâm thâm mục. Đãn sở nhu thâm cự, khởi sáng duy gian. Tập dịch thành cừ, tất tư chúng lực. Duyên môn thác bát, hà chi nhưt hương.»

[Tập XII, Quyển 4 (Tháng 4, 1963)]

«Duy vọng nhân nhân, trường giả, cộng tương mỹ cử, lượng lực giải nang, tự nhiên tử khí đẳng huy, gia tường lập chí hỹ.

Tuê tại đình-dậu Trọng-hạ Cốc Đán.

Mỹ-Đức xã, Lạc-Thiện Hội, bốn hội đồng cầu khải.

Hương văn Phác-Đình Nguyễn-thân-Hiền thừa tác.

Dịch nôm

Lời dẫn việc quyên tiền cất miếu.

«Bờ nghe, nếu đức thâm nhuần con người, dù cây Cam-đường¹, bia núi Nghiễn² cũng khiến người qua lại phải cảm hoài.

«Huông hó Trung-Nghĩa-từ thờ đức Mạc-Lĩnh-Công trong quận chúng ta sao: Nhớ xưa, thân-phụ ông gốc người phủ Lô-Châu (bên Trung-Quốc) thuộc đời nhà Minh, tập thể gia-đình sang Nam nhờ nạn. Mồ mang đất cát Hà-Tiên, chính-sự giữ mức rộng-rãi, xót thương, nên khách buôn-bán bôn phương dập-dù qui tụ, phần nhiều dân thuộc các phủ trong tỉnh Quảng-Đông. Vì sôt-sắng chút tình tang-tử, lại càng kéo đến rất đông. Sau qui mạng với Triều-đình được trao chức cảm binh hầu.

«Thê, ông rất vẻ vang vậy. Ông tánh khí trung-nghĩa, học thức sâu rộng, câu thơ tươi đẹp, lời văn chãi-chuốt. Gặp khi nhà vua tuần thú miền Nam, ông đính thân theo hầu, trừ liệu công việc, thường hợp ý vua. Tới sau, ông cùng người của ông đều vì nước bỏ mình. Dân-chúng tưởng nhớ nên lập miếu thờ. Nổi tiếng linh thiêng-nhang đèn cùng đường chột nước.

«Năm Thiệu-Trị năm thứ sáu, quan tỉnh tâu xin dời miếu ra hương Tây, cách thành chẳng bao lâu bước.

Tới nay, gió lay mưa đập, ngôi đổ, xà xiêu. Hội mọn chúng tôi, ăn ở nơi đây lầy lảm xót mắt đau lòng. Duy việc xây dựng khó khăn, cần dùng số tiền to tát. Góp đa đản thành nên áo³, ắt nhờ của giúp nhiều người. Nặng bát đèn từng nhà, đâu chỉ một thôn mà đủ. Mong cầu người nhân, kẻ cả, giàu lòng giúp đỡ, tùy sức mở rương Tự nhiên hơi tia⁴ rọc-rỡ bắc lên, điểm tốt ắt lại.

1 Cam đường : Tên cây. Đời Châu-văn-Vương sai ông Thiệu-Bá đi vỗ về dân-chúng ở các nước nhỏ miền Nam để bày tỏ sự nhân chính của nhà vua. Ông cắt lều dưới cây Cam đường ; người sau nhớ công đức, làm bài «Cam đường phú» để tỏ lòng mến yêu.

2 Nghiễn sơn : Tên hòn núi ở phủ Trương-Dương. Đời nhà Tấn, Dương-Hựu và Đãng-nhuận-Phủ leo lên đỉnh núi, cảm-xúc rơi lệ và nói : «Từ có trời đất đã có non này». Đoạn dựng bia ký-niệm, người sau gọi là «Truy lệ bi».

3 Góp đa nên áo : Lấy nhiều mảnh da trên đùi hồ-ly kết thành áo quí.

4 Hơi tia : do câu «Từ khi đông lại». Tịch quan giữ cửa ải Hàm-cốc, lên lầu, trông về phương Đông, thấy hơi khói mù tiêu bay qua mừng nói : «Điểm sẽ có thánh nhân đến» Thật qua ngày ấy, có đức Lão-Tử tới.



Ảnh bản chánh bằng Hán-văn ghi trên tường miếu Mạc-Lĩnh-Công ở Hà-Tiên

Ngày lành tháng Năm năm đinh-dậu. Làng Mỹ-Đức, Hội Lạc-Thiện, bốn hội đồng kính cẩn. Hương văn, Phác-Đình Nguyễn-thần-Hiền vâng soạn.

Mùa đông năm canh-tý (1900), việc trùng-tu miếu «Mạc-Lĩnh-Công» hoàn thành, ông Nguyễn-thần-Hiền lại để thi tán dương công đức Ngài.

(Phong-Dinh Trương-Nam-Quang kính dịch)



Ảnh bản chánh 2 bài thi bằng Hán-văn ghi trên tường miếu Mạc-Lĩnh-Công ở Hà-Tiên

Phiên âm

Vị ái ngô thân hữu phát phu,
Bang gia phù hải ký Nam ngu.
Lập quân Chân-Lập lao nhung mã,
Phụ quốc Hà-Tiên nhập bản đồ.
Thi tửu nhưt thời cùng thảng tích,
Nhân yên thiên lý tập danh khu.
Kịch lân hữu chí chung nan triển,
Thiên hướng khê đầu độc điều lô.

Hựu thể

Thần trạch minh quân, quân trạch thần,
Loan dư Nam thú⁵ mẫn thiên trấn.
Nhứt gia phụ tử quyền khu tảo,
Thất điệp⁶ phiên hàn⁷ tích mạng tân.
Tân cốt di tùy đôi nhạc lộc,
Anh phong do chiến họa kỳ lân,
Trung hưng thần tá tri hà hứa,
Lỗi lạc đương thời hữu kỷ nhân?

Hữu thơ ư

Thành-Thái canh-tý niên, Mạnh Đông thập nguyệt, sóc đán. Hà-Tiên hậu học Phác-Đình Nguyễn-thần-Hiền bài đề.

Dịch nôm

Vì quý thân mình của mẹ cha,
Nước nhà đành bỏ, vượt phương xa.
Dựng vua Chân-Lập hao người ngựa,
Mở đất Hà-Tiên rộng nước nhà.
Thơ rượu một thời, chơi thắng cảnh,
Xóm làng ngàn dặm, kết tài hoa.
Xót thăm có chí, không thành đạt,
Cầu cá đầu sông phí tuổi già.

5 Nam thú: Đi tuần thú miền Nam.

6 Thất điệp: Bảy lá, do chữ 'chỉ điệp' là cành lá ý nói: Con cháu suốt bảy đời đều được ban thưởng chức tước vẻ-vang.

7 Phiên hàn: Chống giữ biên-cương.

Hựu thê

Tôi chọn vua hiền, chúa chọn tài,
Xe loan Nam tiền, mịt trần ai.
Hy sinh phụ tử danh còn rạng,
Ban thưởng bảy cảnh sĩ chẳng phai.
Đôi núi mộ phần, xương nát mục.
Gác Lân hình tượng, sắc bén dai.
Thanh bình phò tá bao hy vọng . . .
Vượt bực đương thời có mấy tay?

Thành-Thái năm canh-tý, mùa đông tháng 10, ngày mừng một, Hà-Tiên kẻ
hậu tân Phác-Đình Nguyễn-thần-Hiên kính đề.

(Phong-Đình Trương-Nam-Quang kính dịch)

Người Pháp biết ông Nguyễn-thần-Hiên là bực danh nho ở đất Hà-Tiên, có nhiều ảnh-hưởng đối với quần-chúng nên ân-cán mời ông ra giúp việc. Nhưng ông vẫn một mực chối từ, về sau họ khéo-léo cử ông làm Hội-đồng địa-hạt tỉnh Hà-Tiên. Ông phải chịu lãnh chức để tránh sự nghi-kỵ nhưng vì miễn cưỡng cộng-tác với người Pháp, ông thường tỏ ra bất mãn và không đi hội-họp thường xuyên. Lúc nào, ông cũng nặng lòng yêu nước và sẵn-sàng bình vực quyền lợi của dân, mỗi khi gặp cơ-hội thuận tiện. Trong những năm chung đưng với người Pháp ông được nhiều dịp trông thấy cái dã-tâm của Đê-Quốc thông-trị, nên ông càng cương-quyết nuôi chí quật-cường. Ở Hà-Tiên hẻo lánh, đất hẹp, sự giao-thông bất tiện, không hợp cho việc trú-định của ông, ông liền bán hết nhà cửa, vườn đất, dời ra tỉnh Cần-Thơ, trước để tránh sự cộng-tác gương ép với người Pháp, sau để dễ bề hoạt-động theo chí-hướng riêng của mình.

Năm nhâm-dần (1902) mẹ ông vừa mất, ông viện cớ bận tang ma, xin từ chức Hội-Đồng Địa-Hạt, đưa hết quyền-thuộc ra Cần-thơ cư ngụ.

(còn tiếp)

THI - CA

GHI CÔNG QUỐC-TỔ HÙNG-VƯƠNG

Mưỡu

Nào ai yêu nước thương nòi,
Hãy nên ghi nhớ mừng Mười tháng Ba:
Là ngày giỗ Tổ-Vương ta,
Ta cùng tưởng-niệm mới là cháu con . . .

Nói

Ái-quốc mạc vong tổ,
Có tổ-tiên nên mới có dân sau.
Vị không ai khai-thác buổi ban đầu,
Non nước ấy, còn đâu ta hưởng-thụ?
Chim nọ xa cây thường nhớ tổ,
Chuột kia uống nước biết đâu nguồn!
Đã là người trí-não tinh-khôn,
Quên công-đức Tổ-tôn sao được nhỉ?
Kìa ngọn núi Phong-châu hùng-vỹ,
Trải tang-thương linh-khí vẫn chưa mờ;
Bốn nghìn năm truyền đời tới bây giờ,
Càng nghĩ tới ơn xưa càng thấm-thiết.
Lòng nhớ tổ mới biết thương nòi giống Việt,
Mới cùng nhau đoàn-kết gánh sơn-hà.
Trung, Nam, Bắc cũng một nhà,
Nêu gương "Báo Bản" đề mà soi chung.
Nhang thơm thắp thầu cửu-trùng . . .

ĐÔNG-A-THI

NÚI BÀ-DEN Ở TÂY-NINH

Leo Núi Bà-Den thấy chán phèo!
 Gập-gheñh hang-hổ, lối cong queo.
 Bước cao bước thấp, chân đà lết,
 Hòn nhỏ hòn to, đá khó trèo!
 Lại lại, qua qua hơi thở ếch,
 Lên lên, xuống xuống quặp giò heo.
 Toan lên tột đỉnh tìm linh-dược,
 Chỉ ngại rừng sâu lắm cọp beo¹.

AN-ĐÌNH

CẢM-HỨNG

Vương-vấn vì đâu một mối tơ,
 Ngồi buồn lắm lúc chỉ làm thơ.
 Tay tuy không viết lời thương nhớ,
 Lòng chẳng hề ngưng sự ước mơ.
 Man-mác non mây và bề nước;
 Bâng-khuâng ngày gió với đêm mưa.
 Hoa đào cửa động trắng đưa đón,
 Nghĩ lại khi nào cũng ngẩn-ngơ.

TRƯƠNG-ANH-MẪN (Hương-cảng)

HOA GẠO

Hoa gạo trên cánh nở đỏ hoe,
 Báo tin xuân đã sắp sang hè.
 Ban ngày nắng ấm tuy vui chút,
 Đêm tối hiu buồn vẫn lạnh ghê.
 Mười bảy năm trường như giấc mộng²,
 Ba nghìn dặm thăm gửi hờn quê.
 Bao giờ tai cũng còn vắng-vắng,
 Tiếng cuộc âm-thầm dưới bụi tre.

TUYẾT-NGA nữ-sĩ (Hương-cảng)

1 Vì mối chán, du-khách không lên tột đỉnh được.
 2 Xa quê hương 17 năm.

CẢM-HOÀI

Sương tuyết phơi-pha bạc mái đầu,
 Lòng tơ vấn-vít những đầu đầu.
 Gió giăng dù sẵn niềm vui thú,
 Non nước khôn khuây nỗi cảm sầu.
 Ngao-ngán thương kim cùm nhớ cò,
 Bùn-ngùi nay bề lại mai đầu.
 Văn-hời thế-sự nào ai đó?
 Kia cảnh vơi đầy đã bấy lâu!

Đông-Viên PHẠM-HUY-TOẠI

NGÀY GIỎ TỜ CẢM-TÁC

Mười

Trứng rồng lại nở ra rồng,
 Giống tiên muốn thưở vẫn giống tiên.
 Noi gương trung-hiếu thảo hiền,
 Ra tay trừ sạch cường-quyền xâm-lãng.

Nói

Bốn ngàn năm nước cũ,
 Ai nhớ quên, quên nhớ Tô-vương ta?
 Nét sử xanh ghi chép vẫn chưa nhòa,
 Trung, Nam, Bắc, gần xa ai chẳng rõ!

Ái-quốc mạc vong tồ,
 Âm-hà đương tư nguyên¹.

Nay gặp ngày kỷ-niệm thường-niên,
 Đạo con cháu lãng quên sao được.
 Hai nhăm triệu đồng-bào toàn-quốc,
 Trẻ như già, sau trước hãy đồng-ca:
 Mừng mười trong tiết tháng ba,
 Là ngày giỗ Tô, gần xa nức lòng.
 Nén hương dâng thâu Cửu-trùng...

HẢI-ÂU-TỬ

1 Hai câu thơ này rút trong quyển "Áu-Học Hán-Tự Tân-Thư" của cụ Cử Phạm-Quang-Sân:

* Ngã vi Nam-quốc nhân,
 Sinh-trưởng Nam-quốc thổ.
 Âm-hà đương tư nguyên,
 Ái-quốc mạc vong tồ.

TIẾNG LÒNG

Ngoài miệng khen chê, tiếng thể thường,
 Tiếng lòng mới thiết đáng yêu thương.
 Ly-tao lời hát hờn vong-quốc,
 Thu-hứng vắn thi nhớ cổ-hương.
 Bài phú Giã-sinh dòng Mịch-thủy,
 Khúc đàn Thương-phụ bến Tầm-dương.
 Còn bao nhiêu khách tài-tình trước,
 Gửi ở âm-thanh khúc đoạn-trường.

Kính-Chủ PHAN-VĂN-HY

MẤY CÂU HÒ TRÊN SÔNG HƯƠNG

1. Chơi núi Ngự, ai còn lẫn-lóc,
 Ngắm sông Hương, dò dặc ai chèo ?
 Ngược xuôi ai vớt cánh bèo,
 Trắng vờn sóng bạc, ai reo, ai hò ? . . .
2. Núi Ngự trọc đầu, thông trụ gốc,
 Sông Hương tuôn lệ, nước trôi thuyền.
 Đêm trường nghe vắng tiếng quyên,
 Hỏi ai chèo hát có yện nổi lòng ?
3. Réo-rắt chim kêu trên đỉnh Ngự,
 Bình-bồng bèo nổi giữa sông Hương.
 Bạc đầu ca-nữ ai thương,
 Vắng nghe tiếng sáo ai vương mối sầu ?
4. Trông bến Văn-Lâu, ai sầu ai ủ,
 Nghe chuông Thiên-Mụ, ai nhờ ai thương.
 Tiếng hò mái đầy sông Hương,
 Xa gần thăm-thía can-trường những ai ? . . .

THANH-LIÊN

ANH-HÙNG ĐẤT NƯỚC

Mở đầu

Hỡi ai gây dựng non sông,
 Âu vàng còn đó, vườn Hồng còn đây.
 Bút thần gươm thánh trong tay,
 Diêm-tô gìn-giữ cỏ cây nước nhà.

Nói

Anh-hùng đất nước,
 Vì sơn-hà, thao-lược phải ra tay.
 Tự ngàn xưa, sớm hỏi núi sông này:
 Còn mãi mãi, nhờ ai đây bảo-vệ ?

Luyện đá vá trời, xoay cuộc thế,
 Khơi nguồn mở nước, thuận lòng dân.

Ngắm Nam-phương, hoa cỏ vẫn còn xuân,
 Vườn Hồng thăm xa gần càng phấn-khởi,
 Người anh-kiệt chăm giữ-gìn vun tưới,
 Nước non nhà, cảnh mới lại thêm xinh.

Đầy sử xanh:

Nào Nhị-Trung, Quang-Phục,
 Nào Bộ-Linh, Triệu-Chinh,
 Nào Ngô-Quyền, Hưng-Đạo,
 Nào Lê-Lợi, Bắc-Bình,
 Từng tranh-dấu vì dân-sinh đất nước.
 Lòng ưu-ái, vui sau lo trước,
 Gánh giang-sơn, dẫn bước dẹp chông gai.
 Muôn ngàn thu, dân nhớ mãi công ai,
 Hương khói tỏa, đền-dài còn rạng-rỡ.
 Bia đá tạc, trẻ già còn nhắc-nhớ,
 Rốc lòng theo, hăm-hở cổ noi gương.
 Tiên-nhân xưa đã mở đường,
 Hậu-sinh nay phải can-trường như ai. . .
 Non sông rõ mặt anh-tài.

HÙNG-VIỆT

THÁNG BA

Là xuân ? Là hạ ? hờ ông Trời :
 Mới tháng Ba ta, nóng chết người !
 Loảng-xoảng thùng khua tranh nước máy,
 Mịt-mù bụi bốc đuổi xe hơi. . .
 Ngán cơn nắng sớm, hoa rơi sạch,
 Rỡn cái xuân hờ, bướm lượn đôi !
 Ngẩn nhĩ ! thiếu-quang miền nhiệt-đới :
 Tính ngày, trên dưới sáu mươi thôi !

ĐÔNG-XUYỀN

TẮT ĐÈN

Phố-xá đang vui bỗng tắt đèn,
 Người lo thất ruột, kẻ mừng ren.
 Chủ lâu xanh nọ mau lừa khách,
 Cửa tiệm vàng kia vội đóng then.
 Càng thiệt con buôn chưa ráo kịp,
 Càng may kẻ cắp đã lần quen.
 Mới trong chớp mắt bao nhiêu cảnh,
 Chậm sáng e còn lấm rối-ren.

Đan-Quế PHÙNG-ĐÌNH-LIÊN (Đá-Lạt)

VIẾNG ĐẬP "ĐỒNG-CAM"

(Phú-Yên) tức cảnh

Kìa non, nọ nước cảnh lâm-tuyền,
 Đầy đập "Đồng-Cam", tỉnh Phú-Yên.
 Tươi khắp nước dương, nguồn Tạo-hóa,
 Thâu về hạt ngọc, đất Lam-diễn.
 Giữ-gìn mạch nước mong no ấm,
 Cùng-cổ đầu non phi ước nguyện.
 Trời đất ví thay mưa dỗi nắng,
 Nước còn non sẵn, lúa hàng niên.

HUỠNH-KHINH (Tuy-Hoa)

KIẾP SAU

Kiếp sau xin thoát kiếp làm người,
 Làm mấy con chim én liệng chơi.
 Sáng sớm nhườn sương cùng mặt bể,
 Xế chiều nương gió tận chân trời.
 Đường mây rong ruổi vui đôi cánh,
 Vườn cúc vào ra sướng một đời.
 Góc tía lâu hồng thêm vạn-vật,
 Cửa riềng dành đề khắp nơi nơi.

THƯỜNG-TIẾN

HOA THỦY-TIÊN

Nước non riêng chiếm một bầu trời,
 Cốt-cách thiên-nhiên giá tuyệt vời.
 Địa ngọc phau-phau năm cánh trắng,
 Chén vàng lơ-lộ một màu tươi.
 Danh còn ghi mãi nơi bông-đào,
 Hương vẫn thơm dăng chốn phật-đài.
 Đợi chúa xuân về tô vẽ lịch,
 Biết hoa hồ để mấy trên đời ?

HỒNG-THIÊN

CÓNG DÃ-TRÀNG

Thăm phận Dã-Tràng bãi bãi Đông,
 Nhọc-nhân xe cát chẳng nên công !
 Bao phen sự-nghiệp tay gãy móng,
 Một chốc cơ-đỡ sóng vỗ bong !
 Chặn nước, ngăn bờ, danh trường cố,
 Xây thành, đắp lũy, tiếng danh không !
 Uông đem tài-cán ra thi-thố,
 Ngọn thủy-triều dâng, thế đất long.

BẠCH-LĂNG

HỎI MAI

Ngày xuân đăm-ấm,
 Dạo vườn hoa, ra ngắm cảnh vườn xuân.
 Thấy hoa mai đua nở mừi phần,
 Dừng bước lại gọi hoa thần ra ước hỏi¹.
 Rằng: trong lúc trăm cây cần-cối²,
 Có sao người đứng chọi được với bằng sương?
 Có chăng đồng là vóc, sắt là xương,
 Chặt kiên kính gườm kia riêng đề tặng.
 Và chẳng lúc trăm hoa còn vắng,
 Mà người đem mấy diềm bắt đầu tiên.
 Phải chăng phẩm-cách thần-tiên,
 Không cùng với cỏ tục hoa hèn làm bạn lứa?
 Then tạo-hóa dương-xuân vừa hé cửa³,
 Đứng đầu ra Bàn-cổ phải chẳng người⁴?
 Tới xuân này trăm về đua tươi,
 Gọi xuân-sắc đề cùng gườm trang-diềm⁵.
 Lan-khầu, huệ-tâm, liễu-my, đào-kiếm⁶,

- 1 Theo người Trung-Hoa thì có một vị thần làm chủ cả trăm hoa, nên gọi là hoa thần.
 2 Vì mùa đông giá lạnh, các cây hoa đều cần-cối, duy chỉ có hoa mai là nở được vào mùa này, chọi được với bằng tuyết, thì hẳn vóc phải là đồng, xương phải là sắt, gườm có tặng riêng cho chất kiên cứng như vậy, mới chịu đựng được.
 3 Dương-xuân là tháng mười âm-lịch, lúc mới bắt đầu mùa đông, nên mới nói rằng then tạo-hóa vừa hé cửa.
 4 Bàn-Cổ, tên một ông vua Trung-Quốc từ đời thái-cổ, lúc mới khai-thiên lập-địa. Đấy ngụ-ý nói hoa mai nở trước xa hẳn các hoa khác.
 5 Gọi thêm cho cảnh sắc mùa xuân đề cùng tạo-hóa trang-diềm cho cảnh-vật.
 6 Miệng như hoa lan, tâm như hoa huệ, lông mày như bông liễu, má như bông đào, có ý khoe những hoa này là đẹp, nhưng theo tác-giả "Phải chăng là một đội hoa-nô", thì những thứ hoa này cũng đều là những thứ hoa hèn cả, sánh sao được với hoa mai.

Phải chăng là một đội hoa-nô?
 Phú Tống-Cảnh, thơ Lâm-Bô⁷,
 Dù chẳng về tướng-thần và xử-sỹ⁸?
 Hồng-hạnh thượng-thư, bích-đào ngự-sử⁹,
 Dem phong-tư mà độ được hay không¹⁰?
 Phẩm điều-canh đã sắp dở dùng¹¹,
 Tay đình-nãi có ai không đó nhĩ¹²?
 Riêng phẩm-giá đứng vào trần-thế,
 Vật-sắc kia biết dễ mấy người¹³?
 Hỏi hoa hoa chỉ mỉm cười!

VÔ-DANH

(Dương-thiệu-Cương sao-lục)

7 Tống-Cảnh là vị Tề-Tướng đời Đường Huyền-Tôn có làm bài phú vịnh mai. Lâm-Bô là bực xử-sỹ (tức ân-sỹ) làm thơ vịnh mai.

8 Ý nói cốt-cách hoa mai thanh-khiết hợp cả hai đường xuất và xử.

9 Tống-Kỳ đời nhà Tống, đỗ trạng-nguyên làm tới thượng-thư, có câu thơ: « Hồng-hạnh chỉ đầu xuân ý nào 紅杏枝頭春意鬧 » nghĩa là "ý xuân nhộn-nhip trên đầu cành hoa hồng-hạnh", vì vậy người ta gọi ông là Hồng-hạnh Thượng-thư; đây mượn ý ấy mà tôn hoa hồng-hạnh vào bậc thượng-thư. Còn điển Bích-đào ngự-sử thì có người cho rằng do điển-tích các hoa kiện nhau, bầu hoa bích-đào làm ngự-sử đề phân giải. Vì thế ở đây có ý tôn hoa bích-đào vào hạng ngự-sử.

10 Hoa hồng-hạnh và hoa bích-đào, tuy vào hạng tôn-quý, nhưng phong-cách vẫn không sánh kịp với hoa mai.

11 Phẩm điều canh thì do ở điển Kinh Thư, vua Cao-Tôn nhà Ân khi phong Phó-Duyệt làm tướng có nói rằng: « Nhược tác hòa canh nhĩ duy diêm mai 若作和羹爾惟鹽梅 » nghĩa là "như nấu bát canh thì nhà người là mợ và muối", ý nói là vị Tề-Tướng giúp vua điều hòa việc nước.

12 Đình nãi: chức tề-tướng.

13 Vật-sắc: ý nói trông tướng-mạo mà hiểu biết được tinh-thần đề thường-thức.

« COLLECTION CULTURE »

éditée par la Direction des Affaires Culturelles
Département de l'Éducation Nationale du Viêt-Nam

Déjà parus :

- SỬ-LIỆU VIỆT-NAM** (Documents sur l'Histoire du Viêt-Nam)
par *Tuấn-Lý Huỳnh-khắc-Dung*.
(Collection-Culture No 1, 246 pages) 25\$
- CỒ-ĐỒ HUẾ** (Huế, Ancienne Capitale)
(Histoire, Monuments, Sites et Anthologie) par *Thái-Vân-Kiểm*.
(Collection-Culture Nos 7 et 8 réunis, 487 pages
avec 53 illustrations et cartes). 70\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT**
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié :
Les 6 provinces du Sud Viêt-Nam)
traduit par *Tu-Traï Nguyễn-Tạo*.
Tome I (Collection-Culture No 2, 152 pages). 20\$
Tome II (Collection-Culture No 3, 132 pages). 15\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TỈNH THANH-HÓA**
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié :
Province de Thanh-Hóa)
traduit par *A-Nam Trần-Tuần-Khôi*.
Tome I (Collection-Culture No 4, 122 pages). 15\$
Tome II (Collection-Culture No 5, 174 pages). 15\$
- ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié : Centre Viêt-Nam)
traduit par *Tu-Traï Nguyễn-Tạo*.
a) *La Capitale* (Collection-Culture No 6, 96 pages) 15\$
b) *Provinces de Quảng-Trị et Quảng-Bình*
(Collection-Culture No 9, 208 pages) 20\$
c) *Province de Thừa-Thiên* : Tome I (Collect-Cult. No 10, 144 pages) . 15\$
Tome II (Collect-Cult. No 11, 152 pages) . 15\$
Tome III (Collect-Cult. No 12, à paraître) . 15\$
- En vente chez tous les grands libraires à Saïgon comme en province, chez
THÔNG-NHẤT, dépositaire général (329 Bd. Trần-Hưng-Đạo, Saïgon) et à la
Direction des Affaires Culturelles (266 Bd. Công-Lý, Saïgon).

ĐOÀN-VĂN-AN
Giảng-sư
Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

**văn-hóa Nhật-bản
ở thời cận-đại và hiện-đại**

(tiếp theo V. H. N. S. số 79)

III. Nhật-bản ở thời hậu-chiến

Trận thế-giới chiến-tranh lần thứ II tại Thái-Binh-Dương vừa rồi đã đưa đến cho Nhật-Bản một kết-quả bại-chiến. Ở năm 1945, Nhật-Bản đầu hàng quân-đội Đồng-minh và theo hội-nghị tam-cường là Anh, Mỹ, Nga, khai-hội tại Potsdam thì Nhật-Bản phải đặt dưới quyền kiểm-soát của quân-đội Liên-Hiệp-Quốc (Hoa-Kỳ lãnh nhiệm-vụ này). Kể từ đó, Nhật-Bản ở dưới quyền kiểm-soát của quân-đội Liên-Hiệp-Quốc, do đó các vấn-đề nội-trị cũng như ngoại-giao được thay đổi toàn-diện. Ở lúc này, bản hiến-pháp thừa-nhận chủ-nghĩa quân-quyền của thời Minh-Trị duy-tân được phê-chỉ, và một bản « Nhật-Bản tân hiến-pháp » theo chủ-nghĩa tự-do dân-chủ được ban-bố ra đời. Tinh-thần căn-bản của Nhật-Bản tân-hiến-pháp này là hủy-bỏ chế-độ phong-kiến của các thời-đại trước, đề-cao giá-trị nhân-quyền của mọi người dân. Các điều-khoản được chú-trọng trong đây là Phân-đổi chiến-tranh, Quốc-tế thân-thiện, Tự-do học-vấn, Nâng cao sinh-hoạt, Cải-cách nông-địa, Hủy-bỏ chế-độ điền-thổ « ký-sanh địa-chủ »⁴ v. v.

Trong lịch-sử Nhật-Bản có 2 giai-đoạn được xem là quan-trọng nhất :

(1) Thời Minh-Trị duy-tân. (2) Thời Chiêu-Hoà hiện-đại, nhất là sau ngày chiến-

⁴ Ký-sanh địa-chủ tức là chỉ những người được thừa-hưởng những ruộng đất do ông cha có công với Hoàng-tộc, nên Thiên-Hoàng đã ban cho những ruộng đất, rồi cha truyền con nối, kế-tục thừa-hưởng, không ai có quyền xâm-phạm được. Chế-độ Ký-sanh địa-chủ này, cũng gần giống như chế-độ « Hương-hóa » của Trung-Hoa và Viêt-Nam ở các thời-đại xưa. Và gần đây, chế-độ « Hoàng-triều cường-thổ » ở Viêt-Nam trước thời độc-lập, cũng có một ý-nghĩa tương-tự với chế-độ « Ký-sanh địa-chủ » này.

tranh chấm-dứt. Có nhiều sử-gia Nhật-Bản đã quan-niệm thời hậu-chiến, tức là từ năm 1945 trở đi, Nhật-Bản đang bước vào một giai-đoạn «*Đệ-nhi khai-quốc*». Thời Minh-Trị duy-tân được xem là «*Đệ-nhất khai-quốc*», vì tất cả những văn-minh khoa-học của Nhật-Bản đã được khai-triển từ thời này, và thời hậu-chiến được xem là «*Đệ-nhi khai-quốc*», vì đây là giai-đoạn thứ 2 trên đường văn-minh tiến-bộ của Nhật-Bản. Từ ngày đó, đồng thời với sự phát-triển nhanh-chóng của nền kinh-tế kỹ-nghệ, các ngành văn-hóa giáo-dục, các tư-tướng dân-chủ nhân-quyền, các vấn-đề tự-do bình-dẳng cũng được mỗi ngày một phổ-biến rộng-rãi trong quần-chúng.

Trong các quyền tự-do bình-dẳng của một xã-hội tiến-bộ dân-chủ, những vấn-đề như tự-do học-vấn, tự-do ngôn-luận, tự-do xuất-bản, tự-do tư-tưởng và tự-do tín-ngưỡng là những quyền-lợi trọng-đại hơn cả. «*Nhật-Bản tân-hiến-pháp*» ban-hành sau thời chiến-tranh đã bảo-đảm những quyền-lợi này: Về phương-diện chính-trị, bản tân-hiến-pháp ấy cũng thừa-nhận quyền tham-chính của nhân-dân. Mọi người dân đều có quyền bầu-cử và ứng-cử quốc-hội, có quyền thiết-lập và gia-nhập các đoàn-thể chính-trị, có quyền tham-gia vào các hội-hè, các cuộc vận-động của các giới lao-động thợ-thuần và của công-chức, tư-chức, học-sinh v.v. Ngoài ra, những cuộc biểu-tình để phản-đối chiến-tranh, kêu gọi hòa-bình, những cuộc vận-động để đòi quyền tự-do, nhân-quyền, dân-chủ, bình-dẳng v.v. cũng được tự-do tổ-chức và tham-dự.

Ở thời hậu-chiến, sau khi bản «*Nhật-Bản tân hiến-pháp*» ban-hành, ngoài các sự thay đổi như trên, về phương-diện sử-học cũng có nhiều thay đổi. Như trên chúng ta đã biết: từ xưa, vì tổ-chức theo chế-độ Thiên-Hoàng-Chế, nên sử-học của Nhật-Bản thường có một khuynh-hướng «*tôn-quân*» rõ-rệt; ý-nghĩa nâng cao quyền-uy của Thiên-Hoàng thường được ghi-chép kỹ-càng, còn những đoạn sử có tánh-cách đi ngược lại với tư-tưởng «*tôn-quân*» ấy thì hoặc bị ngăn-cấm, hoặc chỉ được ghi-chép lại một cách sơ-lược mà thôi. Đến thời hậu-chiến, vì Thiên-Hoàng chỉ là ngôi-vị tượng-trưng, và quyền-uy cũng những quan-niệm thần-thánh-hóa Thiên-Hoàng ở các thời trước cũng bị giảm-bớt hoặc cấm-chỉ, do đó nên các ngành học-vấn, nhất là về phương-diện sử-học được hoàn-toàn tự-do trong các việc kê-cứu, thảo-luận, phát-biểu. Cũng nhờ vậy nên những bộ sách về sử-học của Nhật-Bản xuất-bản gần đây thường có ghi-chép đầy-đủ các tài-liệu về các cuộc vận-động dân-chủ, các tư-tướng cách-mạng, các sự-tình chính-trị, các cuộc âm-mưu phân-loạn, các sự-đổi-lập giữa các giai-cấp, các sự tranh quyền giữa bách-quan triều-đình, giữa tướng-quân và Thiên-Hoàng v.v. mà các bộ sử-sách xưa rất ít thấy đề-cập.

Ở đây, cũng nên nhớ thêm rằng: theo quyết-nghị của hội-nghị Potsdam thì Nhật-Bản được đặt dưới quyền kiểm-soát của quân-đội Liên-hiệp-quốc, nhưng trên thực-tế thì chỉ có quân đội Hoa-kỳ đại-diện cho Liên-hiệp-quốc đến kiểm-soát ở đây mà thôi. Vì thế nên tất cả những phát-triển của Nhật-Bản ngày nay kể cả văn-hóa, chính-trị, pháp-luật, kinh-tế, xã-hội, giáo-dục, tư-tướng v.v phần nhiều đều chịu ảnh-hưởng của nền văn-hóa Hoa-Kỳ. Nói thế không có nghĩa là Hoa-Kỳ đã thôn-tính hoặc đồng-hóa Nhật-Bản, vì như chúng ta đã biết: Nhật-Bản hiện-tại là một nước hoàn-toàn độc-lập, một hội-viên của hội Liên-Hiệp-Quốc vậy.

Ngoài ra, nhờ sự phát-triển nhanh-chóng của nền kinh-tế và kỹ-nghệ, nên từ thời hậu-chiến đến bây giờ, Nhật-Bản đã tiến-bộ rất nhiều về cả tinh-thần lẫn vật-chất. Đứng trên địa-hạt văn-hóa giáo-dục, chúng ta thấy: hiện-tại Nhật-Bản đã nâng cao trình-độ giáo-dục của toàn dân lên đến bậc Cao-đẳng, bằng cách kéo dài chương-trình nghĩa-vụ giáo-dục (hay nói là cưỡng-bách giáo-dục) đến 9 năm: 6 năm Tiểu-học và 3 năm Trung-học. Chương-trình nghĩa-vụ giáo-dục này đã đưa dân-trí của người Nhật lên ngang hàng với dân-trí của những nước Âu-Mỹ, những nước mà có tiếng là văn-minh tiến-bộ nhất thế-giới.

Còn về đời sống vật-chất thì mấy năm gần đây về các ngành vận-tải, giao-thông, điện nước, máy giặt, máy lạnh, sách báo, điện-ảnh, giải-trí, vô tuyến truyền-thanh, vô tuyến truyền hình v.v. mỗi ngày một phổ-biến rộng-rãi trong quần-chúng. Về vô tuyến truyền hình, gần đây có nhiều tờ báo đã điều-tra và loan-báo rằng: hiện-tại trên 50 phần trăm gia-đình ở Nhật đều có vô-tuyến truyền hình còn truyền thanh thì tất cả gia-đình ở Nhật, nghĩa là 100 phần trăm đều có cả. Đây cũng là những chứng-minh để cho ta thấy: sau thời chiến-tranh chấm dứt, tức là từ năm 1945 trở đi, nhờ kỹ-nghệ và kinh-tế phát-triển nên đời sống của người Nhật-Bản mỗi ngày một được tiến-bộ hơn về cả 2 phương-diện tinh-thần và vật-chất.

Có nhiều chính-khách ngoại-quốc khi bước chân đến Nhật, họ đã rất lấy làm ngạc-nhiên và khâm-phục sự phục-hưng nhanh-chóng và thịnh-vượng toàn-diện mà Nhật-Bản đã đạt được trong mấy năm gần đây. Có nhiều người đã tuyên-bố rằng: «*Nhật-Bản ngày nay là một nước rất tiến-bộ. Hy-vọng với nền kinh-tế và kỹ-nghệ phát-triển sẵn có, Nhật-Bản sẽ góp phần đặc-lực cho việc kiến-tạo một thế-giới thịnh-vượng thái-bình, nhất là giúp cho các quốc-gia cùng trong vùng Á-Châu đồng-tiến trên con đường văn-minh tiến-bộ*».

Vì cảm-thông đến những liên-hệ mật-thiết giữa các quốc-gia Á-Châu, nên trong bài diễn-văn khai-mạc của Ủy-hội Viễn-Đông Kinh-tế trong Liên-hiệp-Quốc vừa rồi, ông Hayato Ikeda, Thủ-tướng Nhật-Bản đã tuyên-bố: «*Nhật-Bản là một quốc-gia trong vùng Á-Châu. Sự thịnh-vượng của Nhật-Bản không thể có,*

nếu không xây dựng bên sự thịnh-vượng của các quốc-gia Á-Châu khác.⁵ Lời tuyên-bố này chứng tỏ lập-trường chính-trị và kinh-tế của Nhật-Bản đối với các nước Á-Châu ở thời chiến-hậu, và hiện-tại là như thế nào rồi.

IV. Tân hiến-pháp và tư-tưởng Nhật-bản hiện-đại

Bản Tân-hiến-pháp của Nhật-Bản được công-bố vào ngày 3 tháng 11 năm 1946, tức là vào khoảng 1 năm sau ngày Nhật-Bản đầu hàng quân-đội Liên-hiệp-quốc. Có thể xem bản Tân-hiến-pháp này là một chung-điểm để chấm-dứt tất cả những tinh-thần, tư-tưởng và chế-độ quân-quyền phong-kiến của Nhật-Bản ở thời tiền-chiến; đồng thời cũng có thể xem bản Tân-hiến-pháp này là một điểm sơ-khởi để khởi-xướng lên những tư-tưởng dân-chủ, những chế-độ nhân-quyền, tự-do, bình-đẳng, dân-chủ của xã-hội Nhật-Bản ngày nay.

Bản Tân-hiến-pháp này gồm có 101 điều-khoản và chia làm 11 mục lớn như sau: (1) Thiên-Hoàng, (2) Bài-trừ chiến-tranh, (3) Quyền-lợi và nghĩa-vụ của quốc-dân, (4) Quốc-hội, (5) Nội-các, (6) Tư-pháp, (7) Tài-chánh, (8) Địa-phương tự-trị, (9) Sửa đổi hiến-pháp, (10) Tối-cao pháp-quy, (11) Những quy-chế bổ-túc. Cứ xem qua 11 mục trên thì đủ rõ nội-dung của bản Tân-hiến-pháp này rộng-rãi và bao-quát ngàn nào rồi. Vì thế nên ở đây chúng ta không thể đi sâu vào từng chi-tiết và từng điều-khoản được, trái lại, chỉ cần khảo-cứu đến tinh-thần căn-bản và tổng-quát của nó, rồi dựa vào tinh-thần căn-bản và tổng-quát ấy để tìm hiểu đến những đặc-trưng tư-tưởng của người Nhật-Bản hiện-tại mà thôi.

Muốn hiểu về tinh-thần căn-bản và tổng-quát của bản Nhật-Bản Tân hiến-pháp ấy, không gì hơn là dựa vào những lời mở đầu của bản hiến-pháp ấy. Trong lời mở đầu có chép như sau:

«Quốc-dân Nhật-Bản sẽ hành-động qua những đại-biểu ở quốc-hội sau những cuộc bầu-cử chánh-đáng. Chúng ta sẽ vì chúng ta và con cháu chúng ta mà hòa-hợp hiệp-lực với các quốc-gia khác; phải làm cho tự-do nhân-quyền được bảo-đảm trong toàn lãnh-thổ; phải ngăn-ngừa tất cả những hành-vi có thể tái-diễn thảm-họa chiến-tranh; phải tuyên-ngôn chủ-quyền của quốc-gia là ở nơi quốc-dân và phải cương-quyết bảo-vệ bản Tân-hiến-pháp này.

5. Đây là một đoạn trong bài diễn-văn do Thủ-tướng Hayato Ikeda đọc trong buổi lễ khai-mạc của Ủy-hội Viễn-Đông Kinh-tế trong Liên-hiệp-quốc đã khai-mạc ở Đông-Kinh từ ngày 6-3-62 đến ngày 20-3-62. Muốn rõ hơn về các chi-tiết của hội-ngị, xin đến xem cuốn «*Nhật-Bản với các quốc-gia Á-Châu*» sẽ xuất-bản gần đây.

«Chính-phủ phải được tin-nhiệm của quốc-dân; quyền-uy của chính-phủ là hoàn-toàn do quốc-dân và quyền-uy này là thực-hiện bởi đại-biểu của quốc-dân, vì thế tất cả phúc-lợi của quốc-gia, mọi người dân đều có quyền hưởng-thọ. Đó là nguyên-lý cộng-thông của nhân-loại và bản hiến-pháp này xây-dựng trên nguyên-lý cộng-thông ấy. Chúng ta sẽ phản-đối tất cả những cái gì kể cả thông-tư, pháp-lệnh, sắc-chiếu đi ngược lại với tinh-thần căn-bản của bản hiến-pháp này.

«Quốc-dân Nhật-Bản sẽ vinh-viễn yêu-chuộng hòa-bình và tôn-thờ lý-tưởng nhân-loại hữ-tương, vì thế chúng ta đặt niềm tin-tưởng vào các quốc-gia yêu-chuộng chánh-nghĩa, tôn-tọng hòa-bình công-lý và đồng thời chúng ta quyết-tâm bảo-toàn sự an-toàn thịnh-vượng của quốc-gia xứ-sở. Chúng ta sẽ cố-gắng nêu cao danh-dự tổ-quốc trên trường quốc-tế bằng cách triệt-đề duy-trì hoà-bình và vinh-viễn trừ bỏ những chuyên-chế, nô-lệ, áp-bức, bắt-công, v. v... Chúng ta công-nhận rằng: tất cả mọi người trong thế-giới này đều có quyền sinh-sống trong tự-do hòa-bình và trong những niềm ưu-tư hoặc ham-muốn của con người.

«Chúng ta tin-tưởng rằng: không có quốc-gia nào trong thế-giới này chỉ nghĩ đến mình mà không nghĩ đến quyền-lợi của quốc-gia khác. Quy-tắc Chính-trị đạo-đức phải được phổ-biến thừa-nhận trong toàn-thế thế-giới, và dựa vào quy-tắc này, mọi người có quyền duy-trì chủ-quyền của quốc-gia mình, nhưng đồng thời cũng có trách-vụ lập nền bang-giao thân-hữu với các quốc-gia khác trong thế-giới.

«Chúng ta toàn-thế quốc-dân Nhật-Bản cương-quyết thề-nguyện rằng: vì danh-dự quốc-gia, chúng ta sẽ đem toàn-lực để thực-hiện mục-đích và lý-tưởng mà trong bản hiến-pháp này đã nêu ra»⁶.

Dựa vào những lời mở đầu trong «*Nhật-Bản tân-hiến-pháp*» trên thì cũng đủ rõ tinh-thần căn-bản và tổng-quát của bản hiến-pháp ấy là như thế nào rồi. Chúng ta có thể nói một cách vắn-tắt rằng: bản Tân-hiến-pháp của Nhật-Bản ngày nay là dựa vào những nguyên-tắc: đối-nội thì tôn-tọng tự-do, nhân-quyền, dân-chủ; đối-ngoại thì chủ-trương thế-giới hòa-bình, quốc-tế thân-thiện. Vì căn-

6. Tài-liệu trong bản «*Nhật-Bản tân hiến-pháp*» chép ở trong bộ *Lục-pháp toàn-thơ*, trong quyển «*Văn-bộ pháp-lệnh yếu-lâm*» của bộ Quốc-gia Giáo-Dục Nhật-Bản, và trong bài «*The Constitution of Japan*».

cứ vào các nguyên-tắc đã nêu ra trong bản hiến-pháp ấy, nên từ ngày chiến-tranh chấm-dứt (1945) cho đến nay, ở Nhật-Bản tất cả các hoạt-động về kinh-tế, kỹ-nghệ, văn-hóa, xã-hội, giáo-dục, tư-tưởng v.v... đều thay đổi chiều-hướng, nhất là về vấn-đề tư-tưởng thì lại càng được thay đổi nhiều hơn. Những quan-niệm tôn-quân, những tinh-thần giai-cấp, những chủ-trương hiếu-chiến, những tư-tưởng quốc-gia thái-quá (ultra-nationalism) của các thời xưa đã được trừ-bỏ tận gốc; và thế vào đó, những tư-tưởng tự-do, nhân-quyền, bình-dẳng, dân-chủ, hữu-hào, thân-thiện v.v... được toàn-thể quốc-dân Nhật-Bản, nhất là các tầng-lớp thanh-niên nam nữ thường đặt làm lý-tưởng cho cuộc sống.

Đề kết-thúc bài « Văn-hóa Nhật-Bản ở thời cận-đại và hiện-đại » này thiết nghĩ không gì hơn là mượn lời kết-luận của ông Gia-Vinh Tam-Lang (Ienaga Saburo) trong quyển *Nhật-Bản văn-hóa sử* mà chúng tôi sẽ trích-dịch ra đây. Trong quyển sách ấy về đoạn kết-luận ông có viết như sau :

« Từ nay tất cả những vấn-đề văn-hóa tư-tưởng cần được giải-quyết ổn-đáng. Đề phát-huy nền văn-hóa tư-tưởng quốc-gia, điều cần nhất là chúng ta mọi người dân đều phải cố-gắng thoát-ly ra ngoài những lệ-thuộc ngoại-lai, phải khai-thác tận-cùng những tánh-chất độc-lập cố-cựu, và phải phục-hồi lại tất cả những văn-hóa tư-tưởng truyền-thống của dân-tộc ta. Những cố-gắng ấy sẽ đưa đến thành-công tốt-đẹp, nếu mọi người dân-chúng ta đều dựa vào những nguyên-tắc căn-bản là phát-huy nền văn-hóa độc-lập truyền-thống ở quá-khứ và phục-hồi những sinh-hoạt tinh-thần độc-đáo của dân-tộc ở hiện-tại.

« Chỉ có như thế chúng ta mới có thể xây-dựng cho nước ta một nền văn-hóa tư-tưởng thuần-túy dân-tộc, và chỉ có như thế chúng ta mới có thể đóng góp một phần xứng-dáng trong việc xây-dựng một nền văn-hóa phong-phú của thế-giới nhân-loại mỗi ngày một tiến-bộ ở hiện-tại và tương-lai vậy ». ⁷



7. Phòng-lược theo tài-liệu trong quyển « *Nhật-Bản văn-hóa sử* » của ông Gia-Vinh Tam-Lang ở đoạn cuối.

NGUYỄN CHUNG-TU

và

ĐẶNG HỒNG-TIỆM

Khoa-Học Đại-Học Đường — Sài-gòn

tác-dụng hỗ-tương giữa vật-chất và bức-xạ : laser

0. Mở đầu

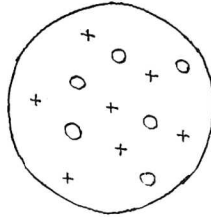
a) Laser chỉ là một trường-hợp trong vấn-đề tổng-quát về sự hỗ-tác giữa vật-chất và bức-xạ. Sau hiệu-ứng quang-điện (Hertz, 1887), tia X (Röntgen, 1895), hiệu-ứng Compton (1923), hiệu-ứng Raman (1928), sự cấu-tạo lưỡng-tử (Anderson, 1932), hiệu-ứng Cherenkov (1934), hiệu-ứng Mössbauer (1958), laser là sự khuếch-đại ánh-sáng bằng phát-xạ kích-thích (Light Amplification by Stimulated Emission of Radiation, 1960).

b) Tuy nhiên, nguyên-tắc căn-bản của laser đã được Einstein dẫn-giải từ năm 1917 khi ông khảo-sát năng-lượng bức-xạ của vật đen. Mãi năm 1952, người ta mới ứng-dụng nguyên-tắc này vào việc khuếch-đại các sóng cực ngắn, và máy maser đầu tiên được thực-hiện năm 1955 (Microwave Amplification by Stimulated Emission of Radiation). Năm 1958, người ta bắt đầu để ý tới các tần-số quang-học (tia hồng-ngoại, tia sáng trông thấy được, tia tử-ngoại, v. v. .). Vào tháng bảy năm 1960, người ta thực-hiện được máy laser đầu tiên. Sự thành-công rực-rỡ khiến khắp thế-giới chú-ý.

c) Dưới đây, tác-giả sẽ trình-bày nguyên-tắc của laser, sau đó sẽ nói qua tới những loại laser chính; phần thứ ba, dành cho sự chuyên-vận của một trong các máy này và tiếp theo là những đặc-tính của phát-xạ kích-thích. Sau hết xin trình-bày những ứng-dụng chính của laser về khảo-cứu căn-bản cũng như về kỹ-thuật.

1. Phát-xạ tự-nhiên và phát-xạ kích-thích

a) Ta hãy coi một môi-trường kín chứa những nguyên-tử ở hai mức năng-lượng khác nhau E_1 và E_2 (E_1 nhỏ hơn E_2). Số nguyên-tử ở hai mức năng-lượng đó theo thứ-tự là N_1 và N_2 (hình 1). Một nguyên-tử của E_1 nếu gặp bức-xạ điện-từ có tần-số ν nghiệm đúng



hình 1

$h\nu = E_2 - E_1$, có thể hấp-thụ một quang-tử và chuyển lên mức năng-lượng E_2 (hình 2). Nếu sự phân-phối, năng-lượng của thông-lượng là

$dw = \rho d\nu$
trong khoảng $(\nu - \frac{d\nu}{2}, \nu + \frac{d\nu}{2})$,
 ρ là mật-độ bức-xạ trong khoảng đó, số chuyển-tiếp trong một đơn-vị thời-gian là

$$-\frac{dN_1}{dt} = BN_1\rho, \quad (2)$$

số nguyên-tử ở trạng-thái E_1 giảm đi dN_1 , B là hệ-số tỷ-lệ. Nhưng đồng-thời, số nguyên-tử ở trạng-thái E_2 tăng lên dN_2 , ta có

$$-dN_1 = dN_2,$$

do đó

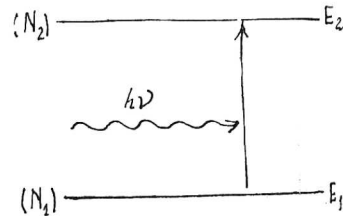
$$\frac{dN_2}{dt} = BN_1\rho$$

b) Một nguyên-tử ở trạng-thái kích-thích E_2 có thể trở xuống trạng-thái căn-bản E_1 bằng cách phát-xạ một quang-tử có tần-số nghiệm đúng

$$h\nu = E_2 - E_1$$

theo hai cách:

Cách thứ nhất: *phát-xạ tự-nhiên*: (hình 3). Nguyên-tử có thể trở lại E_1 không cần có tác-dụng bên ngoài và đặc-biệt không cần có tác-dụng của ánh sáng kích-



hình 2

thích. Trong trường-hợp này, số nguyên-tử phát-xạ trong một đơn-vị thời-gian là

$$-\frac{dN_2}{dt} = AN_2$$

A là hằng-số tỷ-lệ.

Sự suy giảm theo một hàm-số lũy-thừa

$$N_2 = (N_2)_0 e^{-At} \quad (3')$$

$(N_2)_0$ là trị-số của N_2 khi $t = 0$.

Sự phát-xạ tự-nhiên này nhắc ta nhớ tới sự phân-hủy tự-nhiên của các nhân nguyên-tử phóng-xạ, nó không tùy thuộc vào điều-kiện bên ngoài mà chỉ phụ-thuộc vào nguyên-tử và vào chuyển-tiếp kể trên.

c) Cách thứ hai: *phát-xạ kích-thích hay phát-xạ ứng*: (hình 3 bis). Nguyên-tử kích-thích cũng có thể trở xuống trạng-thái căn-bản dưới

tác-dụng của bức-xạ tần-số $\nu = (E_2 - E_1)/h$. Đó là phát-xạ kích-thích hay ứng. Số chuyển-tiếp kích-thích trong một đơn-vị thời-gian là

$$-\frac{dN_2}{dt} = BN_2\rho \quad (4)$$

Ta chỉ xét trường-hợp

hai hệ-số B của (2) và (4) bằng nhau. Phát-xạ kích-thích tùy thuộc vào mật-độ ρ của quang-tử hiện-diện có tần-số bằng tần-số chuyển-tiếp.

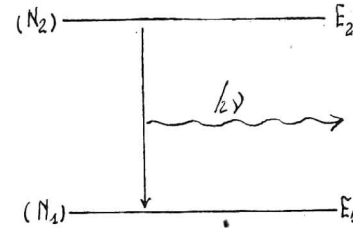
d) Khi có cân-bằng nhiệt-động-lực, số nguyên-tử N_2 phải không đổi; nói cách khác, số quang-tử được phát-xạ phải bằng số quang-tử bị hấp-thụ:

$$BN_1\rho = AN_2 + BN_2\rho,$$

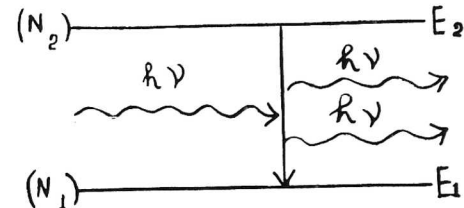
$$\text{do đó} \quad \frac{N_2}{N_1} = \frac{B\rho}{A + B\rho}.$$

Nếu T là nhiệt-độ cân-bằng, định-luật Boltzmann cho ta:

$$\frac{N_2}{N_1} = e^{-h\nu/kT},$$



hình 3



hình 3 bis

do đó

$$\frac{B\rho}{A + B\rho} = e^{-h\nu/kT}$$

và

$$\rho = \frac{A}{B} \cdot \frac{I}{e^{h\nu/kT} - 1}$$

Công-thức Planck

$$\rho = \frac{8\pi h\nu^3}{c^3} \cdot \frac{I}{e^{h\nu/kT} - 1}$$

được nghiệm đúng nếu

$$\frac{A}{B} = \frac{8\pi h\nu^3}{c^3}$$

Cơ-học nguyên-lượng cho ta tính A và do đó suy ra B: sự phát-xạ kích-thích không tùy thuộc ở tần-số trong khi sự phát-xạ tự-nhiên tỷ-lệ với tam-thừa của tần-số.

2. Sự khuếch-đại

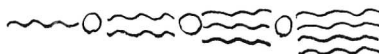
a) Tóm lại, ta hãy coi tác-dụng của một bức-xạ vào một hệ-thống nguyên-tử ở hai mức năng-lượng khác nhau. Nếu một quang-tử có tần-số ν gặp một nguyên-tử kích-thích, nguyên-tử này sẽ trở lại trạng-thái căn-bản bằng cách phát-xạ một quang-tử mới cùng tần-số và cùng pha với quang-tử tới. Như vậy, sóng đã được *khuếch-đại* khi truyền qua môi-trường. Trái lại, nếu quang-tử tới gặp một nguyên-tử không bị kích-thích, quang-tử này sẽ bị hấp-thụ (hình 4). Phương phát-xạ song song với phương bức-xạ tới.

Vì đã cho rằng xác-suất hấp-thụ B, bằng xác-suất phát-xạ kích-thích B, nên muốn cho có khuếch-đại số nguyên-tử N_2 của trạng-thái năng-lượng E_2 phải lớn hơn số nguyên-tử N_1 ở trạng-thái năng-lượng E_1 :

$$N_2 > N_1 \quad (8)$$

Đó là hiện-tượng *ngịch-đảo* của số nguyên-tử vì thường thường $N_2 < N_1$ hoặc vì

$$\frac{N_2}{N_1} = \frac{B\rho}{A + B\rho}$$



hình 4

hay theo định-luật Boltzmann:

$$\frac{N_2}{N_1} = e^{-h\nu/kT}$$

b) Điều-kiện khuếch-đại trên chỉ là điều-kiện *đủ* chứ chưa phải là điều-kiện *đầy đủ*. Ta còn phải kể tới sự hao hụt năng-lượng ra ngoài môi-trường (kín theo lý-thuyết), và công-suất phát-xạ P phải lớn hơn công-suất P' tiêu-tán hao hụt:

$$P > P' \quad (9)$$

P có thể viết dưới dạng-thức:

$$P = \frac{dn}{dt} h\nu \quad (10)$$

dn/dt là số quang-tử phát-xạ trong đơn-vị thời-gian:

$$\frac{dn}{dt} = (N_2 - N_1) B\rho$$

Do đó: $P = (N_2 - N_1) B\rho h\nu$

Nhưng $\rho d\nu = n h\nu$

vậy: $P = (N_2 - N_1) \frac{Bn(h\nu)^2}{d\nu}$

Muốn có khuếch-đại, phải có:

$$P > P'$$

tức là $N_2 - N_1 > \frac{P'd\nu}{Bn(h\nu)^2}$

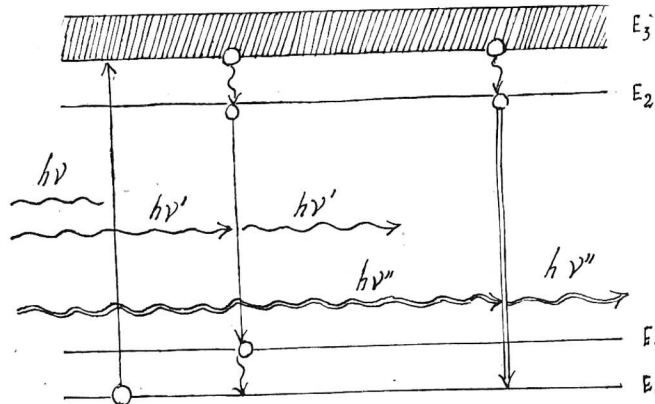
Điều-kiện này cho ta thấy có một *thêm* khuếch-đại. Dưới thêm này, ánh sáng phát-xạ là ánh-sáng phát-huy thường, không kết-hợp. Trên thêm này, ánh sáng phát-xạ có những tính-chất rất đặc-biệt: *kết-hợp*, *hướng-hiệu* và *đơn-sắc*; đó chính là những đặc-tính của laser.

3. Sự nghịch-đảo số nguyên-tử

a) *Bơm quang-học*:

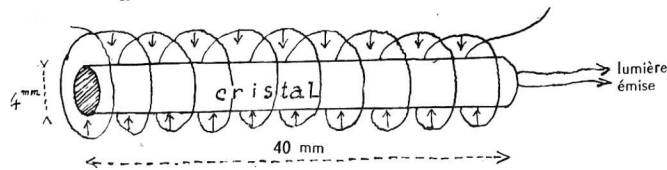
α) Trong trường-hợp laser rắn, môi-trường là một hình trụ bằng hồng-ngọc Al_2O_3 chứa những ion Cr^{+++} (hình 7). Nếu ta dùng ánh sáng có tần-số $\nu = \frac{E_3 - E_0}{h}$ chiếu thẳng góc với trục (*bơm quang-học*) những ion Cr^{+++} được mang lên mức E_3 (hình 5) rồi sau đó lại trở xuống mức năng-lượng nhỏ

hơn E_1 bằng cách phát ra một dao-tử không phóng-xạ. Nguyên-tử có thể ở mức này tương-đối khá lâu (5 phần 1000 một giây) và do đó mức này chứa nhiều



hình 5

nguyên-tử. Sau đó, những ion trong trạng-thái E_2 lại trở xuống trạng-thái căn-bản E_0 hoặc trạng-thái E_1 hơi cao hơn. Trong trường-hợp thứ nhất, ánh sáng phát ra có tần-số $\frac{E_2 - E_0}{h}$; trong trường-hợp thứ hai $\frac{E_2 - E_1}{h}$.



hình 6

b) Phóng điện trong khí hiếm:

Trong trường-hợp các khí như hêlium hay nêon, người ta dùng chum điện-tử để đưa nguyên-tử lên mức kích-thích. Người ta chọn những nguyên-tử có thể sống ở trạng-thái kích-thích khá lâu. Năng-lượng được chuyển-tiếp từ điện-tử sang nguyên-tử khi đụng không này.

4. Vài kiểu laser

a) Laser rắn.

Môi-trường là một tinh-thể hồng-ngọc hình trụ đường kính vài milimét và dài vài centimét. Các mặt được tráng bạc để có thể phản-chiếu. Hệ-số phản-chiếu thay đổi từ 0,98 tới 0,99.

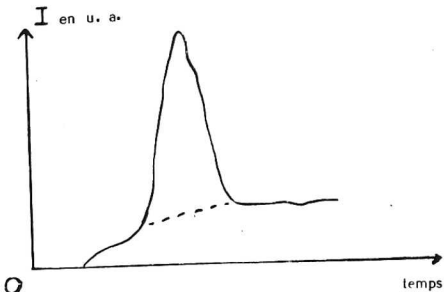
Người ta chọn hồng-ngọc làm môi-trường tác-động vì quang-phổ của nó đã được biết rõ và được thực hiện dễ-dàng.

Vì ta phải nghịch-đảo số nguyên-tử $N_2 - N_1 > \Delta N$, ΔN rất nhỏ so với $N_0 = N_1 + N_2$, nghĩa là phải mang quá nửa số nguyên-tử lên trạng-thái E_3 , quang-năng kích-thích cần cho sự chuyển-tiếp từ E_0 tới E_3 rất lớn, nên ta không có thể thực-hiện một cách liên-tục được mà phải bằng những xung-lượng gián-đoạn.

Ta dùng một đèn chớp (flash), hình xoắn ốc quấn xung quanh tinh-thể, để bơm ánh sáng. Sự nghịch-đảo được thực-hiện sau $0,5 \cdot 10^{-3}$ giây.

Người ta quan-sát ánh sáng laser bằng một máy tăng điện-tử ghép với một dao-động-nghiệm ghi được

cường-độ sáng theo thời-gian. Dưới thêm khuếch-đại, ta được hiện-tượng phát-huy thông-thường của hồng-ngọc; trên thêm, ta thấy xuất-hiện những mũi nhọn trên đường biểu-diễn. Ánh sáng quan-sát được thay đổi theo thời-gian và những mũi nhọn trên kế tiếp nhau xuất-hiện rất mạnh và rất ngắn (10^{-6} giây). Sự phát-xạ không thuần nhất trên mặt tinh-thể (hình 7). Năng-lượng phát-xạ tổng-cộng vào khoảng 0,1 Joule.



hình 7

b) Laser khí

Đó là một hình trụ có hai đáy tráng bạc. Đường kính bằng 1,5 cm, chiều dài tới 80 cm. Bên trong là hỗn-hợp khí He-Ne (áp-suất helium vào khoảng 0,1 mm thủy-ngân trong khí áp-suất của nêon mười lần lớn hơn). Sự nghịch-đảo được

thực-hiện bằng cách phóng điện. Laser khí là một laser *liên-tục* còn trong laser rắn, hiệu-ứng chỉ quan-sát được trong những đáp-ứng với xung-lượng rất ngắn.

Người ta có thể tăng hiệu-suất bằng cách dùng một hỗn-hợp hai khí, năng-lượng kích-thích được chuyển từ khí thứ nhất tới khí tác-dộng khi các phân-tử đụng nhau. Đó là trường-hợp heli-um và néon, sự chuyển-tiếp được thực-hiện từ heli-um tới néon.

c) Laser hai boson.

Trong tất cả các loại laser kể trên, sự phát-xạ kích-thích được thực-hiện bằng phát-xạ quang-tử. Ta có thể thực-hiện laser bằng phát-xạ hai boson, quang-tử và dao-tử.

Trong germanium, nếu người ta tạo nên những lỗ hổng trong giải hóa-trị và những điện-tử trong giải dẫn điện, ta không thể có tái-hợp trực-tiếp «lỗ hổng — điện tử» bằng cách phát-xạ một quang-tử vì động-lượng sẽ không được bảo-toàn. Trái lại, sự tái-hợp «điện-tử — lỗ hổng» có thể thực-hiện được bằng cách phát-xạ đồng-thời một quang-tử và một dao-tử (hình 8).

Giải dẫn ● Điện-tử
điện

Giải hóa ○ Lỗ hổng
trị hình 8

5. Đặc-tính của hiệu-ứng laser

a) Tính kết-hợp.

Ta có một liên-lạc xác-định về pha giữa các máy dao-động và sóng tới, nghĩa là giữa các quang-tử tới và quang-tử ứng: do đó bức-xạ cảm-ứng *kết-hợp*. Hệ-thống có thể được coi như một nguồn bức-xạ điện-tử có một độ lợi quan-trọng giữa hai năng-lượng cùng bản-chất, năng-lượng nhận được và năng-lượng hoàn lại (những nguồn bức-xạ thông thường, tạo nên bởi một số nguyên-tử phát-xạ tự-do, không được kết-hợp).

Ánh sáng ra khỏi đáy của laser soi sáng một mẫu Péro-rot-Fabry dưới những độ khuynh khác nhau gần trục, người ta quan-sát được các vân. Ánh sáng này cũng dùng được trong thí-nghiệm lỗ Young.

b) Tính hướng-hiệu.

Độ hướng-hiệu vào khoảng từ 1/10 độ tới 1/20 độ. Một laser hồng-ngọc được đặt ở Holmde (New Jersey) và sự phát-xạ quan-sát bằng mắt thường ở Murray Hill (N. J.) cách 40 km. Vòng tròn sáng có bán-kính là 30 m. Người ta cũng đã khảo-sát sự truyền suốt của xung-lượng sáng trong một ống dẫn sóng hình tròn đường kính 5 cm dài 400 m. Những máy tăng điện-tử đặt ở đầu ống ghi những xung-lượng sáng có cường-độ lớn; trong trường-hợp laser khí, tính hướng-hiệu có thể tới 1'.

c) Tính đơn-sắc: $0,02 \text{ cm}^{-1}$ (laser rắn)

Cũng nên nhắc lại rằng độ rộng của vạch đỏ cadmium (mẫu độ dài cũ) là $0,05 \text{ cm}^{-1}$, và độ rộng của vạch da cam krypton 86 (mẫu độ dài hiện thời) là $0,0134 \text{ cm}^{-1}$.

Trong trường-hợp laser khí, tính đơn-sắc rất lớn (τ kylocycle hay $0,3 \cdot 10^{-6} \text{ cm}^{-1}$).

6. Ứng-dụng

Laser rất quan-trọng, về phương-diện vật-lý căn-bản cũng như về phương-diện ứng-dụng kỹ-thuat.

a) Về vật-lý căn-bản.

Ta có thể dùng laser để sản-xuất máy phát và máy dò tất cả các tia sáng trong khoảng hồng-ngoại. Thực vậy, ngày nay ta chưa có những nguồn đơn-sắc mạnh trong khoảng này. Người ta phải dùng hoặc nguồn phát-quang có hiệu-suất rất kém trong khoảng hồng ngoại, hoặc phải lọc nguồn nhiệt. Laser sẽ cho ta một hiệu-suất cao hơn.

Laser còn có thể dùng làm mẫu chiều dài.

Sự sản-xuất những mật-độ năng-lượng cao có thể có những ứng-dụng quan-trọng trong việc khảo-sát các phản-ứng hóa-học và những hiện-tượng sinh-vật-học. Năng-lượng cho bởi laser hiện giờ vẫn còn nhỏ, nhưng rất kết-tụ.

b) Những ứng-dụng kỹ-thuat của laser cũng rất quan-trọng, đặc-biệt là trong lãnh-vực viễn-thông. Ta có thể quan-sát sự truyền tín-hiệu sáng xa 50 km.

Tính biên-điện của laser sẽ được áp-dụng vào ngành viễn-thông không-gian.

Sau hết, tính hướng-hiệu rất lớn của chùm tia sáng kích-thích phát-xạ có thể tạo nên radar cho các sóng sáng hay hồng-ngoại rất chính-xác (lidar).

TÀI-LIỆU

- G. MONOD-HERZEN, *Cours de luminescence*, Faculté des Sciences (Rennes, France), 1962.
 A. AUTHIER, Les lasers, *Nucleus*, 1961, Juillet - Août, 260-268.
 J. C. VIENOT, Les masers optiques, *Revue d'Optique*, 1961, 40, 4-22.
 A. BLANDIN, Les lasers, *L'onde électrique*, 1961, 41, 1931-39.

DANH-TỪ VIỆT-PHÁP-ANH ĐỐI-CHIẾU

Áp-suất	Pression	Pressure
Bơm quang-học	Pompage optique	Optic pumping
Boson	Boson	Boson
Bảo-toàn	Conservation	Conservation
Biên-điệu	Modulation	Modulation
Bức-xạ	Rayonnement	Radiation
Cấu-tạo lưỡng từ	Formation de paire	Pair formation
Chuyển-tiếp	Transition	Transition
Cân-bằng nhiệt-động-lực	Equilibre thermodynamique	Thermodynamic equilibrium
Cơ-học nguyên-lượng	Mécanique quantique	Quantic mechanics
Dao-từ không phát-xạ	Phonon non radiatif	Non radiative phonon
Dao-động nghiệm	Oscilloscope	Oscilloscope
Dao-động (máy)	Oscillateur	Oscillator
Đơn-sắc (tinh)	Monochromaticité	Monochromaticity
Đụng không nảy	Choc inélastique	Inelastic impact, inelastic shock
Động-lượng	Quantité de mouvement	Quantity of motion, momentum,
Độ lợi	Gain	Gain
Độ khuynh	Inclinaison	Inclination
Giải dẫn điện	Bande de conduction	Band of conduction
Giải hóa-trị	Bande de valence	Band of valency

Hướng-hiệu (tính)	Directivité	Directivity
Hồng-ngọc	Rubis	
Hệ-số phản chiếu	Pouvoir réflecteur	Reflector coefficient
Hỗn-hợp	Mélange	Mixture
Hiệu-suất	Rendement	Efficiency
Hỗ-tương	Mutuel	Mutual
Hỗ-tác	Intéraction	Interaction
Hiệu-ứng	Effet	Effect
Hàm-số lũy-thừa	Fonction exponentielle	Exponential function
Hao hụt năng-lượng	Dissipation de l'énergie	Energy dissipation
Kết-hợp (tinh)	Cohérence	Coherence
Hồng-ngoại	Infrarouge	Infrared
Khuếch-đại	Amplification	Amplification
Kích-thích	Excitation	Excitation
Kích-động	Stimulation	Stimulation
Laser rắn	Laser solide	Solid laser
Máy tăng điện-từ	Photomultiplicateur	Photomultiplier
Mẫu	Echantillon	
Máy dò	Détecteur	Detector
Môi-trường	Milieu	Medium
Mức năng-lượng	Niveau énergétique	Energetic level
Mật-độ	Densité	Density
Nghịch-đảo	Inversion	Inversion
Ống dẫn sóng	Guide d'onde	Wave guide
Phát-huy	Luminescence	Luminescence
Phóng điện	Décharge électrique	Electric discharge
Phát-xạ tự nhiên	Emission spontanée	Spontaneous emission
Phát-xạ kích-động	Emission stimulée	Stimulated emission
Phát-xạ ứng	Emission induite	Induced emission
Phân-hủy tự nhiên	Désintégration spontanée	Spontaneous disintegration
Phóng xạ	Radioactivité	Radioactivity
Pha	Phase	Phase
Quang-năng	Energie lumineuse	Energy of light
Quang-tử ứng	Photon induit	Induced photon
Quang-điện	Photoélectrique	Photoelectric

Sóng tới
Sóng cực ngắn
Suy giảm
Tin-hiệu
Tác-dụng
Tán-sò
Tử-ngoại
Thông-lượng
Tam-thừa
Thêm
Vân
Vật đen
Xung-lượng

Onde incidente
Microonde
Décroissance
Signal
Action
Fréquence
Ultraviolet
Flux
Cube
Seuil
Frange
Corps noir
Implusion

Incident wave
Microwave
Decreasing
Signal
Action
Frequency
Ultraviolet
Flux
Cube
Threshold
Fringe
Black body
Impulse

THANH-TAM
sưu-tầm

thăm-hiềm không-gian có ích lợi gì?

(tiếp theo V.H.N.S. số 79)

Dùng người máy thay ta lên thăm cung Quảng được, thì tất-nhiên có thể dùng nó xuống đáy biển sâu thay ta được, điều này cũng lại đang thành sự thực. Con người thuộc dòng-dõi của những sinh-vật từ thời xa-xăm trong di-vãng trái đất đã lặn mò từ dưới biển lên sinh sống trên cạn, nhưng trớ-trêu thay, cái nơi đã phát-sinh ra chúng ta nay thành cầm-địa, vì ta không thể nào lặn nổi xuống những độ sâu hàng trăm thước mà không bị áp-lực giết chết. Dùng những chiếc vỏ cứng, như những chiếc "bathyscape", bảo-vệ cho ta, thì không những nó không cho ta hoạt-động dễ-dàng mà vẫn còn môi nguy: có thể chiếc vỏ bị áp-lực của nước bóp bẹp. Người máy, với "cơ-thể" bằng kim-khí, có thể dễ-dàng lặn sâu đến bất cứ độ nào và ngoan-ngoãn vâng theo lệnh của người điều-khiển, bình-an ngồi trong tàu, trên mặt biển. Thực-hiện này, rồi đây, sẽ làm đảo-lộn cả ngành thăm-hiềm đáy đại-dương, việc thu hồi quý-vật bị chìm ở những độ sâu ghê-gớm hàng ngàn, hàng vạn thước, sẽ ở trong tầm tay con người.

Nói đến quý-vật dưới biển, hẳn nhiều người chúng ta nghĩ ngay đến những chuyên tàu đáy vàng bạc châu báu, từ cổ xưa bị đắm, còn chôn vùi dưới biển sâu chờ những tay thợ lặn đủ gan-dạ và kỹ-thuật tìm đèn lầy vế, nhưng những vật quý ấy, trị-giá không-lớ đời với cá-nhân, vẫn chẳng đáng là bao đời với một quốc-gia, huống hồ đời với nhân-loại? Biển cả bao trùm 3/4 mặt địa-cầu, là một nguồn cung-cấp thực-phẩm tôi quan-trọng. Chưa kể đến sò cá, sò phiêu sinh-vật, hiện thời nuôi sống bao triệu con người, và là lợi-tức chính của nhiều quốc-gia ít đất trống-trọt như nước Nhật chẳng hạn, biển còn là một thừa "ruộng" mệnh-mông, sản-xuất biết bao nhiêu rong biển mà các nhà bác-học đang

tìm cách khuếch-trương để dùng làm thức ăn cho những thể-hệ mai-hậu. Ngoài ra nó còn là một "mỏ" kim-khí không-lô mà rôi đây nhân-loại át sẽ phải tìm được cách khai-thác mới đủ thỏa-mãn nhu-cầu của khối người đang gia-tăng ghê-gớm và đang bành-trướng kỹ-nghệ không ngừng. Hơn nữa, nhân-loại ngày càng hoạt-động thêm trong lòng biển, càng tung vào đó những công-trình sáng tạo vô-cùng quý-giá, và cũng vô-cùng nguy-hiểm, như những chiếc tàu ngầm nguyên-tử chẳng hạn. Sự hiểu biết biển sâu vì thế ngày càng cần thiết, những dụng-cụ hoạt-động dưới biển sâu cũng ngày càng phải tinh-xảo hơn. Người máy sẽ là dụng-cụ hữu-hiệu nhất để con người làm chủ lòng biển, không những chỉ khai-thác mà còn bảo-vệ lòng biển nữa, chẳng hạn khi những tàu ngầm nguyên-tử, những "má" chắt chặn phóng-xạ dưới sâu, có thể đầu-độc nước biển, giết hết sinh-vật trong biển, thì người máy sẽ phải thay con người lặn xuống, hoặc để mò lên, hoặc để chôn vùi chúng kỹ-lưỡng hơn nữa.

Như vậy, những kỹ-thuật thám-hiêm nơi xa-xôi như cung Quảng thực ra lại còn có tầm lợi-ích rất gần với chúng ta.

Nghề nông, vấn-đề số một của nhân-loại, hiện cũng trông-chờ rất nhiều ở các vệ-tinh để thoát những thiên-tai như bão, lụt, hạn-hán, thường làm tiêu tan trong khoảnh-khắc biệt bao công-trình khó-nhọc của nhà nông và đốn hàng bao triệu người vào nạn đói-kém, chết-chóc.

Chúng ta thường cho rằng nhân-loại hiện có những sức mạnh lớn khả-di chẻ-ngự những lực-lượng khổng-lô của vũ-trụ, đó là năng-lực nguyên-tử và hạch-tâm. Thực ra, chỉ một cơn bão nhỏ cũng đủ mạnh bằng hàng trăm trái bom khinh-khí mạnh nhất. Nếu người ta cho nó cùng một lúc hơn mười vạn trái bom nguyên-tử mà hai khối Nga Mỹ cản-cù khó-nhọc bao lâu mới tạo nổi, cũng không làm thay-đổi được thời-tiết của một nước Pháp trong quá 8 ngày. Như vậy dùng bạo-lực thay đổi thời-tiết quả là một hoài-bào quá to-tát, nếu người ta không hiểu rõ huyền-cơ của sự kế-tiếp của thời-tiết, không khác gì ta vác búa nặng tú sắt, phí bao công-lao mà không kết-quả trong khi chỉ cần một sức nhẹ-nhàng quay máy vòng số cho đúng và vận chiếc chìa khóa là xong.

Chính những chiếc vệ-tinh nhỏ-bé kia đã đưa lại cho nhân-loại sự hiểu-biết cần-thiết để thực-hiện hoài-bào nói trên. Chúng đã báo về trái đất bao chi-tiết, cho hay là trên thượng-tầng không-khí, ở độ cao hàng 50 ngàn mét, có những luồng khí nhẹ chạy vòng tròn, luồng chính từ xích-đạo lên bắc-cực rồi chạy vòng trở xuống, kéo theo cạnh nó hai luồng gió xoay tròn nơi mặt đất, gây ra những cơn gió Tây của châu Âu. Luồng thứ tư cao 10 vạn thước cũng từ xích-đạo lên bắc-cực rồi trở xuống. Chúng xây-chuyên đều-đặn thì các thời-tiết cũng cực đều-đặn, nhưng nếu ta làm sai-lạc sự xây-chuyên ấy thì những cơn lốc sẽ xuất-hiện, có thể làm tan hay tụ mây ở vùng này hay vùng nọ như ý ta muốn.

Điều phát-giác mới lạ nhất là không phải chỉ có 4 mùa trong một năm, mà là 6 mùa: mùa xuân bắt đầu từ 12 tháng 3 dương-lich, hai mùa hạ từ 7 tháng 5 và 30 tháng 6, mùa thu từ 22 tháng 8 và hai mùa đông từ 15 tháng 10 và 22 tháng 12. Vào những ngày nói trên, nếu người ta can-thiệp vào sự xoay-tròn của các luồng gió ở thượng-tầng không-khí kia thì thời-tiết cũng đổi thay. Người ta có thể can-thiệp vào tự những điểm khí-áp thấp như quần đảo Aléoutiennes và đảo Islande hoặc nơi khí-áp cao như ở trên quần-đảo Açores, Á-châu hay Thái-Bình Dương, bằng cách gây ra những luồng khí nóng lớn ở độ cao, điều này không còn là viễn-vong nữa khi người ta đã có được những hỏa-tiến nạm và những bom khinh-khí.

Nhưng vấn-đề không phải chỉ giản-dị như thế. Bĩn-thường, những luồng hơi nhẹ xoay tròn trên cao kia, còn chịu ảnh-hưởng của những khu-vực chúng đi qua: Về mùa hạ thì miền đất liền tiết ra hơi lạnh và mặt biển tiết ra hơi nóng, đến mùa đông thì ngược lại, đất tiết hơi nóng, biển tiết hơi lạnh.

Những khối hơi nóng bốc thẳng lên, và những khối hơi lạnh rơi thẳng xuống nhưng đồng thời chúng cũng chịu ảnh-hưởng của sự xoay tròn của trái đất mà biến thành những cơn lốc khổng-lô từ 100 đến 5.000 cây số đường kính, ở cách xích-đạo khoảng 30°, di-chuyển nhanh tới 200 cây số một giờ, ở độ cao 8 đến 12 cây số.

Lý-thuyết này được giáo-sư B. P. Multanosvsky đề ra từ năm 1950 khiến người ta có thể căn-cứ vào đây tính biết trước thời-tiết được năm, bảy ngày.

Các vệ-tinh nhân-tạo khám-phá ra rằng mặt trời tung xuống trái đất những khối năng-lực cực lớn dưới hình-thức từ-ngoại-tuyên, hồng-ngoại-tuyên, quang-tuyên X, nhưng chúng bị bầu không-khí của trái đất cản lại hầu hết. Chúng không xuống được đến mặt đất nên tất cả chúng ta mới không đèn nổi đùi, và các sinh, thực-vật mới còn sống nổi, nhưng chúng ảnh-hưởng rất lớn đến các cơn lốc nói trên. Lái nổi những nguồn năng-lực to-tát của vũ-trụ ấy tức là làm chủ được thời-tiết vậy.

Các vệ-tinh Spoutniks, Cosmos, Tiros đã ghi-nhận những vụ nổ dữ-dội trên mặt trời, tung ra những khối năng-lực tương-đương với bao triệu tỷ bom khinh-khí thượng-thặng loại 100 méгатonnes! Những phản-ứng nguyên-tử trong lòng mặt trời mỗi lần nổ làm vọt lên những lưỡi lửa vi-đại và tạo nên những cơn bão điện-từ cực mạnh, làm điên-đảo cả những vùng rộng lớn trong vũ-trụ, phóng ra xa hàng trăm triệu cây số những dòng thác tia bức-xạ và nguyên-tử hoặc mảnh nguyên-tử, gộp lại còn nhiều hơn cả toàn khối địa-cầu nữa. Tuy một phần lớn rơi trở lại mặt trời, nhưng vẫn còn một phần tản ra trong vũ-trụ và chỉ mười phút sau đã phóng tới khí-quyển của ta. Liên sau đó ta thấy thời-tiết xáo-trộn, mùa hạ đột nhiên trở lạnh và mưa còn mùa đông lại ấm.

Hiểu biết những duyên-cớ xáo-trộn trên đây, nhờ vệ-tinh, người ta hiện ít ra cũng đã có những yếu-tố để đoán trước thời-tiết chắc-chắn hơn xưa kia nhiều. Hơn nữa, người ta còn dự-tính làm ra mưa để cứu hạn-hán trên những vùng rộng lớn. Nguyên-do gây ra mưa, chính là những hạt bụi vũ-trụ làm cho hơi nước kết-động thành hạt. Thực chúng ta không ai ngờ rằng trong mỗi hạt mưa đều có một cái nhân cực kỳ nhỏ bé là thứ bụi tề-vi từ nơi xa-xăm nào đó trong vũ-trụ phóng tới trái đất của ta. Trong mỗi 24 giờ có tới 4.000 tấn bụi loại đó gây ra những cơn mưa, trút xuống mặt đất khoảng 3 triệu tấn nước mưa. Người ta dự-tính dùng hòa-tiên phóng lên những đám bụi cát, mỗi hạt đường kính chỉ chừng 1/2 ly mét, để chúng thay thế bụi vũ-trụ tạo ra mưa trên những vùng hạn-hán. Khi muốn tránh lụt thì người ta phóng chúng lên trên vùng biển để làm cho mây động rồi xuống biển, khỏi tràn vào đất liền.

Giáo-sư Tserenkov còn có một dự-tính to-tát hơn nhiều. Ông cho rằng nếu có được một tấm gương không-lò, đường kính 500 cây số, ta có thể quy tụ đủ các tia bức-xạ và các vi-phân-tử do mặt trời phóng ra, khà đi làm tiêu-tan các đám mây mù. Tất-nhiên ta không thể có một mặt gương nào to lớn đến như thế, nhưng giáo-sư cho rằng có thể dùng vài nghìn chiếc hòa-tiên, tung lên độ cao 1.500 cây số một số lượng vi-phân-tử nhôm, đường kính chỉ độ 3/10.000 một ly mét, đủ tạo ra trên đó một vòng đai sáng giống như những vòng đai của Thổ-Tinh (Saturne), khà-di quy-tụ xuống mặt đất một số năng-lực 1.300 tỷ ki-lô-oát giờ, tức là tương-đương với năng-lực của 580.000 đập nước lớn như đập nước Donzère-Mondragon của Pháp, một con số không ai tưởng-tượng nổi. Do đây, những luồng khí lạnh bị sườn ảm, những vùng rộng lớn hiện lạnh-lẻo hoang-vu, đầy băng tuyết như Sibérie, Groenland và lục-địa Bắc-Cực, trở nên trồng-trọt được, và châu Âu cũng sẽ quanh năm ấm-áp. Tất-nhiên, người ta chưa có thể lường được những hậu-quả của một công-cuộc như vậy. Khi băng to lớn tại Bắc-Cực tan rã có làm mất thăng-bằng của địa-cầu không? Có dâng nước biển lên tràn ngập lục-địa không? Ánh sáng do vòng đai chiếu xuống làm cho vùng Bắc-Cực không lúc nào là đêm cả, thì nhân-loại liệu có thể sống nổi không và nhất là khí-hậu quanh năm ấm-áp có làm cho chí-khí con người bị mèm-yêu đi không?

Đâu sao thì những hiểu biết mới cực kỳ phong-phú về thời-tiết và khà-năng con người trước các lực-lượng từ xưa đến nay vẫn coi là «vô-địch» của vũ-trụ cũng đã hé mở ra cho nhân-loại một con đường tiền cực xán-lạn, tuy còn đầy nguy-hiêm.

Bên cạnh bão lụt, hạn-hán, còn một thiên-tai khác vô cùng ác-hại vẫn làm nhân-loại khiếp-đám từ ngàn xưa: đó là những vụ động đất. Từ thượng-cổ, con người đã gắng dùng tri-khôn của mình để phòng-ngừa những tai-nạn đó

mà chưa kết-quả là bao. Ngành địa-chân-học đã tiên-nhiều, từ những địa-chân-kê bằng đồng khá nhậy của Trung-Hoa thời cổ đến những địa-chân-kê tòi-tàn cực kỳ tinh-vi, tuy nhiên trình-độ khoa-học hiện-đại vẫn chưa cho ta biết trước được khi nào xảy ra động đất, khiến hồi cuối năm ngoái hàng bao con người còn bị chết vì vụ động đất khủng-khiếp tại Iran. Nhiều hiện-trạng kỳ-lạ còn trùm một màn bí-mật trên những vụ động-đất. Một vật-lý-học gia tại thiên-vân đài núi Wilson, là bác-sĩ Anderson, ngày 21-4-1918, khi xảy ra vụ động đất tại San Jacinto, đã chứng-kiến nền nhà bằng xi-măng uốn lên như gợn sóng, thế mà khi hết động-đất, cổ nhìn, bác-sĩ vẫn không thấy một vết nứt-nẻ nào hết. Trước khi xảy ra động-đất, người ta còn thấy xuất-hiện những quả cầu lửa sáng trên những vùng sắp bị thiên-tai. Điều này nhiều người đã ghi-nhận. Gần đây, ở Orléansville cũng đã xuất-hiện nhiều trái cầu sáng ấy trước khi bùng nổ vụ động-đất hồi năm 1954. Ngoài ra, còn nhiều triệu-chứng khác mà có lẽ riêng súc-vật mới có linh-tính nhận thấy, khi chim-chóc, rắn-rết rời bỏ tổ, hang, khiến chó lông ra khỏi tinh vừa chạy vừa hú rít kinh-hoàng, trong khi con người vẫn chưa thấy một dấu-hiệu gì báo là động đất sắp xảy ra.

Hàng năm, trên khắp địa-cầu, người ta ghi-nhận chừng 5.000 vụ đất động, trong đó khoảng 100 vụ có tính-cách tàn phá. Nhưng còn biết bao vụ khàc nữa ta chẳng hay biết mà riêng súc-vật nhận thấy khiến chúng kinh-hãi?

Mỗi lần động đất là một lần tiết ra, tự lòng trái đất, những khối năng-lực lớn kinh-khủng, bên cạnh chúng sức mạnh của bom nguyên-tử chẳng thấm vào đâu. Mặt đất, trên đó chúng ta sinh-sống một cách yên tâm, thực ra chỉ là một vỏ rất mỏng, rất dễ bị những lý-do thâm-kín làm méo mó, nứt-rạn.

Một phần những lý-do gây ra động-đất ở ngoài địa-cầu. Mặt trời phóng xuống đất những khối lớn vi-phân-tử có điện-tích, chúng phối-hợp với từ-trường của trái đất, làm thay đổi chút-xítu chu-kỳ xảy tròn của địa-cầu. Sự sai-suyễn ấy tuy cực nhỏ, chừng vài phần nghìn của một giây đồng-hồ trong 24 tiếng, nhưng cũng đủ làm cho đường kính địa-cầu dài thêm hoặc ngắn đi, và làm méo đôi chút vỏ địa-cầu, mở đường cho những khối năng-lực ghê-gớm tiềm-tàng trong lòng đất thoát ra, gây những cảnh đồ-vỡ chết chóc bi-thảm. Sau khi ảnh-hưởng của mặt trời đời với nạn động đất được giáo-sư Danjon khám phá ra, đến lượt toán-học-gia người Đức là Rudolf Tomashek phát-giác một hiện-tượng khàc khiến giới bác-học phân-vấn kinh-ngạc.

Nhà bác-học Tomashek cho biết là những vụ động đất quan-trọng nhất từ 1952 đến giờ, lần nào cũng trùng với sự hiện-điện của Thiên-Vương-Tinh (Uranus) tại cùng một vị-trí trên trời. Phải chăng chỉ là một sự trùng-hợp ngẫu-nhiên? Nhưng đến vụ động đất kinh-khủng tại Iran, sự-kiện trên đây cũng

lại một lần nữa đúng, khiến ta khó tin rằng Thiên-Vương-Tinh không dính dấp gì đến những vụ động đất tàn phá trên mặt địa-cầu, tuy ta chưa hiểu tại sao. Muốn biết chắc-chắn, Tomashek hiện đang lục tìm xem vị-tri của Thiên-Vương-Tinh trong các vụ động đất về trước, từ 1456 đến 1952. Kết-quả công-kuộc khảo-cứu đó rồi đây sẽ cho ta biết thực-sự có mối liên-lạc nào giữa thiên-tai và vị sao kia chăng.

Các duyên-cớ gây động đất không phải chỉ ở bên ngoài, mà còn do tự chính nhân-loại gây ra nữa. Người ta đã biết dưới những miền hỏa-diêm-sơn như ở Kamtchatka và Hawai, ở độ sâu 70 cây số, có những trung-tâm gây địa-chấn, chúng sức chối-dậy cùng một lúc với những vụ núi phun lửa. Những rung-động trong lòng đất đã bắt đầu ngày 29-9-1955, quanh một ngọn núi lớn tại Kamtchatka. Những rung-động ấy mỗi lúc một mạnh và một nhiều hơn, đến mức độ mấy nghìn lần trong một ngày. Sau khi các máy ghi nhận được khoảng 30.000 lần rung-động ấy thì, ngày 30 tháng 3 năm 1956, ngọn núi kia vùng phun lửa, làm tiêu tan cả ngọn núi. Những mảnh tung lên cao tới 50 cây số và những luồng lửa phóng đi nhanh hàng 600 cây số một giờ.

Đem so với sức mạnh của các vụ động đất thì các vụ nổ bom nguyên-tử, hạch-tâm, chẳng nghĩa lý gì, nên trước kia giới bác-học không tin rằng thứ bom nguyên-tử, khinh-khí, có ảnh-hưởng đến những vụ động đất. Nhưng giờ đây thì sự thực đã hiển-nhiên trái lại.

Các cuộc khảo-sát cho thấy rằng tuy bom nổ tương-đôi không mạnh mấy, nhưng trạng-thái quân-bình của vỏ mặt đất chẳng có chi là bền-vững cho lắm, không khác một ngôi nhà ọp-ọp, chỉ cần một sự chuyển-động của một vài trái bom nguyên-tử, sức mạnh bằng một ngôi hỏa-diêm-sơn, đủ làm cho rung-chuyển rạn-nứt. Nhiều nhà bác-học như J. A. Philips ở Bristol (Anh) và S. Balakrishna ở Hyderabad (Ấn-độ) đã chứng-tỏ rằng vụ động đất ở Kamtchatka ngày 5-11-1952 chỉ cách sau vụ nổ bom khinh-khí đầu tiên của Hoa-kỳ tại Eniwetok có bốn ngày, vụ động đất ghé-gớm tàn phá Hi-Lạp năm 1956 cũng tiếp theo vụ thử bom khinh-khí thượng-thặng tại quần-đảo Marshall, và nó đã xảy ra đúng vào lúc làn sóng xung-kích (onde de choc) của bom băng tới không-phận Hi-Lạp.

Hiện nay người ta chỉ mới biết cách hạn-chè sự nguy-hại của động đất bằng lối «kiến-trúc phòng động đất», xây-cắt theo các định-luật do một kỹ-sư người Nhật là Riki Sano đề xướng như : xây nhà trên đất vững chứ không xây trên lớp đất đỏ mềm, móng sâu, chiều cao không quá hai lần chiều ngang của nhà, và nhất là phải làm tường, vách, sàn bằng những vật-liệu thuần-khởi như bê-tông, gỗ, chứ không dùng được những thứ gạch đá, tuy có dãn nhưng lại là những mảnh gắn với nhau bằng vữa.

Tiếc rằng nguyên-tắc này khó lòng tất cả mọi người tuân theo được vì đồng tiền eo-hẹp, phần đông dân-chúng vẫn phải dùng những vật-liệu kiến-trúc thông-thường, khiến họ vẫn phải sống trong những căn nhà dễ sụp.

Với các vệ-tinh, một niềm hy-vọng mới xuất-hiện : chúng từ trên độ cao nhận-xét nổi những sự biến-chuyển cực nhỏ của trọng-lực, gây ra do sự xê-dịch của các khối lớn trong lòng trái đất, bất cứ vì duyên-cớ nào. Do đây, vệ-tinh kịp thời báo trước những sự co dãn trong lòng trái đất tại từng vùng, và dân-chúng từ thành-thị đến thôn quê sẽ kịp tản ra khỏi các tòa nhà, tránh cái vạ ghé-gớm bị chôn sống.

Bên cạnh những khám-phá ích-lợi lớn lao như trên, riêng chúng đã thừa chứng-tỏ giá-trị công-kuộc khám phá không-trung, còn biết bao nhiêu khám-phá khác đã và đang làm cho đời sống con người được dễ-dãi và bảo-đảm hơn lên.

Những loại đèn đặc-biệt, những bộ máy điều-hòa độ ẩm-và độ nóng lạnh đã được thực-hiện cho phi-hành-gia không-gian. Chúng tiện-lợi gấp bội những thứ ta thường dùng, nên hiện đang được nghiên-cứu chế tạo cho ra thị-trường. Chúng không có động-cơ, cũng chẳng có một bộ-phận nào chuyển-động hết, mà chỉ là những tấm có thể nóng lên hay lạnh đi tùy ở chiều dòng điện. Những tấm ấy làm bằng chất tellure de bismuth, do bác-học Aigrain, người Pháp, một nhà chuyên-môn khảo-cứu các chất bán-dẫn-điện (semi-conducteur), tìm ra. Những chất bán-dẫn-điện này không những có tính-cách trực-tiếp biến năng-lực thành điện (chẳng hạn những bộ-phận pin trên vệ-tinh biến thẳng ánh sáng mặt trời ra thành dòng điện chạy máy trong vệ-tinh), ngược lại chúng còn có thể biến dòng điện thành sức nóng hay sức lạnh. Những nhà nào có tủ lạnh hay máy điều-hòa không-khí, thường bị máy trục-trắc lúc thì «đình công», lúc thì hao điện, từng méo mặt trước số tiến điện ghi trong hóa-đơn, mới đánh giá được đúng mức thứ máy làm nóng, lạnh, đơn-giản và chắc-chắn này. Hiện ít nhiều bệnh-viện bên Hoa Kỳ đã dùng, và chắc chẳng bao lâu chúng sẽ có trong gia-đình chúng ta.

Những căn nhà gắn mặt lộ, xe chạy qua lại suốt ngày, đều khô-sở vì bụi-bặm không những bận-bịu cả ngày lau chùi, quét tước, còn thêm hao tiền thuộc-thang chi vì những vi-trùng do bụi đường dẫn đến. Một thứ máy, cũng chế cho phi-hành-gia, một ngày kia sẽ tránh cho ta sự bất-tiện ấy : đó là máy «précipitron». Thứ máy điện-từ này dùng điện-thê cao hút hết bụi trong không-khí. Máy ấy không có bộ-phận chuyển-động, nghĩa là đơn-giản và khó hỏng, một ngày kia cũng sẽ đến với ta, khi các nhà sáng-chê tìm ra được cách tránh cho người dùng khỏi cái nguy bị điện cao-thê giật.

Chúng ta quen sống với nhịp : thức và hoạt-động 16 giờ, ngủ 8 giờ mỗi ngày. Sau khi tìm cách cho các phi-hành-gia giữ được nhịp sống bình-

thường trong khi họ không còn những sự kè-tiếp đều-đặn của ngày đêm nữa, các chuyên-viên Mỹ đã tìm ra là nhịp sống tốt nhất gồm 4 giờ làm việc, 4 giờ chơi, 4 giờ ngủ kè tiếp nhau. Khi tập cho các phi-hành-gia tương lai sống thử với nhịp ấy, người ta thấy kết-quả rất lợi cho thể-xác lẫn tinh-thần, nên các nhà bác-học đang nghiên-cứu biến nhịp sống đó thành một phương-pháp trị bệnh cho những kẻ yếu thần-kinh, nó lợi hơn phương-pháp trị bệnh bằng giấc ngủ dài như bảy giờ có thể làm thui-chột bắp thịt và làm mệt bệnh-nhân.

Một ngày kia những văn-khố cũng sẽ thu hẹp lại nhiều lắm vì hiện thời người ta đã ghi được cả hình màu lẫn tiếng trên những cuộn băng rộng có một ly mét. Người ta còn nghiên-cứu cả lời ghi hình ảnh lẫn tiếng bằng sức nóng, do một luồng điện-từ phát ra, trên một tấm ơ-lát-tích nữa. Hiện đã có những cuốn sách tí-hon, nhỏ bằng chiếc « đê » (bao tay may), mà khi phóng lớn ra trên màn ảnh, cho ta đọc dễ-dàng hàng hai ngàn trang giấy in. Theo phương-pháp này, một thư-viện bao vạn cuốn sẽ không cần phải chứa trong những tòa nhà to-lớn nữa mà có thể để vào trong chiếc va-li, vì nó nặng chỉ chừng vài ký mà thôi. Phương-pháp tiêu-hình-hóa này, gọi là T.P.R. (thermo-plastic recording) trước khi dùng cho phi-hành gia, đã được cả Mỹ lẫn Nga dùng lập thư-viện cho các nhà bác-học tại những căn-cứ khảo-sát hẻo-lánh tại miền Nam-cực Hơ-n nữa, người ta còn hi-vọng nhờ phương-pháp T.P.R. « nhỏ » được rất nhiều « kiền-thức » vào trong ký-ức của các bộ óc điện-từ.

Người ta đã từng tổng-hợp được cả chất béo, chất phó-mát (fromage) tốt hơn những thức ăn thiên-nhiên ở chỗ có thể tiêu-hóa hoàn-toàn không còn bã. Tuy hiện giờ mấy thức ấy, hợp với các vi-ta-min, chưa phải là thức ăn đầy đủ nuôi sống phi-hành-gia nhưng đã là những bước tiến đầy hy-vọng trên đường chế-tạo thức ăn tổng-hợp rất quý giá đối với ít nhiều thứ binh.

Đặc-biệt hơn cả có lẽ là những chất béo và chất đường, loại hợp-chất có 4 nguyên-tử các-bon, do bác-sĩ Laborit thực-hiện. Không những chúng nuôi sống con người không khác gì chất bơ và đường thiên-nhiên, còn là những thứ « thuốc ngủ » hiệu-nghiệm mà không độc như những thứ thuốc ngủ thông thường. Tất-nhiên chúng rất hữu-ích đối với các phi-hành-gia, vì sẽ làm cho họ được thư-thái trong hoàn-cảnh tinh-thần căng-thẳng, mà còn ích-lợi vô song đối với những bệnh-nhân cần thuốc an-thần mà không dùng được thuốc thường vì thuốc làm họ ngứa-ngáy hoặc hỗn-loạn bộ tiêu-hóa.

Bác sĩ Laborit còn nhận thấy cơ-thể động-vật, ở một nhiệt-độ thấp như II độ bách phân chẳng hạn, có thể sống mãi không già. Bác-sĩ đã cho thử ăn thứ mỡ nói trên, làm chúng ngủ, rồi hạ nhiệt-độ thân chúng xuống 110. Bình thường thì với nhiệt-độ bên trong thấp như vậy chúng sẽ chết, đằng này chúng

vẫn ngủ li-bi cho đến khi được đánh thức dậy, và chúng lại chạy, nhảy khỏe-mạnh như thường.

Các nhà bác-học Pháp dự định làm cho phi-hành-gia ngủ như vậy trong suốt cuộc hành-trình hàng tháng, hàng năm hay vài chục năm không chừng, để rồi khi sắp tới đích những bộ máy tự-động sẽ đánh thức họ dậy thi-hành nhiệm-vụ. Còn ở trên mặt địa-cầu này, người ta có thể dùng phương-pháp tương-tự làm cho con người ngủ những giấc dài hàng đôi ba thế-kỷ, để rồi thức dậy tiếp-tục cuộc sống...

Gần chúng ta hơn nữa là nhiều phát-minh dành cho phi-hành-gia, tuy nhỏ-nhặt nhưng áp-dụng vào đời sống chúng ta cũng thêm rất nhiều tiện-lợi, tỷ như thứ dao cạo làm bằng chất các-buay tun-si-tên (carbure de tungstène) thường dùng chế-tạo những dao tiện kim-khí hạng tốt. Chúng cực dẫn và sắc, khiến người dùng nó cạo râu thầy chẳng cần gì đèn kem bôi cho mịn da và mềm râu, và lưỡi dao cũng bền bỉ sắc mãi. Những thứ kem tránh say nắng do các bác-học Nga chế-tạo cho Gargarine và Titov dùng, nay mai cũng sẽ thấy ở thị-trường.

Các phi-hành-gia không đem theo được bác-sĩ săn-sóc họ, nên người ta đã chế-tạo những bộ máy luôn luôn coi sóc sức khỏe của họ và báo cho bác-sĩ trên mặt đất biết tất cả những biến-chuyển trong cơ-thể họ từ áp-mạch cho đến nhịp đập của tim hay những luồng sóng do óc phi-hành-gia phát ra. Lỗi án binh tự nơi xa này đã được áp-dụng tại đường-đường Lafayette ở Detroit, ở bệnh-viện Chabel Hill và Y-Khoa Đại-Học-Đường tại Bắc Caroline (Mỹ-Quốc).

Cả lời pha cà-phê cũng được cải thiện. Thay vì dùng những bộ phận lọc cà-phê bằng kim-khí bây giờ, người ta đã dùng thứ vải « téflon » thường vẫn dùng lọc nhiên-liệu cho hòa-tiến, để pha cà-phê, thì thấy vị ngon hơn lên.

Chất « pyroceram », một chất tương-tự thủy tinh và đồ gốm, dùng chế-tạo hòa-tiến, nay cũng được dùng để chế-tạo cả soong chảo và đĩa bát. Chúng ta có thể hơ lửa cực nóng, rồi nhúng vào nước lạnh buốt, mà không nứt rạn. Một loại pyroceram còn có tính cách khử trùng, được dùng làm chén bát rất tiện-lợi, hợp vệ-sinh, nên nhiều nhà hàng đã đặt làm.

Hãng Sundstrand Aviation tại Denver đã hoàn thành một chất plastique đặc-tính là ra nắng chúng ám đen, nhiều ít tùy độ nắng, và khi đưa vào nơi tối chúng lại trong trở lại. Mục-dích là dùng làm kính của hòa-tiến để chúng tự động điều-chỉnh độ sáng của căn phòng phi-hành-gia. Tất-nhiên cũng có thể dùng chúng tạo những bộ kính đeo thân-diệu, ra nắng thì biến thành kính đậm và vào tối lại thành kính trắng, hoặc làm kính cửa sổ để ta khỏi mất công đóng mở cho độ sáng trong phòng được điều hòa.

Những bộ-phận hướng-dẫn hòa-tiến một ngày kia cũng sẽ được theo kiểu chế-tạo thành những bộ-phận ra da tí hon móc vào xe hơi để chúng điều-khiển

máy-móc kịp thời hãm xe trước những chướng-ngại-vật. Một khi tất cả mọi xe-cộ đều có bộ-phận ấy thì không còn những vụ xe đâm nhau, hàng ngày giết hại bao nhiêu con người nữa. Những ích lợi trực-tiếp hoặc gián-tiếp công cuộc thám-hiêm không-trung thực là phong-phú không ngờ, mỗi ngày một nhiều thêm, thực không kể xiết.

Kết-luận

Nếu ta tin rằng sự tiến-hóa của con người không thể nào ngừng được; nếu lịch-sử chỉ là một sự tái-diễn, thì việc con người một ngày kia tiến ra chinh-phục các hành-tinh quả là một điều không thể tránh.

Thực thề, ta hãy quay về dĩ-vãng sẽ thấy đã có một sự-kiện tương-tự: Cách đây bao triệu năm về trước, khi lớp hơi ô-zôn (ozone) chưa có các tia bức-xạ tự mặt trời chiếu xuống đất cực kỳ mãnh-liệt, thì nơi sinh-sống lý-tưởng của sinh-vật chính là biển cả, nơi đầu tiên sự sống xuất-hiện. Nhờ nước biển, trọng-lực nhẹ đi nhiều đời với sinh-vật, sự sai biệt về nhiệt-độ cũng ít, và các tia bức-xạ của mặt trời thấu vào lòng nước cũng yếu đi rất nhiều. Vào thời ấy, những sinh-vật trong biển, nếu biết suy-nghĩ như ta, tất coi đất liền là một nơi đầy nguy-hiêm không thể sinh-sống được. Chúng sợ đất liền chẳng khác gì chúng ta hiện sự không-trung vậy. Nhưng nếu sinh-vật cứ ở mãi trong nước biển thì làm sao có thể tiến-hóa đến mức sinh-sản ra được các giống cầm thú, và nhất là con người, như hiện nay? Mềm nước dày-đặc, tối-tâm và sức cản của nó đối với các cử-chỉ của sinh-vật, là hai yếu-tố chính kìm-hãm sự tiến-hóa của sinh-vật. Chúng không thích-hợp với sự tiến-triển của giác-quan quý báu nhất của chúng ta là thị-giác (giác-quan duy-nhất cho ta thấy được tự nơi xa) và cản-trở không cho chân tay ta trở nên khéo-léo. Nếu văn-minh trong lòng biển (nếu có được một nền văn-minh như vậy) sẽ mãi mãi ngưng-trệ ở thời-kỳ thạch-khí, vì muốn tiến thêm hơn, cần phải biết dùng lửa, mà lửa thì làm gì có trong lòng biển?

Chính nhờ có những thế-hệ sinh-vật từ biển liêu-linh men lên sống nơi đất liền, chêt chóc tất cũng đã lắm, nhưng rồi dần-dà tự thích-ứng vào những điều-kiện khát-khe trên mặt đất, mà có được chúng ta, với những nền văn-minh mà tất cả chúng ta ai ai cũng tự hào.

Tuy tự thời ấy đến nay, trải qua bao vạn thế-kỷ, cơ-thể chúng ta cũng vẫn còn giữ được tính-chất của thủy-tộc: thân-thể ta, hầu hết vẫn là nước.

Giờ đây, hướng về tương-lai, ta thấy nhân-loại cũng lại đến một khúc ngoẹo quan-trọng không kém: chúng ta sắp từ nơi đất liền quen thuộc này, bước chân vào thế-giới của không-trung.

Nằm trong lòng biển, tiền-tổ ta xưa kia có ngờ đâu cuộc sống nơi đất liền lại có những khả-năng biến-cải phong-phú, không những đời với thể-xác mà cả với tâm-hồn sinh-vật, gây ra sự khác-biệt lạ-lùng giữa một con người và một con cá?

Giờ đây, cuộc sống nơi mặt đất này đã đến lúc ngưng-trệ dần, điều-kiện sinh-hoạt ngày thêm thiếu-thốn và quá nhàm, tư-tưởng cũng khó tiến-triển, cả đến óc tưởng-tượng mà chúng ta vẫn tưởng là không giới-hạn, thực ra cũng đã bắt đầu bị kìm-hãm, luẩn-quẩn trong những cái "đã thấy"...

Ta cứ thử đề những pho-tiêu-thuyết « kỳ-lạ » hiện-đại ra coi sẽ thấy Tuy những chuyện hoang-đường « thời nguyên-tử » đặt trong khung-cảnh mới, nhưng rút lại cũng không có gì là kỳ lạ cho lắm so với những pho-tiêu-thuyết hoang-đường thời tồ-cổ...

Trí tưởng-tượng vốn là yếu-tố quan-trọng thúc đẩy nhân-loại tiến-tới, một dân-tộc mà trí tưởng-tượng cùn đi là một dân-tộc ngưng-trệ và nền văn-minh của họ sắp đi đến tàn-tạ.

Nhân-loại cũng chỉ là một đại dân-tộc và không khỏi theo định-lệ ấy. Trí tưởng-tượng của con người giờ đây « thiếu thức dinh-dưỡng » để sống mạnh, nền văn-minh của nhân-loại cũng không khỏi vì thế có thể tới suy-vong.

Ta không khỏi lấy làm lạ khi thấy con người tranh-chấp nhau từng mảnh đất nhỏ, từng tư-tưởng vụn-vật, từng mỗi lợi tám-thường, để đi đến chỗ sát-hại nhau vô cùng thâm-khắc, trong khi không-gian biết bao rộng lớn, với bao tài-nguyên mới-mẻ và phong-phú, với bao điều mới-lạ kỳ-dị, đang đón chờ ta..

Nghĩ như thế, ta sẽ đồng-ý với giới bác-học mà nhận-định rằng: cuộc chinh-phục không-gian sẽ đưa lại một luồng gió mới, và nhờ nó nền văn-minh nhân-loại sẽ bước vào một thời-kỳ Phục-Hưng vậy.

xe-cộ đều có bộ-phận ấy thì không con người và những vật khác giết hại bao nhiêu con người nữa. Những ich lợi trực-tiếp hoặc gián-tiếp công cuộc thám-hiêm không-trung thực là phong-phú không ngờ, mỗi ngày một nhiều thêm, thực không kể xiết.

Kết-luận

Nếu ta tin rằng sự tiên-hóa của con người không thể nào ngừng được; nếu lịch-sử chỉ là một sự tái-diễn, thì việc con người một ngày kia tiến ra chinh-phục các hành-tinh quả là một điều không thể tránh.

Thực thế, ta hãy quay về dĩ-vãng sẽ thấy đã có một sự-không tương-tự: Cách đây bao triệu năm về trước, khi lớp hơi ô-zôn (ozone) chưa có các tia bức-xạ tự mặt trời chiếu xuống đất cực kỳ mãnh-liệt, thì nơi sinh-sống lý-tưởng của sinh-vật chính là biển cả, nơi đầu tiên sự sống xuất-hiện. Nhờ nước biển, trọng-lực nhẹ đi nhiều đối với sinh-vật, sự sai biệt về nhiệt-độ cũng ít, và các tia bức-xạ của mặt trời thấm vào lòng nước cũng yếu đi rất nhiều. Vào thời ấy, những sinh-vật trong biển, nếu biết suy-nghĩ như ta, tất coi đất liền là một nơi đầy nguy-hiêm không thể sinh-sống được. Chúng sợ đất liền chẳng khác gì chúng ta hiện sợ không-trung vậy. Nhưng nếu sinh-vật cứ ở mãi trong nước biển thì làm sao có thể tiên-hóa đến mức sinh-sản ra được các giống cầm thú, và nhất là con người, như hiện nay? Mà nước dày-đặc, tối-tăm và sức cản của nó đối với các cử-chỉ của sinh-vật, là hai yếu-tố chính kìm-hãm sự tiên-hóa của sinh-vật. Chúng không thích-hợp với sự tiên-triển của giác-quan quý báu nhất của chúng ta là thị-giác (giác-quan duy-nhất cho ta thấy được tự nơi bầu nhât của chúng ta là thị-giác) và cản-trở không cho chân tay ta trở nên khéo-léo. Nền văn-minh trong lòng biển (nếu có được một nền văn-minh như vậy) sẽ mãi mãi ngưng-trệ ở thời-kỳ thạch-khí, vì muốn tiến thêm hơn, cần phải biết dùng lửa, mà lửa thì làm gì có trong lòng biển?

Chính nhờ có những thê-hệ sinh-vật từ biển liêu-linh men lên sống nơi đất liền, chết chóc tất cũng đã lắm, nhưng rồi dần-dà tự thích-ứng vào những điều-không khát-khe trên mặt đất, mà có được chúng ta, với những nền văn-minh mà tất cả chúng ta ai ai cũng tự hào.

Tuy tự thời ấy đến nay, trải qua bao vạn thê-kỷ, cơ-thể chúng ta cũng vẫn còn giữ được tính-chất của thủy-tộc: thân-thể ta, hầu hết vẫn là nước.

Giờ đây, hướng về tương-lai, ta thấy nhân-loại cũng lại đến một khúc ngoẹo quan-trọng không kém: chúng ta sắp từ nơi đất liền quen thuộc này, bước chân vào thê-giới của không-trung.

nhân loại có những...
mà cả với tâm-hồn sinh-vật, gây ra sự khác-biệt lạ-lùng giữa một con người và một con cá?

Giờ đây, cuộc sống nơi mặt đất này đã đến lúc ngưng-trệ dần, điều-không sinh-hoạt ngày thêm thiếu-thốn và quá nhàm, tư-tưởng cũng khó tiên-triển, cả đến óc tưởng-tượng mà chúng ta vẫn tưởng là không giới-hạn, thực ra cũng đã bắt đầu bị kìm-hãm, luẩn-quẩn trong những cái "đã thấy"....

Ta cứ thử đề những pho-tiêu-thuyết «kỳ-lạ» hiện-đại ra coi sẽ thấy Tuy những chuyện hoang-đường «thời nguyên-tử» đặt trong khung-cảnh mới, nhưng rút lại cũng không có gì là kỳ lạ cho lắm so với những pho-tiêu-thuyết hoang-đường thời tôi-cổ...

Trí tưởng-tượng vốn là yếu-tố quan-trọng thúc đẩy nhân-loại tiên-tới, một dân-tộc mà trí tưởng-tượng cùn đi là một dân-tộc ngưng-trệ và nền văn-minh của họ sắp đi đến tàn-tạ.

Nhân-loại cũng chỉ là một đại dân-tộc và không khỏi theo định-lệ ấy. Trí tưởng-tượng của con người giờ đây «thiếu thức dinh-dưỡng» để sống mạnh, nền văn-minh của nhân-loại cũng không khỏi vì thế có thể tới suy-vong.

Ta không khỏi lầy lăm lã khi thấy con người tranh-chấp nhau từng mảnh đất nhỏ, từng tư-tưởng vụn-vặt, từng mỗi lợi tám-thường, để đi đến chỗ sát-hại nhau vô cùng thâm-khốc, trong khi không-gian biết bao rộng lớn, với bao tài-nguyên mới-mẻ và phong-phú, với bao điều mới-lạ kỳ-dị, đang đón chờ ta...

Nghĩ như thế, ta sẽ đồng-ý với giới bác-học mà nhận-định rằng: cuộc chinh-phục không-gian sẽ đưa lại một luồng gió mới, và nhờ nó nền văn-minh nhân-loại sẽ bước vào một thời-kỳ Phục-Hưng vậy.

máy-móc kịp thời hãm xe trước những chướng-ngại-vật. Một khi tất cả mọi xe-cộ đều có bộ-phận ấy thì không còn những vụ xe đâm nhau, hàng ngày giết hại bao nhiêu con người nữa. Những ích lợi trực-tiếp hoặc gián-tiếp công cuộc thám-hiêm không-trung thực là phong-phú không ngờ, mỗi ngày một nhiều thêm, thực không kể xiết.

Kết-luận

Nếu ta tin rằng sự tiến-hóa của con người không thể nào ngừng được; nếu lịch-sử chỉ là một sự tái-diễn, thì việc con người một ngày kia tiến ra chinh-phục các hành-tinh quả là một điều không thể tránh.

Thực thế, ta hãy quay về đi-vãng sẽ thấy đã có một sự-không tương-tự: Cách đây bao triệu năm về trước, khi lớp hơi ô-zôn (ozone) chưa có các tia bức-xạ tự mặt trời chiếu xuống đất cực kỳ mãnh-liệt, thì nơi sinh-sống lý-tưởng của sinh-vật chính là biển cả, nơi đầu tiên sự sống xuất-hiện. Nhờ nước, trọng-lực nhẹ đi nhiều đời với sinh-vật, sự sai biệt về nhiệt-độ cũng ít, và các tia bức-xạ của mặt trời thấm vào lòng nước cũng yếu đi rất nhiều. Vào thời ấy, những sinh-vật trong biển, nếu biết suy-nghĩ như ta, tất coi đất liền là một nơi đầy nguy-hiêm không thể sinh-sống được. Chúng sợ đất liền chẳng khác gì chúng ta hiện sợ không-trung vậy. Nhưng nếu sinh-vật cứ ở mãi trong nước biển thì làm sao có thể tiến-hóa đến mức sinh-sản ra được các giống cầm thú, và nhất là con người, như hiện nay? Mảnh nước dày-đặc, tối-tăm và sức cản của nó đối với các cử-chỉ của sinh-vật, là hai yếu-tố chính kìm-hãm sự tiến-hóa của sinh-vật. Chúng không thích-hợp với sự tiến-triển của giác-quan quý báu nhất của chúng ta là thị-giác (giác-quan duy-nhất cho ta thấy được tự nơi xa) và cản-trở không cho chân tay ta trở nên khéo-léo. Nếu văn-minh trong lòng biển (nếu có được một nền văn-minh như vậy) sẽ mãi mãi ngưng-trệ ở thời-kỳ thạch-khí, vì muốn tiến thêm hơn, cần phải biết dùng lửa, mà lửa thì làm gì có trong lòng biển?

Chính nhờ có những thể-hệ sinh-vật từ biển liêu-linh men lên sống nơi đất liền, chết chóc tất cũng đã lắm, nhưng rồi dần-dà tự thích-ứng vào những điều-kiện khắt-khe trên mặt đất, mà có được chúng ta, với những nền văn-minh mà tất cả chúng ta ai ai cũng tự hào.

Tuy tự thời ấy đến nay, trải qua bao vạn thế-kỷ, cơ-thể chúng ta cũng vẫn còn giữ được tính-chất của thủy-tộc: thân-thể ta, hầu hết vẫn là nước.

Giờ đây, hướng về tương-lai, ta thấy nhân-loại cũng lại đến một khúc ngoẹo quan-trọng không kém: chúng ta sắp từ nơi đất liền quen thuộc này, bước chân vào thế-giới của không-trung.

Nằm trong lòng biển, tiên-tổ ta xưa kia có ngờ đâu cuộc sống nơi đất liền lại có những khả-năng biến-cải phong-phú, không những đời với thế-xác mà cả với tâm-hồn sinh-vật, gây ra sự khác-biệt lạ-lùng giữa một con người và một con cá?

Giờ đây, cuộc sống nơi mặt đất này đã đến lúc ngưng-trệ dần, điều-kiện sinh-hoạt ngày thêm thiếu-thốn và quá nhàm, tư-tưởng cũng khó tiên-triển, cả đến óc tưởng-tượng mà chúng ta vẫn tưởng là không giới-hạn, thực ra cũng đã bắt đầu bị kìm-hãm, luẩn-quẩn trong những cái 'đã thấy'....

Ta cứ thử dở những pho-tiêu-thuyết « kỳ-lạ » hiện-đại ra coi sẽ thấy Tuy những chuyện hoang-đường « thời nguyên-tử » đặt trong khung-cảnh mới, nhưng rút lại cũng không có gì là kỳ lạ cho lắm so với những pho-tiêu-thuyết hoang-đường thời tôi-cổ...

Trí tưởng-tượng vốn là yếu-tố quan-trọng thúc đẩy nhân-loại tiên-tới, một dân-tộc mà trí tưởng-tượng cùn đi là một dân-tộc ngưng-trệ và nền văn-minh của họ sắp đi đến tàn-tạ.

Nhân-loại cũng chỉ là một đại dân-tộc và không khỏi theo định-lệ ấy. Trí tưởng-tượng của con người giờ đây « thiếu thức dinh-dưỡng » để sống mạnh, nền văn-minh của nhân-loại cũng không khỏi vì thế có thể tới suy-vong.

Ta không khỏi lầy lăm lăm khi thấy con người tranh-chấp nhau từng mảnh đất nhỏ, từng tư-tưởng vun-vật, từng môi lợi tám-thường, để đi đến chỗ sát-hại nhau vô cùng thâm-khộc, trong khi không-gian biết bao rộng lớn, với bao tài-nguyên mới-mẻ và phong-phú, với bao điều mới-lạ kỳ-dị, đang đón chờ ta...

Nghĩ như thế, ta sẽ đồng-ý với giới bác-học mà nhận-định rằng: cuộc chinh-phục không-gian sẽ đưa lại một luồng gió mới, và nhờ nó nền văn-minh nhân-loại sẽ bước vào một thời-kỳ Phục-Hưng vậy.

JUST OUT

the Revised (1963) Edition of
SPEAK VIETNAMESE
by NGUYEN DINH HOA, PH. D.

Based on the techniques of modern linguistics, this textbook, first published in Washington in 1955 and in Saigon in 1957, has now been revised in the light of book reviews and classroom experience.

The author is Associate Professor of Linguistics and English at the Faculty of Letters, University of Saigon.

388 pages

V.N.\$100.00

Please order from the Publisher :
TEXTBOOK AND PUBLICATION SERVICE
DEPARTMENT OF NATIONAL EDUCATION
89 Le Van Duyet Street
SAIGON, VIETNAM

VŨ-ĐIỀN
TRƯƠNG-CAM-VINH

đệ-nhứt danh-họa Trung-Quốc : Ngô-Đạo-Từ¹

Từ Tam-Quốc đến Nhà Tày (220-617)

Như ta đã biết, qua bài « Cuộn tranh Tàu cổ quý của viện British Museum », thì Trung-Quốc đã sẵn có, trước thời Phật-giáo được truyền tới, một nền cựu-truyền hội-họa², có thể dài đến nhiều thế-kỷ. Theo nhận-xét của ông R. Petrucci, dường như những thợ vô-danh đã dựa theo các mẫu bích-họa sẵn có để chạm trở những hình nổi thắp trong các mô-mả thời

¹ Tuy mỗi bài có một đề mục riêng, nhưng bài này được viết với mục-dịch tiếp theo bài « Cuộn tranh Tàu cổ quý của viện British Museum » đăng trong *Văn-Hóa Nguyệt-San* số 78, từ trang 229 đến 235 và số 79 từ trang 425 đến 433.

² Cựu-truyền hội-họa Trung-Quốc (ancienne tradition de la peinture chinoise) không có nghĩa là một họa-phép của một phái nào, mà là nói chung một lối vẽ chân-dung và nhân-vật có trước thời hội-họa Trung-Quốc chịu ảnh-hưởng của mỹ-thuật Phật-đạo Cựu-truyền hội-họa đặc biệt ở lối vẽ viền bằng một nét nhỏ đều như ngày nay ta viết bằng bút sắt (plume). Lối này bắt nguồn từ lối gạch vào đá bằng một loại dùi nhọn (khắc bia trong các mô-mả).

Sau khi đã chế ra được bút lông, và mặc dù vẽ bằng bút lông, người Trung Quốc vẫn còn theo lối vẽ cựu-truyền (như Cố-Khải-Chi) nghĩa là vẫn vẽ các đường viền bằng một nét nhỏ đều. Có tài-liệu bảo bút lông đã được chế ra vào thế-kỷ thứ II, lại có tài-liệu khác bảo đã chế ra để thay bút sắt nhọn (stylet) từ thời Tần-Thủy-Hoàng và bởi đại-tướng Mông-Điền (Mong T'ien 蒙恬), người đã xây Vạn-Lý Trường-Thành và mất năm 201 trước T.C.

Trái lại, Đàng-Sương-Cát và Ngô-Đạo-Từ, bởi là những họa-sĩ đã chịu ảnh-hưởng của mỹ-thuật Phật-Đạo, nên có một lối vẽ mới: nếp quần áo được vẽ bằng những nét uyển-chuyển, chỗ dày chỗ mỏng, chỗ thắm chỗ nhạt... Mặt tỷ dụ: lối vẽ nếp quần áo trong bức Nữ-Sứ-Châm của Cố-Khải-Chi là lối cựu-truyền, còn lối vẽ nếp quần áo trong bức Lữ-Động-Tân của Đàng-Sương-Cát là đã chịu ảnh-hưởng của mỹ-thuật Phật-Đạo. Nói vậy không phải bảo rằng hội-họa Phật-đạo như thế, và cũng không phải bảo rằng chỉ có chuyên « nếp quần áo ». Thực ra, mỹ-thuật Phật-đạo cùng những thành-phần khác nhau từ Trung-A đem lại, đã ảnh-hưởng vào toàn-diện mỹ-thuật Trung-Quốc nói chung, và vào hội-họa nói riêng. Ảnh-hưởng ấy đã được nhận thấy dưới nhiều hình-thức khác nhau, và nếp quần áo chỉ là một trong những điểm đáng được lưu-ý nhất trong hội-họa.

[Tập XII, Quyển 4 (Tháng 4, 1963)]

Hán ở tỉnh Sơn-Đông. Một phần những hình chạm nổi thấp ấy dùng để tả những cảnh xã-hội quý-tộc, những sự-tích. Đến thời sau, cuộn tranh của Cồ-Khải-Chi cũng tả những đề-mục tương-tự, nhưng đặc-biệt tài-tình hơn bởi do tay một danh-họa vẽ ra, lại cũng bởi một phần vì tả những mỹ-nhân thanh-lịch. Vì vậy, chúng ta buộc phải tin rằng có một nền hội-họa chuyên tả những nhân-vật đương-thời hay trong sử, những quan-trường và những quý phu-nhân bận lễ-phục. Theo ông Elissé, lời về chân-dung tại Trung-Quốc, có liên-lạc mật-thiết với tục thờ phụng tổ tiên. Tại Trung-Quốc cũng như tại Cồ Ai-Cập, chân-dung có cái nhiệm-vụ vừa xã-hội vừa tôn-giáo. Họa chân-dung là truyền lại cái thần của tổ-tiên cho con cháu, di lại cho con cháu tâm-hồn, tính-nết, cùng nhân-cách của tổ-tiên. Lời vẽ này, các nhà khảo-cổ gọi là lời «Khổng-Mạnh» bởi tính-cách xã-hội, chính-thức, bảo-tồn, thề-tục, và uyên-bác.

Chính cũng gắn thời với Cồ-Khải-Chi mà hội-họa và thư-pháp đã được hòa-hợp chặt-chẽ: tới thời Hán, Hán-tự gần như luôn luôn được khắc-trổ, nên nét chữ có vẻ cứng-cỏi, trang-nghiêm. Nhờ có sự phát-mình ra bút mực cùng sự cải-thiện liên-tiếp hai món này trong suốt thế-kỷ thứ II và thứ III, mà một lối viết thâu mới mẻ, uyển-chuyển được truyền-bá nhanh-chóng và không thể không có ảnh-hưởng sâu-xa vào hội-họa. Từ đây, đường vẽ không chỉ còn cái giá-trị một đường viền chung quanh hình-thể, mà chính nó đã có một giá-trị riêng biệt, một vẻ đẹp riêng rồi. Đường vẽ trở thành một nét chữ thảo vi-diệu. Chúng ta đã cảm thấy những nét tài-tình ấy trong cuộn tranh của Cồ-Khải-Chi. Nhưng Lục-Thám-Vi³, mới là người thực biết dung-hợp hội-họa với thư-pháp. Tiếc thay tất cả họa-phẩm của ông đã bị hủy từ lâu. Cũng trong thế-kỷ thứ V này, chúng ta còn biết một danh-nhân được coi như đứng hàng đầu trong lịch-sử hội-họa: Tạ-Hách⁴ họa-sĩ, thuyết-lý-gia, nổi danh vì đã viết cuốn «Cổ Họa

3 Lục-Thám-Vi (Lou T'an Wei 陸探微 420-479). Là một họa-sĩ nhân-vật, ông vẽ cả những họa-dề Phật-đạo. Thang-Cầu (T'ang Keou 湯垢), một phê-bình gia của thế-kỷ thứ 16, nhận có được xem một bức của ông: Đức Văn-Thù Bồ-Tát. Thang-Cầu tả cho ta biết rằng bức họa này được bố-cục và vẽ theo lối tranh thờ miền Tân-Cương. Lục-Thám-Vi dường như thuộc vào nhóm các họa-sĩ còn theo cụ-truyền hội-họa mà lịch-trình tiến-triển về nhân-vật-họa đã được Cồ-Khải-Chi cho ta hiểu đại-khái. Ông sinh vào thời-dại mà mỹ-thuật Phật-đạo bắt đầu xâm-nập Trung-Quốc nên ông rõ ảnh-hưởng của nền mỹ-thuật ấy như thế nào.

4 Tạ-Hách (Sie Ho 謝赫 479-502). Ông được biết đến vì tài họa nhân-vật. Ông thuộc vào nhóm họa-sĩ còn theo cụ-truyền hội-họa. Hai tác-phẩm còn lại của Cồ-Khải-Chi cũng những hình chạm nổi thấp về thời Hán cho ta biết đại-khái họa-pháp của ông. Ông nổi tiếng vì cuốn «Cổ Họa Phẩm Lục» (Kou Houa P'in Lou 古畫品錄).

Phẩm Lục» với sáu nguyên-tắc căn-bản về hội-họa. Chúng tôi cố gắng sẽ dành riêng một bài cho sáu nguyên-tắc quan-trọng này. Điều đáng chú ý là ngay từ thế-kỷ thứ V, một triết-lý và một thuyết-lý về hội-họa đã được ấn-định để làm tiêu-chuẩn cho tất cả mọi tiên-triền của ngành mỹ-thuật ấy và cho tất cả mọi bình-luận sau này về nền hội-họa Trung-Quốc.

Sự tiên-triền ấy, chúng ta sẽ thấy-trong suốt thế-kỷ sau: bắt đầu từ đây có sự phân chia tinh-thần giữa miền Bắc và miền Nam. Tại miền Bắc, những bích-họa của thời Ngụy để lại trong những động thờ ở Đôn-Hoàng⁵ tại biên-thùy Trung-Quốc và trên con đường lớn sang Tây-Phương, biểu-lộ cho ta thấy ảnh-hưởng rõ-ràng của những kiểu-thức và tiêu-tượng Trung-Á, ngoài tinh-chất hoàn-toàn Trung-Quốc trong những tiêu-cảnh về dật-sử. Chúng ta sẽ ra ngoài khuôn khổ bài này, nếu chúng ta muốn chứng-minh nền hội-họa ấy có liên-quan mật-thiết với nền hội-họa của những trung-tâm Phật-giáo thiết-lập trên con Đường lụa⁶. Điều cốt-yếu là sự liên-quan ấy chỉ có giá-trị đối với miền Bắc và tạo cho hội-họa miền này một tính-cách khác biệt. Tại miền Nam, nhờ có sự thông-thương bằng đường biển với Ấn-Độ và Cao-Ly, nên ảnh-hưởng của tiêu-tượng và kỹ-thuật Ấn-Độ có phần trực-tiếp vào mỹ-thuật Trung-Quốc về thời Lương⁷, vào mỹ-thuật Cao-Ly, và từ đây vào Nhật-Bản. Cũng nhờ ảnh-hưởng trực-tiếp ấy, và phần-hưởng của sự phát-mình ra bút mực từ mấy thế-kỷ trước, mà nền hội-họa cụ-truyền về chân-dung được cải-thiện. Chúng ta nhận

5 Động Đôn-Hoàng (Touen Houang 敦煌) hay Thiên-Phật-Động (Ta'ien Po Tong 千佛洞) ở tỉnh Cam-Túc.

6 Đường Lụa (Route de la Soie). Do con đường này Trung-Quốc thời xưa xuất-cảng lụa sang Đế-Quốc La-Mã và Ấn-Độ. Xin xem ghi-chú số 27 trong bài «Cuộn tranh Tàu có quý...» đăng trong V.H.N.S. số 79 trang 426.

7 Triều Lương (Leang) từ 502 đến 557, thuộc vào thời-dại Nam-Bắc-Triều. Đây là bảng kê các thời-dại kể từ Nhà Hán đến Nhà Đường:

	Nhà Hán	206 trước — 196 sau T.C.
Thời đại		
Tam-Quốc		220 - 264 Tào-Bất-Hưng
	Nhà Tấn	265 - 376 Vệ-Hiệp
	Nhà Tấn-Hậu Ngụy	386 - 419 Cồ-Khải-Chi
Lục-Triều	Nam Bắc Triều	420 - 587 Lục-Thám-Vi — Tạ-Hách
	Bắc Ngụy	386 - 534
	Nam-Lương	502 - 557
	Nhà Tùy	588 - 617 Tào-Trọng-Đạt
	Nhà Đường	618 - 904 Đàng-S-Cát - Ngô-Đạo-Từ

thầy sự cải-thiện này trong những tác-phẩm của danh-họa Trương-Tăng-Dao⁸: Bằng một phương-pháp hoàn-toàn khác với quan-niệm cụu-truyền, Trương-Tăng-Dao đã làm cho những tác-phẩm của ông có cái biểu-diện đột-khởi, bằng cách dùng bóng tối, và cách đặt thẳng màu mà không cần lập trước hình-thê bằng một đường viền.

Nhà Đường (618-904)

Nhưng phải đến thời Đường, sự cải-thiện ấy mới thấy có kết-quả mỹ-mãn. Cùng với những nhà truyền-giáo, một số những họa-sĩ Ấn - Độ tới Trung Quốc, trong số có họ Ủy-Tri là nổi tiếng nhất. Chúng ta không rõ tác - phẩm cũng ảnh - hưởng của họ Ủy-Tri như thế nào trước thế-kỷ thứ VII, nhưng chúng ta được biết họa - pháp của Ủy-Tri-Ât-Tăng⁹: họa - pháp đặc - biệt bởi dùng nước mực lỏng (như để tự - nhiên chảy) và rồi - rit (như sùng - sục sỏi) trong mọi nếp quần áo. Ngoài ra, một bức họa của cụu sru-tập Worch được coi là của danh - họa Đãng - Sương - Cát¹⁰ và tả chân-dung Lữ-Động-Tân, cho ta thấy nền hội-họa chân-dung đã tiên-triển đến mực nào kể từ thời Cồ-Khải-Chi: hình một đại-nhân thẳng đứng, tráng - lệ trong vẻ trầm-tĩnh và hùng-tráng. Điểm đặc-biệt là nếp quần áo: nét uyển-

8 Trương-Tăng-Dao (Tchang-Seng-Yeou 張僧繇 thế-kỷ thứ V). Tất cả các tác-phẩm đều không còn. Ông chuyên vẽ sinh-vật, chân-dung, và họa-dề Phật-dạo

9 Ủy-Tri-Ât-Tăng (Wei-Tche Yi-Seng 尉遲乙僧 vào năm 630) chuyên họa các họa-dề Phật-Đạo. Trong họ Ủy-Tri, ta còn biết có Ủy-Tri-Bạt-Chất-Ná (Wei-Tche-Po-Tche-Na) 尉遲跋質那 cũng chuyên họa những họa-dề Phật-dạo. Chắc hẳn Ủy-Tri-Bạt-Chất-Ná là một trong những họa-sĩ đầu tiên và có tài đã mang ảnh-hưởng mỹ-thuật miền Trung-Á vào Trung-Quốc. Trong những tác-phẩm của ông, có 3 bức được biết là: bức tả « một người Bà-la-môn » bức tả đức « Văn-Thù » và bức tả « Ma-Vương bị chinh-phục ». Ông thuộc dòng nhà vua của xứ Vu-Điền (Khôtan) tại miền Tân-Cương. Xứ Vu-Điền về thời ấy là một trong những trung-tâm quan-trọng của Phật-giáo mà nền mỹ-thuật Phật-dạo được đặc-biệt phát-triển. Thầy Đường-Tăng có kể cho ta biết dân-tinh xứ ấy như sau: « Tinh-tinh thô-dần rất thuần-hậu và lễ-phép-Họ rất hiểu học và tỏ ra có tài khéo về mỹ-ngệ ». Chính ở hoàn-cảnh thuận-lợi ấy mà Ủy-Tri-Bạt-Chất-Ná đã hoàn-tất nền giáo-dục mỹ-thuật của ông. Điểm quan-trọng là ông chỉ sang Trung-Quốc để thực-hành tài-ngệ, chứ không phải để học hỏi thêm, vì vậy cho nên có lẽ đứng giá-thuyết bảo rằng họa-pháp của ông đã ảnh-hưởng vào mỹ-thuật Trung-Quốc. Ông sinh vào thời Tùy (581-617).

10 Đãng-Sương-Cát (T'eng-Tch'ang-Yeou 滕昌信 sinh vào thế-kỷ thứ IX) còn có tên tự là Thăng-Hóa (Cheng-Houa 滕華) ông được nổi danh vì tài vẽ mai và ngỗng. Ông tô màu nhẹ-nhàng. Nét bút ông dẫn-dõi và đều. Tư-tướng ông cao-siêu, tâm-tư ông khác thường, được biểu-lộ ngay trên tranh ông vẽ. Ông đã từ chối tất cả chức-tước, lại không chịu lập gia-đình để được suốt đời tận-tụy với hội-họa.



Hình 1

Musée_Cernuschi - Paris

LỮ-ĐỘNG-TÂN
được coi là của Đãng-Sương-Cát
(thế kỷ thứ IX)

chuyên của ngọn bút lông như những nét thảo-tự. Sự tiên-bộ ấy được nhận ra từ phương-diện phương-pháp bởi khí-lực của nét bút, tài-nghệ của bức họa, cho đến phương-diện cảm-hướng bởi tính-cách lý-tưởng-hóa nhân-vật do ảnh-hưởng của một quan-niệm vừa mới-mé vừa cao-siêu về Thần-tiên¹¹.

Chúng ta đã biết rằng, khi tiếp nhận hội-họa Phật-đạo qua trung-gian của mỹ-thuật miền Trung-Á, Trung-Quốc đã dần dần biến-chế nó¹². Đến thời Đường, sự biến-chế ấy lại được biểu-lộ rõ-ràng hơn: nền thâm-mỹ Trung-Quốc đã dời bỏ phạm-vi những tiêu-cảnh vẽ đất-sử hay những dung-mạo thể-nhân dề lan-trần sang các họa-đề Phật-giáo và hòa-hợp với các kiểu-thức cùng tiêu-tượng của miền Trung-Á.

Tại Trung-bộ Á-Châu về thượng-thời Trung-Cổ (từ thế-kỷ thứ III đến thứ X), một xứ mà ông R. Grousset gọi là Kachgarie, rộng từ Kachgar¹³ đến Turfan¹⁴ và từ Hótan¹⁵ đến Lob-Nor¹⁶, đã từng là trung-tâm tư-tưởng và mỹ-thuật của đạo Phật. Những bích-họa để trang-trì các động thờ do các ông Sir Aurel Stein, Grunwedel, Von Lecoq, và Pelliot tìm thấy, đều có kiểu-thức hỗn-hợp, tỏ ra có sự thâm-nhập lẫn-lộn và kỳ lạ của các nền văn-minh khác nhau trong nhiều thế-kỷ và trên con đường thông-thương tại Trung-bộ Á-Châu về thời bây giờ. Thành-phần Iran (nay gọi là Ba-Tur) chi-phối và xen-trộn với các sự-tích cổ-diễn và với ảnh-hưởng Gandhara¹⁷ trong các nhóm động thờ ở Hótan và ở Miran¹⁸. Ngoài ra ở trong những động tại miền Koutcha¹⁹ và Turfan,

11 Lữ-Động-Tân (Lu-Tong-Pin 吕洞宾 755-805) dường như là tác-giả cuốn *Công-Quá-Cách* (Kong-kou-ko 功过格) tức là một Khái-luận về luân-lý của Đạo-giáo. Là một vị trong bộ Bát-Tiên, Lữ-Động-Tân nguyên là học trò lên kinh đề dự thi tiến-sĩ. Đọc đường gặp tiên. Ông mộng thấy thi đậu, lấy con quan tề-tướng, đi đánh giặc, thắng trận. Sau bất gặp vợ ngoại-tình, lại mắc tội phạm trong quân, ông lang-thang khổ-sở, rồi gặp kẻ cướp đường giết chết. Tỉnh dậy, giấc ngủ đã được 18 năm. Thấy đời như mộng, ông chán-ngán bỏ nhà đi tu, sau thành tiên. Hình-tượng Lữ-Động-Tân giống như một nho lão, đeo kiếm và cầm phát-trần. Xin xem hình Lữ-Động-Tân trên tờ phụ-trang số 1.

12 Xin xem ghi-chú số 29 trong bài « Cuộc tranh Tàu cổ quý... » đăng trong *V.H.N.S.* số 79 trang 428.

13 Kachgar : Sơ-Lặc (疏勒).

14 Turfan : Xa-Sư (Kiu-Che 车师).

15 Hótan : Khotan : Vu-Điền (Yu-T'ien 于阗).

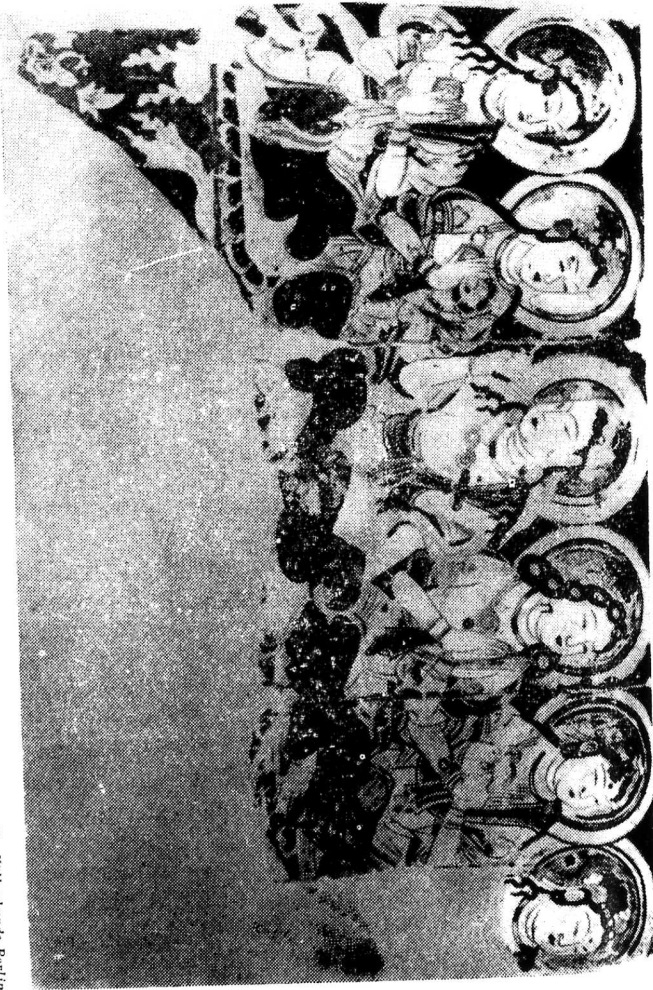
16 Lob-Nor : Lâu Lan (Leou-lan 楼兰).

17 Gandhara : một miền ở phía Bắc Ấn-Độ. Tên Gandhara còn được dùng để chỉ một nền mỹ-thuật hỗn-hợp Phật-Hi (gréco-boudhique).

18 Miran ở phía Nam hồ Lob-Nor.

19 Koutcha : Kuca : Khuất-Từ (屈茨).

hình 2



CÁC VỊ BỒ-TÁT
(thời Đường)
tranh của một động ở Bazalik (Trung-Á)

Museum für Völkerkunde-Berlin

Hiển của đền Tōfukuji, bức vẽ Đức Thích-Ca của sư-tập Freer ở Hoa-Thịnh-Đôn. Một trong hai bức sơn-thủy của đền Daitokouji²³ thực đáng coi là căn-bản cho mọi tiên-triển của ngành sơn-thủy hội-họa tại Trung-Quốc và Nhật-Bản: vẽ hùng-vĩ, lối xếp cảnh thành từng lớp cao dần, những thành-phần sản có như núi, nước cây lay trước gió, tất cả biểu-thị tính-cách bao-la của các sức mạnh thiên-nhiên, khiến ta thêm cảm thây rõ-rệt sự hèn-yếu và bé-nhỏ của con người.

Dưới đề-mục « Binh-luận về bút-pháp Cồ-Khải-Chi, Lục - Thám - Vi, Trương-Tăng-Dao và Ngô-Đạo-Tử » của mục 2 trong cuốn « Lịch Đại Danh Họa Ký », binh-luận gia Trương-Ngạn-Viễn²⁴ viết :

« Ngô-Đạo-Tử của triều-đại này là đệ-nhất danh-họa so với tất cả các « họa-sĩ cổ-kim. Trong các họa-sĩ tiền-bôi, ngay Cồ-Khải-Chi và Lục-Thám-Vi cũng không thể xứng được với Ngô-Đạo-Tử. Trong các đương-kim họa-sĩ, « chẳng một ai đáng ví với Ngô-Đạo-Tử. Ngô-Đạo-Tử học bút-pháp của « Trương-Húc²⁵, như vậy tỏ ra rằng phép dùng bút cũng như nhau dù trong « hội-họa hay trong phép viết chữ. Nếu người ta tặng cho Trương-Húc biệt-« danh là « điên vì thư-pháp », thì người ta cũng có thể bảo Ngô-Đạo-Tử là một « tay thần-họa. Khi trời đã sinh ra bậc thượng-tri, thì trời cũng phú thêm cho « cả nét dũng-cảm và tài phi-thường.

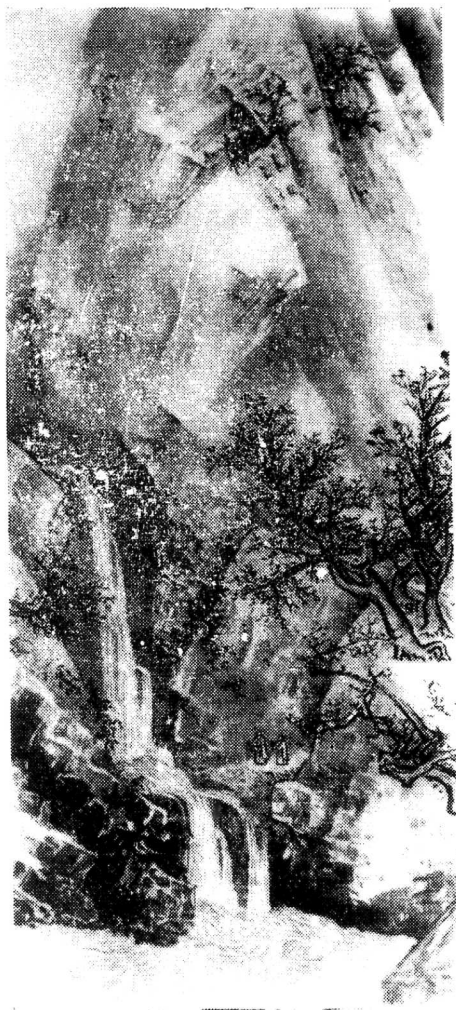
« Thê-nhân thường chú-ý đến lời vẽ đầy-đủ, cẩn-thận, đến hình-dạng bên « ngoài, đến sự giông. Về phần tôi, tôi chú-ý đến lời đánh bóng, đến chỗ đứng « bút, đến những nét. Tôi luôn-luôn cố tránh những gì có thể gọi là phàm-« thường. Trong khi vẽ những đường cong, những đường cánh cung, hay những « đường thẳng như một cái kích, những cột dựng hay những xà ngang, Ngô-

23 Xin xem hình số 3 ở tờ phụ-trang.

24 Trương-Ngạn-Viễn (Tchang-Yen-Yuan 張彦遠 thế-ký thứ IX) là một sử-gia, binh-luận-gia. Ông viết cuốn « Lịch Đại Danh Họa Ký » (Li Tai Ming hova ki 歷代名畫記) và cuốn « Môn Họa Ký » (Min-Houa-Ki 闕畫記). Theo lời phê-bình của ông, thì những họa-sĩ nổi tiếng nhất của thời thượng-cổ là Tào-Bất-Hưng (T'ao-Pou-Hung 曹不興 222-277), Vệ-Hiệp (Wie Hie 衛 協 thế-ký thứ IV), Lục-Thám-Vi (Lou T'an Wei 陸探微 420-479) và Cồ-Khải-Chi (Kou-K'ai-Tche 顧愷 之 344.406). Những họa-sĩ này đều chưa chịu ảnh-hưởng của mỹ-thuật Phật-đạo.

Cũng theo ông, Ngô-Đạo-Tử mới là đệ-nhất danh-họa Trung-Quốc. Như ta biết thì họa-pháp cả Ngô-Đạo-Tử đã chịu ảnh-hưởng của mỹ-thuật Phật-Đạo. Thêm nữa, Ngô-Đạo-Tử sinh vào thời Đường, tức là sinh sau 4 họa-sĩ trên từ ba hay bốn trăm năm.

25 Trương-Húc (Tchang Hou 張旭) hay Bá-Cao (Po-Kao 伯高) hay Trương-Điền (Tchang-Tien 張顛) là một thi-sĩ và có tài vô-dịch về thảo-tự. Ông là một vị trong bộ Bát-Tiên Tủy-Tửu. Ông sinh vào thế-ký thứ VIII.



Hình 3

Temple Daitokouji-Kyoto

SƠN-THỦY
được coi là của Ngô-Đạo-Tử (thời Đường)



hình 4

stru-tập của Ô. Jean A. Keim - Paris

KHÔNG - TỬ
In bằng lối thạch-bản
theo Ngô-Đạo-Tử (thời Đường)

«Đạo-Tử không bao giờ phải dùng đèn thược. Ông đã vẽ những bộ râu quân, những chòm râu dập-dồn trước gió, dài đến hai gang tay, từ thái-dương mọc ra, và những bắp thịt phồng mạnh. Ông đã khéo ghi tại đây một sức thẳng-dư sinh-khi đến nỗi ta phải tin ông có sẵn một bí-quyết phi-thường.

«Ta không hiểu tại sao ông lại có thể bắt đầu một bức họa chân-dung «vi-đại bằng một cánh tay hay bằng một bàn chân mà lại tạo-thành được một «tác-phẩm vừa lõng-lẫy vừa hùng-tráng, linh-động đến nỗi như có dòng máu «chảy ở dưới lớp da. Thật quả ông đã vượt xa Trương-Tăng-Dao.

«Có người hỏi tôi: «Sao lại có thể không dùng đèn thược mà Ngô-Đạo-Tử lại vạch được những đường cong, những đường cánh cung, những đường «thẳng như một cái kích, những cột dựng, những xà ngang?» Tôi trả lời: «Ngô-Đạo-Tử đã tập-chú tinh-thần rồi điều-hòa nó với những công-nghiệp «của Tạo-Hóa. Ông đã dùng bút-lực để diễn-tả những công-nghiệp ấy. Trước «khi đặt bút, ông đã định sẵn tư-tướng, nên khi tác-phẩm được hoàn-tất, thì «tư-tướng ấy cũng được biểu-lộ đầy-đủ».

«Tất cả những gì thật kỳ-diệu đều như thề cả, chứ phải đâu chỉ riêng «có hội-họa? Như người đầu bếp của công tử Huy có bao giờ dùng đèn đá mài «đầu (mà vẫn cắt được thịt?). Như người thợ nề thời Ân đã khéo dùng cái «riu đến thế nào²⁶! Bắc chước Tây-Tử, cũng kết lông mây để cầu được yêu, «thật là uống công²⁷! Kẻ nào chặt mà không cắt thì dễ bị đứt tay. Kẻ nào mà «trí-óc còn mơ-hồ, thì suốt đời chỉ sống nhờ thời-vận. Nào ai đã có thể cùng một «lúc, dùng tay trái để vạch một hình tròn, dùng tay phải để kẻ một hình vuông? «Kẻ nào còn phải dùng thược, kẻ ấy chỉ làm được một bức tranh chề. Còn kẻ «nào biết tập-chú tinh-thần mà vẽ, kẻ ấy sẽ tạo được một tác-phẩm chân-chính. «Treo đầy tường những bức tranh chề, khác nào như trát bằng một thứ vữa bủn!
«Trong những bức họa chân-chính, nét nào cũng có sinh-khi. Kẻ nào suy-tính và «dùng bút với ý-định vẽ thành một bức họa, kẻ ấy lại càng xa đích của «nghệ-thuật. Kẻ nào tập-chú tinh-thần và dùng bút mà không có ý-định vẽ thành «một bức họa, kẻ ấy sẽ đạt tới đích của nghệ-thuật hội-họa²⁸. Như thề, tay «không thấy mỏi, trí không thấy nản, mà thành-công lúc nào cũng không hay

26 Một người có cái bấu dày trên mũi, đã nhờ một người thợ nề bỏ đi giúp bằng một nhát riu mà không làm đau-dớn tí nào.

27 Tây-Tử có lối trang-điêm là kết lông mây. Một người đàn bà xấu bắt chước, đã làm cho những ai trông thấy đều thất-kinh bỏ chạy. Tại sao thế? Tại vì người đàn bà này chỉ biết cái đẹp của lông mây kết mà không biết lý-do chính của sự đẹp ấy.

28 Vì thế cho nên, nhiều khi nhàn-tối, chọt cao-hừng, cầm bút, nguyệt-ngoạc vài nét vào một mảnh giấy nhét được, ta chợt thấy bức họa của ta rất tài-tình. Thế mà nếu ta chú-ý định vẽ bầu-hơi một bức tranh, thì thường khi vẽ xong, ta lại không được vừa ý.

«biết. Dù vạch đường cong, đường cánh cung, đường thẳng như cái kích, cột «dọc, xà ngang, mà không bao giờ phải cầm đèn thước.

«Lại có kẻ hỏi tôi: «Sao những tư-tướng minh-mẫn và thâm-thúy lại có «thê biểu-thị được trong những bức họa có vẽ như chưa thật hoàn-tất? » Tôi «trả lời: «Ta không thể nhận thấy tư-tướng của Cồ-Khải-Chi hay của Lục-«Thám-Vi, dù tranh của họ đã thật hoàn-toàn vẽ xong. Trái lại, Trương-Tàng-«Đạo và Ngô-Đạo-Tử chỉ cần phác vài nét kỳ-diệu, hay «sổ mây nét», hay «trải «mây chằm», nét bút dường như không có vẽ liên-tục, bức họa dường như «không có vẽ đầy-đủ, thê mà tư-tướng của họ lại được biểu-thị trọn-ven. Ta nên «nhớ rằng có hai lời vẽ, lời Chu (chu-đáo, đèn nơi đèn chôn) và lời Mễ (vẽ «phác, kín đáo, đề phác đoán ra nghĩa). Có biết vậy, hãy nên bàn đến hội-họa!» «Người đã phong-vân tôi, cúi chào rồi đi.

«Đông-Vũ nhận mạnh cái giá-trị tô-tạo trong tranh' vẽ người của Ngô-«Đạo-Tử và nói thẳng rằng họa-pháp của Ngô-Đạo-Tử đã được thiết lập với «đặc-tính vững-chắc và đường bút có nhiều khúc quanh uyển-chuyển. Ông viết: «Tranh vẽ người của Ngô-Đạo-Tử trông như là những pho tượng bằng đất, «cắm nhọn, mũi lõ, mắt lồi, má sâu. Người ta không thể bảo rằng ông dùng mực «đặc, thê mà mặt và mắt đều có vẽ thật lấm, chẳng khác gì những pho tượng «bằng đất. Trong những bức họa tầm-thường, những chỗ ấy vẫn được đắp bằng «nhiều lớp màu đặc, nhưng mắt, mũi, gò má, trán đều không được rõ-rệt «phân-chia.

«Dương-Huệ-Chi, Ngô-Đạo-Tử, cả hai người đều được biết đến trong «niên-hiệu Khái-Nguyên²⁹, nhưng Dương-Huệ-Chi, vì thấy không thành-công «trong ngành vẽ, nên đã bỏ sang học nặn. Ông thấy nặn tượng đất rồi tô màu «có phần dễ hơn là vẽ tranh trên lụa. Thật vậy, bao giờ vẽ cũng vẫn là khó hơn. «Ngô-Đạo-Tử vẽ người giống như là những pho tượng bằng đất. Ta có cảm-«tưởng như nhìn được cả hai bên, cả chung quanh. Từ phía đều khá cả. Nét «bút của ông lượng cong và nhỏ như những sợi dây đồng uốn vòng. Dù đánh «màu rất đậm mà ta vẫn có thể nhận thấy phương-thức cấu-tạo của những bộ «xương, của những bắp thịt. Tất cả đều được tả rất khéo. Vì e người xem tranh «chẳng nhận lấy được ra, nên tôi phải thêm điều đó, hẳn bạn đến việc «đánh bàn...».

Thật là hiển-nhiên có sự liên-lạc mật thiết giữa hội-họa của Ngô-Đạo-Tử và ngành nặn tượng về thời bấy giờ. Người ta còn bảo rằng chính Ngô-Đạo-Tử

29 Dưới triều vua Đường-Huyền-Tôn, có hai niên-hiệu: niên-hiệu Khái-Nguyên bắt đầu từ năm 713, còn niên-hiệu Thiệu-Bảo thì bắt đầu từ năm 742.

cũng có nặn tượng đất và ngay trong ban đồng-nghiệp và đồ-đề của ông, cũng có nhiều người, vì thấy không thành-công trong ngành vẽ, mà trở nên những nhà nặn tượng. Trương-Ngan-Viên, không những kể tên Dương-Huệ-Chi³⁰ mà còn cả những tên đồ-đề của Ngô-Đạo-Tử như Trương-Ái-Nhi³¹, Viên-Danh³², và Trình-Tiền³³. Những người này sở dĩ được biết đến cũng vì những tác-phẩm bằng đất và bằng đá của họ. Chẳng còn một tác-phẩm nào được biết đích là do ai nặn. Nhưng trong những pho tượng thờ còn lại tới chúng ta, thấy có những pho mà về trang-kiện cùng bộ y-phục dập-dờn dường như đã được linh-cảm bởi cùng một lý-tưởng với những hình in theo bài-trí sẵn có trên thạch-bản của Ngô-Đạo-Tử. Chúng ta cũng nên nhớ rằng có nhiều hình chạm nổi thấp được phỏng theo những tác-phẩm của Ngô-Đạo-Tử, tỷ-dụ như bức chạm Đức Quan-Âm của viện Bảo-tàng Freer Gallery ở Hoa-Thịnh-Đôn. Theo lạc-khoản, thì bức chạm này đã được phỏng theo một tác-phẩm của Ngô-Đạo-Tử vào năm 1107 bởi một nhà điêu-khắc có tên là Ngụy-Mãn³⁴. Cũng như vậy, một pho tượng Đức Quan-Âm đã được tìm thấy tại ngôi chùa Sùng-Thánh-Tự ở Đại-Lý-Phủ thuộc tỉnh Vân-Nam³⁵.

Ngoài ra, theo sử, một bức tranh (không rõ vẽ gì) của Ngô-Đạo-Tử và treo trong một đền thờ Đạo-Giáo, đã được một họa-sĩ thời Tống có tên là Vương-Quán³⁶ miễn cưỡng dùng làm tài-liệu mà học, vì nghèo nên không thể du-lịch để quan-sát trực-tiếp tạo-vật. Vương-Quán đã cố gắng vào công việc ấy đến nỗi về sau tài ông bằng nhiều danh-họa thời trước và ông được người đời tặng cho tên là Ngô-Đạo-Tử em. Từ năm 963 đến năm 976, không ai địch nổi tài vẽ nhân-vật của ông. Ngô-Đạo-Tử và Vi-Vô-Thiểm³⁷ còn giúp Trần-Hoành³⁸ vẽ bức

30 Dương-Huệ-Chi (Yang-Houei-Tche 楊惠之).

31 Trương-Ái-Nhi (Tchang-Ngai-eul 張愛兒).

32 Viên-Danh (Yuan-Ming 員名).

33 Trình-Tiền (Tch'eng-Tsien 程進).

34 Ngụy-Mãn (Wei-Min 魏敏).

35 Sùng-Thánh-Tự (Tchong-Cheng-Tseu 崇聖寺) Đại-Lý-Phủ (Ta-Li-Fou 大理府)

36 Vương-Quán (Wang-Kouan 王灌) họa-sĩ thời Tống.

37 Vi-Vô-Thiểm (Wie-Wou-T'ien 韋无忝) họa-sĩ thời Đường, được biết đến vì tài vẽ súc-vật. Vào năm 756, ông có vẽ một con sư-tử do một ngoại-quốc gửi tặng vua Đường-Minh-Hoàng. Bức họa này linh-dộng đến nỗi mỗi lần mở ra, thì các loài khác đều sợ hãi bỏ chạy. Ông lại vẽ một bức tả hai con lợn rừng bị trúng tên của nhà vua, nhân một cuộc săn bắn.

38 Trần-Hoành (Tch'eng Hong 陳宏) họa-sĩ thời Đường, được mời ra làm quan vào khoảng giữa niên-hiệu Khái-Nguyên (713-741). Ông có vẽ vua Đường-Minh-Hoàng săn lợn rừng và ngỗng trời. Ông cũng có tài về chân-dung.

«Kim-Kiểu» (Cầu vàng) tả từng đoàn văn võ nghi-vệ chỉnh-tề theo Đường-Minh-Hoàng du-lâm Thái-Sơn³⁹. Một bức họa «Tam Đa» của Ngô-Đạo-Tử cũng được Thành-Tông-Đạo⁴⁰ thời Tống chép lại rất tài tình. Tuy vậy, chính Ngô-Đạo-Tử cũng đã phải lay cảm hứng ở một bức vẽ cảnh «Âm-Phủ» của Trương-Hiếu-Sur⁴¹, võ-tướng thời Đường và được nói danh vì bức «Âm-Phủ» độc nhất ấy.

Trong một đoạn khác, Trương-Ngan-Viên viết: «Tào-Trọng-Đạt⁴² đã tạo lập kỹ-thuật Phật-đạo tại Trung-Quốc. Có ba lời vẽ tranh Phật: lời của Tào-Trọng-Đạt, lời của Trương-Tảng-Dao, và lời của Ngô-Đạo-Tử. Một phê-bình-gia khác về thời Tống tên là Quách-Nhược-Hư⁴³ có nêu sự khác-biệt về kiểu-thức giữa các tác-phẩm của Tào-Trọng-Đạt và của Ngô-Đạo-Tử. Điều này cho ta chút cảm-tưởng về lưỡng trào-lưu trọng-yếu của nền kỹ-thuật Phật-đạo trong thời Tùy và thời Đường. Quách-Nhược-Hư viết: «Nhân vật của Tào-Trọng-Đạt đều bện kiểu y-phục dính sát vào thịt dường như mới ra khỏi nước. Trái lại, nhân vật của Ngô-Đạo-Tử bện kiểu y-phục rộng-rãi, có những nếp dập-dờn bay trước gió. Sự khác-biệt giữa hai phái ấy cũng được nhận thấy cả trong ngành điêu-khắc». Như vậy chúng ta có thể kết-luận rằng lời xếp nếp áo của Tào chính là lời cổ-diễn Ấn-Độ, như ta đã được biết nhờ kiểu-thức điêu-khắc Gupta và nhờ sự bành-trướng của nó vào Trung-Á và miền Bắc Trung-Quốc. Trái lại, lời xếp nếp áo của Ngô-Đạo-Tử có tính-cách độc-sáng hơn, tự-do hơn, nên dễ diễn-tả hình-thể tô-tạo hơn, nên hợp với cái cảm-hứng đã như luồng dòng tồ thổi vào mọi sáng-tác của Ngô-Đạo-Tử. Cũng có thể bảo rằng, Tào vì bảo-thủ nên tiêu-biểu cho cụu-truyền hội-họa Phật-đạo, còn Ngô-Đạo-Tử lại là một họa-sĩ có óc cải-cách.



39 Thái-Sơn thuộc tỉnh Sơn-Đông là nơi đã được chọn để các vua đến làm lễ tế Trời.
40 Thành-Tông-Đạo (Tch'eng-Tsong-Gao 成宋道) họa-sĩ thời Tống, có tài vẽ chân-dung và điêu-khắc.

41 Trương-Hiếu-Sur (Tchang-Hiao-Che 張孝師) họa-sĩ thời Đường.

42 Tào-Trọng-Đạt (Ts'ao-Tchong-Ta 曹仲達) họa-sĩ thời Tùy.

43 Quách-Nhược-Hư (Kouo-Jo-Hiu 郭若虛 1060 - 1110), phê-bình mỹ-thuật-gia thời Tống, có xuất-bản cuốn *Đồ Họa Kiến Văn Chí* (T'ou houa kien wen Tche 圖畫見聞誌). Dường như ông là người đầu tiên đã thiết-lập sự đối-chiếu có hệ-thống giữa các họa-sĩ cổ thời và các họa-sĩ đương-thời.

TIN-TỨC VĂN-HÓA

A. TIN TRONG NƯỚC

1. TÔNG-THÔNG CHỦ TỌA LỄ MÃN-KHÓA SINH-VIÊN SI-QUAN HIỆN DỊCH 17 TRƯỜNG VÕ-BỊ QUỐC-GIA ĐÀ-LẠT.

Ngày 30-3-63, Tông-Thông Việt-Nam Cộng-Hòa đã chủ-tọa lễ mãn-khóa Sinh-viên Sĩ-quan hiện-dịch 17 Trường Võ-Bị Quốc-Gia.

180 Sinh-viên Sĩ-quan mãn khóa và các Sinh-viên Sĩ-quan khóa 18 và 19, mặc lễ-phục, đã sắp hàng nghiêm-chỉnh tại vũ-đình-trường. Trên khán-đài danh-dự, người ta nhận thấy ở phía sau Tông-Thông, có Phó Tông-Thông Nguyễn-Ngọc-Thơ, các ông Trương-Vinh-Lễ, Chủ-Tịch Quốc-Hội, Đinh-Văn-Huân, Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến, các vị Bộ-Trưởng, Đại-Tướng Lê-Văn-Ty, Tổng Tham-Mưu-Trưởng Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa.

Tại các khán-đài hai bên, người ta còn nhận thấy sự hiện-diện của nhiều nhân-vật văn võ Việt-Nam và ngoại-quốc.

Sau lễ chào cờ, Tông-Thông đã đi duyệt các đội quân dàn chào. Tháp tùng Tông-Thông trong dịp này có ông Nguyễn-Đình-Thuần, Bộ-Trưởng Phụ-tá Quốc-Phòng, Đại-Tướng Lê-Văn-Ty và Trung-Tá Trần-Ngọc-Huyền, Chỉ-huy trưởng Trường Võ-Bị Quốc-Gia Đà-Lạt.

Sau lễ trình-diện các tân sĩ-quan, Đại-Tướng Lê-Văn-Ty đọc diễn-văn, nhân-danh Tổng Tham-Mưu-Trưởng, đệ lên Tông-Thông lòng tri-ân chân-thành của quân-nhân các cấp về sự hiện-diện của Tông-Thông cùng sự ưu-ái của Tông-Thông đối với Trường Võ-Bị Quốc-Gia.

Sau đó, Trung-Tá Chỉ-huy trưởng Trường Võ-Bị Quốc-Gia trình-diện Sinh-viên Sĩ-quan Trưởng khóa Vinh-Nhi với Tông-Thông. Tông-Thông liền đặt tên khóa 17 là khóa 'Lê-Lai', lấy tên một vị anh-hùng cứu chúa của Việt-Nam hồi thế-kỷ thứ XV trong thời vị anh-hùng dân-tộc Lê-Lợi khởi nghĩa chống quân Minh.

Sau khi trao kiem danh-dự, Tông-Thông gán cấp-hiệu cho Sĩ-quan Trưởng khóa. Thiệu-úy Vinh-Nhi liền cảm cung bần bôn mũi tên đi bôn phương

trời, tượng-trưng tinh-thần hy-sinh của các tân Sĩ-quan, sẵn-sàng phụng-sự đất nước ở bất cứ nơi nào.

Kể đó, Tổng-Thống ban huân-từ nguyên-văn như sau :

« Hôm nay tôi thân-hành đến chủ-tọa Lễ mãn-khóa này để, một lần nữa, tỏ rõ mỗi quan-tâm của Chánh-Phủ đối với việc đào-tạo Cán-bộ, như là những Cán-bộ đảm-trách nhiệm-vụ tiến-phong an-dân, trừ bạo.

« Tôi khen ngợi Ban Giám-Độc Trường Võ-Bị cùng các Giáo-Sư, Huân-Luyện-Viên đã tận-tâm trong công-tác rèn đúc nên những Tân Sĩ-quan xứng-dáng, đầy đủ khả-năng, thích-ứng với nhu-cầu đòi hỏi của tinh-thê nước nhà đang lúc khàn-trương.

« Các Tân Sĩ-Quan,

« Bắt đầu từ giờ phút này, các anh em chính-thức bước vào cuộc chiến-dầu tuy gian-khổ nhưng đầy vinh-quang. Đây là lúc anh em hiện-thực-hóa những điều học hỏi được ở nhà Trường; trực-tiếp với cuộc sống gai lửa, vừa đổ mồ hôi, vừa đổ máu ra để cứu dân và dựng nước.

« Có cứng mới đứng đầu gió ». Trận gió mà anh em sắp phải đương đầu là trận gió chướng, gió độc; là cuồng-phong bão-táp kết-tinh của tà-thuyết, của độc tổ chậm tiến, chia rẽ và Cộng-sản.

« Anh em phải cứng-rắn, chẳng những không để cho cuồng-phong lôi cuốn, quật ngã mà trái lại, anh em phải đem tài-ba đảm-lược, sở-năng, sở-đắc ra đập tắt, đánh bạt trận cuồng-phong ấy để đem lại không-khí thanh-bình, an-lạc cho đất nước, cho toàn-dân.

« Giải-quyết trận giặc chậm tiến, chia rẽ, Cộng-sản, chúng ta có Quốc-sách Ấp Chiến-Lược và binh-pháp mới. Quốc-sách Ấp Chiến-lược và binh-pháp mới mới-mẻ này cần đến những Cán-bộ trung-kiên, tự-túc tự-giác trên mọi binh-diện để lãnh-đạo, ai trong phạm-vi này, các lực-lượng quần dân chính đến toàn-thắng.

« Tôi tin rằng anh em là những Cán-bộ hãnh-diện làm tròn được sứ-mạng của quân-đội. Với óc sáng-tạo, và tinh-thần tự-túc, tự-cường, cộng với các đức tính Nhân, Trí, Dũng mà anh em đã được rèn-luyện, học-tập trong thời-gian qua, tôi tin chắc rằng anh em sẽ chiến-thắng quân thù một cách vẻ-vang, để sớm đưa nước nhà thoát vòng chậm tiến và mau thông-nhất quê-hương.

« Tôi hân-hoan chúc anh em phân-khởi lên đường, đem chiến-thắng về cho Dân-tộc ».

Sau huân-từ của Tổng-Thống là lễ trao Quân-kỳ của Nhà Trường, do các sinh-viên sĩ-quan mãn khóa chuyển lại cho các sinh-viên sĩ-quan khóa 18. Đoạn đến cuộc diễn-hành của các sinh-viên sĩ-quan mãn khóa, theo sau là các sinh-viên sĩ-quan khóa 18 và 19.

Tiếp theo là cuộc biểu-diễn thể-dục quân-sự và cơ-bản thao-diễn. Buổi lễ đã chấm dứt với việc trình-diễn vở kịch lịch-sử « Mười năm gian khổ » thuật lại cuộc kháng-chiến của vị anh-hùng dân-tộc Lê-Lợi đánh đuổi quân nhà Minh, đoạt lại nền độc-lập cho nước nhà.

Buổi chiếu, Tổng-Thống đã trở lại trường Võ-Bị để đàm đạo thân-mật trong hơn hai tiếng đồng-hồ với các tân sĩ-quan tập-hợp trong giảng-đường của nhà trường.

Tổng-Thống đã trở về Thủ-đô vào chiều tối (30-3-63).

2. PHÓ TỔNG-THỐNG NGUYỄN-NGỌC-THƠ CHỦ-TỌA LỄ KHAI-MẠC « NGÀY Y-TẾ QUỐC-TẾ » TẠI TÒA ĐÒ-CHÁNH.

Hối 9 giờ sáng 6-4-63, lễ khai-mạc « Ngày Y-tế Quốc-tế » đã được cử-hành trọng-thê tại Tòa Đò-Chánh Sài-gòn, dưới quyền chủ-tọa của Phó Tổng-Thống Nguyễn-Ngọc-Thơ.

Sau khi duyệt toán quân đứng dàn chào trước Tòa Đò-Chánh, Phó Tổng-Thống Nguyễn-Ngọc-Thơ có ông Bộ-Trưởng Y-tế và Đại-Tướng Tổng Tham-Mưu-Trưởng Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa tháp tùng, đã bước vào phòng danh-dự của Tòa Đò-Chánh, nơi cử-hành buổi lễ.

Trong số các nhân-vật cao-cấp hiện diện, người ta nhận thấy có các ông Trương-Vinh-Lê, Chủ-tịch Quốc-hội, Đinh-Văn-Huân, Chủ-tịch Viện Bảo-Hiến, các vị Bộ-Trưởng, nhân-viên Ngoại-giao-đoàn, Tướng Lãnh, Dân-biểu Quốc-Hội, công-chức cao-cấp cùng một số rất đông các đại-diện của giới Y-tế và Y-khoa Đại-học Sài-gòn.

Ngoài ra, còn có các đại-diện của nhiều tổ-chức quốc gia và quốc-tê đã góp phần hữu-hiệu vào công-cuộc y-tê của Việt-Nam : Cơ-quan Phát triển Quốc-tê của Mỹ, Tổ-chức Y-tê Quốc-tê, Tổ-chức Lương Nông, Quỹ Cứu-trợ Nhi-Đông Liên-Hiệp-Quốc,...

Mở đầu buổi lễ, Giáo-sư Trần-Đình-Đệ, Bộ-Trưởng Y-tế, đọc diễn-văn khai-mạc.

Sau đó, các vị đại-diện của Tổ-chức Y-tê và Tổ-chức Lương Nông Quốc-tê cũng đọc diễn-văn.

Các bài diễn-từ trên đây đều nhấn mạnh về ý-nghĩa ngày Y-tế Quốc-tê dưới đế-tài chông nạn đói trên thế-giới.

Sau đó, Bác-sĩ Nguyễn-Lân-Đình đã thuyết-trình trước cử-tọa về bệnh đói tiêm ần.

Bác-sĩ Nguyễn-Lân-Đình nhấn mạnh rằng « nạn đói kém vẫn lần-quạt, tiêm ần trong đời sống chúng ta dưới các hình-thức sau đây :

- đói kém tiêm-ần trong sinh-lý cơ-thê.

- đôi kém tiêm-ân trong tính-chất dễ lui của thực-phẩm.
- đôi kém tiêm-ân trong bệnh-lý.
- đôi kém tiêm-ân sau các hiện-tượng tiền-hóa”.

Thuyết-trình-viên cũng nhấn mạnh rằng phân-phôi bắt đống cũng che đậy được đôi kém và dẫn-chứng các thí-dụ về hiện-tượng này.

Tiếp theo, giáo-sư Phan-Đình-Tuân thuyết-trình về bệnh ‘Kwashiorkor’.

Giáo-sư Phan-Đình-Tuân giải-thích về bệnh ‘Kwashiorkor’ như sau :

“ Tên của bệnh kỳ-lạ như vậy vì nguồn-gốc danh-từ ở Phi-Châu, nhưng nay đã được Quốc-tê công-nhận. Chữ ấy có nghĩa là ‘Trẻ em đỏ’, vì rằng bệnh đến thời-kỳ rõ-rệt thì em bé bị bong da để thấy một lớp dưới đỏ như khi ta bị bỏng vậy. Một lý-do khác là vì trong bệnh ấy, tóc cũng bị đổi màu, từ đen hóa ra đỏ.

“ Tuy là tên có kỳ dị thật, nhưng bệnh thì không xa lạ gì : những thể nhẹ thường vẫn thấy, còn những thể nặng ở bệnh-viện không phải là hiếm. Một bằng-chứng cụ-thể là sau khi chúng tôi được giao-phó thuyết-trình về bệnh này và chụp hình một trẻ em bệnh để dân-chúng xem, thì hai hôm sau chúng tôi đã thấy một em đến xin điều-trị tại Bệnh-viện Nhi-Đông.

Nói về triệu-chứng về bệnh ‘Kwashiorkor’, thuyết-trình-viên tiếp :

“ Chúng tôi xin nói sơ qua vài triệu-chứng quan-trọng. Thoạt tiên em bé chậm lớn. Lúc bệnh rõ-rệt, thì không ăn, không ngủ, không chơi, háy gât-gông. Thân-thể bị thủng thũng. Trên da thấy những vết nâu thâm hoặc đen, có thể phồng lên, bong ra, lở lét và chảy nước như khi người ta bị bỏng nước sôi. Tóc rụng và đổi màu. Tóc đen thành đỏ, hồng hoặc trắng. Thử máu thấy thiếu máu và số lượng chất đạm (Protéines) trong máu sút kém rất nhiều.

“ Nếu không chữa có thể nguy đến tánh-mạng.

“ Cách chữa chính là thay-đổi cách cho trẻ em ăn uống cho đúng phương-pháp. Thuốc men chỉ là phụ. Thuốc kháng trùng cũng không ăn thua gì, như một tờ báo mới đây có nói, vì bệnh không phải do vi-trùng gây nên”.

Sau khi nghe Phó Tổng-Thống Nguyễn-Ngọc-Thơ đọc diễn-từ, các quan khách hiện-diện đã rời Tòa Đốc-Chánh để đến thăm khu triển-lãm tại Viên-Đình Tao-Đàn và « Bệnh-nhân của Đôi kém”.

3. ÔNG CHỦ-TỊCH QUỐC-HỘI KHAI-MẠC KHÓA HỌP THƯỜNG LỆ THỨ NHẤT NĂM 1963.

Sáng 1-4-63, ông Trương-Vinh-Lễ, Chủ-Tịch Quốc-Hội Việt-Nam Cộng-Hòa, đã khai-mạc khóa họp thường-lệ thứ nhất của Quốc-Hội năm 1963. Buổi lễ khai-mạc long-trọng có sự tham-dự của đại-diện các đoàn-thể và hiệp-hội trong nước, và sự hiện-diện đông-đủ của các Dân-Biểu.

Ông Chủ-Tịch Quốc-Hội đến Nghị-trường vào lúc 9 giờ 30. Cùng đi với ông Chủ-Tịch có ông Cao-Văn-Tường, Đệ-nhất Phó Chủ-Tịch và ông Cố-Văn-Hai, Đệ-nhị Phó Chủ-Tịch.

Sau bản Quốc-thiếu, ông Chủ-Tịch Quốc-Hội đã đọc diễn-văn khai-mạc, đầu tiên cảm ơn đại-diện các đoàn-thể đã hiện-diện trong buổi lễ, « chứng tỏ mối quan-tâm của các giới nhân-dân đến sự sinh-hoạt của cơ-quan Lập-Pháp nói riêng, và của Quốc-Gia nói chung, mà lại là nguồn khích-lệ đối với Quốc-Hội”.

Ngô lời với các Dân-Biểu, ông Chủ-Tịch nói :

“ Trong suốt thời-gian lưu khóa ba tháng, Văn-Phòng Quốc-Hội đã nhận được một cách đều-đặn và đầy-đủ các báo-cáo của Quý Ban-Đông-Viện về sự tiến-triển điều-hòa của quốc-gia trên bình-diện chính-trị, kinh-tê, xã-hội đúng theo đường lối thể hiện trong ngân-sách quốc-gia tài khóa 1963 mà Quốc-Hội đã thảo-luận và biểu-quyết trong khóa họp trước”.

Kể đó, ông Chủ-Tịch nói đến chương-trình xây-dựng Ấp Chiên-lược, chính-sách Chiêu-hồi, và cuộc di-cư của 150.000 đồng-bào Thượng-tị-nạn Cộng-sản :

“ Quốc-sách Ấp Chiên-lược đang được toàn dân nỗ-lực thực-hiện, có tác-dụng chặn đường tiếp-tê của Việt-Cộng từ các mặt-khu và làng xã, cô-lập-hóa du-kích Cộng-sản và bẻ gãy chiến-lược của chúng.

“ Biện thành một đám quân viễn-chinh ô-hợp, bắt buộc hoạt-động trên một địa-thê bất-lợi giữa gọng kìm của nhân-dân tự-vệ và quân-đội chính-quy, phiên Cộng sắp đến hồi tan rã”.

Cuối cùng, ông Chủ-Tịch nhấn mạnh :

“ Dân-tộc Việt-Nam thắng Cộng vì chúng ta đoàn-kết chặt-chẽ sau lưng vị Lãnh-Tự anh minh Ngô Tổng-Thống, vì dân-tộc ta có lập-trường sắt đá bảo-vệ chính-ngĩa tự-do và giá-trị truyền-thống con người, vì các nước bạn sẵn-sàng viện-trợ vật-chất và giúp-đỡ tinh-thần cho ta trong cuộc chiến-đầu chung này.

“ Con đường tranh-đầu gay-gò, nhưng lẽ thắng của ta và cơ bại của địch đã rõ-rệt : chúng ta nhất định sẽ thắng”.

Sau đó, ông Chủ-Tịch tuyên-bổ khai-mạc khóa họp thường lệ và phiên nhóm tạm ngưng, quan-khách ra về.

Trở lại phòng nhóm 15 phút sau đó, ông Chủ-Tịch Quốc-Hội đã tuyên-bổ bề-mạc phiên họp khai-mạc khóa thường lệ thứ nhất năm 1963.

Theo điều 63 của Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa, mỗi năm Quốc-Hội có hai khóa họp thường lệ : một khóa đương-nhiên bắt đầu vào tháng Tư dương-lịch và một khóa đương-nhiên bắt đầu tháng 10 dương-lịch.

Trong khóa tháng 10-1962 vừa qua, Quốc-Hội đã thảo-luận và biểu quyết Dự-thảo Ngân-sách Quốc-gia tài-khoá 1963. Trong khóa họp này, các Bộ-Trưởng Chính-Phủ đã ra trước Quốc-Hội để giải-thích về những vấn-đề liên-hệ với Lập-Pháp theo sự tru-liệu của điều 47 mới Hiến-Pháp.

Khóa tháng 4-1963 là khóa họp thứ tám của pháp-nhiệm II, sau khi điều 51 đoạn 1 của Hiến-Pháp được thay đổi và nhiệm-kỳ của Dân-Biểu tăng từ 3 lên 4 năm. Chiều theo Hiến-Pháp, đây là khóa họp cuối cùng của pháp-nhiệm II.

4. ÔNG ĐỒNG-LÝ VĂN-PHÒNG PHỦ TÔNG-THÔNG CHỦ-TỌA LỄ KỶ-NIỆM ĐỆ NHẤT CHU-NIÊN QUỐC-SÁCH ẤP CHIẾN-LƯỢC VÀ KHÁNH THÀNH ẤP CHIẾN-LƯỢC BÌNH-HƯNG I (GIA-ĐỊNH).

Sáng 17-4-63, ông Quách-Tông-Đức, Đồng-Lý Văn-Phòng Phủ Tổng-Thông chủ-tọa lễ kỷ-niệm đệ-nhất chu-niên Quốc-sách Ấp chiến-lược và khánh-thành Ấp chiến-lược Bình-Hưng I thuộc xã Bình-Hưng, quận Bình-Chánh, (Gia Định), cách Sài-gòn trên 10 cây số, do Liên-Khu-Đoàn Thanh-Niên Cộng-Hòa đặc-biệt và Chi-Đoàn Công-chức Phủ Tổng-Thông liên-đới tương-trợ.

Buổi lễ tổ chức tại trường Tiểu học ấp Bình-Hưng I, trước sự hiện-diện của ông Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ-Trưởng tại Phủ Tổng-Thông, Tổng Giám-Độc Kê-Hoạch, Phó Tổng Giám-Độc Xã-Hội, Giám-Độc Nha Nghi-Lễ Phủ Tổng-Thông và rất đông nhân-vật ở thủ-đô cùng địa-phương:

Ấp chiến-lược Bình-Hưng I, nằm hai bên liên-tỉnh lộ số 5 (Chợ-Lớn - Cán-Giũộc), chiếm diện-tích ngót 300 mẫu, qui-tụ trên 1.000 nam phụ lão ấu, với 240 nóc gia thuộc 46 liên-gia. Phần lớn các gia-đình này ở rải-rác và ở xa liên-tỉnh lộ nay được dời về ở dọc hai bên liên-tỉnh lộ.

Ấp chiến-lược Bình-Hưng I, đã có đầy-đủ các cộng-sự phòng-thủ, có một vòng đai chiến-lược bao bọc dài lối 5 cây số và còn có các cơ-sở xã-hội như 2 lớp Bình-Dân giáo-dục thu nhận ngót 100 nam nữ học-viên và trạm y-tê. Công-tác lập vòng đai và mở lớp Bình-Dân, do đóng-bào địa-phương thực-hiện, hoàn-thành trong vòng 50 ngày, với sự tương-trợ về tài-chánh cũng như nhân-lực của đoàn viên Thanh-Niên Cộng-Hòa Liên-Khu-Đoàn Phủ Tổng-Thông, Quận-đoàn 8 Đô-thành cùng chính-quyền địa-phương. Đóng-bào tại ấp này còn thực-hiện được 5 chiếc cầu lớn nhỏ bằng gỗ, dài tổng-cộng 60 thước, rộng 1 thước 50.

Nhân dịp này, ông Đồng-Lý Văn-Phòng Phủ Tổng-Thông và quan-khách hiện-diện đã trao 5 phần thưởng, mỗi phần thưởng gồm 10 thước vải đen và 10 thước vải trắng cho 5 đóng-bào ấp này góp phần tích-cực trong công-tác lập ấp chiến-lược.

Ông Tổng Giám-Độc Kê-Hoạch, một trong những cơ-quan trực-thuộc Phủ Tổng-Thông nhận liên-đới tương-trợ ấp chiến-lược này đã trao tương-trưng cho đại-diện đóng-bào trong ấp 1 viên gạch xi-măng, trong tổng-số 2500 viên gạch tặng đóng-bào ấp Bình-Hưng I xây-dựng công òc trong tương-lai.

Ấp Bình-Hưng 1, tuy đã khánh-thành, song còn được tiếp-tục tu-bổ và mở-mang thêm về mọi mặt dưới sự tương-trợ của Liên-khu-đoàn Thanh-Niên Cộng-Hòa Phủ Tổng-Thông.

Người ta được biết, Liên-khu-đoàn Thanh-Niên Cộng-Hòa Phủ Tổng-Thông còn nhận liên-đới tương-trợ ấp chiến-lược Bình-Hưng II nối tiếp với ấp Bình-Hưng I cùng xã. Ấp này còn đang ở thời-kỳ thiết-lập. Hiện nay, dưới sự bảo-trợ của Liên-khu-đoàn Thanh-niên Cộng-Hòa Phủ Tổng-Thông và nhà cầm-quyền địa-phương, công-tác dời các nhà đóng-bào ở rải-rác đến dọc hai bên liên-tỉnh lộ số 5 như ấp chiến-lược Bình-Hưng I đã hoàn-tất. Mỗi gia-đình đóng-bào ở ấp này bị dời nhà cũng được các khoản trợ giúp tương-dương với ấp Bình-Hưng I.

Ấp Bình-Hưng II, có 718 đóng-bào, trong 151 nóc gia, chuyên sống về nghề nông và một vài nghề phụ khác như nuôi vịt và chài lưới như đóng-bào ngụ tại ấp chiến-lược Bình-Hưng I.

5. ÔNG CỎ-VĂN NGÕ-ĐÌNH-NHU CHỦ-TỌA LỄ KHAI-GIẢNG KHÓA XI HUẤN-LUYỆN CÁN-BỘ ẤP CHIẾN-LƯỢC.

Sáng 17-4-63, Trại Nhân-Trí-Dũng, Suối Lồ-Ồ, đã tưng-bưng rộn-rịp trong ngày kỷ-niệm đệ-nhất chu-niên Quốc-sách Ấp Chiến-lược.

Từ 8 giờ sáng, từng đoàn xe đã từ Thủ-Đô di-chuyển theo Xa-lộ Sài-gòn - Biên-Hòa để đưa các nhân-vật cao-cấp và đại-diện các ngành Dân-Quân Chính đến Trại Nhân-Trí-Dũng tham-dự buổi lễ khóa-giảng khóa XI Huấn-luyện cán-bộ Ấp Chiến-lược đặt dưới quyền chủ-tọa của ông Ngõ-Đình-Nhu, Cỏ-Văn Chính-trị tại Phủ Tổng-Thông.

Trong số đông quan-khách hiện-diện còn có ông Chủ-Tịch Quốc-Hội, ông Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến, các vị Bộ-Trưởng, phần nhiều Đại-sứ của các quốc-gia bạn, Đại-Tướng Tổng Tham-Mưu Trưởng Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa và các vị Tướng-lãnh, các công-chức và sĩ-quan cao-cấp cùng đại-diện các đoàn-thể dân-chúng.

Ông Cỏ-Văn Chính-trị tại Phủ Tổng-Thông đến nơi vào hồi 9 giờ và phần nghi lễ bắt đầu ngay sau khi ông Cỏ-Văn bước vào Hội-trường.

Mở đầu, Thiệu-Tướng Trần-Từ-Oai, Giám-Độc Trung-tâm Huấn-luyện, trình-bày lý-do buổi lễ. Thiệu-Tướng Giám-Độc, sau khi trang-trọng cảm-tạ sự

hiện-diện của ông Cò-Vân và các nhân-vật Việt-Nam cũng như ngoại-quốc, đã nói rằng trong khoảng thời-gian một năm từ 17-4-62 đến 17-4-63, nhân-dân Việt-Nam Tự-do, dưới sự lãnh-đạo sáng-suốt của Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm và sự chỉ-dẫn khéo-léo của ông Cò-Vân, đã đạt được nhiều tiên-bộ, đã có một tinh-thần tranh-đấu mới để lật ngược tình-thế và kết-quả tốt đẹp ấy đã nói lên sự hữu-hiệu của Quốc-sách Ấp Chiền-lược.

Tiếp đến Thiệu-Tướng trình-bày về Khóa XI Huân-luyện cán-bộ Ấp Chiền-lược và cho biết khóa này có 254 dự-thính-viên trong số có 80 cựu cán-bộ của tổng-số trên 4.000 dự-thính-viên tốt nghiệp trong 10 khóa trước.

Sau cùng, Thiệu-Tướng nói rằng trong niềm hân-hoan kỷ-niệm đệ nhất chu-niên Quốc-sách Ấp Chiền-lược, toàn-thể dự-thính-viên khóa XI cùng với Ban Giám-đốc và Ban Giảng-huân Trung-tâm sẽ cùng nhau hăng hái học-tập, làm việc với một tinh-thần nhiệm-lao, nhiệm-oán và thiện-thúy, thiện-chung để góp phần đặc-lực vào việc đưa Quốc-sách Ấp Chiền-lược đến thắng-lợi vẻ-vang.

Sau diễn-văn của ông Thiệu-Tướng Trần-Tử-Oai, ông Cò-Vân Chính-Trị tại Phủ Tổng-Thống bước lên diễn-đàn, nói rằng:

«Thừa lệnh Tổng-Thống và Chính-Phủ, và thay mặt cho Ủy-Ban Trung-Uơng Ấp Chiền-lược, hôm nay nhân dịp đệ nhất chu-niên Ấp Chiền-lược, đánh dấu một năm Tranh-Đấu của toàn-dân trên con đường vừa kiên-quốc vừa cứu-quốc đánh ba thứ giặc: chậm tiến, chia rẽ và Cộng-sản.

«Tôi thành kính nghiêng mình trước anh-linh các chiến-sĩ đã bỏ mình vì Non Sông vì Tổ-Quốc và gửi lời ưu-ái của tôi tới những gia-đình đã hy-sinh con em cho chính-sách cách-mạng Ấp Chiền-lược».

Đoạn, ông Cò-Vân, sau khi nêu ra rằng «Khóa Hội-thảo này có trách-nhiệm tổng-kết thành-tích về Quốc-sách Ấp Chiền-lược, rút kinh-nghiệm thành-bại trên mọi mặt sau một năm vận-động Đấu-tranh đánh Phong, Thục, Cộng, chống chậm tiến và chia rẽ qua thực-hiện chính-sách», đã xác-định nhiều điều để các dự-thính-viên khóa XI làm việc.

Trong phần cuối của cuộc nói chuyện với cán-bộ Ấp Chiền-lược, ông Cò-Vân nói rằng «đôi với địch, chính-sách Ấp Chiền-lược đã giáng những đòn nặng nhất vào đầu chúng».

Ông Cò-Vân nói thêm: «Vi Ấp Chiền-lược, địch mỗi ngày mỗi bị cô-lập khỏi dân-chúng và bị trục-xuất ra khỏi xã-hội nông-thôn».

Để chứng-minh cho sự thắng lợi của Quốc-sách Ấp Chiền-lược, ông Cò-Vân đã nhắc đến lời thú-nhận của Trung-ương-cục Việt-Cộng như sau:

«Đánh phá Ấp Chiền-lược là một cuộc tranh-đấu toàn diện, toàn dân, và lâu dài, giằng co, địch lập được tức là địch sẽ cô-lập được lực-lượng nhân-dân võ-trang, địch sẽ thắng; và muốn đòi phó chồng lại âm-mưu địch, ta còn phải chiến-đấu ác-liệt và chịu đựng trường-kỳ gian-khổ».

Cuối cùng, ông Cò-Vân nhắc-nhờ toàn-thể các cấp-bộ rằng «chính-sách Ấp Chiền-lược và phong-trào Chiêu Hồi bao-hàm những nội-dung cách-mạng xã-hội và chính-trị phong-phú, mang những nét sáng-tạo của Dân-Tộc, mà nhiều người còn chưa ý-thức được, bởi quen với lối-lỗi nhận xét bề ngoài mà chỉ nặng về hình-thức».

Buổi lễ tại Trại Nhân-Trí-Dũng chấm dứt vào hồi 10 giờ và ông Cò-Vân cùng các quan-khách sau đó đã trở về Thủ-đô.

6. LỄ PHÁT THƯỞNG CHO HỌC-SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG-HỌC SAIGON - GIA-ĐÌNH.

Sáng 11-4-63, Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục, đã chủ-toạ lễ phát-thưởng cho học-sinh 10 trường Trung-học Sài-gòn - Gia-định tổ-chức tại trường Sư-phạm Sài-gòn.

Tham dự buổi lễ, có rất đông nhân-vật Việt-Nam và ngoại-quốc, trong số có các ông Nguyễn-Hữu-Chinh, Chủ-tịch Ủy-ban Văn-hóa, Giáo-dục và Thanh-niên Quốc-Hội, Trần-Bá-Chức, Tổng Giám-đốc Trung Tiều-học và Bình-dân giác-dục, Granville Hammond, Trưởng Phân-bộ Giáo-dục tại Phái-Bộ Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ, Maurice Robin, Cò-vân Văn-hóa tại Sứ-quán Pháp, Trương-Vân-Vinh, Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh, đại-diện Thiệu-tá Tỉnh-trưởng Gia-Định, các Khoa-trưởng Đại-học, các Giám-đốc Học-vụ và rất đông phụ-huynh học-sinh.

7 học-sinh xuất-sắc các trường Trung-học Sài-gòn và 3 học-sinh xuất-sắc các trường Trung-học Gia-Định được lãnh phần-thưởng danh-dự của Tổng-Thống ban. Còn nhiều phần thưởng có giá-trị do Phó Tổng-Thống, ông Chủ-tịch Quốc-Hội, ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục, ông Viện-trưởng Viện Đại-học Sài-gòn và nhiều nhân-vật Việt-Nam và ngoại-quốc tặng các học-sinh.

10 trường Trung-học Sài-gòn và Gia-Định gồm tổng-số 22.000 học-sinh nam nữ, trong số có 17.105 học-sinh theo học 7 trường Trung-học ở Sài-gòn.

Nhân dịp lễ phát thưởng trọng-thể này, ông Bùi-trọng-Chương, Giáo-sư trường Trung-học Pétrus-Ký đã đọc diễn-văn thường-lệ nói về một vài khía cạnh trong nhiệm-vụ công-dân.

Ông Bùi-Trọng-Chương nói:

«Đầu muốn đầu không, một khi đã sinh ra làm dân một quốc-gia, tự-nhiên ta phải là thành-phần cấu tạo ra dân-tộc của quốc-gia đó. Cuộc sống của

ta sẽ hoàn-toàn tùy thuộc vào sự hưng-vong của quốc-gia và ngược lại quốc-gia có cường-tinh hay yếu hèn là do tinh-thần dân-tộc mà ra cả. Ý-thức được đúng mức bản-phận công-dân, ta sẽ tạo nên một tinh-thần dân-tộc hùng-mạnh. Tôi có thể nói, mà không sợ cái-chính, là nền độc-lập thực-sự chỉ được bảo-đảm khi nào dân-trí cao. Vậy thì không vì lẽ gì, một người dân muốn sống hạnh-phúc lại quên đi bản-phận của mình.

« Nói đến nhiệm-vụ công-dân là người ta nghĩ ngay đến việc thi-hành quân-dịch. Có một thiếu số bạn trẻ đã quan-niệm rất sai lầm về nhiệm-vụ cao-qui đó. Họ đã trốn quân dịch và coi đó như một khổ hình. Không phải chỉ bây giờ người Việt-Nam mới biết thi-hành quân-dịch. Dờ trang sử cũ nước nhà, từ đầu thế-kỷ XIII, dân ta đã biết làm tròn nhiệm-vụ ấy : « Dưới thời Trần-Thái-Tôn, tất cả tráng-dính trong nước đều phải đi lính ».

« Sau đó, ở đầu thế-kỷ XV, vua Lê-Thái-Tổ đã biết áp-dụng chế độ quân dịch : « Vua Lê-Thái-Tổ đã có dưới tay 25 vạn quân. Nhưng sau khi dẹp xong giặc, để khỏi hao-tồn công quỹ và để giường máy sinh-hoạt trong nước khỏi bị ngưng trệ, Ngài đã chia phân ra làm 5 phiên, một phiên ở lại giữ nước và bốn phiên kia được trở về làm ruộng và cứ thế lần-lượt thay đổi nhau ».

« Căn-cứ vào đó ta thấy rằng, hai thời-kỳ mà dân chúng Việt-Nam hăng-hái, thi-hành quân-dịch nhất, đều là hai thời oanh-liệt nhất trong lịch-sử nước nhà.

Diễn-giả đề-cập đến « tình-trạng trí-thức miền Bắc » và dẫn-giải thế nào là văn-hóa nô-dịch. Diễn-giả cũng đề-cập thuyết « Tri Hành hợp nhất » và bốn đức của đạo người : Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí.

Diễn-giả kết-luận :

« Các em có thể lòng tự-nhủ lòng rằng mình đã may-mắn được cái diễm-phúc sống dưới bàn tay che-chỡ, đại-lượng của một bậc phụ-huynh tài-cao, đức-độ, tài-ba là Ngô Tổng-Thống. Dù phải bận-rộn với bao vấn-đề to-tát và gay-go trước chánh-cuộc, Người vẫn không quên lưu-tâm tới các em, tới công-cuộc xây-dựng những đứa con ưu-tú của đất nước.

« Tổng-Thống còn muốn rằng trong giai-đoạn quyết-liệt hiện tại, người công-dân cần phải ý-thức một tinh-thần đấu-tranh tích-cực ngõ-hầu tuyệt diệt 3 thứ giặc : « Cộng-sản, chia rẽ và chậm tiến ». Thi-hành quân-dịch, chống văn-hóa nô-dịch, trau-giồi đạo-đức... đều là những hình-thức đấu-tranh tích-cực và hữu-hiệu để chiến-thắng ba kẻ thù nói trên. Các em sẽ đóng góp vào công-cuộc kiến-tạo giai-đoạn lịch-sử oanh-liệt của nước nhà. Tổ-quốc còn hay mắt, hưng hay vong, một phần lớn là do sự quyết-định của các em ».

Kề đó, ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục đọc hiểu-thị (có đăng trọn bài trong V.H.N.S. số này).

7. BAN CHẤP-HÀNH TỔNG-HỘI GIÁO-GIỚI VIỆT-NAM QUYẾT-ĐỊNH LIÊN-ĐỐI TƯƠNG-TRỢ 100 ẤP CHIẾN-LƯỢC.

Hồi 9 giờ sáng ngày 16-4-63, dưới quyền chủ-tọa của ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, tân Ban Chấp-Hành Tổng-Hội Giáo-Giới Việt-Nam đã nhóm phiên-hợp đầu tiên để nghiên-cứu huân-từ của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng Hòa nhân dịp tiếp-kiến phái-đoàn Tổng-Hội Giáo-Giới Việt-Nam ngày 18-3-1963.

Nhằm tổ-chức một nền giáo-dục đấu-tranh phù hợp với nhu-cầu thiết-yêu của quốc-gia hiện-tại, Ban Chấp-Hành đã quyết-định thành-lập 3 Ủy-ban sơ-bộ để nghiên-cứu 3 vấn-đề chính-yêu sau đây :

- (1) Chương-trình giáo-dục và phương-pháp giáo-huân,
- (2) Tổ-chức học-đường.
- (3) Nhiệm-vụ của giáo-chức trong giai-đoạn hiện tại.

Cũng trong phiên-hợp này, Ban Chấp-Hành đã thành-lập các Ủy-ban chuyên-môn của Tổng-Hội chiêu điếu 9 của Điều-lệ, và Ủy-ban đặc-biệt để nghiên-cứu đời sống giáo-chức tại nông-thôn chiêu theo quyết-nghị của Đại-hội thường niên kỳ thứ tư vừa qua.

Hội-nghị cũng đã thảo-luận về chương-trình hoạt-động mùa hè và việc tổ-chức quỹ tương-trợ giáo-chức, nhất là giáo-chức nạn-nhân các hành-động khủng-bỏ của Cộng-sản.

Sau hết, để kỷ-niệm ngày đầy năm Quốc-sách Ấp Chiến-lược, Ban Chấp-Hành đã quyết-định liên-đối tương-trợ 100 ấp chiến-lược, nhằm mục-đích khuyến-khích, nâng-đỡ tinh-thần và vật-chất cho các ấp chiến-lược tại nông-thôn.

Phiên hợp bế-mạc vào lúc 12 giờ 30.

8. THỪA-THIỆN : HOÀN-THÀNH MỘT TRUNG-TÂM Y-TẾ NÔNG-THÔN VỚI TỔNG-PHÍ 1.500.000\$00.

Theo Ty Y-Tê Thừa-Thiên, một Trung-tâm Y-Tê Nông-thôn vừa được hoàn-thành tại xã Thủy-Phương, quận Hương-Thủy (Thừa-Thiên), cách Huế 7 cây số về hướng Nam. Tổng-phí thiết-lập Trung-tâm này là 1.500.000\$00, do Cơ-quan Viện-trợ Kinh-tê Hoa-Kỳ đài-thọ. Trung-tâm này, dài 30 thước, ngang 10 thước, gồm có 6 phòng : Phòng sản-phụ, phòng bệnh-nhân, phòng thăm thai, phòng thăm bệnh, phòng khám bệnh trẻ em và phòng học tập.

Trung-tâm này sẽ do 1 Bác-si được Bộ Y-Tê bổ-nhiệm làm Giám-Độc và đặt dưới quyền quản-trị của Ty Y-Tê Thừa-Thiên, có nhiệm-vụ cứu-chữa và điều-trị các bệnh-nhân ở các quận Hương-Thủy, Phú-Lộc, Vinh-Lộc thuộc phía Nam tỉnh Thừa-Thiên, phổ-biên các chương-trình Y-tê Nông-thôn, bảo-trợ

mẫu-nhi, và còn là nơi thực-tập của các sinh-viên trường Cán-sự Y-tê, điều-dưỡng, nữ-hộ-sinh quốc-gia và cả sinh-viên trường Đại-học Y-khoa Huế.

Người ta được biết, Trung-tâm Y-tê Nông-thôn này là cơ-sở thứ hai xây cất tại Việt-Nam được sự bảo-trợ của Tổ-chức Y-Tê Quốc-Tê, sau Trung-tâm thứ nhất được xây cất tại Nam-Phân.

9. THỪA-THIỆN: TRƯỜNG ĐẠI-HỌC Y-KHOA HUẾ ĐÃ XÂY CẤT XONG 1 GIẢNG-ĐƯỜNG VÀ 2 PHÒNG HỌC VỚI TỔNG-PHÍ 12.000.000\$

Trường Đại-học Y-khoa thuộc Viện Đại-học Huế vừa xây cất xong 1 thỉnh đường dài 25 thước, rộng 20 thước, có đủ chỗ ngồi cho 200 sinh-viên, 1 phòng học và 1 phòng giải-phẫu cơ-thể, tại khu đất ở đường Trưng-Trắc, sau lưng Bệnh-viện Trung-ương Huế.

Các cơ-sở nói trên, đều do kiến-trúc-sư Ngô-Việt-Thụ, Khôi-nguyên giải La-Mã họa kiêu, được khởi công xây cất từ tháng 10-1962 với tổng phí 12.000.000\$ do ngân-sách quốc-gia đài thọ.

Người ta được biết, đây là công tác xây cất đợt đầu tiên nằm trong chương-trình xây cất trường Đại-học Y-khoa Huế. Theo chương-trình dự-định, đến cuối năm 1963 trường này sẽ hoàn-thành việc xây cất đợt II một số cơ-sở khác của trường với tổng-phí 25 triệu đồng cũng do ngân-sách quốc-gia và quỹ Viện-trợ Gia-Nã-Đại đài thọ.

Hiện nay, trường Đại-học Y-khoa Huế, do Bác-sĩ Lê-Khắc-Quyên, Giám-độc Bệnh-viện Trung-ương Huế làm Khoa-trưởng, có ngót 150 sinh-viên theo học năm thứ I và năm thứ II.

10. GIÁM-ĐỐC CHẤP-HÀNH ỦY-BAN KHOA-HỌC THÁI-BÌNH-DƯƠNG TỚI SÀI-GÒN.

Bác-sĩ Harold J. Coolidge, Giám-Độc Chấp-hành Ủy-Ban Khoa-học Thái-Bình-Dương thuộc Viện Hàn-lâm Khoa-học Hoa-Kỳ, đã tới Sài-gòn chiều 21-3-63 để viếng thăm Việt-Nam trong 5 ngày.

Trong thời-gian lưu-trú tại đây, Bác-sĩ Coolidge sẽ hội-kiện với các nhân-vật quan-trọng trong giới khoa-học, nhất là Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, nhân-viên Ủy-Ban Khoa-học Thái-Bình-Dương, và Giáo-sư Lê-Văn-Thới, Viện-Trưởng Viện Đại-học Sài-gòn, người đã hướng-dẫn Phái-đoàn Việt-Nam tham-dự Đại-hội Khoa-học kỳ thứ 10 vùng Thái-Bình-Dương nhóm họp hồi tháng 8 năm 1961 tại Honolulu dưới sự bảo-trợ của Hàn-lâm-viện Khoa-học Hoa-Kỳ.

Bác-sĩ Harold J. Coolidge có tiếp-xúc với các nhân viên Phái-đoàn Việt-Nam tại Tòa Viện-Trưởng Viện Đại-học Sài-gòn.

11. THỪA-THIỆN: LÊ HUY-NHẬT HAI NHÀ CHÍ-SĨ PHAN-CHU-TRINH VÀ HUỖNH-THỨC-KHÁNG.

Các cơ-quan, đoàn-thể tại tỉnh Thừa-Thiên và thành-phố Huế đã tổ-chức lễ hoài-niệm Tây-Hồ Phan-Chu-Trinh và Minh-Viên Huỳnh-Thức-Kháng tại từ đường liệt-sĩ cách-mạng tiến-bôi ở Huế vào chiều 25-3-63 nhân dịp hỷ-nhật của hai chí-sĩ nói trên.

Sau phút mặc-niệm, một đại-diện ban tổ-chức đã đọc diễn-văn nhắc lại thân-thệ và sự-nghiệp hiên-hách tô-điêm lịch-sử tranh-đầu của dân-tộc Việt-Nam của 2 chí-sĩ Phan-Chu-Trinh và Huỳnh-Thức-Kháng.

Tham-dự buổi lễ có ông Nguyễn-Văn-Toán, Phụ-Tá Đại-Biêu Chính-Phủ tại Trung-Nguyên Trung-Phần, ông Nguyễn-Văn-Đặng, Tỉnh-Trưởng Thừa-Thiên kiêm Thị-Trưởng thành-phố Huế, và rất đông đại-diện cơ-quan, đoàn-thể, thân-hào, nhân-sĩ địa-phương.

Phan-Chu-Trinh, hiệu Tây-Hồ, biệt-hiệu Hy-Mã, sinh năm 1872, quán làng Tây-Lộc, huyện Tiên-Phước, phủ Tam-Kỳ (Quảng-Nam), là nhà chính-trị thủ xướng Dân-quyền có đường lối đấu-tranh giồng Thánh Cam-Địa ở Ấn-Độ. Đỗ Cử-nhân Hán-học năm 1900 và Phó-Bảng năm 1901, Phan Tiên-sinh tham-chính tại Bộ Lễ năm 1903, nhưng không đầy 2 năm lại xin từ-chức để chuyên hoạt-động về chính-trị. Phan tiên-sinh lâm bệnh qua đời ngày 24-3-1926.

Huỳnh-Thức-Kháng, hiệu Minh-Viên, biệt-hiệu Sử-Bình-Tử, sinh năm 1876, người làng Thanh-Bình, huyện Tiên-Phước (Quảng-Nam). Đậu giải-nguyên khoa Canh-Tý (1900), Tiên-sĩ khoa Giáp-Thìn (1904), tiên-sinh cùng một số bạn đồng-chí là Nguyễn-Thành, Châu-Thượng Văn v.v... cầm đầu phong-trào kháng thuế năm Mậu-Thân (1908) tại Quảng-Nam, bị bắt đày ra Côn-đảo mãi đến năm 1921 mới được trả tự-do. Ông còn làm Viện-Trưởng Viện Dân-Biểu Trung-Kỳ năm 1926 và đến năm 1928 thì từ chức. Ông giữ chức Bộ-Trưởng Nội-Vụ thời Việt-Minh nắm chính-quyền, sau mất tại Quảng-Ngãi ngày 21-5-1947 nhằm ngày 1-3 Âm-lịch.

12. THỀ-THỨC VÀ ĐIỀU-KIỆN CHO SINH-VIÊN VIỆT-NAM XIN TỰ-TỨC XUẤT-NGOẠI DU-HỌC VỀ NIÊN-KHÓA 1963-64.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục thông-cáo:

Các sinh-viên muốn xin tự-tức xuất-ngoại du-học phải theo những điều-lệ và có đủ những điều-kiện ấn-định dưới đây:

1. Có bằng Tú-Tài phần thứ II.
2. Dưới 20 tuổi, đối với nam sinh-viên (sinh năm 1944 trở đi).

3. Xin học một môn tại một trường Đại-học hoặc Cao-đẳng hay một lớp không có tương-đương ở nước nhà và xét môn học ấy là cần-thiết.
4. Có những giấy-tờ hợp lệ về tình-trạng quân-dịch hay hoãn-dịch (về chi-tiết, xin hỏi tại Bộ Quốc-gia Giáo-dục).

Thê-thức lập hồ-sơ :

a. Những giấy tờ nộp ngay :

- 1 đơn do chính người xin xuất-ngoại du-học viết tay.
- 1 bản khai-sinh,
- 1 bản sao văn-bằng.

b. Những giấy tờ nộp sau khi biết quyết-định của Hội-đồng Du-học :

- 5 tờ khai lý-lịch,
- 6 tờ khai quân-dịch (miễn cho nữ sinh-viên),
- 1 chứng-chỉ sức khoẻ (không quá 3 tháng), kèm theo hình chụp bộ-phận hô-hấp do Bác-sĩ bệnh-viện công-lập cấp,
- 1 giấy của cha mẹ hay người giám-hộ cho phép đư-ơng-sự xuất-ngoại du học,
- 1 tờ trích-lục tư-pháp lý-lịch (không quá 3 tháng),
- 1 chứng-chỉ hạnh-kiểm (không quá 3 tháng),
- 1 bản chính chứng-chỉ nhập học tại nơi xin du-học,
- 1 giấy chứng-nhận cho sinh-viên cư-ngụ có chữ thị-thực của cơ-quan hành-chánh địa-phương,
- 1 tờ cam-đoan của cha mẹ hay thân-nhân xin chịu mọi kinh-phí trong thời-kỳ du-học (có chữ thị-thực của cơ-quan hành-chánh),
- 1 tờ cam đoan không đổi môn học,
- 2 tấm ảnh căn-cức.

Hồ-sơ đầy-đủ giấy tờ nói trên phải nộp tại Bộ Quốc-gia Giáo-dục số 70 đường Lê-Thánh-Tôn Sài-gòn kể từ ngày 1-4-1963 đến 1-7-1963.

c. Những sinh-viên Hoa-khieu sinh tại Việt-Nam hay đã được nhập Việt-tịch muốn xin xuất-ngoại du-học tại Đài-Loan hay Hồng-Kông được miễn bằng Tú-Tài nhưng phải xuất-trình chứng-chỉ đã học hết chương-trình bậc Trung-học Đệ I cấp do một trường tư-thục Trung-Hoa được phép hoạt-động cấp và phải nộp hồ-sơ đầy đủ giấy tờ kể trên tại Bộ Quốc-gia Giáo-dục từ ngày 1-4-1963 đến 1-7-1963 là hạn chót.

13. THỜI-HẠN VÀ THÊ-THỨC LẬP HỒ-SƠ XIN TÁI CẤP HỌC-BỔNG VÀ CẤP HỌC-BỔNG MỚI BẬC CAO-ĐẲNG HAY ĐẠI-HỌC Ở NGOẠI-QUỐC.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục thông-cáo cho biết về thời-hạn và thê-thức lập hồ-sơ xin tái cấp học-bổng và cấp học-bổng mới bậc Cao-đẳng hay Đại-học ở ngoại-quốc như sau :

Sinh-viên Việt-Nam ở quốc nội xin cấp học-bổng để xuất ngoại du-học.

Các sinh-viên muốn xin xuất-ngoại du-học trong niên-khóa 1963-64 với học-bổng Quốc-gia phải theo những điều-lệ và có những điều-kiện ấn-định dưới đây :

- (1) Dưới 20 tuổi, có bằng Tú-Tài toàn phần,
- (2) Từ 20 tuổi trở lên đã tốt nghiệp Đại-học (đủ số chứng-chỉ để được cấp một văn bằng) đã tốt-nghiệp các trường Cao-đẳng chuyên-nghiệp.
- (3) Xin theo một trường hay một lớp không có tương-đương ở nước nhà và xét ra môn học ấy là cần-thiết.

Nữ-sinh được miễn điều-kiện tuổi.

Thê-thức lập hồ-sơ :

a. Những giấy tờ nộp ngay .

- 1 đơn xin cấp học bổng.
- 1 đơn xin xuất đư-ơng du-học.
- 1 bản sao văn-bằng Tú-tài I và Tú-tài II, học bạ (nếu mới đỗ Tú-tài) hay một văn bằng Đại-học (nếu đã tốt-nghiệp Đại-học).
- 1 khai sanh.
- 1 tờ khai danh-dự về gia-tư.

b. Những giấy tờ nộp sau khi biết quyết-định của Hội-đồng Du-học :

- 5 tờ khai về Công-An.
- 6 tờ khai về Quân-dịch (miễn cho nữ giới).
- 1 chứng-chỉ sức khỏe không quá 3 tháng (có ghi riêng về bộ-phận hô-hấp).
- 1 giấy cho phép đư-ơng-sự xuất-ngoại của cha mẹ hay người giám-hộ.
- 1 chứng-chỉ hạnh-kiểm không quá 3 tháng.
- 1 trích lục Tư-pháp lý-lịch.
- 1 bản chính chứng-chỉ nhập học tại nơi xin du-học (có ghi rõ lớp và môn học).
- 1 giấy phép cư-ngụ có Cảnh-Sát-Trưởng chứng-thực chữ ký người bảo-chứng nhận cho sinh-viên cư-ngụ (Certificat d'hébergement).

1 cam-đoan không đổi môn học.

1 cam-đoan hỏi hương phục-vụ sau khi tốt-nghiệp.

Hệ-sơ đầy-đủ giấy tờ nói trên có thể nộp tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục (số 70 đường Lê-Thánh-Tôn Sài-gòn) kể từ 1-4-1963 đến 1-7-1963.

Sinh-viên Việt-Nam đang ở ngoại-quốc.

a. *Trường-hợp xin cấp học-bằng mới*

Đơn xin cấp học-bằng (theo mẫu ấn-định) có ghi ý-kiến của Tòa Đại-diện.

Bản trích khai-sinh.

Bản sao-cấp bằng Tú-tài toàn phần, phiếu điểm năm cuối cùng Ban Trung-học và chứng-chỉ nhập học (nếu là sinh-viên mới vào bậc Cao-Đẳng hay Đại-Học). Học-chỉ niên-học vừa qua và chứng-chỉ lên lớp (nếu là sinh-viên đang-học bậc Cao-Đẳng hay Đại-Học).

Một chương-trình học và tờ báo-cáo về năm học vừa qua với sự xác-nhận của giáo-sư (nếu là sinh-viên đang soạn Tiền-sĩ Đệ-tam cấp hay Tiền-Sĩ Quốc gia).

Ý-kiến của Tòa Đại-sứ về hạnh-kiểm và hành-vi chính-trị của sinh-viên.
Tờ cam-đoan hỏi-hương phục-vụ sau khi tốt-nghiệp.

b. *Trường-hợp xin tái cấp học-bằng :*

Đơn xin tái cấp học-bằng có ghi ý-kiến của Tòa Đại-diện (theo mẫu ấn-định).

Chứng-chỉ kết-quả cuối năm hoặc chứng-chỉ lên lớp.

Tờ khai danh-dự về gia-tư (theo mẫu ấn-định).

Một chương-trình học và tờ báo-cáo về năm học vừa qua với sự xác-nhận của giáo-sư (nếu là sinh-viên đang soạn Tiền-sĩ Đệ-tam cấp hay Tiền-sĩ Quốc-gia).

Tờ cam-đoan hỏi-hương phục-vụ sau khi tốt-nghiệp.

Các mẫu giấy tờ để lập hồ-sơ, xin hỏi nơi các Tòa Đại-diện Việt-Nam tại ngoại-quốc cuối niên-học 1962-63.

Những hồ-sơ không lập đúng theo các thể-thức trên đây và gửi về Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục sau ngày 1-11-63 sẽ không được cứu xét và giao-hoàn lại cho sinh-viên.

14. CÁC THÍ-SINH TRUNG-HỌC PHẢI CÓ THẺ HỌC-SINH HOẶC THẺ CĂN-CƯỚC KHI VÀO PHÒNG THI.

Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục thông-cáo :

Khi vào phòng thi, thí sinh các kỳ thi bậc Trung-học phải xuất-trình thẻ học-sinh hoặc thẻ căn-cước có dán ảnh, để tiện việc kiểm-soát.

Thí-sinh tự-do chưa đến tuổi lấy thẻ căn-cước, hoặc chưa được phát thẻ căn-cước học nhự, phải xin Hội-đồng-xã (thí-sinh ở Tỉnh) hoặc Phường Trưởng (thí-sinh ở Sài-gòn) cấp cho một giấy căn-cước tạm thời có dán ảnh và có chữ thị-thực của Quận Hành-chánh.

Thí-sinh không có thẻ hoặc chỉ có biên lai tạm không dán ảnh, đều không được vào phòng thi.

15. TỔNG ỦY-VIÊN THANH-NIÊN CỘNG-HÒA VIỆT-NAM NHẬT-BẢN ĐÁ TRỞ VỀ SÀI-GÒN.

Đáp lời mời của Chính-phủ Nhật-Bản, ông Cao-Xuân-Vỹ, Tổng-Ủy-viên Thanh-niên Cộng-hòa Việt-Nam đã sang viếng thăm nước bạn từ ngày 4-3-1963 và đã trở về Sài-gòn hồi 20 giờ ngày 31-3-1963.

Ra đón tiếp Tổng-Ủy-viên tại phi-trường Tân-Sơn-Nhất, có các Thủ-lãnh Đô Thành Đoàn, Liên-khu-đoàn và Quận-đoàn Thanh-Niên Cộng-Hòa tại Thủ-đô, các Chủ-tịch các Tổng-cục Thể-thao và đồng-đủ các nhân-viên cao cấp tại Tổng Nha Thanh-Niên.

Trong thời-gian lưu-trú tại Nhật-Bản, Tổng-Ủy-viên đã viếng thăm nhiều cơ-sở Thanh-Niên, Văn-Hóa và Kỹ-nghệ tại Nhật-Bản, đồng thời trao đổi kinh-nghiệm lãnh đạo Thanh-niên với Phái-đoàn các nước Bạn và các tổ-chức Thanh-niên tại Nhật-Bản.

16. KHÁNH-HÒA : TRƯỜNG VĂN-HÓA QUÂN-ĐỘI TẠI NHA-TRANG TỜ-CHỨC LỄ PHÁT THƯỞNG CUỐI NIÊN-HỌC CHO HỌC-SINH.

Sáng 1-4-63, trường Văn-hóa Quân-đội Nha-Trang đã tổ-chức tại rạp hát Tân-Tân buổi lễ phát phần thưởng/cuối niên-học cho học-sinh của trường. Buổi lễ phát phần thưởng đặt dưới quyền chủ-tọa của Thiệu-Tá Lê-Tập, Tỉnh-Trưởng Khánh-Hòa, cùng sự hiện-diện của Trung-Tá Vũ-Xuân-Quang, Xứ-lý Thường-vụ Quân-Trần Nha-Trang và rất đông thân-hào, nhân-sĩ địa-phương.

Trường Văn-Hóa Quân-đội tại Nha-Trang, được thiết-lập đầu niên-khoá 1962-1963, mở cửa vào buổi tối, nhằm giúp các quân-nhân và thân nhân họ hiểu học có điều-kiện tra-u-giỏi thêm văn-hóa.

Hồi đầu niên-học, trường này có cả thảy 12 lớp từ Đệ Thất đến Đệ Nhất, thu nhận 800 học-sinh, nhưng đến gần cuối năm, trường này thu hẹp lại còn có

9 lớp và 300 học-sinh vì một số quân-nhân học-sinh phải chuyển-chuyên đi nơi khác theo sắc-lệnh chia lại các Vùng Chiến-thuật. Phụ-trách giảng dạy các lớp học của trường là các sĩ-quan và công-chức có trình-độ văn-hóa từ Tú-Tài trở lên.

Nhân dịp này, trường Văn-Hóa Quân-đội tại Nha-Trang có mời Linh-mục Nguyễn-Văn-Thỉnh, Giáo-sư của Viện Đại-học và Trường Võ-Bị Quốc Gia Đà-Lạt, lên đây diễn-thuyết về đề-tài Tâm-lý thanh-niên hiện đại.

17. NHẬT-BÁO CÔNG-DÂN TẠI HUẾ ĐÌNH BÀN.

Ông Dân-Biểu Lê-Trọng-Quát, Chủ-nhiệm nhật-báo Công-Dân phát-hành tại Huế cho biết, kể từ 1-4-63, nhật-báo Công-Dân đã đình bản vì lý-do kỹ-thuật.

Công-Dân là nhật báo Việt-ngữ độc nhất phát-hành tại Huế mỗi ngày 2.500 tờ 4 trang khổ lớn, cung-cấp cho độc-giả tại các tỉnh Trung-Phần. Công-Dân ra số đầu tiên hồi tháng 6-1958.

18. LỄ KỶ-NIỆM HÙNG-VƯƠNG TẠI SÀI-GÒN.

Sáng 3-4-63, mùng 10 tháng 3 âm-lịch, lễ kỷ-niệm Hùng-Vương đã cử hành trọng-thể tại Đền Thờ Đức Trấn-Hưng-Đạo, 36 đường Hiến-Vương, Sài-gòn Hiện-diện trong buổi lễ, có ông Cồ-Văn-Hai, Phó Chủ-tịch Quốc-Hội, đại-diện ông Chủ-tịch, đại-diện các Bộ Nha Sở, các đoàn-thể nhân-dân, các vị Dân-Biểu. Sau khi làm lễ chào Quốc-kỳ trước sân Đền Thờ, quan-khách tiến vào trước Điện Thờ để dự lễ.

Trong diễn-văn đọc nhân-dịp này, ông Nguyễn-Văn-Hoanh, Chủ-tịch Hội-đồng Đô-thành, thay mặt Ban Tổ-chức, đã nhắc-nhờ ý-nghĩa buổi lễ, ông nói :

« Dân ta có bốn ngàn năm văn-hiến rực-rỡ là vì kế tiếp đời này sang đời khác, chúng ta không ruồng bỏ tục-lệ phụng-thờ tổ tiên. Việc làm đó để cao dân-tộc-tính của ta, một dân-tộc lấy lễ giáo làm đầu và nhờ vậy, trải qua bao biến-thiên của lịch-sử, vẫn tồn-tại trường-cửu.

Ông kết-luận : « Hôm nay trước bàn thờ Tổ, nghĩ về một nửa phần đất nước chưa được giải-phóng tại ách cộng-sản, nghĩ tới tới đồng-bào miền Bắc còn bị lâm-than, chúng ta tưởng vọng đến Quốc-Tổ, tới những chiến-thắng ngày mai, chúng ta nguyện tận-lực chiến-đầu tham-gia vào công-cuộc cách-mạng của lịch-sử dân-tộc ».

Kể đó, ông Phó Chủ-tịch Quốc-Hội ra trước bàn thờ niệm hương, trong lúc chiến trống, nhạc nhã khởi tấu, khởi-sự cuộc chính-tề theo cổ-truyền.

Chiều 3-4-63, có buổi tề Nữ-quan và ngày kỷ-niệm chấm-dứt vào một 20 giờ.

19. SỬA ĐỔI THẺ-LỆ KỶ THI TUYỂN HỌC-SINH VÀO CÁC LỚP ĐỀ-THẮT CÁC TRƯỜNG TRUNG-HỌC CÔNG-LẬP.

Ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục vừa ký nghị-định số 292/GD/HV/NĐ ngày 27 3 1963 bổ-túc thẻ-lệ kỳ thi tuyển học-sinh vào lớp Đề-thắt các trường Trung-học Công-lập ấn-định trong Điều 5 Nghị-định số 213/GD/NĐ ngày 20-6-1955.

Thay vì :

3. Hỏi về Khoa-học thường-thức, Sử-địa : thời-hạn : 1 giờ, hệ số 1.

Nay bổ-túc là :

3. Câu hỏi về Khoa-học thường-thức, Sử-địa và Công-dân Giáo-dục thời-hạn : 1 giờ, hệ số 1.

20. VỀ CÁC LỚP HỌC HỀ ANH-NGŨ CỦA SỞ THÔNG-TIN HOA-KỶ.

Sở Thông-Tin Hoa-Kỳ thông-cáo : Vì có hàng trăm học-sinh Trung-học đã đệ đơn xin tham-dự các lớp học Anh-Ngữ bằng đĩa than-thanh và các buổi chiều phim tiếng Anh do Sở Thông-tin Hoa-Kỳ tổ-chức trong dịp hè này, chúng tôi lấy làm tiếc là hiện thời không thể nhận thêm được nữa. Nếu sau này xét ra có thể tăng-gia được số chương-trình nói trên, chúng tôi sẽ thông-báo sau.

Về tham-dự các chương-trình học hè đã ấn-định sẽ được phân-phát tại Thư-viện Abraham Lincoln trong hai ngày 12 và 15 tháng 4 cho các học-sinh đã nộp đơn bằng bưu-diện như Sở đã yêu-cầu, và cho các học-sinh đã tới ghi tên tại văn-phòng của Sở trong ngày 1 tháng 4. Hiện thời không còn chỗ cho học-sinh nộp đơn sau ngày 1 tháng 4.

21. TRƯỜNG ĐẠI-HỌC VĂN-KHOA HUẾ DIỄN KỊCH PHÁP.

Đêm 7-4-63, các sinh-viên lớp Dự-Bị Trường Đại-Học Văn-Khoa Huế đã trình-diễn bằng tiếng Pháp vở kịch *La Reine Morte* của Montherlant. Buổi trình-diễn này đã qui-tụ một số đông khán-giả thuộc thành-phần trí-thức ở địa-phương. Người ta còn nhận thấy sự hiện-diện của một số ngoại-kiểu từ Đà-Nẵng về dự xem.

Trên 3 giờ hoạt-động, trên sáu-khẩu, các sinh-viên Dự-bị Văn-Khoa đã làm khán-giả ngạc-nhiên không ít về khả-năng kịch-nghệ và đã để cao được giá-trị tác-phẩm của nhà soạn kịch trứ danh Pháp.

Đặc-biệt về phương-diện kỹ-thuật, lần đầu tiên ở Việt-Nam các diễn-viên dùng hệ-thống phát-thanh loại bỏ túi. Ngoài ra phần trang-trí, ánh-sáng và y-phục cũng đã giúp nhiều cho buổi kịch được thành công.

Người ta còn nhớ, niên-học trước Trường Đại-Học Văn-Khoa Huế cũng đã trình-diễn vở kịch *L'Annonce Faite à Marie*.

22. GIÁO-SƯ BÛU-HỘI SẴ MỜ CUỘC HỢP BÁO VIỆC SỬ-DỤNG CÁC CHẤT HÓA-HỌC ĐỂ KHAI QUANG.

Sáng 11-4-63, Tổng Nha Thông-Tin cho biết Giáo-sư Bưu-Hội, Cuộc Trường Nguyễn-Tử-Lực Cuộc, mở cuộc họp báo để nói về việc sử-dụng các chất hóa-học trong vấn-đề khai-quang và việc dùng chất hóa-học có hại hay không cho thân-thể người ta.

Cuộc họp báo được tổ-chức vào ngày thứ Hai 15-4-63 hồi 17 giờ tại Phòng Khánh-tiết Tổng Nha Thông-Tin, số 79 đường Phan-Đình-Phùng Sài-gòn.

23. BÁC-SĨ RICHARD W. TELINDE CHUYÊN VỀ PHỤ-KHOA ĐÃ KẾT-THỨC CUỘC VIẾNG THĂM TẠI VIỆT-NAM.

Ngày 11-4-63, Bác-sĩ Richard W. Telinde cùng phu-nhân, đã rời Sài-gòn sau hai tuần lễ viếng thăm. Bác-sĩ Telinde đã tới Việt-Nam để tổ-chức và điều-khiển một chương-trình mới về «phụ khoa đại-cương» dưới sự bảo-trợ của Tổ-chức CARE-MEDICO và Bộ Y-Tê. Theo chương-trình này, nhiều bác-sĩ hữu-danh về môn phụ-nhân y khoa Hoa-Kỳ sẽ tới lưu-trú tại Sài-gòn trong thời-gian một tháng để thảo-luận với các bác-sĩ chuyên-môn Việt-Nam, cũng như giúp việc tại các bảo-sanh-viện và thuyết-trình tại Viện Đại-Học.

Bác-sĩ Telinde tốt-nghiệp Trường Đại-Học Wisconsin năm 1917. Từ 21 năm nay, bác-sĩ là giáo-sư về môn «Phụ-khoa» tại Đại-học-đường Johns Hopkins.

Trong thời-gian lưu-trú tại Sài-gòn, bác-sĩ Telinde đã giúp việc nhiều nhất tại các bảo-sanh-viện Từ-Dũ và Hùng-Vương. Ông cũng đã thuyết-trình nhiều lần tại Hội-đồng Y-sĩ Việt-Nam và tại Trường Đại-Học Y-Khoa Sài-gòn.

24. GIA-ĐÌNH LÊ PHÁT PHẦN THƯỞNG CUỐI NIÊN-HỌC CHO HỌC-SINH CÁC TRƯỜNG TIÊU-HỌC CÔNG-LẬP.

Sáng 12-4-63, Thiệu-Tá Nguyễn-Đức-Xích, Tỉnh-Trưởng Gia-Định, đã chủ-tọa lễ phát phần thưởng cho học-sinh các trường Tiêu-học công-lập của tỉnh tổ-chức tại trường nam Tiêu-học tỉnh-lỵ. Tham-dự buổi lễ, có ông Chủ-Tịch Hội-đồng hàng tỉnh cùng một số đồng-đại-diện các cơ-quan, đoàn-thể, thân-hào nhân-sĩ và phụ-huynh học-sinh địa-phương.

Trên 100 học-sinh xuất-sắc của 4 trường, trường nam Tiêu-học, trường nữ Chi-Lãng I và II và trường Nữ-công, được lãnh phần thưởng danh-dự của Tổng-Thống và nhiều phần thưởng đáng giá khác của Phó Tổng-Thống, ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, ông Tổng Giám-Độc Trung Tiêu-học Bình-

dân Giáo-Dục, Thiệu-Tá Tỉnh-Trưởng Gia-Định, các ông Phó Tỉnh-Trưởng Hành-chánh, Nội-an, Trường-Ty chuyên-môn và các nhà hảo-tâm trong tỉnh gửi tặng.

Nhân dịp này, Thiệu-Tá Tỉnh-Trưởng Gia-Định ngỏ lời ngợi khen sự cố-gắng của Ty Tiêu-học Gia-Định trong năm qua trên phương-diện phát-triển trường-sở cũng như trên lãnh-vực hoạt-động giáo-dục con em nhất tại địa-phương.

Ngỏ lời cùng học-sinh, Thiệu-Tá Tỉnh-Trưởng khuyên-như các em tỏ ra xứng-đáng là con thảo trong gia-đình, học trò giỏi ở học-đường và công-dân tốt trong một nước độc-lập. Thiệu-Tá Tỉnh-Trưởng còn khuyên các em phải luôn-luôn cảnh-giác, đề-phòng, chớ nghe lời xúi-giục của Cộng-phi. Ngược lại, các em hãy mạnh-dạn tố-cáo với chính-quyền, Quân-đội mỗi khi biết được kẻ nào tuyên-truyền cho Cộng-sản hoặc có hành-động nổi giáo cho giặc Cộng.

Buổi lễ kết-thức bằng một chương-trình văn-ngệ chọn lọc do các em học-sinh phụ-trách.

25. HỘI THÂN-HỮU VIỆT-PHÁP VÀ PHÁP-VĂN ĐỒNG-MINH HỘI BẦU TÂN BAN QUẢN-TRỊ.

Hội Thân-Hữu Việt-Pháp đã bầu tân Ban Quản-trị niên-khoá 1963-64 theo như thành-phần dưới đây:

Chủ-Tịch	: Ông Bù-Tường-Chiêu Luật-sư Tòa Thượng-Thẩm.
Đệ-Nhất Phó	
Phó Chủ-tịch	: - A. Rivoalen giáo-sư tại Y-Khoa Đại-học-Đường.
Đệ-Nhị	
Phó Chủ-tịch	: - Trịnh-Văn-Tuất giáo-sư tại Y-Khoa Đại-học-Đường.
Tổng Thư-ký	: Bác-sĩ Trương-Văn-Quỳnh.
Phó Tổng Thư-ký	: Ông P. Grandjean, Giám-độc Hãng B. G. I.
Tổng Thủ-Quy	: - Michel Roux, Tổng Giám-độc Pháp-Hoa Ngân-Hàng.
Phó Tổng Thủ-Quy	: - Trần-Ngọc-Trình, Thủ-khoán và địa-chủ
Cô-văn	: Ô.Ô. Trần-Đình-Đệ, Bộ-Trưởng Y-Tê Philippe Breant, Giám-độc Trung-tâm Văn-hóa Pháp. Pierre Buttin, Tổng Giám-độc Công-ty Shell.

Bác-sĩ François Fesquet

Bác-sĩ Pierre Sergent

Luật-sư Lê-Thăng,

Ô. Vũ-Ngọc-Trần, giáo-sư tại Dược-khoa

Đại-học-Đường.

Pháp-Văn Đông-Minh-Hội cũng đã bầu tân Ban Quản-trị. Các vị sau đây được cử vào Văn-Phòng:

Chủ-tịch : Ông Đoàn-Quan-Tân

Phó Chủ-tịch : Bà Phang Missao

Ô. J. Camborde

Tổng Thư-ký : - Bremaud

Thủ-Quỹ : - Moreteau

26. SỞ THÔNG-TIN HOA-KỲ TỔ-CHỨC MỘT CHƯƠNG-TRÌNH NHẠC TRONG DỊP HÈ.

Với sự hợp-tác của Hiệp-Hội Phụ-Nữ Hoa-Kỳ, Sở Thông-Tin Hoa-Kỳ sẽ tổ-chức một chương-trình nhạc trong dịp hè cho các sinh-viên đang học âm-nhạc hoặc đặc-biệt quan tâm đến âm-nhạc để giải-trí.

Từ 19-4 đến 28-6-63, mỗi tuần sẽ có một chương-trình nhạc thu-thanh vào chiều thứ Sáu từ 3 đến 4 giờ, và các nhạc-phẩm tuyển lựa sẽ được một hội-viên của Hiệp-Hội Phụ-Nữ Hoa-Kỳ giới-thiệu bằng Anh-ngữ.

Chương-trình này bao- quát từ nhạc thính phòng cổ-diễn đến nhạc phổ thông, sẽ trình diễn tại Thính-phòng Sở Thông-Tin Hoa-Kỳ, số 6 đường Lê-Lợi.

Hai trăm vé vô cửa sẽ phân phát trong ngày thứ Tư 17-4 và thứ Năm 18-4, tại Thư-viện Abraham Lincoln bắt đầu từ 8 giờ sáng. Vé sẽ phát cho người một, tới khi nào hết thì thôi.

27. DARLAC : HỌC-SINH TRƯỜNG TRUNG-HỌC BAN-MÊ-THUỆT TỔ-CHỨC ĐÊM VĂN-NGHỆ LẤY TIỀN GIA TẶNG CÁC PHẦN THƯỞNG VÀO CUỐI NIÊN-HỌC

Học-sinh hai lớp Đệ-nhị và Đệ-tam trường Trung-học Ban-mê-thuật, đêm 8-4 tổ-chức buổi trình-diễn ca vũ-nhạc và chiều bóng rạp Tương-Hiệp, Ban-mê-thuật, đã thu được số tiền 4.000\$ giúp nhà trường có thêm phương-tiện gia-tăng các phần thưởng vào cuối niên-học cho học sinh ưu-tú của nhà trường.

Hưởng-ứng buổi trình-diễn này, ngoài rất đông phụ-huynh học-sinh của nhà trường còn có công-chức và đồng-bào các giới tại thị-xã Ba-mê-thuật. Vé vào cửa đóng hạng 15\$.

Như vậy, ngoài các phần thưởng do các cơ-quan chính-quyền địa-phương và các vị phụ-huynh học-sinh trao tặng, Hiệu-đoàn Trường Trung-Học Ba-mê-thuật cũng đã góp được một phần không nhỏ vào việc khích-lệ các học-sinh xuất-sắc của mình vào kỳ phát thưởng cuối niên-học năm nay.

28. THỪA-THIỆN : HỘI PHẬT-GIAO VIỆT-NAM TẠI TRUNG-PHẦN AN-HÀNH BẢN THÔNG-TIN BẢN NGUYỆT.

Hội Phật-giáo Việt-Nam tại Trung-phần ở Huế vừa cho an-hành một bản thông-tin bản-nguyệt nhằm giúp các đạo-hữu ở Trung-phần hiểu biết những hoạt-động của Hội Phật-giáo Việt-Nam và những tin-tức thời-sự trong và ngoài nước.

Bản thông-tin này, do đạo-hữu Nguyễn-Khắc-Từ, chủ-văn Ban Tổng Trị-sự Hội Phật-giáo Trung-phần phụ-trách biên-soạn. Bản nguyệt thông-tin, mỗi kỳ phát hành 15.000 tờ vào ngày mùng một và ngày rằm Âm-lịch mỗi tháng. Số đầu tiên, đã ra mắt công-chúng ngày rằm tháng 3 âm-lịch (8-4-63), dày 4 trang khổ 50x40.

29. TẠI KHÓA HỘI-THẢO KHẢO-CỨU NÔNG-HỌC : ĐẶT ĐAI CÁC TRUNG-TÂM KHẢO-CỨU, CÔNG-DỤNG CỦA PHÂN BÓN VÀ CÔNG-VIỆC BẢO-VỆ MÙA-MÀNG.

Tại Khóa Hội-thảo Khảo-cứu Nông-học, ba thuyết-trình-viên đã lần-lượt trình-bày về các đề-tài "Đặt đai các trung-tâm khảo-cứu", "tính-chất, công-dụng của phân bón" và "sự quan-trọng của công việc bảo-vệ mùa-màng tại các trung-tâm trên phương-diện khảo cứu".

Trước hết, ông Nguyễn-Hoài-Văn, Kỹ-sư tại Nha Khảo-cứu, trình-bày về đặt-dai các trung-tâm khảo-cứu. Ông Văn cho biết : Hiện nay, đặt đai ở Trung-tâm Khảo-cứu đã được khảo-sát lập bản-đồ.

Trên Cao-Nguyên, Trung-tâm Eakmat đại-diện cho đất Darlac, Trung-tâm Đà-lạt, Bảo-Lộc đại-diện cho đất Cao-nguyên lâm-viên, trung-tâm Hưng-Lộc đại-diện cho đất Cao-nguyên Nam-Phần. Các Trung-tâm Quảng-Ngãi, Tuy-Hòa và Nha-Hồ đại-diện đất duyên-hải Trung-Phần. Các trung-tâm Long-Định, Ba-Xuỳn và Long-Xuỳn theo thứ tự đại-diện đất ruộng do phù-sa hai phụ-lưu Tiên-giang và Hậu-giang của sông Mékong bồi.

Tiếp đó, ông Trương-Đình-Phú, Chánh Sự-Vụ Sở Thổ-Nhưỡng, đã nói về tính-chất công-dụng của phân bón. Ông Phú đã trình-bày về tác-dụng các dưỡng-chất về phương-diện dinh-dưỡng của thảo-mộc, tính-chất và tác-dụng, công-dụng, ưu và khuyết-diểm các loại phân-liên-hệ đến nhu-cầu nông-sản và điều-kiện đất-dai.

Sau cùng, bà Hoàng-Thị-Mỹ, kỹ-sư tại Nha Khảo-cứu, đã nói về sự quan trọng của công việc bảo-vệ mùa-màng tại các Trung-tâm trên phương-diện khảo cứu.

Sau khi trình-bày những yếu-tố làm hại mùa-màng như bệnh-khuẩn, côn-trùng, chim muông, cỏ dại, v.v... thuyết-trình-viên đã đề-cập đến các phương-tiện bảo-vệ mùa-màng bằng các thuốc sát trùng hữu-cơ, bằng các thuốc lấy ở cây cỏ, và bằng lối sinh kháng hoặc nhờ các phương-pháp canh-tác thích nghi.

Tiếp theo, thuyết-trình-viên đã nhắc qua những bệnh thông-thường của cây cối thường gặp ở các Trung-tâm cùng những phương-pháp phòng bệnh và trị bệnh.

30. « ĐÊM ĐIỆN 1963 » ĐÃ THÀNH-CÔNG MỸ-MÃN.

Đề mừng lễ mãn-khóa III trường Cao-Đẳng Điện-Học Phú-Thọ, đã có một dạ-hội đặt tên là « Đêm Điện 1963 » tổ-chức tối 16-4-63 tại Rạp Eden.

Dạ-hội này đặt dưới quyền chủ-tọa của Giáo-Sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục, có rất nhiều nhân-vật Thủ-Đô tham-dự, trong số có các ông Lê-Văn-Thới, Viện-Trưởng Viện Đại-Học Sài-gòn, Đinh-Quang-Chiều, Tổng-Cuộc Trường Điện-Lực Việt-Nam, Lê-Si-Ngọc, Giám-Độc Trung-tâm Quốc-gia Kỹ-thuật Phú-Thọ.

Dạ-hội này có hai phần :

- (1) Phần văn-ngệ do các sinh-viên Trường Cao-Đẳng Điện-Học trình-bày, có các nghệ-sĩ danh tiếng Thủ-đô trợ lực.
- (2) Phần chiếu phim « Opération Geisha ».

« Đêm Điện 1963 » đã thành công mỹ-mãn và một phần tiền thu sẽ dùng để cứu-trợ các nạn-nhân hỏa-hoạn Vinh-Hội.

31. BÁO « GIA-ĐỊNH NGÀY NAY » PHÁT-HÀNH SỐ ĐẶC-BIỆT NHÂN DỊP KỶ-NIỆM ĐỆ NHẤT CHU NIÊN QUỐC-SÁCH ẤP CHIẾN-LƯỢC.

Ty Thông-tin Gia-định đã phát-hành 3.000 số đặc-biệt báo « Gia-Định Ngày Nay » gồm 4 trang khổ lớn, nhân-dịp kỷ-niệm Đệ-Nhất chu-niên Quốc-sách Ấp Chiến-lược.

Số báo đặc-biệt này gồm nhiều bài vở có tánh-cách tổng-kết công-tác xây-dựng ấp chiến-lược của Tỉnh này trong năm qua cùng phản-ảnh những thành-tích về các mặt chính-trị, kinh-tê, xã-hội và quân-sự tại các Ấp chiến-lược đã hoàn-thành.

Được biết, báo « Gia-Định Ngày Nay », số đầu tiên ra mắt đồng-bào trong tỉnh ngày 15-3-62, tính đến nay đã hơn một năm. Báo này mỗi tháng phát-

hành 2 kỳ vào các ngày 1 và 15 dương-lịch, mỗi kỳ 2.000 số, tặng không cho dân-chúng.

32. BỘ QUỐC-PHÒNG KỶ-NIỆM ĐỆ NHẤT CHU-NIÊN QUỐC-SÁCH ẤP CHIẾN-LƯỢC.

Tại Giảng-đường Bộ Quốc-Phòng, hồi 16 giờ ngày 17-4-1963, dưới quyền chủ-tọa của ông Đồng-lý Văn-phòng, đại-diện ông Bộ-Trưởng Phụ-tá Quốc-Phòng, toàn-thể các cấp Quán, Chánh tủng sự tại Khu-vực 63, Gia-Long đã long-trọng tổ-chức ngày đày năm Quốc-sách Ấp Chiến-lược.

Sau phần nghi lễ, Hội-nghị đứng nghiêm nghe ông Đồng-lý Văn-phòng đọc Hiệu-Triệu của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa nhân ngày 17-4, và Tuyên-cáo của Tổng-Thống ban-hành chánh-sách Chiêu-Hối trong toàn-quốc.

Tiếp theo là buổi học-tập đặc-biệt về hoạt-động của Ấp Chiến-lược sau 1 năm được thành-lập. Buổi học-tập đã kết-thúc hồi 17 giờ 15 sau phần thảo-luận rất hào-hú�ng và bổ-ích.

33. 70.151 HỌC-SINH DỰ THI TRUNG-HỌC ĐỆ NHẤT CẤP.

70.151 học-sinh đã ghi tên dự kỳ thi Trung-học Đệ nhất cấp bắt đầu ngày 24-4-1963. Riêng Trung-tâm Sài-gòn — Gia-Định đã có 26.622 thí-sinh. Còn ở các tỉnh Nam-Phần, số thí-sinh là 22.593 người.

Tại Trung-Phần, số thí-sinh lên tới 20.936 người, trong số có 18.946 thí-sinh thuộc các tỉnh Trung-Nguyên và 1.990 thí-sinh thuộc các tỉnh Cao-Nguyên Trung-Phần.

34. KẾT-QUẢ CÁC KỶ THI TẠI MẤY TRƯỜNG ĐẠI-HỌC.

• Dưới đây là các danh-sách các sinh-viên trúng tuyển kỳ-thi lấy Chứng-chỉ Địa-chất-học đại-cương mở ngày 25-3-63 tại Khoa-học Đại-học-đường Sài-gòn : Các cô Nguyễn-Lan-Tú và Trần-Kim-Hạnh (Bình); ông Trần-Tân-Mỹ, cô Nguyễn-thị Ngọc-Lang, Ô. Nguyễn-Tịnh, Lâm-Văn-Hơn (Bình Thứ); ông Trịnh-Thanh-Phác, các cô Nguyễn-thị-Thành, Nguyễn-thị Tuyết-Hoa, Lê-thị Thu-Vân, Hứa-thị Bạch-Loan, ông Huỳnh-Văn-Khánh và cô Trần-thị-Tiếp (Thứ).

• Mười chín sinh-viên có tên sau đây đã trúng tuyển kỳ thi lấy bằng Dược-sĩ Quốc-gia khóa tháng 4 năm 1963 tại trường Đại-học Dược-khoa Sài-gòn : Ông Trần-Hữu-Phước (Bình Thứ);

Các cô Nguyễn-thị Dương-Anh, Nguyễn-thị Thu-Anh, Vũ-thị Mỹ-Châu, Đặng-Ngọc-Diệp, Nguyễn-thị Mỹ-Điệu, Trương-thị Xuân-Dung; các ông Nguyễn-Tiền-Đức, Trần-Đức-Hiệu, Nguyễn-Hồng-Loan, Nguyễn-Bích-Nga, Dương-Quang-Nhàn, Huỳnh-Văn-Nhơn; các cô Võ-Thị-Nhung, Lê-Kim-Quyên, Nguyễn-

thị Cẩm-Vân và các ông Nguyễn-Ôn-Thành, Đặng-Mộng-Thu, Hoàng-Phúc Tuân (Thứ).

• Bảy tân bác-sĩ y-khoa vừa trình luận-án tại Đại-học-đường Sài-gòn.

Sau đây là danh-sách các tân Bác-sĩ y-khoa: Ô.Ô. Nguyễn-Thành-Long, Phạm-Hữu-Hồng và Trần-Duy-Tôn (tôi danh-dự), Ô.Ô. Hồ-Quang-Nguyên, Lê-Thiên-Điện, Dương-Trọng-Thiếu và Trần-Quang-Thuân (hạng danh-dự).

• 6 sinh-viên có tên sau đây trúng tuyển kỳ thi lấy *Chứng-chỉ Pháp-văn* thực-hành tại Văn-khoa Đại-học đường Sài-gòn (Khóa I, 1963):

Ô.Ô. Nguyễn-Phú-Ghi, Văn-Thê-Sang, Nguyễn-Thê-Vinh (Bình-Thứ), Trịnh-Hào, Nguyễn-Văn-Thái và Phạm-Khắc-Thành (Thứ).

17 sinh-viên sau đây trúng tuyển kỳ thi lấy *Chứng-chỉ Lịch-sử Triết-học Đông-phương* (Khóa I, 1963):

Các cô Phan-thị Huỳnh-Cúc, Đào-thị-Lân, Trần-thị-No, Ô.Ô. Nguyễn-Ngọc-Lưu, Võ-Quang-Quan, Đoàn-Văn-Thịnh (Bình Thứ), cô Nguyễn-thị-Lan-Xuân, Ô.Ô. Nguyễn-Trung-Chánh, Huỳnh-Minh-Đức, Lâm-Thạnh-Hương, Đoàn-Văn-Khanh, Nguyễn-Ngọc-Mậu, Võ-Văn-Mậu, Nguyễn-Mon, Bùi-Hồng-Si, Đỗ-Quý-Toàn và Đoàn-Văn-Thinh (Thứ).

• 24 sinh-viên sau đây đã trúng tuyển kỳ thi (khóa I 1963) lấy *Chứng-chỉ Hóa-học đại-cương* tại trường Đại-học Khoa-học Sài-gòn:

Ô.Ô. Cao-Xuân-An, Nguyễn-Trọng-Thị, Lưu-Chân-Thành (Bình thứ), Phạm-Thu, Trần-Quang-Khảo, Nguyễn-Công-Thiện, Huỳnh-Khắc-Hoàng, Phạm-Hữu-Khánh, Chiêm-Kiểm-Chên, Trương-Cao-Phước, Phạm-Huy-Cường, Đặng-Đạt-Dân, Trương-Bá-Trước, Trịnh-Trung-Son, Nguyễn-Võ-Trung, Nguyễn-Thường-Hành, Vinh-Phong, Đinh-Văn-Hiệp, Trịnh-Quốc-Thông, Nguyễn-Sâm, Võ-Ngọc-Tư, Trần-Vân-Hoàng, Dương-Văn-Lưu và Nguyễn-Văn-Ba.

• 7 sinh-viên sau đây trúng tuyển kỳ thi lấy *Chứng-chỉ Lý-Toán đại-cương*: Ô.Ô. Phạm-Xuân-Hòa, Bùi-Văn-Hùng, Quách-Anh-Hòa, Nguyễn-Xuân-Xanh Nguyễn-Hạnh, Trinh-Gia-Khanh và Lê-Ngọc-Minh (Thứ).

• Dưới đây là danh-sách 23 sinh-viên Đại-học Văn-khoa Sài-gòn trúng tuyển kỳ thi lấy *Chứng-chỉ Văn-chương Pháp* (Khóa I 1963):

Cô Lâm-Bích-Nga (Bình), các cô Từ-Thị Quỳnh-Giao, Nguyễn-Phước-thị Ngọc-Lan, Nguyễn-thị-Nhiệm, Trimardeau Mireille, Faure Dominique, Lecossois Suzanne, Ô. Vinh-Đào, Trần-Thanh-Quang (Bình thứ), các cô Chauma Christine, Hoàng-thị-Cúc, Trần Mow Cheung, Keruel Marie Noëlle, Nguyễn-thị Thu-Hương,

Lê-thị Ngọc-Loan, Nguyễn-thị Thanh-Thúy, Huỳnh-Kiều-Yên, Ô.Ô. Hoàng-Vân-Hương, Châu-Vân-Kiểm, Ngô-Văn-Minh, Simon André và Tournarie Christian (Thứ).

• 14 sinh-viên sau đây trúng tuyển kỳ thi lấy *Chứng-chỉ Văn-minh Pháp*: các cô Thái-Ngọc-Nhân Françoise, Thái-Ngọc-Thê Renée, ông Bùi-Thê-Cần (Bình thứ), các cô Đặng-thị Hồng-Anh, Lê-thị-Bích, Nguyễn-Nương Minh-Châu, Bùi-thị Thu-Hương, Ô.Ô. Trần-Mạnh-Hoan, Trần-Cẩm-Huỳnh, Phạm-Ngọc-Kha, Nguyễn-Độc-Khanh, Phan-Lâm-Tùng và Phạm-Huy-Thái (Thứ).

• 56 sinh-viên trong số 469 thí-sinh có tên sau đây trúng tuyển kỳ thi lấy *Chứng-chỉ Toán-Lý-Hóa* tại Khoa-Học Đại-Học-Đường Sài-gòn (khóa tháng 3-1963):

Hạng Bình: Trịnh-Đình-Loạt. *Hạng Bình Thứ*: Hà-Minh-Lý, Phạm-Vân-Hùng, Nguyễn-Duy-Đề, Nguyễn-Trọng-Nhựt, Vũ-Khắc-Thâm, Nguyễn-Ngọc-Trần-Trọng-Quỳnh, Võ-Thanh-Bai, Nguyễn-Văn-Hoè, Trần-Ngọc-Thụ, Lê-Vân-Thơ, Nguyễn-Văn-Dự, Hoàng-Hải-Học, Lê-Văn-Thông. *Hạng Thứ*: Nguyễn-Ngọc-Khánh, Phạm-Công-Xuân, Phạm-Quốc-Vỹ, Trần-Thanh-Tùng, Nguyễn-Mạnh-Tinh, Đặng-Vũ-Thuật, Trần-Minh-Dũng, Trần-Lê-Nhân, Võ-Xảo, Vũ-Đức-Vinh, Đàm-Quang-Chiêu, Nguyễn-Kim-Ba, Trương-Văn-Đầy, Nguyễn-Vân-Thông, Nguyễn-Hải, Phạm-Hữu-Phụng, Nguyễn-Văn-Năm, Đỗ-Văn-Tính, Đào-Vân-Lộc, Mai-Việt-Sanh, Trần-Văn-Trị, Nguyễn-Quang-Trãi, Nguyễn-Quý-Anh, Nguyễn-Hiệp, Nguyễn-Phúc-Thừa, Nguyễn-Minh-Quang, Tạ-Văn-Nghiep, Bùi-Tường-Phong, Phạm-Văn-Tĩnh, Nguyễn-Minh-Sáng, Đặng-Vũ-Thắng, Trần-Thị-Huê, Thân-Trọng-Nguyên, Trần-Long-Thạch, Nguyễn-Thị Kim-Còn, Hứa-Vạn-Lộc, Lê-Hồng-Nghiep, Lê-Trọng-Minh, Võ-Hiếu-Nghia, Nguyễn-Hữu-Minh, Trần-Vương-Quang.

• 38 sinh-viên trong số 190 thí-sinh có tên sau đây đã trúng tuyển kỳ thi lấy *Chứng-chỉ Lý-Hóa Vạn-Vật* (khóa tháng 3-1953).

Hạng Bình: Bùi-thị Minh-Tâm. *Bình Thứ*: Phùng-Thị Nguyệt-Hồng, Đặng Vũ Thị-Quy, Trần-Phước-Đường, Phạm-Vân-Lộc, Lê-Thị-Thảo. *Hạng Thứ*: Bùi-Tử-Tước, Trương-Si-Hân, Nguyễn-Vân-Vân, Tạ-Phi Thành Joseph, Đỗ-Quang-Thọ, Trần-Ngọc-Trym, Lê-Quang-Xáng, Ngô-Huy-Cán, Phạm-Huy-Lâm, Thái-Thị Thu-Nguyệt, Trần-Ngọc-Sách, Lê-Quý-Phước, Chu-Thị Ngọc-Hà, Lê-Vân-Nhi, Trương-Phan Minh-Hương, Phạm-Huy-Kỳ, Hồ-Minh-Si, Nguyễn-Thị-Liên, Phan-Ánh-Tuyết, Châu-Ngọc-Tốt, Nguyễn-Thị Hoàng-Yên, Phạm-

Tuyết - Nhung, Nguyễn-Hữu-Phước, Lý-Tôn Tinh-Hy, Phạm-Thị Chân-Như, Hàng-An, Bùi-Thức-Thúy, Đinh-Quang-Nhân, Nguyễn-Trung-Hiền, Lê-Cán, Trần-Thị Kim-Chi, Nguyễn-Đặng-Tiền.

Về kỳ thi lấy *Chứng-chỉ Sinh-Lý Đại-Cương* khóa tháng 4-1963, 3 sinh-viên trong số 5 sinh-viên có tên sau đây đã trúng tuyển :

Bình Thứ : Bà Phạm-Đặng-Hiệp, Cô Nguyễn-Huỳnh Thị-Liên, Bà Hồ-Thị-Tuyết.

• Các kỳ-thi *tốt-nghiệp* tại Trường Cao-Đẳng Công - Chánh, niên-khoá 1962-1963, đã kết-thức.

Kết-quả, *Ban Kỹ-Sư Công-Chánh* có 10 sinh-viên dân-chính và 4 sinh-viên quân-nhân trúng tuyển thực-thụ. *Ban Kỹ-sư Địa-chính* có 3 sinh-viên tốt-nghiệp. Ngoài ra ban *Cán-sự Công-Chánh* có 24 sinh-viên và ban *Cán-sự Địa-Chánh* có 12 sinh-viên trúng tuyển.

• Theo trường *Đại-Học Văn-Khoa* thuộc *Viện Đại-Học Huế* có 374 sinh-viên đã ghi tên dự các kỳ thi Khóá I năm 1963 do trường này đã mở vào ngày 22-4-1963.

Số sinh-viên nói trên gồm có 174 sinh-viên dự thi lấy *Chứng-chỉ Dự-bị* và 200 sinh-viên dự thi lấy các *Chứng-chỉ cử-nhân* như sau :

Văn-Chương Việt-Nam	: 35	Văn-Hóa Pháp	: 26
Hán-Văn	: 15	Văn-Chương Pháp	: 10
Sử Việt-Nam, Đông-Nam-Á	: 15	Ngữ-Học Pháp	: 13
Ngữ-Học Việt-Nam	: 12	Lịch-sử Triết-Học	: 7
Sử Tây-phương	: 12	Tâm-lý-Học	: 7
Văn-hóa Anh, Mỹ	: 19	Đạo-Đức và xã-hội-học	: 9
Văn-Chương Anh, Mỹ	: 4	Luân-lý và Siêu-hình-học	: 7
Ngữ-Học Anh	: 9		

Người ta được biết, vào kỳ nhập học đầu năm, tổng-số sinh-viên ghi tên theo học tại trường *Đại-học Văn-Khoa* là 845 sinh-viên, trong số có 437 sinh-viên theo học các lớp dự-bị.

36. MẤY BUỔI DIỄN-THUYẾT TẠI SÀI-GÒN VÀ CÁC NƠI KHÁC.

• Hồi 21 giờ ngày 26-3-63, Bác-sĩ Trần-Quang-Diệu, Tổng Quản-Trị Chương-trình Diệt trừ Sốt rét tại Việt-Nam, đã nói chuyện tại giảng-đường Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh về đề-tài *Chiến-dịch Diệt trừ Sốt rét tại Việt-Nam*. Buổi nói chuyện này đặt dưới quyền chủ-tọa của Phó Tổng-Thống Nguyễn-Ngọc-Thơ.

Bác-sĩ Trần-Quang-Diệu đã trình-bày rất rõ-ràng về Chiến-dịch Diệt trừ Sốt rét tại Việt-Nam, và nhấn mạnh tính-cách quan-trọng của bệnh sốt rét trên Thế-giới cũng những nguy-hại mà bệnh đó gây ra.

Sau khi nói về nguyên-nhân bệnh sốt rét do các ký-sinh-trùng sống trong hồng-huyết-cầu của người và được truyền-nhiễm qua người lành mạnh do sự trung-gian của loại muỗi Anophèle cái, Bác-sĩ Trần-Quang-Diệu trình-bày đại-cương sự tiến-triển của ký-sinh-trùng bệnh sốt rét trong bụng muỗi và cách thức truyền bệnh do loài muỗi.

Sau khi trình-bày những giai-đoạn của chiến-dịch từ dự-bị qua thời-kỳ tấn công rồi củng-cố và duy-trì, thuyết-trình-viên nói rõ về những hoạt-động từng ngành của Chương-trình Diệt-trừ Sốt rét như Dịch-học có nhiệm-vụ khảo-sát những kính máu, và công-tác phun thuốc diệt trùng có nhiệm-vụ phun thuốc trong toàn-thê các nhà ở từ phía Bắc Sài-gòn tới vi-tuyền 17.

Đoạn, thuyết-trình-viên so-sánh các hoạt-động chống bệnh sốt rét tại Việt-Nam trước và sau ngày thành-lập Chương-trình Diệt trừ sốt rét : những kết-quả thu-lượm được rất khả-quan. Trước khi có Chiến-dịch, bệnh sốt rét luôn-luôn là một nguy-hại cho xã-hội, vì 20% dân-chúng mắc bệnh này ; đến nay đã giảm xuống và chỉ còn 1,13% trong năm 1962.

Bác-sĩ Trần-Quang-Diệu cũng không quên nhắc tới các trở-ngại mà Chương-trình Diệt trừ Sốt rét đã vấp phải khi thực-hiện Chiến-dịch. Phần thì dân-chúng thiếu hiểu biết nguyên-tắc Diệt trừ Sốt rét hoặc tập-quán, tin-ngưỡng đặc-biệt nên đôi lúc thiếu sự hợp-tác với Chương-trình, phần vì Việt-Cộng luôn-luôn khùng-bỏ, sát hại nhân-viên, phá hủy đồ-đạc dụng-cụ.

Tiếp theo, thuyết-trình-viên trình-bày sự hợp-tác hữu-hiệu của các cơ-quan Y-Tê với Chương-trình Diệt trừ Sốt rét khiến sự kiểm-soát và theo dõi những người mắc bệnh sốt rét được dễ-dàng và do đó Chương-trình Diệt trừ Sốt rét chóng hoàn-thành nhiệm-vụ.

Sau hết, thuyết-trình-viên đã đề-cao công-đức của Tổng-Thống đã cho thành-lập Chương-trình và cũng không quên nhắc tới sự giúp-đỡ của các nước bạn về mặt tài-chính, nhờ đó một ngân-khoản khá quan-trọng đã được sử-dụng để thu-lượm được những kết-quả khả-quan như ngày nay.

• Linh-mục Trần-Hữu-Thanh, thuộc Dòng Cứu-Thê Đà-Lạt, chiếu ngày 25-3-1963, đã nói chuyện về đề-tài *Quan niệm nhân-sinh Ấp Chiến-lược* tại hội-trưởng tỉnh-ly Gia-định.

Mở đầu buổi nói chuyện, Linh-mục Trần-Hữu-Thanh đã đề-cập đến các nền-tảng của Ấp như tình-cảm, tôn-giáo, sinh-hoạt vật-chất cũng như nền-tảng sinh-hoạt tinh-thần.

Diễn-giả cho rằng Ấp là một thực-tại choán một chỗ tối ư quan-trọng trong tư-tưởng, tâm-tình và đời sống vì quan-niệm Ấp đã xây-dựng trên những nền-tảng vững-chắc sâu xa, là những điều-kiện thiết-yếu nhất của đời sống, vì Ấp có những đặc-tính bảo-đảm những quyền lợi tối-thiểu của con người.

Diễn-giả đưa ra nhiều thí-dụ cụ-thể để chứng-minh Ấp là một tổ-chức kinh-tê, tổ-chức xã-hội, tổ-chức chính-trị, tổ-chức tự-vệ và Ấp cũng là một tổ-chức văn-hóa. Theo Linh-mục diễn-giả, Ấp chiến-lược, muốn thành một lý-tưởng cao cả lôi kéo được mọi người, thúc đẩy họ nỗ-lực tự-vệ và tự-tiền, khả-di bảo-đảm được an-ninh, mờ-mang kinh-tê, thắng nạn chậm tiến đưa quốc-dân đến cảnh phú-cường thì phải xây-dựng lý-thuyết Ấp chiến-lược trên những nền-tảng vững-chắc, tổ-chức Ấp chiến-lược thành một xã-hội tự-túc về mọi mặt và nhất là phải cố võ cho Ấp chiến-lược có đủ mọi phương-tiện hoạt-động hữu-hiệu. Đó là xây-dựng lại Ấp theo một kiến-trúc hoàn toàn thích-hợp với hoàn-cảnh nước nhà.

Sau cùng, diễn-giả cho rằng nền-tảng Ấp chiến-lược cần phải xây-dựng vững-chãi, dựa trên chủ-nghĩa Duy-Linh và đường lối Nhân-Vị trong khuôn-khó Quốc-gia và Dân-tộc.

Kết-luận, diễn-giả tin-tưởng ở tương-lai rực-rỡ của Đất Nước nhờ những thành-tích thâu-lượm được bằng Quốc-sách Ấp chiến-lược.

• Chiều 29-3-63, tại Viện Quốc-gia Hành-Chánh, đường Trần-Quốc-Toàn, Sài-gòn, ông Maurice Robin, Thạc-sĩ Luật-khoa, Cò-văn Văn-hóa tại Sứ-quán Pháp, đã diễn-thuyết về đề-tài: *Khỏi Bắc-Phi có thể trở nên Cộng-Sản không?*

Trong số rất đông thính-giả, phần lớn là sinh-viên, người ta nhận thấy có các ông Nguyễn-Lương, Bộ-Trưởng Tài-Chánh; Vũ-Quốc-Thúc, Khoa-Trưởng Luật-khoa; Vũ Quốc-Thông, Viện-Trưởng Viện Quốc-gia Hành-chánh, các Giáo-sư Đại-học, v.v . . .

Theo Giáo-sư Robin, Bắc-Phi không thể trở thành Cộng-Sản được. Giáo-sư cho biết có rất nhiều yếu-tố bất-lợi cho ảnh-hưởng Mác-xít tại đây, ví-dụ như ảnh-hưởng sâu rộng của Hồi-Giáo, sự chống đối Cộng-Sản của những chế-độ chính-trị trong các cơ-cấu lập-hiền và trong hệ-thống các đảng-phái và sự chống đối Cộng-Sản của những lực-lượng chính-trị tại Bắc-Phi, kể cả những nhà lãnh-tụ và các giới lãnh-đạo chính-quyền. Tình-trạng này đem lại kết-quả là các đảng Cộng-Sản trong vùng Bắc-Phi có một thế yếu ai cũng rõ.

Thêm vào những yếu-tố bất-lợi cho ảnh-hưởng Mác-xít kể trên, còn có sự đoàn-kết của Bắc-Phi với Tây-phương trên phương-diện văn-hóa và kinh-tê. Đặc-biệt là trong lãnh- vực kinh-tê, Bắc-Phi hiện đang phát-triển những liên-lạc

thương mại quan-trọng với Tây-phương cũng như Bắc-Phi đang nhận được nhiều viện-trợ lớn-lao của Tây-phương.

• Hội Phụ-huynh Học-sinh Trung-học tỉnh Biên-Hòa, tối 29-3-63, tổ-chức tại hi-viện Biên-Hùng ở tỉnh-lỵ buổi diễn-thuyết về đề-tài *Hướng đi của thanh-niên và học-sinh thời-đại*.

Diễn-giả là Linh-mục Nguyễn-Văn-Vàng, Dòng Chúa Cứu-Thê Sài-gòn. Buổi diễn-thuyết đặt dưới quyền chủ-tọa của Thiệu-Tá Trần-Văn-Dinh, Tỉnh-Trưởng Biên-Hòa, cùng sự hiện-diện rất đông các cấp Dân Quân Chánh và trên 1.200 nam nữ học-sinh của 6 trường Trung-học tỉnh-lỵ.

Diễn-giả chia đề-tài nói chuyện ra hai phần. Trong phần đầu, diễn-giả đã nêu đường lối duy-nhất của thanh-niên học-sinh để tiến tới "thanh-niên rường-cột của nước nhà, tương-lai của đất nước" qua các khía cạnh liên-hệ về tinh-cảm, chí-khí, tôn-giáo, nghĩa-vụ, triết-lý, trí, đức, thể-dục và tác-phong. Diễn-giả còn liệt trần những diêm bất lợi đối với học-sinh cần phải tránh đó là quan-niệm học chỉ để lấy cấp bằng, chép theo sách sẵn có để bài được cao điểm, và nhân-mạnh để lưu-ý các học-sinh về "óc phán-đoán, nhận-định sáng-suốt, suy tư tìm hiểu sáng-kiến mới là yếu-tố quyết-định thành-công".

Phần thứ hai của đề-tài diễn-thuyết, diễn-giả đã đề-cập tỉ-mỉ bốn chữ Công, Dung, Ngôn, Hạnh đối với nữ-sinh. Linh-mục cho rằng: Nữ-sinh là hương hoa của đất nước vì thế phụ-nữ ngày nay phải học, học đến nơi đến chốn để đảm đương mọi việc ngoài xã-hội, và còn phải thông-thạo việc may vá, thêu thùa, bếp núc là thiên-chức nội-trợ của người phụ-nữ. Sau khi đề-cập đến "cái nết đánh chết cái đẹp", Linh-mục diễn-giả hướng-dẫn toàn-thê nữ-sinh cử-tọa nhận định rằng hạnh-kiếm của phụ-nữ là cái "tài sản cuối cùng" của mình và khuyến nhủ tất cả luôn-luôn cố gắng trau-giỏi đức-hạnh vững-chắc trước mọi "phong ba bão táp" của cuộc đời.

Trong phần kết-luận, Linh-mục diễn-giả đã nói: "Đường tiền của thanh-niên học-sinh ngày nay có một tầm quan-hệ đặc-biệt, quan-hệ cho chính bản-thân của mình, gia-đình và cả quê-hương xứ-sở của mình nữa".

• Ngày 31-3-1963, tại thính-đường Trường Quốc-gia Âm-nhạc, nhà văn Hiều-Chân đã nói chuyện về các *Nhân-vật tiểu-thuyết và sự thực lịch-sử trong truyện Trung-Hoa*.

Trước một số rất đông thính-giả là phần đông là thanh-niên và sinh-viên diễn-giả đã đề cập đến tám ảnh-hưởng của tiểu-thuyết Trung-Hoa trong quần-chúng Việt-Nam. Trưng-dẫn nhiều câu ca-dao và tác-phẩm, diễn-giả nói rằng ảnh-hưởng này từ xưa rất mạnh.

Hiện nay, những cuốn tiểu-thuyết Trung-Hoa phổ-thông nhất ở Việt-Nam là *Tam-Quốc-Chí*, *Thủy-Hử*, *Tây-Du* nhờ có nhiều bản dịch ra Việt-ngữ. Còn một số khác, giá-trị được các phê-bình-gia công-nhận, chưa được phổ-thông là *Kim-Bình-Mai* và *Nho-Lâm Ngoại-Sử*. Nhất là tác-phẩm sau này, theo lời diễn-giã, có một không hai trong lịch-sử văn-học Trung-Quốc.

Bằng một giọng dí-dỏm, nhà văn Hiều-Chân đã kể lại những mẫu đời của các nhân-vật chính trong các truyện nói trên, đồng thời so-sánh với thực-tế của lịch-sử Trung-Quốc dựa theo những tài-liệu Trung-Hoa mà diễn-giã đã dày công sưu-tập.

• Ông Charles L. Eberhardt từng-sự tại Sở Thông-Tin Hoa - Kỳ tại Sài-gòn hiện đang viếng thăm Huế, tối 29-3-63, đã diễn-thuyết đề-tài *Phong-trào Tây tiến và đặc-tính dân-tộc Mỹ*. Buổi diễn-thuyết này do Hội Việt-Mỹ tại Huế tổ-chức tại thính-đường của Hội ở số 8 đường Lý-Thường-Kiệt, Huế.

Tham-dự buổi diễn-thuyết này, người ta thấy có ông Đồng-Lý Văn-Phông Tòa Đại-Biểu Chánh-Phủ tại Trung-Nguyên Trung-Phần, ông Phó Tỉnh-Trưởng Thừa-Thiên, nhiều nhân-vật Việt-Nam và ngoai-quốc cùng rất đông công-chức và sinh-viên địa-phương.

• Tối thứ Bảy 30-3-1963, ông Cao Hoài-Hà, Giáo-sư Toán, đã diễn-thuyết trước một số rất đông thính-giã về *Cổ-nhạc Nam-Phần* tại trụ-sở Pháp-Văn Đông-Minh-Hội.

Trước hết, diễn-giã vạch rõ rằng Nam-Phần đây là chỉ miền từ Huế đến Cà-Mau. Đoàn ông trình bày qua lịch-sử cổ-nhạc, chia ra làm 4 thời: thời-kỳ mở đầu từ lúc khởi-thủy đến khoảng thế-kỷ thứ X, đến thời-kỳ chịu ảnh-hưởng Ấn-Độ, rồi ảnh-hưởng Chăm và sau hết là thời-kỳ "dân-chủ-hóa".

Diễn-giã cho biết là vì thời-kỳ thứ nhất, người ta thiếu tài-liệu rõ rệt để xác-định và chỉ được biết các nhạc-khí của thời này nhờ các cuộc đào tìm khảo-cổ. Sau thời chiến-tranh Trịnh-Nguyễn, ảnh-hưởng Chăm xâm-nhập cổ-nhạc Nam-Phần rõ-rệt hơn là ở Bắc-Phần.

Kể đó, ông Cao-Hoài-Hà nói đến thời-kỳ "dân-chủ-hóa", từ thế-kỷ XIX đến lúc trước hồi Đệ-nhị Thê-chiến và phân-tách âm-nhạc thính phòng, ông cho biết là cổ-nhạc Nam-Phần xuất-xứ từ nhạc Huế.

Dưới thời nhà Nguyễn, người ta thấy có hai loại: nhạc văn và nhạc võ và các nhạc-khí như đờn cò, đờn thập lục, đờn nguyệt hay đờn kim và các loại sáo, tiêu.

Diễn-giã giải-thích kỹ về nhạc-điệu Việt-Nam và những nguyên-tắc sáng-tác nhạc với các âm-điệu Hồ, Xự, Xàng, Xê, Cồng, tương-đương với các âm-

điệu Tây-phương là Do, Re, Mi, Fa, Sol. Theo cổ-nhạc, Hồ, Xự, Xàng, Xê, Cồng lại còn tương-đương với ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Sau đó, diễn-giã phân chia các bản cổ-nhạc ra các loại điệu và đề trưng-dẫn để cho quay lại những băng nhựa ghi âm từ trước.

Tất cả các bản diễn-giã dẫn-chứng đều do một ban cổ-nhạc trình-bày cho thính-giã nghe. Ban nhạc này gồm có các giáo-viên của Trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-ngệ và các bản ca do các cô Hồ-Thị-Bửu tức cô Mười Ba và Hồ-Thị Tuyết-Lan trình-bày.

Trong buổi nói chuyện này, các giáo-viên và học-viên của Trường Quốc gia Âm-nhạc còn cử bản Tứ-Đại-Oán và Văn-Thiên-Tường, được cử-tọa hoan-giêng nhiệt-liệt.

• Sáng 7-4-63, tại Trường Quốc-gia Âm-nhạc, ông Trần-Tân-Quốc, ký-giã, Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút nhật-báo *Tiếng-Dội Miền-Nam*, đã nói chuyện *Tại sao tôi thành nhà báo?*

Buổi nói chuyện này do Tỉnh-Việt Văn-Đoàn và tuần-báo Văn-Đàn tổ-chức trong khuôn-khố các cuộc nói chuyện "Đi tìm một chi-hướng" và đặt dưới quyền chủ-tọa của ông Ngô-Trọng-Hiêu, Bộ-Trưởng Công-Dân-Vụ. Đề-đề buổi nói chuyện này, người ta còn thấy ông Trương-Vinh-Lễ, Chủ-tịch Quốc-Hội, ông Nguyễn-Điêu, Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Công-Dân-Vụ, và rất đông ký-giã, nam nữ thanh-niên.

Sau khi đã được ông Phạm-Đình-Tân, Đoàn-trưởng Tỉnh-Việt Văn-Đoàn và Chủ-nhiệm Tuần-san Văn-Đàn giới-thiệu, ông Trần-Tân-Quốc cho biết đã ham thích nghề làm báo từ thuở thiếu thời. Ông nói có một hôm, trường ông được đón tiếp ông Diệp-Văn-Kỳ, một nhà viết báo kỳ cựu của Nam-Phần lúc bấy giờ đã từng bênh-vực cho nhà cách-mạng Nguyễn-An-Ninh, ông "mến phục vô-cùng và ước mong được thành Chủ-bút như ông Diệp-Văn-Kỳ".

Lúc đó, diễn-giã cho biết thêm, ông muốn làm báo để "viết cái gì lợi cho đồng-bào". Tiếp theo bằng một giọng dí-dỏm, ông đã kể lại cuộc đời thăng-trầm từ khi bước chân vào nghề (vớ thiển phóng-sự về bọn móc túi Sài-gòn) và được làm báo "Việt-Nam" với ông Nguyễn-Phan-Long (năm 1936) và cuộc đời 27 năm tiếp theo trong nghề của ông dưới 6 chế độ chính-trị của quốc-gia chậm-tiến.

Ông cho biết từ một phóng-viên nhật tin địa-phương, nhưng ông đã cố-gắng học hỏi với những bậc lão-thành cũng như tự học bằng cách tìm hiểu và viết bài về mọi lãnh-vực, theo học lớp hàm-thụ bên Pháp, dần-dần ông đã tiên-bộ và được giữ những chức-vụ quan-trọng trong các tờ báo.

Trong lúc nói chuyện, ông đồng-ý rằng làng báo không có cửa, nhưng nêu vào đề, « ở lại mới khó », vì người viết báo dù ở đâu, cũng phải có khả-năng, có tâm-hồn, có lý-tưởng và hãnh-diện vì lý-tưởng đó « không vì lý-tưởng mà vì sinh-kê, thì đừng vào làng báo ».

Buổi nói chuyện chấm dứt hồi 11 giờ 15.

• Chiều 9-4-1963, trong một bữa tiệc do Hội Việt-Đức Thân-Hữu khoản đãi tại Nhà hàng Continental, ông Trương-Vinh-Lễ, Chủ-Tịch Quốc-Hội, đã nói chuyện về cuộc viếng thăm Cộng-Hòa Liên-Bang Đức của ông hồi tháng 3 vừa qua.

Tham-dự buổi họp mặt này có rất đông nhân-vật Thủ-đô, trong số người ta nhận thấy có các vị Bộ-Trưởng và các Trưởng-nhiệm-sở ngoại-giao-đoàn, các ông Trần-Ngọc-Liên, Tổng-Ủy Hợp-Tác-Xã và Nông-Tín và là Chủ-Tịch Hội Việt-Đức Thân-Hữu, Nam-Tước Von Wendland, Đại-sứ Cộng-Hòa Liên-Bang Đức tại Việt-Nam, hội-viên danh-dự của Hội, các vị Dân-Biểu, các giới Đại-học và nhiều công-chức cao-cấp.

Sau khi nghe lời cảm tạ ông Chủ-Tịch Hội Việt-Đức Thân-Hữu đã tạo cho ông một cơ-hội để nói chuyện về cuộc viếng thăm của ông tại Đức-Quốc, ông Trương-Vinh-Lễ đã trình-bày một cách đầy-đủ chi-tiết về cuộc viếng thăm ấy, một cuộc viếng thăm đã xác-nhận mối thân-hữu giữa hai dân-tộc Việt, Đức.

Ông Trương-Vinh-Lễ đã nói nhiều về sự phát-triển kinh-tê và công cuộc chống Cộng tại Cộng-Hòa Liên-Bang-Đức. Ông nói : « Thời-gian lưu-trú tại Đức đã cho tôi thấy mặc dầu Đức-Quốc và Việt-Nam có nhiều sự khác nhau, nhưng cũng có một vài điểm rất giống nhau. Sự khác biệt quan-trọng giữa hai nước là về tình-hình kinh-tê, còn sự giống nhau nằm trong vấn-đề chiến-đấu chống Cộng-sản.

Sau khi nhắc tới sự thất-bại của Cộng-sản trong âm-mưu phá-hoại và tuyên-truyền bịp bợm tại Cộng-Hòa Liên-Bang-Đức, ông Trương-Vinh-Lễ kết-luận : « Từ Hambourg tới Munich, từ Stuttgart tới Bá-Linh và Bonn, đầu đầu tôi cũng thấy rằng nhân-dân Đức đã thông-cảm và hoàn-toàn ủng-hộ cuộc chiến-đấu cho chính-nghĩa của nhân-dân Việt-Nam. Chính-quyền Đức cũng bày-tò lòng thành thực muốn giúp-đỡ Việt-Nam một cách thiết-thực và hữu-hiệu trong cuộc chiến-đấu chống phá-hoại và kém mớ-mang. Tôi cũng đã phúc-trình lên Chính-Phủ những bằng-chứng về tình thân-thiện của Chính-Phủ và nhân-dân Đức. Tôi tin rằng, cả hai bên, chúng ta sẽ tìm thấy những phương-tiện hợp-tác hữu-hiệu để giúp Việt-Nam chiến-thắng những sự khó-khăn do hai kẻ thù là Cộng-sản quốc-tê và nạn chậm tiến gây nên ».

36. MẤY CUỘC TRIỂN-LÂM TẠI SÀI-GÒN VÀ HUẾ.

• Chiều thứ Tư 20-3-1963, cuộc triển-lâm họa-phẩm của Bà Lucienne Passelon đã khai-mạc tại phòng Thông-Tin Đô-Thành, dưới sự chủ-tọa của Bà Caubet, Giám-Độc Trường Trung-Học Marie Curie và trước sự hiện-diện của một số đông quan-khách.

Nữ Họa-sĩ Lucienne Passelon trưng-bày khoảng 58 bức họa dưới bút-hiệu Mig, gồm đủ các loại : phong cảnh tại Pháp và Việt-Nam, hoạt-cảnh địa-phương, chùa-chiến, hoa và chân-dung.

Trong số những bức họa được nhiều người chú-ý nhất có các bức « Le Hameau », « La Cabane », « Le Repiquage », « Pagode de l'Empereur de Jade », « Jorques de Pêche » v.v..

Cuộc triển-lâm họa-phẩm của Bà Lucienne Passelon mở cửa cho tới hết ngày 28-3-63.

• Phòng tranh của họa-sĩ Thuận-Hồ khai-mạc vào hồi 10 giờ sáng ngày 29-3-63 tại Phòng Triển-lâm Đô-Thành.

Họa-sĩ Thuận-Hồ sẽ trưng-bày 94 bức họa, gồm đủ loại sơn dầu, bột màu, chì, với các đề-tài phong cảnh, chân-dung và tĩnh-vật. Họa-sĩ Thuận-Hồ, đầu thủ-khoa trường Cao-dẳng Mỹ-thuật Sài-gòn năm 1961, đã từng đoạt giải nhất trong các cuộc triển-lâm tranh do Pháp-Văn Đông-Minh-Hội tổ-chức năm 1955 và do hãng Esso tổ-chức năm 1960-61. Ông cũng đã tham-dự các cuộc triển-lâm quốc-tê ở Nhật (1947), La-Mã (1950) và Hoa-Kỳ (1960). Cuộc triển-lâm tranh của họa-sĩ Thuận-Hồ mở cho tới hết ngày 4-4 63.

• Ông Nguyễn-Văn-Toán, Phụ-tá Đại-biểu Chánh-phủ tại Trung-nguyên Trung-phần, sáng ngày 1-4-63, đã lên cát bâng khai-mạc phòng triển-lâm tranh vẽ của học-sinh các trường trung-tiểu-học toàn-Quốc tại phòng đọc sách Chi Thông-tin Thành-phố Huế. Tại phòng triển-lâm, người ta thấy có ngót 200 bức tranh màu đủ cỡ vẽ trên giấy bia do học-sinh các trường Trung và Tiểu-học trong toàn quốc tự-do sáng-tác. Các tranh này tuyển lựa trong số những bức đã đoạt giải thưởng cao nhất trong kỳ triển-lâm tranh vẽ học-sinh tổ-chức tại Thủ-đô Sài-gòn hôm 15-2-63.

Người xem tranh đã chú-ý nhất đến các bức tranh đề-tài : « Một ập chiến-lược trong dịp Tết Nguyên-Đán » của học sinh Lê-Quang-Nghĩa, trường Pétrus-Ký, đoạt giải danh-dự của ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục và bức « Xuân trong gia đình » của học-sinh Chung-Thị Hương-Thủy trường Trung học Gia-Long sáng-tác.

Hiện-diện trong buổi lễ khai-mạc phòng triển-lãm, có ông Tôn-Thất-Tát, đại-diện Bộ Quốc-gia Giáo-dục tại Trung-phần, ông Giám-Độc Trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Huế, rất đồng thân-hào, nhân-sĩ, phụ-huynh học-sinh, và đại-diện các cơ-quan, đoàn-thể, đồng-bào địa-phương.

Cuộc triển-lãm này tiếp diễn trong 1 tuần lễ để công-chúng tự-do vào xem,

- Tổng-đoàn Công-kỹ-nghệ đã quyết-định tham-gia cuộc triển-lãm do Bộ Y-Tê tổ-chức tại vườn Tao-Đàn nhân ngày Y-Tê Quốc-tê (7-4-1963).

Tổng-đoàn trưng-bày tại 4 gian hàng các thực-phẩm sản-xuất trong nước, đồ hộp, bánh kẹo, các nước chầm, nướn mắ, các nước giải-khát, sữa bột...

Triển-lãm này khai-mạc ngày 6-4-63 và mở cửa đền ngày 10-4-63.

- Họa-sĩ Trần-Văn-Tho và ái-nữ là cô Kim-Mỹ-Yên, trưng bày các họa-phẩm bắt đầu từ ngày 19 tháng 4 đến 4 tháng năm 5 tại phòng khách lớn của Hội Việt-Mỹ, 55 Mạc-Đĩnh-Chi, Sài-gòn.

Họa-sĩ Trần-Văn-Tho tốt-nghiệp trường Mỹ-Thuật Hà-Nội năm 1937. Họa-sĩ chuyên vẽ tranh lụa. Cô Kim-Mỹ-Yên, hiện là sinh-viên trường Mỹ-thuật Sài-gòn, chuyên vẽ loại tranh sơn dầu.

- Ông Nguyễn-Sao, giáo-sư tại Trường Quốc-Gia Cao-Đẳng Mỹ-thuật Gia-Định, triển-lãm họa-phẩm mới tại Pháp-Văn Đông-Minh-Hội, số 135 Đại-lộ Nguyễn-Huê, kể từ 5 4 đền 14-4-63. Giáo-sư Nguyễn-Sao trình-bày 20 tranh dầu, 10 tranh vẽ phàn và 10 tranh sơn mài; đề-tài là phong cảnh, bộ-cục nhân-vật, tĩnh-vật, hoa, thú-vật và cả những đề-tài tôn-giáo, triết-lý và xã-hội. Ông Nguyễn-Sao đã tốt-nghiệp hai trường Quốc-gia Cao-đẳng Mỹ-thuật và Trang-trí Mỹ-thuật Ba-Lê, đã nhiều lần triển-lãm đơn độc, dự nhiều cuộc triển-lãm trong nước và ngoại-quốc.

- Họa-sĩ Lương-Văn-Tý trưng-bầy chừng 70 bức tranh sơn dầu tại Phòng Thông-Tin Đô-Thành, từ ngày mùng 7 đến ngày 15 tháng 4 năm 1963.

Đề-tài những tranh của họa-sĩ Lương-Văn-Tý gồm có phong cảnh, châu-dung và các sinh-hoạt của dân-chúng. Lương-Văn-Tý là một họa-sĩ trẻ tuổi mới nổi bật tên tuổi trong hai năm nay. Ông đã chiếm luôn hai huy-chương đồng trong các cuộc Triển-lãm Mùa Xuân 1962 và 1963. Trong cuộc Triển-lãm Quốc-tê năm ngoái, ông cũng đã đoạt được một giải thưởng.

- Họa-sĩ kiêm trang-trí-gia Lâm-Kỳ-Sơn trưng-bày họa-phẩm tại Phòng Triển-lãm Đô-Thành, từ 22 đến 30 tháng Tư năm 1963.

Tốt-nghiệp Trường Cao-đẳng Mỹ-nghệ Trang-trí Ba-Lê, ông Lâm-Kỳ-Sơn trưng-bày 60 bức tranh sơn dầu, phàn màu và mực màu. Đặc-biệt về loại tranh vẽ với mực màu (thứ đựng trong ve chai nhỏ có gắn đầu bút bằng ni ở nút ve), họa-sĩ thực-hiện bằng những đường nét nhanh-nhẹn và vững-vàng, diễn-tả đời sống trong sung-túc dưới chế-độ tự-do ở Miền Nam Việt-Nam, những cảnh chùa-chiến, và chợ bán hoa, v. v. ...

Cuộc Triển-lãm này khai-mạc vào ngày thứ Hai, 22-4-1963 hồi 10 giờ.

B. TIN TỨC NGOÀI NƯỚC

1. ÔNG TỔNG GIÁM-ĐỐC KẾ-HOẠCH VIỆT-NAM ĐƯỢC BẦU VÀO HỘI-ĐỒNG QUẢN-TRỊ VIỆN PHÁT-TRIỂN KINH-TẾ Á-CHÂU.

Ông Huỳnh-Văn-Điêm, Trưởng phái-đoàn Việt-Nam tại khóa họp thứ 19 của Viện-Đông Kinh-Ủy-Hội (ECAFE) hiện nhóm tại Manille, vừa được bầu vào Hội-đồng Quản-trị Viện Phát-triển Kinh-tê Á-châu.

Người ta được biết ông Huỳnh-Văn-Điêm đã thắng cử trong lần bỏ phiếu thứ 2 cùng với đại-diện Tân-Gia-Ba. Lần bỏ phiếu thứ nhất có 5 đại-diện được chọn là Ấn-Độ, Idonesia, Iran, Nhật-Bôn và Phi-Luật-Tân.

Khóa họp thứ 19 của Viện-Đông Kinh-Ủy-Hội (ECAFE) khai mạc ngày 5-3-63 tiếp diễn cho tới hết ngày 18-3-63.

2. VIỆT-NAM THAM DỰ HỘI-THẢO VỀ NGHIÊN-CỨU ĐỐI-CHIẾU CÁC HIỆN-PHÁP VÀ TỔ-CHỨC HÀNH-CHÁNH TẠI CÁC TÂN QUỐC-GIA Ở PALERME (Ý).

Ông Trần-Văn-Minh, Tổng Thư-ký Phái-đoàn thường-trực của Việt-Nam cạnh Tổ-chức Văn-hóa Quốc-tê (UNESCO) ở Ba-Lê tham-dự với tư-cách thuyết-trình-viên khóa Hội-thảo về nghiên-cứu đối-chiếu các Hiện-pháp và tổ-chức Hành-chánh tại các tân quốc-gia. Khóa Hội-thảo này họp ở Palerme (Sicile — Ý), từ ngày 7 đến 10-4-63.

Ông Trần-Văn-Minh tham-dự khóa Hội-thảo này theo lời mời của Viện Quốc-tê Nghiên-cứu các nền văn-minh bị-diệt.

3 VIỆT-NAM THAM-DỰ KHÓA HỌP THƯỜNG-NIÊN CỦA ỦY-BAN VIỆN-TRỢ KỸ-THUẬT THUỘC CƠ-QUAN QUỐC-TẾ NGUYÊN-TỬ-NĂNG.

Ủy-Ban Viện-trợ Kỹ-thuật của Cơ-quan Quốc-tê Nguyên-tử-năng đã họp khóa đầu tiên trong năm 1963 trong 3 ngày, từ 25 đến 27-3-63 tại Vienne, thủ-đô Áo-Quốc.

Ông Hà-Vinh-Phuong, Đại-lý Đại-sứ Việt-Nam tại Cộng-Hòa Liên-Bang Đức, đã đại-diện Việt-Nam trong khóa họp này. Ông Hà-Vinh-Phuong là hội-viên dự-khuyết tại Hội-đồng Thông-độc thay thế Giáo-sư Bửu-Hội. Chương-trình nghị-sự gồm có việc cứu xét thủ-tục cấp phát học-bổng và viện-trợ kỹ-thuật trong chương-trình dài hạn của Cơ-quan.

Về vấn-đề cấp phát học-bổng, ông Hà-Vinh-Phuong đã nhận-xét rằng tỷ-lệ học-bổng cấp phát cho những vùng đang mở-mang không phù-hợp với nhu-của các cùng ấy về phương-diện sử-dụng nguyên-tử năng vào các mục-tiêu hòa-bình. Đại-biểu Việt-Nam yêu cầu trong tương-lai Hội-nghị cần xét lại việc phân-chia tỷ-lệ học-bổng tại các quốc-gia hội-viên, sao cho được công-bằng hơn. Hiện-thời đang có sự chênh-lệch trong tỷ-lệ ấy và các quốc-gia đang mở-mang phải chịu thiệt.

Đại-biểu Việt-Nam tại Hội-nghị Vienne cũng đã bày tỏ sự mong muốn sẽ có một thủ-tục phối-hợp giữa Cơ-quan Quốc-tê Nguyên-tử-năng với những chương-trình riêng của các quốc-gia hội-viên, để các học-bổng cấp phát được thích-hợp với nhu-cầu của các quốc-gia ấy đặc-biệt là những quốc-gia trong những khu-vực đang mở mang ở Á-Châu, Phi-Châu và Mỹ-Châu La-Tinh.

4. NGOẠI-TRƯỞNG VŨ-VĂN-MẪU ĐÃ ĐI VIENNE THAM-DỰ HỘI-NHỊ QUỐC-TẾ VỀ GIAO-DỊCH LÃNH-SỰ.

Từ 8-4-1963, Ngoại-Trưởng Vũ-Văn-Mẫu đã rời Sài-gòn đi Vienne, hướng dẫn phái-đoàn Việt-Nam tham-dự Hội-nghị Quốc-tê cấp toàn-quyền đặc-sứ về giao-dịch lãnh-sự.

Phái-đoàn Việt-Nam gồm các ông Nguyễn-Quốc-Định, Trưởng Phái-đoàn dự-khuyết, Hoàng-Xuân-Khôi, Giám-độc Nha Hành-chính, Văn-hóa, Pháp-lý và Lãnh-sự Bộ Ngoại-giao, Tôn-Thất-An, Đệ-nhất Tham-vụ Sứ-quán Việt-Nam tại Ba-Lê, đã tham-dự Hội-nghị này nhóm họp từ ngày 4-3 tại Vienne.

Ngoại-Trưởng Vũ-Văn-Mẫu hướng-dẫn phái-đoàn nói trên khi tới Vienne để tham-dự Hội-nghị tiếp-tục nhóm họp tới 19-4-63.

5. BẢY SINH-VIÊN VIỆT-NAM ĐƯỢC HƯỞNG HỌC-BỔNG CỦA CHÍNH-PHỦ NHẬT.

7 sinh-viên Việt-Nam trong số 8 người được Chính-phủ Nhật-Bản cấp học-bổng niên-khóa 1963 đã rời Sài-gòn đi Đông-Kinh ngày 10-4-63 trên chuyến phi-cơ thường-lệ của hãng Hàng-không Pháp.

Các sinh-viên đó là: Cô Lê-Thị-Hàn, Ô. Nguyễn-Ngọc-Quan, Quan-Phúc-Canh, Lai-Văn-Khiết, Vinh-Sinh, Lê-Văn-Phong và Lê-Văn-Tước. Những sinh-viên này đều được học-bổng 5 năm, theo học tại các trường Đại-học Nhật về các môn như Kinh-tê-học, Thương-mại, Canh-nông, Ngư-nghiệp Hàng-Hải. Sinh-viên thứ 8 được hưởng học-bổng của Chính-phủ Nhật là ông Nguyễn-Văn-Chuyên, theo học về Canh-Nông, sẽ khởi-hành đi Nhật nay mai để kịp ngày cùng các bạn tựu trường.

6. NGƯỜI BAHAI' Ở VIỆT-NAM THAM-DỰ HỘI-NHỊ THẾ-GIỚI BAHAI' TẠI LUÂN-ĐÓN.

3 người Baha'i Việt-Nam và 6 người Baha'i ngoại-quốc rời Sài-gòn ngày 13-4-1963 để tham-dự Hội-nghị thế-giới Baha'i nhóm họp tại điện Royal Albert ở Luân-Đôn từ 28-4 đến 2-5-1963. Năm mươi quốc-gia và lãnh-thổ cử đại-diện dự Hội-nghị, trong số có độ 1.000 đại-diện Mỹ, 430 Đức, 170 Gia-Nã-Đại, 120 Bắc Phi-Châu, 111 Úc-Đại-Lợi và 75 Ấn-Độ. Những đại-diện khác sẽ từ các vùng khác như Scandinavia; Ethiopia, Paragnay và Á-Rập đến.

Các đại-biểu tham-dự hội-nghị sẽ đại-diện cho đủ ngành: Luật-sư, Giáo-sư, Nông-dân, Thương-gia, Bác-học, Nội-trợ, Kỹ-thuật-gia, Thư-ký, bán da thú và Kỹ-sư.

7. PHÁI-ĐOÀN DAN-BIỂU QUỐC-HỘI THAM-DỰ KHÓA HỌP MÙA XUÂN CỦA LIÊN-HIỆP QUỐC-TẾ NGHỊ-SĨ TẠI THỤY-SÍ.

Chiều 11-4-1963, Ông Cao-Văn-Tường Đệ-Nhất Phó Chủ-tịch Quốc-Hội và Ông Nguyễn-Phương-Thiệp, Chủ-tịch Ủy-Ban Nội-quy Quốc-Hội đã lên đường đi Lausanne (Thụy-Si) để tham-dự khóa họp Mùa Xuân của Liên-Hiệp Quốc-tê Nghị-sĩ, nhóm họp từ 15 đến 21-4-1963.

Khóa họp Mùa Xuân của Liên-Hiệp Quốc-Tê Nghị-Sĩ qui-tụ Ban Chấp-Hành và các Ủy-Ban thường-trực của tổ-chức quốc-tê này để chuẩn-bị Hội-nghị Khoáng-đại của LHQTNS tại Belgrade vào khoảng cuối tháng 9 năm nay.

Ông Chủ-tịch Quốc-Hội Trương-Vinh-Lê, Ông Đệ-Nhị Phó Chủ-tịch Cố-Văn-Hai và nhiều vị dân-biểu đã ra phi-trường tiễn đưa phái-đoàn đi Lausanne.

Ông Nguyễn-Phương-Thiệp là một trong 9 nhân-viên Ban Chấp-hành và đồng thời là Phó Chủ-tịch Ủy-Ban Chính-trị Liên-Hiệp Quốc-Tê Nghị-Si, một tổ-chức có chừng 60 nước tham-gia.

8. VIỆT-NAM THAM-DỰ ĐẠI-HỘI KỶ THỨ 4 CỦA HIỆP-HỘI CÁC TRƯỜNG CAO-ĐẲNG ĐÔNG-NAM-Á VÀ KHÓA HỘI-THẢO VỀ MỸ-THUẬT TẠI IN-ĐO-NÊ-SI-A.

Hôm 13-4-1963, ông Lê-Văn-Lâm, Giám-Độc Mỹ-Thuật Học-Vụ, rời Sài-gòn đi In-đô-nê-xi-a tham-dự hai cuộc Hội-nghị về các ngành Đại-học và Mỹ-thuật nhóm họp từ ngày 14 đến ngày 23 tháng 4 năm 1963.

Cuộc Hội-nghị đầu tiên là Đại-hội kỷ thứ 4 của Hiệp-hội các Trường Cao-đẳng và Đại-học Đông-Nam-Á họp tại Bandung, còn Hội-nghị thứ hai là Khóa Hội-thảo về Mỹ-thuật họp tại Bali.

9. TRIỂN-LÂM VỀ CÁC ẤP CHIẾN-LƯỢC Ở VIỆT-NAM TẠI RABAT.

Nhân dịp kỷ-niệm đệ-nhất chu-niên Quốc-sách Ấp Chiên-lược, Sứ-quán Việt-Nam tại Rabat đã tổ-chức ngày 17-4-63 tại phòng Khánh-tiết của Sứ-quán, một cuộc triển-lãm hình ảnh các ấp chiến-lược vạch rõ những nỗ-lực của chính-phủ về việc thiết-lập các ấp chiến-lược trong toàn-quốc.

Nhân dịp này, Sở Báo-chí của Sứ-quán cũng xuất-bản một cuốn sách không những nói về phương-diện quân-sự của Ấp Chiên-lược mà còn nói về tính-chất ứng-dụng của một cuộc cách-mạng chính-trị và xã-hội, nền-tảng vững chắc của sự tiên-bộ kinh-tê.

TIN SÁCH BÁO MỚI NHẬN

Văn-Hóa Nguyệt-San đã nhận được sách báo mới sau đây của tác-giả hoặc của các nhà xuất-bản có nhã-y gửi tặng. Xin thành-thực cảm ơn và ân-cần giới-thiệu với bạn đọc thân mến :

CHÂN-DUNG BÌNH-ĐỊNH, Tập I. Trần-Nhâm-Thân biên soạn. Tác-giả xuất-bản, Qui-Nhon, 1963, 42 trang, giá 15\$.

Tập này là tập đầu trong cuốn *Non nước Bình-Định* do giáo-sư Trần-Nhâm-Thân biên-khảo về tình Bình-Định qua lịch-sử, cổ-tích, thắng-cảnh, nhân-vật và thi-ca. Trong tập này nói trên, soạn-giả lược-khảo khá đầy-đủ về tiểu-sử, cùng thơ vịnh, lãng-miêu về hai vị danh-thần triều Nguyễn, tức Võ-Tánh và Ngô-Tùng-Châu.

PHÁP CỬ KINH (Anh-Hán đối-chiếu hòa-dịch), do nhà học-giả Nhật Thường-Bàn Đại-Định biên-soạn, do Ô. Trần-Tuân-Khải phiên-dịch và Ô. Nguyễn-Khắc-Kham hiệu-dính. Ấn-hành trong khuôn-khố chương-trình hợp-tác của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục và Phái-Bộ Viện-trợ Hoa-Kỳ tại Việt-Nam. Sài-gòn, 1962. 294 trang, giá 90\$.

Quyển sách này là bản dịch kinh Dhammapada ra quốc-văn gồm có 26 Thiên (hay Phẩm), trong có 423 bài kệ (hay tụng), mỗi bài gồm, 4, 6 hay 8 câu. Dịch-giả cố công dịch đúng nguyên-văn, kể cả số chữ trong từng câu, có đủ vần điệu để cho dễ ghi nhớ. Ngoài ra, trong mỗi bài kệ, dịch-giả lại giải-thích rõ-ràng để giúp độc-giả hiểu thêm những ý-nghĩa sâu-sắc trong kinh-văn. Mục-dích của dịch-giả khi dịch bản Kinh này không ngoài ý-nguyên là giới-thiệu với các bạn học-sinh bậc Trung-học đệ-nhi-cấp tìm hiểu yêu-nghĩa của một bộ sách triết-lý cao-siêu, mà gần đây được Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục cho liệt vào chương-trình văn-đáp trong các kỳ thi Tú-Tài phần II về ban Văn-Chương.

SPEAK VIETNAMESE, Giáo-Sư Nguyễn-Đình-Hòa (B.A., M.A., Ph.D.) trường Văn-Khoa Đại-Học Sài-gòn biên-soạn. Tái-bản lần thứ ba. Ấn-hành trong khuôn-khố chương-trình hợp-tác của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục và Phái-Bộ Viện-trợ Hoa-Kỳ tại Việt-Nam. Sài-gòn, 1963, 388 trang (giấy blanc fin), giá 100\$.

Được hiệu-chính và tăng-bổ rất đầy-đủ, sách được trình-bày rất sáng-sủa, xếp đặt theo phương-pháp sư-phạm và khoa-học mới, rất hữu-ích cho người ngoại-quốc muốn học tiếng Việt-Nam. Cuốn 1 này gồm 15 bài học, mỗi bài có chia riêng thành nhiều mục nhỏ (Nói chuyện, từ-ngữ, ngữ-pháp, huấn-luyện ngữ-pháp và phát-âm, phần dịch, bài tập).

Trước khi vào bài học, tác-giả đã dành riêng 28 trang để lưu-ý các học-viên ngoại-quốc về âm-hệ của Việt-ngữ. Cuối sách có 34 trang bảng ngữ-vựng và một mục-lục phân-tích các điểm văn-phạm bản đầ trong sách.

HUYỀNH-THỨC-KHÁNG TỰ-TRUYỆN, nguyên-tác bằng Hán-văn của Cụ Huỳnh-Thức-Kháng, do Anh-Minh dịch và xuất-bản, Huế, 1963, 56 trang, giá 12\$.

Đây là tập di-cảo bằng Hán-văn của Cụ Minh-Viên Huỳnh-Thức-Kháng, do ông Anh-Minh dịch và cho xuất-bản để giúp độc-giả biết nhà chí-sĩ một cách rõ-ràng hơn và cung một tài-liệu khảo-cứu chân-xác về danh-nhân nước nhà.

SUỒI LÒNG KHUYA, Sa-Minh Tạ-Thức-Khải, tác-giả xuất-bản. Sài-gòn, 1960, 36 trang (giấy blanc fin), giá 20\$.

Thi-phẩm này gồm 46 bài thơ văn đủ các thể (song-thất, lục-bát, thơ Đường-luật, thơ mới, Thất-ngôn cổ-phong, văn-tề, phú, câu đối, ca Huế), từ-ý nhiều bài thanh-thoát, điêu-luyện và hàm-súc. Đọc thi-văn của nhà thơ lão-thành Sa-Minh, ta thường cảm thấy đúng như lời của tác-giả trong bài "Phi-lộ":

*Bao nét mực tuôn bao giọng huyệt-lê,
Vạch can-trường ghi để bạn tâm-tri.
Cùng nhau còn lắm tương-kỳ.*

GIÓ NAM, nguyệt-san văn-hóa và nghị-luận. Đã phát-hành số 55 ngày 5-4-63 tại Sài-gòn, 56 trang khổ lớn, giá 8\$.

Nội-dung gồm những bài: Ý-thức tranh-đầu và cách-mạng bản-thân, Tổ-chức lãnh-đạo, Chánh-sách chiêu-hối là gì, Kỹ-thuật vận-động chiêu-hối, Công

việc của cấp chỉ-huy trong hoạt-động hành-chánh, Cuộc khủng-hoảng trong nội-bộ các cường-quốc Tây-Phương, Cảnh-sát và nạn thiêu-nhi phạm-pháp, v.v...

LÀNH MẠNH, tập-san khoa-học, văn-hóa và xã-hội. Đã phát-hành, số 79 tháng 4 năm 1963, tại Huế, 32 trang khổ lớn, giá 12\$.

Nội-dung gồm những bài: Tâm-hồn Cao-Bá-Quát, Những mảnh hồn dân-tộc qua ca-đạo lịch-sử, Hội Chùa Thầy, Những phương-pháp mới về giáo-dục sinh-lý, Hiểu lầm, Rau diếp-cá và rau-râm, Thứ tìm hiệu nguồn gốc các chất hữu-cơ đầu tiên, Chữa bệnh mất ngủ, v.v...

TIN SÁCH, nguyệt-san do Trung-tâm Văn-Bút Việt-Nam xuất-bản. Đã phát-hành số 9 (bộ mới) tháng 3 năm 1963 tại Sài-gòn, 32 trang, giá 5\$.

Số này giới-thiệu những sách mới xuất-bản trong tháng. Ngoài ra, lại có những bài sáng-tác và phê-bình những sách mới ấn-hành (Vài nhận-xét về thi-ca trong năm 1962, Phê-bình sách: Chờ sáng, Những vấn thơ trẻ, Cái-tàng, Bỏ lại đằng sau, Ai sẽ thắng, Tâm-sự người đi biển).

VIỆT-MỸ, tạp-chí của Hội Việt-Mỹ. Đã phát-hành số 4 (tập VII), tháng chạp năm 1962 tại Sài-gòn, 80 trang, giá 15\$.

Nội-dung gồm những bài viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh (A Vietnamese Student in Oklahoma, The Legend of Quan Am, The Dragon in Vietnam, John Steinbeck, Lịch Hoạt-động Tam-cá-nguyệt IV, News From Dalat, v.v...)

VĂN-ĐÀN TUẤN-BÁO số 24 (Bộ IV) từ 18-4-63 đến 24-4-63, đã phát-hành tại Sài-gòn, 34 trang khổ lớn, giá 6\$.

Nội-dung gồm những bài: Tại sao tôi thành nhà báo, Lời Hòa-sĩ, Duy-tâm hay Duy-vật, Mỗi duyên kỳ-nữ, Vận lý trường-thành, Đi thăm các thông-tân-xã và báo-chí ở Thủ-Đô, Hoài hương, Hoa rừng, v.v..

HÌNH ẢNH VIỆT-NAM. (Số đặc-biệt về «Xuân Ấp Chiền-lược» đã phát-hành tại Sài-gòn, 20 trang khổ lớn, không ghi giá bán).

Nội-dung gồm nhiều tranh ảnh về thời-sự Việt-Nam và có những bài: Mùa xuân Ấp Chiền-lược, Phái-đoàn Văn-Nghệ sĩ Thủ-Đô đi thăm Ấp Chiền-lược, Trại Nhân-Vị của Thanh-Niên Cộng-Hòa toàn-quốc, Chiền-thắng tại Vinh-Long của Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa, Biểu-diễn nhảy dù tại bển Bạch-Đằng Sài-gòn, v.v...

CHẤN-HUNG KINH-TỀ, cơ-quan thông-tin sưu-tám và nghiên-cứu kinh-tế. Đã phát-hành số 320 ngày 11-4-63 tại Sài-gòn, 36 trang khổ lớn, giá 12\$.

Nội-dung gồm những bài: Nhu-cầu ngoại-tệ của các nước chậm tiến, Muốn thăng-công trong thương-nghiệp, Nghề trồng bông dệt vải, Dùng cá để trừ những cỏ dại trong các đầm lầy, Kỹ-nghệ nhỏ và phát-triển kinh-tế, Đề tiên tới thị-trường chung Á-Châu, v.v...

SÁNG DỘI MIẾN NAM, nguyệt-san nghiên-cứu văn-hóa và xã-hội. Đã phát-hành số 45 tháng 3 năm 1963, 34 trang khổ lớn, giá 15\$.

Nội-dung gồm những bài: Huân-luyện bán quân-sự Phụ-nữ, Chợ xe hơi tại Đô-Thành, Tay ngà sừng thép, Ngày Phụ-nữ và lễ kỷ-niệm Hai Bà Trưng, Nghề làm chiếu ở miền Nam, Kỹ-nghệ mền len Sakymen, Biên-Hòa ngày nay, v.v...

THỜI NAY, số 85 phát-hành ngày 1-4-63 tại Sài-gòn, 148 trang, giá 10\$.

Nội-dung gồm những bài: Một mùa hè bổ-ích, Ngày ông Trạng vinh-quy, Những chuyện lý-thú về cá thát-tư, Phiêm-luận về cái bụng, « Tây-Thái-hậu » của giới côn-trùng, Những người phá mộng nguyên tử của Hitler, Nguồn gốc thần-thoại các nước Á-Đông, Nhóm người đẹp trong làng văn Pháp, Schubert, nhạc-sĩ sợ đàn-bà, Van Gogh, một đời đam mê, v.v. .

PHỔ-THÔNG số 100 phát-hành ngày 1-4-63 tại Sài-gòn, 148 trang, giá 10\$.

Nội-dung gồm những bài: Văn-hóa thời-đại, Một nụ hôn trong văn-nghệ, Chung quanh giải thưởng Nobel, Thủ-Khoa Bùi-Hữu-Nghĩa, Viên ngọc quý, Những bí-mật trong thế-chiến thứ hai, Bức thư Paris: Cô thiếu-nữ Việt-Nam, Chuỗi bó-đế, Mơ bóng cô-hương, v.v...

BÁCH-KHOA, số 151 đã phát-hành ngày 15-4-63 tại Sài-gòn, 132 trang, giá 10\$!

Nội-dung gồm những bài: Chính-biên ở Syrie và mấy vấn-đề căn-bản của Trung-Đông, Giá-trị quyền Hoàng-Lê Nhật-Thông-Chí, Sinh-vật-học sẽ đảo lộn những quan-niệm về sinh-tử?, Mặc-cảm trong văn-nghệ, Hòa-âm 19, Giã-từ quá-khứ, Trả lời cuộc phỏng-vấn các nhạc-sĩ, Thuật lại buổi nói chuyện về « Nhân-vật tiểu-thuyết và sự thực lịch-sử trong truyện Trung-Hoa, v.v...

MINH - LÝ

KAREN LINGUISTIC STUDIES. DESCRIPTION, COMPARISON, AND TEXTS. Của Robert B. Jones, Jr. Berkeley và Los Angeles: University of California Press, 1961. XI + 283 trang.

Các Ngôn-ngữ Karen được xếp cùng Hán-ngữ, ngôn-ngữ Tạng-Miến, và có lẽ cả ngôn-ngữ Miêu-Yao và ngôn-ngữ Thái, vào một chi (ngữ-phái) trong họ (ngữ-tộc) Trung-Tạng. Thiển khảo-cứu này là tập 25 trong loại sách chuyên-khảo ngữ-học của Viện Đại-Học California (có chương-trình Á-đông-học rất phát-triển) và là luận-án tiến-sĩ của Giáo-sư Robert B. Jones. Ông Jones đã có làm một cuốn sách dạy Việt-ngữ (dạng Sài-gòn)¹, nay lại có dịp trình-bày chuyên-môn của ông là một ngôn-ngữ khác trong vùng Đông Nam-Á.

Phần thứ nhất của sách này (trang 5 - 58) miêu-tả văn-tất một thổ-ngữ Sgaw Karen nói ở vùng Moulmein bên Miến-Điện. Trong khi xét đến cách cấu-tạo ngữ-âm của một văn trong ngôn-ngữ Karen, giáo-sư Jones có đề-nghị công-thức sau đây 1 (2) 3 4 (5), trong đó 1 thay cho một tử-âm đầu, 2 là một tử-âm có thể xuất-hiện trong khóm tử-âm 12, 3 là một mẫu-âm, 4 là một thanh, và 5 là tắc-âm hầu (?) có thể xuất-hiện đằng cuối văn.

Ông Jones đã miêu-tả tỉ-mỉ những quan-hệ (tất cả 19) giữa các thành-phần của một câu. Ông dùng các bảng vẽ để minh-hiện những đoạn danh-từ và đoạn động-từ.

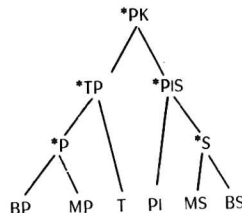
Phần thứ hai (trang 61 - 78) cho biết hệ-thống âm-vị của sáu thổ-ngữ Karen, là Sgaw ở Moulmein, Sgaw ở Bassein, Pho ở Moulmein, Pho ở Bassein, Taungthu, và Palaychi.

Rồi trong Phần thứ ba (trang 81 - 186), ông so-sánh gần ấy thổ-ngữ qua một bảng ngữ-vượng (116 - 171) có những tiếng như 'nờ', 'em', 'già', 'giã', 'nón', 'nóng', 'nước', 'sâu', 'rắn', v. v. . .

Tác-giả so-sánh sáu hệ-thống âm-vị hiện-hữu đó và năm âm-hệ được tái-lập, nên ta thấy rõ các sự tương-xứng đều-đặn về âm-vị cùng những lý-do làm khởi-điểm cho công-tác truy-cứu nguyên-thê. Nghĩa của mỗi ngữ-thê lại có thể tra-cứu trong những trang 172 - 186, theo thứ-tự tự-mẫu Anh.

¹ Jones, Robert B. Jr. và Huỳnh-Sanh-Thông. *Introduction to Spoken Vietnamese*. Revised Edition. (Washington, D. C.: American Council of Learned Societies, 1960).

Quan-hệ giữa các thổ-ngữ hiện-dại được nêu rõ như sau :



*PK = Karen nguyên-thủy

*PIS = Palaychi - Sgaw

*S = Sgaw

MS = Sgaw ở Moulmein

BS = Sgaw ở Bassein

PI = Palaychi

*TP = Taungthu - Pho

T = Taungthu

*P = Pho nguyên-thủy

BP = Pho ở Bassein

MP = Pho ở Moulmein

Cây thân-tộc trình-bày ở trên không hẳn là được toàn-thể các ngữ-học-gia xác-nhận, và những nhà chuyên-môn khác (như Haudricourt, Cooke, v. v. . .) đã đề ra hoặc sẽ đề ra những mối quan-hệ khác.

Sau hết, Phần 4 gồm có những bài mẫu thu được trong mấy thổ-ngữ. Thí-dụ về thổ-ngữ Sgaw ở Moulmein có những bài đàm-thoại (đi chợ, bác-sĩ, v.v. . .), chuyện cò-tích, chuyện lịch-sử, tự-truyện; thổ-ngữ Palaychi, thổ-ngữ Pho ở Bassein. Mỗi câu nói đều ghi bằng ký-hiệu ngữ-âm và chua nghĩa.

Tóm-tắt, thiên khảo-cứu về ngôn-ngữ Karen này bỏ-khuyết một thiếu-sót trong kho tài-liệu không phong-phú gì cho lắm về các ngôn-ngữ Đông Nam-Á.

RECORDS OF THE GRAND HISTORIAN OF CHINA TRANSLATED FROM THE SHIH CHI OF SSU-MA-CHIEN, 2 Volumes. Nữ-Uớc và Luân-đôn: Columbia University Press, 1961. 563 + 543 trang 20 Mỹ-kim.

Đây là bản dịch Anh-văn cuốn Sử-ký của Tư-Mã-Thiên. Dịch-giả là Tấn-sĩ Burton Watson.

Cuối 1 gồm thời-kỳ đầu của nhà Hán, từ năm 209 đến năm 141 trước Thiên-chúa, và cuốn 2 gồm thời-dại của Vũ-Đế, từ năm 140 đến lối năm 100 trước Thiên-Chúa. Thành-thủ bộ này thiếu một phần lớn của Sử-Ký, là phần nói đến Tần và trước Tần. Còn phần nói đến thời-kỳ trước đời Hán thì đã có bản dịch của Chavannes.

Dịch-giả đã từng viết một cuốn sách về Tư-Mã-Thiên, đó là cuốn *Ssu-ma Ch'ien, Grand Historian of China* (New-York: Columbia University Press, 1958).

Giáo-sư Watson đã xếp lại tài-liệu của Tư-Mã-Thiên theo thứ-tự thời-gian. Cuốn 1 chia ra hai phần: Phần đầu là bản dịch các sử-liệu, tiêu-truyện liên-hệ tới thời-kỳ thành-lập nhà Hán; và phần sau tiếp-tục cho tới lúc Vũ-Đế lên ngôi. Còn ba thiên chính và tiêu-sử các nhân-vật (như quan văn, quan võ, v. v. . .) đều đặt vào cuốn 2.

Về cách dịch của giáo-sư Watson, ta có thể xét đến lời bình-luận của giáo-sư C. S. Goodrich, hiện dạy tại Viện Đại-Học Cambridge bên Anh. Trước hết, ông Goodrich chê ông Watson không chịu chú-thích gì cả để biện-minh cho cách dịch của ông. Ông Goodrich nói rằng khi đọc bản dịch một áng cổ-văn, người không chuyên-môn cũng như người chuyên-môn rất cần có nhiều cước-chú, nó giải-thích lý-do khiến cho dịch-giả đã dùng chữ này chữ kia.

"Phú-quí" 富貴. Watson dịch là *rich and famous*. Goodrich bảo phải dịch *rich and honored*, hoặc *rich and of honorable position*.

"Yến tước" 燕雀. Watson dịch là *little sparrows*. "Hồng học" 鴻鵠, Watson dịch là *swan*. Goodrich cho rằng phải dịch rõ "chim én và chim sẻ" *swallows and sparrows*, "ngỗng và ngan" *geese and swans* mới sát nghĩa.

"Lư tả" 閭左. Watson dịch *from the poor side of the town*. Nghĩa đen là "phía bên trái cổng làng", nhưng đã có nhiều cách giải-thích. Theo Tư-Mã-Trinh, đời Tần ai đã đi khờ-sai rồi thì được xếp vào bên trái cổng làng, nhưng chính Tư-Mã-Trinh còn nói rằng ai ở phía tay mặt cổng làng thì giàu-có quyền-thế, còn phía bên trái cho dân nghèo ở. Watson rõ-ràng theo cách giải-thích sau này.

Tuy nhiên, ông Goodrich nói đến chuyện Triệu Thố 趙主 thời Hán Văn-Đế dâng sớ về việc trung-bình dưới đời Tần, chuyên Ung-Thiều 應御 bàn đến việc trung-bình trong Hán-Thư. Goodrich chủ-trương rằng cách giải-thích (theo Ung-Thiều, Triệu-Thố, và cả Nhan Sư-Cò) rằng từ-ngữ 'lư tả' dùng nói chuyện trung-bình, là cách giải-thích đúng hơn, chứ từ-ngữ ấy không nói gì đến khía cạnh kinh-tế hoặc xã-hội cả.

“Đồn Đại trạch Hương” 屯大澤鄉. Watson dịch là *got as far as Ta-tse County*. Goodrich đề-nghị phải dịch là *were camped in Ta-tse County* (hoặc *Ta-tse Township*).

“Độ đi thất kỳ. Thất kỳ pháp giai trảm” 度已失期失期法皆斬. Watson dịch *It was apparent that the men would be unable to reach the appointed place on time, an offense punishable by death*. Goodrich bảo, muốn đúng hơn, nên dịch: *They calculated that they had already missed their rendez-vous. According to the law, the missing of one's rendez-vous was in all cases punished by decapitation.*

“Ái sĩ tốt” 愛士卒. Watson dịch: *He took good care of his troops*. Goodrich đề-nghị: *He was devoted to his officers and soldiers.*

“Vị thiên hạ xướng, nghi đa ứng giả” 為天下唱, 宜多應者. Watson dịch: *We could lead the world in our own tune, and there are sure to be many who will join in the chorus!* Goodrich đề-nghị: *We might act as music-masters to the world, and there ought to be many who would respond.*

Riêng tiếng “túc-hạ” 足下, Watson dịch *you, your*, nên Goodrich thấy có lẽ phải dùng chữ *you, sirs* hoặc *you, my lords* mới lột được hết ý cung-kính.

“Thử giáo ngã tiên uy chúng nhi” 此教我先威眾耳. Watson dịch *It must mean that we should first do something to overawe the men in our group*. Goodrich đề-nghị: *This simply teaches us first to overawe the throng.*

Goodrich còn vạch một vài điểm khi Watson dùng lời văn bình-phàm mộc-mạc quá, nên kém bề trang-trọng và không phản-ảnh nguyên-tác một cách trung-thành. Thí dụ: “kính thụ mệnh” 敬受命 mà dịch *We are with you!* (thay cho *We respectfully accept what you ordain*, chẳng hạn) thì nó lác cắc chẳng khác gì *Okay!* (so với *Yea verily*). Lại cũng một chữ “viết” 曰, Watson đã dịch nào *remarked*, nào *cautioned*, nào *replied*, nào *said*, còn tiếng xưng-hô như “vị đại vương” 為大王 chỉ dịch vắn vắn có *for you* (thay vì *for you, great king*).

Còn nhiều điểm khác, không cần phải uyên-bác như Goodrich, ta cũng thấy được là Watson không kỹ lắm:

“Ước vi hôn-nhân” 約為婚姻 mà dịch *swearing an oath of friendship* (thay vì *swearing to make a marriage compact*).

“Hà dĩ chí thử” 何以至此, mà dịch *How would I ever have doubted you?* (thay vì *How would it have come to this?*)

“Dương sa thạch” 揚沙石, mà dịch *raising clouds of sand* (thay vì *raising sand and stones*).

“Tuy cấp, bất khả dĩ khu. Nại hà khí chí” 雖急不可以驅. 奈何素之. Watson dịch *no matter how sorely we are pressed in chase it will not do to*

abandon the children! Có lẽ bản dịch của Chavannes đúng hơn nhiều: *Quoique nous soyons serrés de près, nous ne pouvons hâter notre marche; à quoi sert de les abandonner?*

THE CHINESE CLASSICS. Của James Legge. Hongkong: Hongkong University Press, 1960. Five volumes.

Bốn pho sách cổ-diễn của Trung-hoa đã được ông Legge dịch ra Anh-văn từ hồi 1861-1872. Nay Viện Đại-học Hương-Cảng cho in lại toàn-bộ sau khi sửa-chữa chút ít. Từ khi bản dịch của Legge ra đời (cách đây một thế-kỷ) nền Hán-học tại ngoại-quốc đã phát-triển nhiều. Thiết-tưởng Viện Đại-Học Hong-Kong cho in có 1.000 bản, sợ không đủ cung-cấp cho các thư-viện chuyên-môn về Đông-phương-học.

Lịch-sử của dịch-bản Legge cũng lý-thú lắm. Nguyên hồi 1841, lúc ông còn ở Malacca và bắt đầu học chữ Hán, ông đã có tham-vọng xuất-bản cả 13 pho kinh-truyện, có chú-thích và lời dịch ra Anh-văn. Đến năm 1858, ông cho bạn-bè biết rõ ý-dịnh cụ-thể là xuất-bản bộ Tứ-thư và bộ Ngũ-kinh làm bảy cuốn:

1. Luận-ngữ, Đại-học và Trung Dung (*Analects, Great Learning, Doctrine of the Mean*), 1861;
2. Mạnh-tử (*Mencius*), 1861;
3. Thư-Kinh (*Book of History*), 1865;
4. Thi-Kinh (*Book of Odes*), 1871;
5. Xuân-Thu và Tả-Truyện (*Ch'un Ch'iu with the Tso Chuan*), 1872;
6. Dịch-Kinh (*Book of Changes*);
7. Lễ-Ký (*Book of Ritual*).

Năm cuốn đầu, xuất-bản tại Hong-Kong, có đủ nguyên-tác và lời chú-thích. Về sau, cuốn 3, 4 và 5 được in lại tại Hong-Kong rồi Henry Frowde xuất-bản tại Luân-đôn. Đến năm 1873, Legge rời Hương-cảng sau 30 năm cư-trú, về nước, và năm 1876 ông được bổ-nhiệm vào ghế giáo-sư Hoa-ngữ đầu-tiên của Viện Đại-học Oxford. Ông giữ chức-vụ đó cho tới 1897 thì ông mất, hưởng thọ 82 tuổi.

Cuốn 6 (Kinh Dịch) và cuốn 7 (Lễ-Ký) không thấy xuất-bản tiếp theo, có lẽ cũng vì chính dịch-giã không đích-thân trông nom được việc in chữ Hán. Tuy-nhiên Max Müller đã xuất-bản bản dịch hai sách đó, không kèm theo nguyên-văn chữ Hán và lời bàn, trong loại ‘Sách Thiêng Phương Đông’ (Sacred Books of the East)² vào năm 1882 và 1885, theo thứ-tự đó.

² Cũng trong loại này, ta còn thấy bản dịch *Hữu-kinh* (*Classic of Filial Piety*), 1879, và *Đạo-Đức-Kinh* và *Tuân-tử*, 1891.

Bộ sách mới tái-bản tại Hương-cảng, đề năm 1960, thật ra là in lại tái-bản nhĩ của Cuốn 1 và Cuốn 2, và sơ-bản của Cuốn 3, 4 và 5. Tái-bản lần này có thêm (a) mục tiêu-sử, dài 25 trang, do Ông Lindsay Ride, Phó Viện-trưởng Viện Đại-học Hương-cảng viết; (b) các bảng đối-chiếu, chỉ rõ số trang và số tiết-mục từng cuốn trong sáu bản dịch khác nhau, trong lời chú của Bernard Karlgren về Kinh Thi và Kinh Thư, và trong bản nhiếp-ấn (chụp năm 1935) của một-bản *Thập Tam Kinh*; cùng là (c) phần nói về Mạnh-Tử, dài 8 trang, do Arthur Waley viết và trước đã đăng trong tập-san *Asia Major*.

THE LANGUAGES OF AFRICA. Của Joseph H. Greenberg. Bloomington, Indiana: Indiana University Research Center in Anthropology, Folklore, and Linguistics, 1963. VIII + 177 trang.

Năm 1955, giáo-sư Joseph Greenberg thuộc Viện Đại-học Columbia có xuất-bản tập luận-văn *Studies in African Linguistic Classification* "Vấn-đề phân-loại các ngôn-ngữ Châu-Phi", gồm có nhiếp-ấn tám bài tham-luận đã được đăng trong tập-san *Southwestern Journal of Anthropology*, Bộ 5 (1949), tr. 79-100, 190-198, 309-317; Bộ 6 (1950), tr. 47-63, 143-160, 223-237, 388-398; và Bộ 10 (1954), tr. 405-415.

Cuốn sách này, *The languages of Africa*, chính là tái-bản tăng-đinh của cuốn *Studies* nói trên. Nó vừa là cuốn số 25 trong loại chuyên-san của Trung-tâm khảo-cứu Nhân-loại-học, Phong-tục-học và Ngôn-ngữ-học tại Viện Đại-học Indiana, vừa là phần nhĩ của Số 1, Bộ 29 (tháng giêng 1963) của tập-san *International Journal of American Linguistics* nữa.

Trong Chương đầu, giáo-sư Joseph H. Greenberg, một nhà thăm-quyền về các ngôn-ngữ Phi-châu, giải-thích về phương-pháp mà ông đã dùng để đi đến một hệ-thống phân-loại ngôn-ngữ ở Phi-châu khác các hệ-thống đã được đề ra trước đây.

Ông cho ta biết ba điểm căn-bản trong phương-pháp của ông:

(1) Trước hết, trong việc so-sánh các ngữ-thề, ông chỉ đề ý đến những sự tương-đồng về cả ngữ-thái lẫn ngữ-ý. Nếu hai hệ-thống chỉ giống nhau về phương-diện âm-thanh thôi, thì dụ cả hai đều có một hệ-thống thanh rõ-rệt, thì ông không lưu-ý đến sự tương-tự ấy. Hoặc nếu hai hệ-thống chỉ giống nhau về phương-diện ý-nghĩa thôi, thì-dụ, cả hai đều có ngữ-vị chỉ giống cái giống dực

(nhưng các thề ấy lại không giống nhau về mặt ngữ-âm), thì tác-giả Greenberg cũng không lưu-ý đến.

(2) Nguyên-tắc thứ hai là ông so-sánh nhiều ngôn-ngữ một lúc, chứ không phải chỉ so-sánh lẻ-tẻ từng cặp ngôn-ngữ một.

(3) Nguyên-tắc thứ ba là trước khi kết-luận xem ngôn-ngữ nào thuộc ngữ-tộc nào, ông chỉ dựa vào chứng-cứ ngữ-học thôi, chứ không cần biết ngôn-ngữ nào đồng người nói, chiếm diện-tích rộng hoặc có văn-chương gì.

Tác-giả Greenberg chủ-trương rằng phương-pháp hữu-hiệu nhất để so-sánh nhiều ngôn-ngữ một lúc là dùng một bảng kê các đại-danh-từ, các "thực-tự" và các "hư-tự" trong mỗi ngôn-ngữ. Ông cho thí-dụ ở trang 4 so-sánh một số tiếng trong tám ngôn-ngữ:

	'một'	'hai'	'ba'	'tay'	'mắt'	'tai'	'miệng'
1 Berti	sang ●	su	soti	yung ●	sing	—	● a
2 Kotopo	wate □	iba ●	tati	ju (le)	no (do) ●	to (go)	yabodo
3 Teda	● toro ●	cu	agozo ●	daho ●	samo □	sumo □	ci
4 Ahlo	□ ili □	iwa ●	ita	ilo	ewu	ɔɔ	△ ɛnu
5 Bantu	mwe	bali ●	tato □	(li)-to	(le)-iso ●	(ku)-toi	△ (mu)-nywa
6 Kanuri	● tilo	ndi	yasko	kela ●	sim □	sumo □	ci
7 Efik	kiet □	iba ●	ita □	ete	enyin ●	utong	△ inua
8 Zaghawa	lakoi ●	swe	we ●	taha	i	kebbe	● a

Tác-giả dùng những ký-hiệu ●, □, và △ để đánh dấu những thề giống nhau hao hao. Chỉ cần nhìn ba thí-dụ đầu ('một', 'hai', 'ba') cũng đủ khiến ta phải phân-biệt hai nhóm chính:

Nhóm I, có ngôn-ngữ 1, 3, 6 và 8;

Nhóm II, có ngôn-ngữ 2, 4, 5 và 7.

Những thí-dụ khác sẽ xác-nhận điều này.

Hai nhóm I và II chính là hai ngữ-tộc lớn: Sahara (gồm có Berti, Teda, Kanuri, hay Zaghawa) và Niger-Congo (gồm có Kotopo, hay Adamawa, Ahlo hay Togo, Proto - Bantu và Efik).

Giáo-sư Greenberg nhấn mạnh rằng ông không hề chú-ý đến chỗ một ngôn-ngữ nào đó có thể có tính-cách quan-trọng về thực-tế, có nhiều dân nói, chiếm lãnh-thổ rộng hoặc có nền văn-học phát-triển. Trái lại, ông chỉ căn-cứ vào chứng-cứ ngữ-học, tức sự giống nhau về cả lời (ngữ-thái) lẫn ý (ngữ-ý).

Bốn ngữ-tộc chính mà ông Greenberg phân-biệt ở Châu-Phi là: (I) Congo-Kordofan; (II) Nilo-Sahara; (III) Phi-Á; và (IV) Khoisan. Mỗi họ lại chia ra các chi (ngữ-phái) sau đây:

I. Congo-Kordofan

A. Niger-Congo

1. Tây Đại-Tây-Dương
2. Mande
3. Volta
4. Kwa
5. Benue-Congo
6. Adamawa-Eastern

B. Kordofan

1. Koalib
2. Tegli
3. Talodi
4. Tumtum
5. Katla

II. Nilo-Sahara

- A. Songhai
- B. Sahara
- C. Maban

D. Fur

E. Chari-Nil

1. Đông Sudan
2. Trung Sudan
3. Berta
4. Kunama

F. Koman

Riêng ngôn-ngữ Meroe, nay đã mai một rồi, ông Greenberg chịu không biết xếp vào họ nào, còn Malagasy (ở đảo Madagascar) thì lẽ tất nhiên không kể vào trong sách này vì nó thuộc ngữ-tộc Mã-lai-Pôlinêdiêng.

Trường-hợp Phi-Châu là một trường-hợp điển-hình về một vài vấn-đề người ta vấp phải trong việc phân-loại ngôn-ngữ. Các ngôn-ngữ Bantu có nhiều điểm giống nhau về ngữ-pháp cũng như ngữ-vựng. Chúng chiếm một khu-vực

III. Phi-Á

A. Semitic

B. Ai-cập

C. Berber

D. Cushitic

1. Bắc
2. Trung
3. Đông
4. Tây
5. Nam

E. Chad

IV. Khoisan

A. Khoisan Nam-Phi

1. Bắc
2. Trung
3. Nam

B. Sandawe

C. Hatsa

chạy từ đường xích-đạo xuống phía nam. Ngay từ đầu, các học-giả cũng đã ghi nhận quan-hệ mật-thiết giữa các ngôn-ngữ Bantu, mà họ hợp vào một ngữ-tộc hân-hoi. Một mặt khác, các nhà chuyên-môn còn nhận được một nhóm nữa gồm các ngôn-ngữ ở phía bắc và đông bắc Châu-Phi, trong có nhiều điểm giống nhau nhưng lại không rõ giới-hạn đích-xác ra sao: họ đó, các nhà ngữ-học gọi là ngữ-tộc Hamitich. Giữa Bantu và Hamitich còn có rất nhiều ngôn-ngữ không có liên-hệ gì với Bantu hay Hamitich, mà cũng không có liên-hệ gì nhiều với nhau: các ngôn-ngữ ấy được gán cái danh-từ Sudan cho tiện đó thôi.

Mãi gần đây, người ta mới học biết được thêm nhiều điều về các ngôn-ngữ Phi-Châu, nên có thêm căn-bản cho một hệ-thống phân-loại thích-đáng hơn. Trước hết, trong đám Sudan, có nhiều nhóm cho thấy những quan-hệ mật-thiết. Thứ hai, nhiều nhóm ấy cho thấy là chúng cùng chung một tổ-ngữ. Ngoài ra, giữa Bantu và nhóm lớn nhất trong đám Sudan, người ta lại nhận-xét được nhiều điểm tương-đồng.

Tới năm 1949-1950, một hệ-thống mới-mẻ được đề ra và lập tức được nhiều học-giả công-nhận. Theo hệ-thống phân-loại mới này, phần lớn của họ Hamitich cũ được hợp lại cùng với các ngôn-ngữ Sêmitich và một nhóm trong đám Sudan cũ thành một họ lớn, gọi là ngữ-tộc Phi-Á (số III của Greenberg). Một mặt khác, các ngôn-ngữ Bantu và số lớn các ngôn-ngữ Sudan ở Tây-Phi đã được qui vào một họ lớn là ngữ-tộc Niger-Congo (số I. A của Greenberg). Các ngôn-ngữ Sudan còn lại thì các nhà chuyên-môn xếp vào mười ba ngữ-tộc nhỏ hơn, không biệt-lập hẳn nhau nhưng chưa ai chứng-minh được là có quan-hệ với nhau. Trong số 13 "họ" ấy, bốn họ vì chung một tổ đã gọi là ngữ-tộc Chari-Nil (số II E của Greenberg).

Tuy hệ-thống phân-loại của Greenberg chưa hẳn đã là tối hậu về chi-tiết, song về đại-cương thì hẳn nó là một hệ-thống chuẩn-xác hơn những hệ-thống trước đây không hoàn-toàn căn-cứ vào quan-hệ thân-tộc của các ngôn-ngữ.

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA